

BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: **14** /2014/TT-BTNMT

Hà Nội, ngày **19** tháng **3** năm 2014

CÔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ CHÍNH PHỦ	
ĐẾN	Số: C.....
	Ngày: ..28.13.....

THÔNG TƯ

Ban hành Danh mục địa danh dân cư, sơn văn, thủy văn, kinh tế - xã hội phục vụ công tác thành lập bản đồ phần đất liền tỉnh Thanh Hóa

Căn cứ Nghị định số 12/2002/NĐ-CP ngày 22 tháng 01 năm 2002 của Chính phủ về hoạt động đo đạc và bản đồ;

Căn cứ Nghị định số 21/2013/NĐ-CP ngày 04 tháng 3 năm 2013 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài nguyên và Môi trường;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Đo đạc và Bản đồ Việt Nam và Vụ trưởng Vụ Pháp chế;

Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường ban hành Thông tư ban hành Danh mục địa danh dân cư, sơn văn, thủy văn, kinh tế - xã hội phục vụ công tác thành lập bản đồ phần đất liền tỉnh Thanh Hóa.

Điều 1. Ban hành kèm theo Thông tư này Danh mục địa danh dân cư, sơn văn, thủy văn, kinh tế - xã hội phục vụ công tác thành lập bản đồ phần đất liền tỉnh Thanh Hóa.

Điều 2. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày **05** tháng **5** năm 2014.

Điều 3. Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Thông tư này./.

Nơi nhận:

- Văn phòng Quốc hội;
- Văn phòng Chính phủ;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;
- Sở Nội vụ và Sở TN&MT tỉnh Thanh Hóa;
- Cục kiểm tra văn bản QPPL (Bộ Tư pháp);
- Các đơn vị trực thuộc Bộ TN&MT, Cổng Thông tin điện tử Bộ TN&MT;
- Công báo, Cổng Thông tin điện tử Chính phủ;
- Lưu: VT, PC ĐBĐVN.

KT. BỘ TRƯỞNG

THỨ TRƯỞNG



Nguyễn Linh Ngọc

DANH MỤC ĐỊA DANH
DÂN CƯ, SƠN VĂN, THỦY VĂN, KINH TẾ - XÃ HỘI PHỤC VỤ CÔNG
TÁC THÀNH LẬP BẢN ĐỒ PHẦN ĐẤT LIỀN TỈNH THANH HÓA

(Ban hành kèm theo Thông tư số 14 /2014/TT-BTNMT
ngày 19 tháng 3 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường)

Phần I
QUY ĐỊNH CHUNG

1. Danh mục địa danh dân cư, sơn văn, thủy văn, kinh tế - xã hội phục vụ công tác thành lập bản đồ phần đất liền tỉnh Thanh Hóa được chuẩn hóa từ địa danh thống kê trên bản đồ địa hình quốc gia tỷ lệ 1:25.000 và 1:50.000 Hệ VN-2000.

2. Danh mục địa danh dân cư, sơn văn, thủy văn, kinh tế - xã hội phục vụ công tác thành lập bản đồ phần đất liền tỉnh Thanh Hóa được sắp xếp theo thứ tự bảng chữ cái tiếng Việt của các đơn vị hành chính cấp huyện gồm thành phố, thị xã và các huyện, trong đó:

a) Cột “Địa danh” là các địa danh đã được chuẩn hóa.

b) Cột “Nhóm đối tượng” là ký hiệu các nhóm địa danh; trong đó: DC là nhóm địa danh dân cư; SV là nhóm địa danh sơn văn; TV là nhóm địa danh thủy văn; KX là nhóm địa danh kinh tế - xã hội.

c) Cột “Tên ĐVHC cấp xã” là tên đơn vị hành chính cấp xã, trong đó: P. là chữ viết tắt của “phường”, TT. là chữ viết tắt của “thị trấn”.

d) Cột “Tên ĐVHC cấp huyện” là tên đơn vị hành chính cấp huyện, trong đó: TP. là chữ viết tắt của “thành phố”, H. là chữ viết tắt của “huyện”, TX. Là chữ viết tắt của “thị xã”.

đ) Cột “Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng” là tọa độ vị trí tương đối của đối tượng địa lý tương ứng với địa danh trong cột “Địa danh”, nếu đối tượng địa lý được thể hiện trên bản đồ bằng ký hiệu dạng điểm, dạng vùng thì giá trị tọa độ tương ứng theo cột “Tọa độ trung tâm”, nếu đối tượng địa lý được thể hiện trên bản đồ bằng ký hiệu dạng đường thì giá trị tọa độ tương ứng theo 2 cột “Tọa độ điểm đầu” và “Tọa độ điểm cuối”.

e) Cột “Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình” là ký hiệu mảnh bản đồ địa hình tỷ lệ 1:25.000 và 1:50.000 sử dụng để thống kê địa danh.

Phần II

DANH MỤC ĐỊA DANH DÂN CƯ, SƠN VĂN, THỦY VĂN, KINH TẾ - XÃ HỘI PHỤC VỤ CÔNG TÁC THÀNH LẬP BẢN ĐỒ PHẦN ĐẤT LIỀN TỈNH THANH HÓA

Danh mục địa danh dân cư, sơn văn, thủy văn, kinh tế - xã hội phục vụ công tác thành lập bản đồ phần đất liền tỉnh Thanh Hóa gồm địa danh của các đơn vị hành chính cấp huyện được thống kê trong bảng sau:

STT	Đơn vị hành chính cấp huyện	Trang
1	Thành phố Thanh Hoá	3
2	Thị xã Bỉm Sơn	23
3	Thị xã Sầm Sơn	26
4	Huyện Bá Thước	28
5	Huyện Cẩm Thủy	44
6	Huyện Đông Sơn	58
7	Huyện Hà Trung	64
8	Huyện Hậu Lộc	76
9	Huyện Hoằng Hoá	88
10	Huyện Lang Chánh	105
11	Huyện Mường Lát	115
12	Huyện Nga Sơn	124
13	Huyện Ngọc Lặc	135
14	Huyện Như Thanh	155
15	Huyện Như Xuân	166
16	Huyện Nông Cống	175
17	Huyện Quảng Xương	192

STT	Đơn vị hành chính cấp huyện	Trang
18	Huyện Quan Hoá	209
19	Huyện Quan Sơn	226
20	Huyện Thạch Thành	239
21	Huyện Thiệu Hoá	254
22	Huyện Thọ Xuân	266
23	Huyện Tĩnh Gia	285
24	Huyện Triệu Sơn	302
25	Huyện Trường Xuân	320
26	Huyện Vĩnh Lộc	334
27	Huyện Yên Định	342

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng								Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối				
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ			
				(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)			
quốc lộ 47	KX	P. An Hoạch	TP. Thanh Hoá			19° 44' 00"	105° 53' 56"	19° 53' 36"	105° 24' 14"	E-48-8-A-d		
phố Bắc Sơn	DC	P. An Hoạch	TP. Thanh Hoá	19° 48' 11"	105° 44' 56"					E-48-8-A-d		
Cầu Cao	KX	P. An Hoạch	TP. Thanh Hoá	19° 48' 28"	105° 45' 22"					E-48-8-B-c		
phố Cao Sơn	DC	P. An Hoạch	TP. Thanh Hoá	19° 48' 26"	105° 45' 17"					E-48-8-B-c		
Cầu Đồng	KX	P. An Hoạch	TP. Thanh Hoá	19° 48' 10"	105° 44' 49"					E-48-8-A-d		
phố Nam Sơn	DC	P. An Hoạch	TP. Thanh Hoá	19° 47' 58"	105° 45' 06"					E-48-8-B-c		
sông Nhà Lê	TV	P. An Hoạch	TP. Thanh Hoá			19° 51' 19"	105° 40' 40"	19° 47' 53"	105° 47' 13"	E-48-8-A-d, E-48-8-B-c		
Núi Nhồi	SV	P. An Hoạch	TP. Thanh Hoá	19° 47' 52"	105° 44' 35"					E-48-8-A-d		
sông Nông Giang	TV	P. An Hoạch	TP. Thanh Hoá			19° 53' 46"	105° 22' 38"	19° 50' 04"	105° 42' 15"	E-48-8-B-c, E-48-8-A-d		
phố Quan Sơn	DC	P. An Hoạch	TP. Thanh Hoá	19° 48' 07"	105° 44' 53"					E-48-8-A-d		
phố Tây Sơn	DC	P. An Hoạch	TP. Thanh Hoá	19° 48' 00"	105° 44' 42"					E-48-8-A-d		
Trại tạm giam Thanh Hoá	KX	P. An Hoạch	TP. Thanh Hoá	19° 48' 19"	105° 45' 25"					E-48-8-B-c		
phố Trung Sơn	DC	P. An Hoạch	TP. Thanh Hoá	19° 48' 05"	105° 45' 04"					E-48-8-B-c		
quốc lộ 1A	KX	P. Ba Đình	TP. Thanh Hoá			20° 08' 01"	105° 51' 32"	19° 18' 42"	105° 43' 16"	E-48-8-B-c		
phố 2	DC	P. Ba Đình	TP. Thanh Hoá	19° 48' 13"	105° 46' 38"					E-48-8-B-c		
phố 3	DC	P. Ba Đình	TP. Thanh Hoá	19° 48' 19"	105° 46' 32"					E-48-8-B-c		
phố 4	DC	P. Ba Đình	TP. Thanh Hoá	19° 48' 01"	105° 46' 31"					E-48-8-B-c		
phố 5	DC	P. Ba Đình	TP. Thanh Hoá	19° 48' 21"	105° 46' 29"					E-48-8-B-c		
phố 6	DC	P. Ba Đình	TP. Thanh Hoá	19° 48' 02"	105° 46' 24"					E-48-8-B-c		
phố 7	DC	P. Ba Đình	TP. Thanh Hoá	19° 48' 21"	105° 46' 24"					E-48-8-B-c		
phố 8	DC	P. Ba Đình	TP. Thanh Hoá	19° 48' 24"	105° 46' 21"					E-48-8-B-c		
phố 9	DC	P. Ba Đình	TP. Thanh Hoá	19° 48' 20"	105° 46' 16"					E-48-8-B-c		
phố 10	DC	P. Ba Đình	TP. Thanh Hoá	19° 48' 14"	105° 46' 10"					E-48-8-B-c		
phố 11	DC	P. Ba Đình	TP. Thanh Hoá	19° 48' 09"	105° 46' 14"					E-48-8-B-c		
phố 12	DC	P. Ba Đình	TP. Thanh Hoá	19° 48' 04"	105° 46' 22"					E-48-8-B-c		
phố 13	DC	P. Ba Đình	TP. Thanh Hoá	19° 48' 02"	105° 46' 10"					E-48-8-B-c		
quốc lộ 45	KX	P. Ba Đình	TP. Thanh Hoá			20° 10' 25"	105° 46' 47"	19° 48' 05"	105° 26' 03"	E-48-8-B-c		

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	
quốc lộ 47	KX	P. Ba Đình	TP. Thanh Hoá			19° 44' 00"	105° 53' 56"	19° 53' 36"	105° 24' 14"	E-48-8-B-c
phố Đào Duy Từ 1	DC	P. Ba Đình	TP. Thanh Hoá	19° 48' 15"	105° 46' 39"					E-48-8-B-c
phố Đào Duy Từ 2	DC	P. Ba Đình	TP. Thanh Hoá	19° 48' 08"	105° 46' 41"					E-48-8-B-c
quốc lộ 1A	KX	P. Điện Biên	TP. Thanh Hoá			20° 08' 01"	105° 51' 32"	19° 18' 42"	105° 43' 16"	E-48-8-B-c
phố Bà Triệu	DC	P. Điện Biên	TP. Thanh Hoá	19° 48' 48"	105° 46' 32"					E-48-8-B-c
phố Cửa Hậu	DC	P. Điện Biên	TP. Thanh Hoá	19° 48' 51"	105° 46' 22"					E-48-8-B-c
phố Đông Lân 1	DC	P. Điện Biên	TP. Thanh Hoá	19° 48' 55"	105° 46' 20"					E-48-8-B-c
phố Đông Lân 2	DC	P. Điện Biên	TP. Thanh Hoá	19° 48' 49"	105° 46' 25"					E-48-8-B-c
phố Hàng Đồng	DC	P. Điện Biên	TP. Thanh Hoá	19° 48' 38"	105° 46' 25"					E-48-8-B-c
phố Hậu Thành	DC	P. Điện Biên	TP. Thanh Hoá	19° 48' 52"	105° 46' 10"					E-48-8-B-c
phố Lê Hoàn 1	DC	P. Điện Biên	TP. Thanh Hoá	19° 48' 50"	105° 46' 46"					E-48-8-B-c
phố Lê Hoàn 2	DC	P. Điện Biên	TP. Thanh Hoá	19° 48' 36"	105° 46' 39"			19° 47' 15"	105° 48' 07"	E-48-8-B-c
đại lộ Lê Lợi	KX	P. Điện Biên	TP. Thanh Hoá			19° 48' 35"	105° 45' 58"			E-48-8-B-c
phố Ngô Quyền	DC	P. Điện Biên	TP. Thanh Hoá	19° 48' 47"	105° 46' 37"					E-48-8-B-c
phố Phan Chu Chinh	DC	P. Điện Biên	TP. Thanh Hoá	19° 48' 46"	105° 46' 22"					E-48-8-B-c
phố Tô Vĩnh Diện 1	DC	P. Điện Biên	TP. Thanh Hoá	19° 48' 56"	105° 46' 24"					E-48-8-B-c
phố Tô Vĩnh Diện 2	DC	P. Điện Biên	TP. Thanh Hoá	19° 48' 51"	105° 46' 13"					E-48-8-B-c
phố Trần Phú 1	DC	P. Điện Biên	TP. Thanh Hoá	19° 48' 42"	105° 46' 32"					E-48-8-B-c
phố Trần Phú 2	DC	P. Điện Biên	TP. Thanh Hoá	19° 48' 39"	105° 46' 29"					E-48-8-B-c
phố Trần Quốc Toản	DC	P. Điện Biên	TP. Thanh Hoá	19° 48' 44"	105° 46' 37"					E-48-8-B-c
phố Triệu Quốc Đạt	DC	P. Điện Biên	TP. Thanh Hoá	19° 48' 41"	105° 46' 38"					E-48-8-B-c
phố Trường Thi	DC	P. Điện Biên	TP. Thanh Hoá	19° 48' 50"	105° 46' 39"					E-48-8-B-c
thôn 1	DC	P. Đông Cương	TP. Thanh Hoá	19° 50' 43"	105° 45' 17"					E-48-8-B-c
thôn 2	DC	P. Đông Cương	TP. Thanh Hoá	19° 50' 52"	105° 45' 22"					E-48-8-B-c
thôn 3	DC	P. Đông Cương	TP. Thanh Hoá	19° 50' 43"	105° 45' 31"					E-48-8-B-c
thôn 4	DC	P. Đông Cương	TP. Thanh Hoá	19° 50' 20"	105° 45' 38"					E-48-8-B-c
thôn 5	DC	P. Đông Cương	TP. Thanh Hoá	19° 50' 16"	105° 45' 53"					E-48-8-B-c
thôn 6	DC	P. Đông Cương	TP. Thanh Hoá	19° 50' 27"	105° 45' 51"					E-48-8-B-c
thôn 7	DC	P. Đông Cương	TP. Thanh Hoá	19° 51' 02"	105° 46' 07"					E-48-8-B-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng								Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối				
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ			
				(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)			
thôn 8	DC	P. Đông Cương	TP. Thanh Hoá	19° 50' 55"	105° 46' 13"						E-48-8-B-c	
Trường Cao đẳng Kỹ thuật Công nghiệp Thanh Hoá	KX	P. Đông Cương	TP. Thanh Hoá	19° 50' 15"	105° 46' 09"						E-48-8-B-c	
	SV	P. Đông Cương	TP. Thanh Hoá	19° 51' 18"	105° 46' 24"						E-48-8-B-c	
thôn Đình Hương 1	DC	P. Đông Cương	TP. Thanh Hoá	19° 50' 25"	105° 46' 10"						E-48-8-B-c	
thôn Đình Hương 2	DC	P. Đông Cương	TP. Thanh Hoá	19° 50' 13"	105° 46' 12"						E-48-8-B-c	
núi Hàm Rồng	SV	P. Đông Cương	TP. Thanh Hoá	19° 50' 12"	105° 46' 39"						E-48-8-B-c	
Sông Hạc	TV	P. Đông Cương	TP. Thanh Hoá			19° 50' 06"	105° 45' 01"	19° 49' 03"	105° 47' 10"		E-48-8-B-c	
thôn Ái Sơn 1	DC	P. Đông Hải	TP. Thanh Hoá	19° 49' 08"	105° 48' 36"						E-48-8-B-c	
thôn Ái Sơn 2	DC	P. Đông Hải	TP. Thanh Hoá	19° 48' 59"	105° 48' 43"						E-48-8-B-c	
thôn Đồng Lễ	DC	P. Đông Hải	TP. Thanh Hoá	19° 48' 12"	105° 48' 14"						E-48-8-B-c	
cầu Lai Thành	KX	P. Đông Hải	TP. Thanh Hoá	19° 47' 54"	105° 47' 20"						E-48-8-B-c	
thôn Lai Thành	DC	P. Đông Hải	TP. Thanh Hoá	19° 48' 02"	105° 47' 49"						E-48-8-B-c	
đại lộ Lê Lợi	KX	P. Đông Hải	TP. Thanh Hoá			19° 48' 35"	105° 45' 58"	19° 47' 15"	105° 48' 07"		E-48-8-B-c	
thôn Lễ Môn	DC	P. Đông Hải	TP. Thanh Hoá	19° 47' 49"	105° 48' 43"						E-48-8-B-c	
Sông Mã	TV	P. Đông Hải	TP. Thanh Hoá			20° 32' 02"	104° 29' 13"	19° 47' 08"	105° 55' 37"		E-48-8-B-c	
sông Nhà Lê	TV	P. Đông Hải	TP. Thanh Hoá			19° 47' 28"	105° 48' 29"	19° 47' 42"	105° 48' 47"		E-48-8-B-c	
thôn Sơn Vạn	DC	P. Đông Hải	TP. Thanh Hoá	19° 48' 32"	105° 49' 01"						E-48-8-B-c	
thôn Tân Thành	DC	P. Đông Hải	TP. Thanh Hoá	19° 47' 46"	105° 47' 53"						E-48-8-B-c	
sông Thống Nhất	TV	P. Đông Hải	TP. Thanh Hoá			19° 47' 53"	105° 47' 13"	19° 46' 18"	105° 53' 02"		E-48-8-B-c	
thôn Xuân Lộc	DC	P. Đông Hải	TP. Thanh Hoá	19° 48' 21"	105° 48' 48"						E-48-8-B-c	
thôn Xuân Minh	DC	P. Đông Hải	TP. Thanh Hoá	19° 49' 24"	105° 48' 09"						E-48-8-B-c	
khối phố 1	DC	P. Đông Hương	TP. Thanh Hoá	19° 48' 17"	105° 47' 05"						E-48-8-B-c	
quốc lộ 47	KX	P. Đông Hương	TP. Thanh Hoá			19° 44' 00"	105° 53' 56"	19° 53' 36"	105° 24' 14"		E-48-8-B-c	
thôn Ba Tân	DC	P. Đông Hương	TP. Thanh Hoá	19° 49' 03"	105° 47' 19"						E-48-8-B-c	
thôn Bào Ngoại	DC	P. Đông Hương	TP. Thanh Hoá	19° 48' 14"	105° 47' 13"						E-48-8-B-c	
thôn Cốc Hạ 1	DC	P. Đông Hương	TP. Thanh Hoá	19° 48' 53"	105° 47' 06"						E-48-8-B-c	
thôn Cốc Hạ 2	DC	P. Đông Hương	TP. Thanh Hoá	19° 48' 47"	105° 47' 05"						E-48-8-B-c	
cầu Đông Hương	KX	P. Đông Hương	TP. Thanh Hoá	19° 48' 28"	105° 46' 59"						E-48-8-B-c	

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng								Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối				
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ			
				(Độ,phút,gây)	(Độ,phút,gây)	(Độ,phút,gây)	(Độ,phút,gây)	(Độ,phút,gây)	(Độ,phút,gây)			
thôn Hoà Bình	DC	P. Đông Hương	TP. Thanh Hoá	19° 48' 33"	105° 47' 03"						E-48-8-B-c	
đại lộ Lê Lợi	KX	P. Đông Hương	TP. Thanh Hoá			19° 48' 35"	105° 45' 58"	19° 47' 15"	105° 48' 07"		E-48-8-B-c	
sông Bến Ngự	TV	P. Đông Hương	TP. Thanh Hoá				105° 47' 13"	19° 49' 27"	105° 48' 06"		E-48-8-B-c	
thôn Phan Đình Phùng	DC	P. Đông Hương	TP. Thanh Hoá	19° 48' 56"	105° 47' 20"						E-48-8-B-c	
thôn Quang Trung	DC	P. Đông Hương	TP. Thanh Hoá	19° 48' 35"	105° 47' 20"						E-48-8-B-c	
thôn Tân Hà	DC	P. Đông Hương	TP. Thanh Hoá	19° 49' 15"	105° 47' 42"						E-48-8-B-c	
phố 1	DC	P. Đông Sơn	TP. Thanh Hoá	19° 48' 08"	105° 47' 04"						E-48-8-B-c	
phố 2	DC	P. Đông Sơn	TP. Thanh Hoá	19° 47' 56"	105° 47' 12"						E-48-8-B-c	
phố 3	DC	P. Đông Sơn	TP. Thanh Hoá	19° 47' 51"	105° 47' 29"						E-48-8-B-c	
phố 4	DC	P. Đông Sơn	TP. Thanh Hoá	19° 47' 47"	105° 47' 21"						E-48-8-B-c	
phố 5	DC	P. Đông Sơn	TP. Thanh Hoá	19° 47' 44"	105° 47' 11"						E-48-8-B-c	
phố 6	DC	P. Đông Sơn	TP. Thanh Hoá	19° 47' 42"	105° 47' 30"						E-48-8-B-c	
phố 7	DC	P. Đông Sơn	TP. Thanh Hoá	19° 47' 42"	105° 47' 19"						E-48-8-B-c	
phố 8	DC	P. Đông Sơn	TP. Thanh Hoá	19° 47' 33"	105° 47' 41"						E-48-8-B-c	
phố 9	DC	P. Đông Sơn	TP. Thanh Hoá	19° 47' 34"	105° 47' 48"						E-48-8-B-c	
phố 10	DC	P. Đông Sơn	TP. Thanh Hoá	19° 47' 44"	105° 47' 43"						E-48-8-B-c	
phố 11	DC	P. Đông Sơn	TP. Thanh Hoá	19° 47' 40"	105° 47' 48"						E-48-8-B-c	
phố 12	DC	P. Đông Sơn	TP. Thanh Hoá	19° 47' 47"	105° 47' 37"						E-48-8-B-c	
phố 14	DC	P. Đông Sơn	TP. Thanh Hoá	19° 47' 30"	105° 47' 31"						E-48-8-B-c	
phố 15	DC	P. Đông Sơn	TP. Thanh Hoá	19° 47' 27"	105° 47' 15"						E-48-8-B-c	
phố 17	DC	P. Đông Sơn	TP. Thanh Hoá	19° 47' 33"	105° 47' 27"						E-48-8-B-c	
quốc lộ 47	KX	P. Đông Sơn	TP. Thanh Hoá			19° 44' 00"	105° 53' 56"	19° 53' 36"	105° 24' 14"		E-48-8-B-c	
Cầu Cốc	KX	P. Đông Sơn	TP. Thanh Hoá	19° 48' 12"	105° 47' 00"						E-48-8-B-c	
cầu Lai Thành	KX	P. Đông Sơn	TP. Thanh Hoá	19° 47' 54"	105° 47' 20"						E-48-8-B-c	
sông Nhà Lê	TV	P. Đông Sơn	TP. Thanh Hoá			19° 51' 19"	105° 40' 40"	19° 47' 53"	105° 47' 13"		E-48-8-B-c	
sông Bến Ngự	TV	P. Đông Sơn	TP. Thanh Hoá			19° 47' 53"	105° 47' 13"	19° 49' 27"	105° 48' 06"		E-48-8-B-c	
sông Thống Nhất	TV	P. Đông Sơn	TP. Thanh Hoá			19° 47' 53"	105° 47' 13"	19° 46' 18"	105° 53' 02"		E-48-8-B-c	
quốc lộ 1A	KX	P. Đông Thọ	TP. Thanh Hoá			20° 08' 01"	105° 51' 32"	19° 18' 42"	105° 43' 16"		E-48-8-B-c	
sông Nhà Lê	TV	P. Đông Thọ	TP. Thanh Hoá			19° 50' 06"	105° 45' 01"	19° 49' 03"	105° 47' 10"		E-48-8-B-c	

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng								Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối				
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	
phố Bà Triệu	DC	P. Đông Thọ	TP. Thanh Hoá	19° 49' 40"	105° 46' 19"							E-48-8-B-c
Phố Bắc	DC	P. Đông Thọ	TP. Thanh Hoá	19° 49' 27"	105° 46' 05"							E-48-8-B-c
phố Cầu Hạc	DC	P. Đông Thọ	TP. Thanh Hoá	19° 49' 30"	105° 46' 25"							E-48-8-B-c
Phố Đàm	DC	P. Đông Thọ	TP. Thanh Hoá	19° 49' 06"	105° 46' 13"							E-48-8-B-c
phố Đình Hương	DC	P. Đông Thọ	TP. Thanh Hoá	19° 49' 59"	105° 46' 11"							E-48-8-B-c
Phố Đoàn	DC	P. Đông Thọ	TP. Thanh Hoá	19° 49' 45"	105° 46' 26"							E-48-8-B-c
phố Đội Cung 1	DC	P. Đông Thọ	TP. Thanh Hoá	19° 49' 19"	105° 46' 30"							E-48-8-B-c
phố Đội Cung 2	DC	P. Đông Thọ	TP. Thanh Hoá	19° 49' 19"	105° 46' 40"							E-48-8-B-c
phố Đội Cung 3	DC	P. Đông Thọ	TP. Thanh Hoá	19° 49' 11"	105° 46' 38"							E-48-8-B-c
phố Đội Cung 4	DC	P. Đông Thọ	TP. Thanh Hoá	19° 49' 15"	105° 46' 40"							E-48-8-B-c
phố Đông Bắc Ga 1	DC	P. Đông Thọ	TP. Thanh Hoá	19° 49' 6"	105° 46' 00"							E-48-8-B-c
phố Đông Bắc Ga 2	DC	P. Đông Thọ	TP. Thanh Hoá	19° 48' 58"	105° 46' 00"							E-48-8-B-c
Trường Cao đẳng Nghề Giao thông vận tải Thanh Hoá	KX	P. Đông Thọ	TP. Thanh Hoá	19° 48' 56"	105° 45' 50"							E-48-8-B-c
Phố Kết	DC	P. Đông Thọ	TP. Thanh Hoá	19° 49' 33"	105° 46' 41"							E-48-8-B-c
phố Lợi 1	DC	P. Đông Thọ	TP. Thanh Hoá	19° 48' 53"	105° 46' 03"							E-48-8-B-c
phố Lợi 2	DC	P. Đông Thọ	TP. Thanh Hoá	19° 49' 02"	105° 46' 20"							E-48-8-B-c
Phố Nam	DC	P. Đông Thọ	TP. Thanh Hoá	19° 49' 12"	105° 46' 08"							E-48-8-B-c
phố Tân Lập	DC	P. Đông Thọ	TP. Thanh Hoá	19° 49' 08"	105° 45' 47"							E-48-8-B-c
khu công nghiệp Tây Bắc Ga	KX	P. Đông Thọ	TP. Thanh Hoá	19° 49' 35"	105° 45' 47"							E-48-8-B-c
Phố Thắng	DC	P. Đông Thọ	TP. Thanh Hoá	19° 49' 10"	105° 46' 20"							E-48-8-B-c
phố Thành Công	DC	P. Đông Thọ	TP. Thanh Hoá	19° 49' 26"	105° 46' 40"							E-48-8-B-c
Phố Trung	DC	P. Đông Thọ	TP. Thanh Hoá	19° 49' 14"	105° 46' 16"							E-48-8-B-c
quốc lộ 1A	KX	P. Đông Vệ	TP. Thanh Hoá			20° 08' 01"	105° 51' 32"	19° 18' 42"	105° 43' 16"			E-48-8-B-c
quốc lộ 45	KX	P. Đông Vệ	TP. Thanh Hoá			20° 10' 25"	105° 46' 47"	19° 48' 05"	105° 26' 03"			E-48-8-B-c
phố Đông Phát 1	DC	P. Đông Vệ	TP. Thanh Hoá	19° 47' 26"	105° 47' 05"							E-48-8-B-c
phố Đông Phát 2	DC	P. Đông Vệ	TP. Thanh Hoá	19° 47' 32"	105° 47' 07"							E-48-8-B-c
phố Hải Thượng Lãn Ông	DC	P. Đông Vệ	TP. Thanh Hoá	19° 46' 49"	105° 46' 12"							E-48-8-B-c
Trường Đại học Hồng Đức	KX	P. Đông Vệ	TP. Thanh Hoá	19° 46' 07"	105° 46' 34"							E-48-8-B-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	
thôn Kiều Đại 1	DC	P. Đông Vệ	TP. Thanh Hoá	19° 47' 25"	105° 46' 36"					E-48-8-B-c
thôn Kiều Đại 2	DC	P. Đông Vệ	TP. Thanh Hoá	19° 47' 19"	105° 46' 35"					E-48-8-B-c
núi Mạt Sơn	SV	P. Đông Vệ	TP. Thanh Hoá	19° 47' 33"	105° 46' 12"					E-48-8-B-c
thôn Mạt Sơn 1	DC	P. Đông Vệ	TP. Thanh Hoá	19° 47' 25"	105° 46' 26"					E-48-8-B-c
thôn Mạt Sơn 2	DC	P. Đông Vệ	TP. Thanh Hoá	19° 47' 35"	105° 46' 23"					E-48-8-B-c
thôn Mạt Sơn 3	DC	P. Đông Vệ	TP. Thanh Hoá	19° 47' 43"	105° 46' 11"					E-48-8-B-c
phố Nam Thành	DC	P. Đông Vệ	TP. Thanh Hoá	19° 47' 32"	105° 46' 35"					E-48-8-B-c
phố Ngọc Dao	DC	P. Đông Vệ	TP. Thanh Hoá	19° 47' 09"	105° 46' 36"					E-48-8-B-c
núi Ngọc Long	SV	P. Đông Vệ	TP. Thanh Hoá	19° 47' 40"	105° 45' 50"					E-48-8-B-c
phố Nguyễn Sơn	DC	P. Đông Vệ	TP. Thanh Hoá	19° 47' 44"	105° 46' 42"	19° 51' 19"	105° 40' 40"	19° 47' 53"	105° 47' 13"	E-48-8-B-c
sông Nhà Lê	TV	P. Đông Vệ	TP. Thanh Hoá			19° 53' 46"	105° 22' 38"	19° 50' 04"	105° 42' 15"	E-48-8-B-c
sông Nông Giang	TV	P. Đông Vệ	TP. Thanh Hoá							E-48-8-B-c
cầu Quán Nam	KX	P. Đông Vệ	TP. Thanh Hoá	19° 45' 52"	105° 46' 30"					E-48-8-B-c
phố Quang Trung 1	DC	P. Đông Vệ	TP. Thanh Hoá	19° 47' 07"	105° 46' 27"					E-48-8-B-c
phố Quang Trung 2	DC	P. Đông Vệ	TP. Thanh Hoá	19° 46' 54"	105° 46' 28"					E-48-8-B-c
phố Quang Trung 3	DC	P. Đông Vệ	TP. Thanh Hoá	19° 46' 13"	105° 46' 26"					E-48-8-B-c
thôn Quảng Xá 1	DC	P. Đông Vệ	TP. Thanh Hoá	19° 47' 25"	105° 46' 42"					E-48-8-B-c
thôn Quảng Xá 2	DC	P. Đông Vệ	TP. Thanh Hoá	19° 47' 26"	105° 46' 48"					E-48-8-B-c
thôn Quảng Xá 3	DC	P. Đông Vệ	TP. Thanh Hoá	19° 47' 25"	105° 46' 52"					E-48-8-B-c
thôn Tạnh Xá 1	DC	P. Đông Vệ	TP. Thanh Hoá	19° 47' 55"	105° 46' 54"					E-48-8-B-c
thôn Tạnh Xá 2	DC	P. Đông Vệ	TP. Thanh Hoá	19° 47' 45"	105° 46' 48"					E-48-8-B-c
Trường Trung học Thương mại	KX	P. Đông Vệ	TP. Thanh Hoá	19° 45' 53"	105° 46' 34"					E-48-8-B-c
quốc lộ 1A	KX	P. Hàm Rồng	TP. Thanh Hoá			20° 08' 01"	105° 51' 32"	19° 18' 42"	105° 43' 16"	E-48-8-B-c
núi Con Mèo	SV	P. Hàm Rồng	TP. Thanh Hoá	19° 51' 18"	105° 46' 24"					E-48-8-B-c
núi Con Voi	SV	P. Hàm Rồng	TP. Thanh Hoá	19° 51' 15"	105° 46' 44"					E-48-8-B-c
phố Đông Quang	DC	P. Hàm Rồng	TP. Thanh Hoá	19° 50' 13"	105° 47' 10"					E-48-8-B-c
làng Đông Sơn	DC	P. Hàm Rồng	TP. Thanh Hoá	19° 51' 12"	105° 46' 52"					E-48-8-B-c
phố Hàm Long 1	DC	P. Hàm Rồng	TP. Thanh Hoá	19° 50' 21"	105° 47' 11"					E-48-8-B-c
phố Hàm Long 2	DC	P. Hàm Rồng	TP. Thanh Hoá	19° 50' 23"	105° 47' 02"					E-48-8-B-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng								Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối				
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ			
				(Độ,phút,gây)	(Độ,phút,gây)	(Độ,phút,gây)	(Độ,phút,gây)	(Độ,phút,gây)	(Độ,phút,gây)			
cầu Hàm Rồng	KX	P. Hàm Rồng	TP. Thanh Hoá	19° 50' 21"	105° 47' 31"						E-48-8-B-c	
núi Hàm Rồng	SV	P. Hàm Rồng	TP. Thanh Hoá	19° 50' 12"	105° 46' 39"						E-48-8-B-c	
cầu Hoàng Long	KX	P. Hàm Rồng	TP. Thanh Hoá	19° 50' 12"	105° 47' 31"						E-48-8-B-c	
Công ty Giấy Hoàng Long	KX	P. Hàm Rồng	TP. Thanh Hoá	19° 50' 16"	105° 47' 24"						E-48-8-B-c	
phố Hương Long	DC	P. Hàm Rồng	TP. Thanh Hoá	19° 50' 06"	105° 46' 14"						E-48-8-B-c	
Sông Mã	TV	P. Hàm Rồng	TP. Thanh Hoá			20° 32' 02"	104° 29' 13"	19° 47' 08"	105° 55' 37"		E-48-8-B-c	
phố Tân Long 1	DC	P. Hàm Rồng	TP. Thanh Hoá	19° 50' 00"	105° 47' 02"						E-48-8-B-c	
phố Tân Long 2	DC	P. Hàm Rồng	TP. Thanh Hoá	19° 50' 00"	105° 46' 43"						E-48-8-B-c	
Trại giam Thanh Lâm	KX	P. Hàm Rồng	TP. Thanh Hoá	19° 51' 23"	105° 46' 41"						E-48-8-B-c	
phố Thanh Long	DC	P. Hàm Rồng	TP. Thanh Hoá	19° 49' 59"	105° 46' 29"						E-48-8-B-c	
đồng Tiên Sơn	SV	P. Hàm Rồng	TP. Thanh Hoá	19° 51' 10"	105° 46' 41"						E-48-8-B-c	
quốc lộ 1A	KX	P. Lam Sơn	TP. Thanh Hoá			20° 08' 01"	105° 51' 32"	19° 18' 42"	105° 43' 16"		E-48-8-B-c	
phố 1	DC	P. Lam Sơn	TP. Thanh Hoá	19° 48' 27"	105° 46' 25"						E-48-8-B-c	
phố 2	DC	P. Lam Sơn	TP. Thanh Hoá	19° 48' 26"	105° 46' 27"						E-48-8-B-c	
phố 3	DC	P. Lam Sơn	TP. Thanh Hoá	19° 48' 28"	105° 46' 35"						E-48-8-B-c	
phố 4	DC	P. Lam Sơn	TP. Thanh Hoá	19° 48' 24"	105° 46' 31"						E-48-8-B-c	
phố 5	DC	P. Lam Sơn	TP. Thanh Hoá	19° 48' 24"	105° 46' 36"						E-48-8-B-c	
phố 6	DC	P. Lam Sơn	TP. Thanh Hoá	19° 48' 20"	105° 46' 35"						E-48-8-B-c	
phố 7	DC	P. Lam Sơn	TP. Thanh Hoá	19° 48' 24"	105° 46' 40"						E-48-8-B-c	
phố 8	DC	P. Lam Sơn	TP. Thanh Hoá	19° 48' 19"	105° 46' 42"						E-48-8-B-c	
phố 9	DC	P. Lam Sơn	TP. Thanh Hoá	19° 48' 26"	105° 46' 47"						E-48-8-B-c	
phố 10	DC	P. Lam Sơn	TP. Thanh Hoá	19° 48' 25"	105° 46' 55"						E-48-8-B-c	
phố 11	DC	P. Lam Sơn	TP. Thanh Hoá	19° 48' 13"	105° 46' 43"						E-48-8-B-c	
phố 12	DC	P. Lam Sơn	TP. Thanh Hoá	19° 48' 09"	105° 46' 50"						E-48-8-B-c	
phố 13	DC	P. Lam Sơn	TP. Thanh Hoá	19° 48' 06"	105° 46' 46"						E-48-8-B-c	
phố 14	DC	P. Lam Sơn	TP. Thanh Hoá	19° 48' 23"	105° 46' 44"						E-48-8-B-c	
phố 15	DC	P. Lam Sơn	TP. Thanh Hoá	19° 48' 21"	105° 46' 45"						E-48-8-B-c	
phố 16	DC	P. Lam Sơn	TP. Thanh Hoá	19° 48' 18"	105° 46' 46"						E-48-8-B-c	
phố 17	DC	P. Lam Sơn	TP. Thanh Hoá	19° 48' 14"	105° 46' 51"						E-48-8-B-c	

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng								Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối				
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	
phố 18	DC	P. Lam Sơn	TP. Thanh Hoá	19° 48' 18"	105° 46' 58"							E-48-8-B-c
phố 19	DC	P. Lam Sơn	TP. Thanh Hoá	19° 48' 10"	105° 46' 57"							E-48-8-B-c
phố 20	DC	P. Lam Sơn	TP. Thanh Hoá	19° 48' 06"	105° 46' 56"							E-48-8-B-c
phố 21	DC	P. Lam Sơn	TP. Thanh Hoá	19° 48' 02"	105° 46' 57"							E-48-8-B-c
quốc lộ 47	KX	P. Lam Sơn	TP. Thanh Hoá			19° 44' 00"	105° 53' 56"	19° 53' 36"	105° 24' 14"			E-48-8-B-c
cầu Đông Hương	KX	P. Lam Sơn	TP. Thanh Hoá	19° 48' 28"	105° 46' 59"							E-48-8-B-c
đại lộ Lê Lợi	KX	P. Lam Sơn	TP. Thanh Hoá			19° 48' 35"	105° 45' 58"	19° 47' 15"	105° 48' 07"			E-48-8-B-c
sông Bến Ngự	TV	P. Lam Sơn	TP. Thanh Hoá			19° 47' 53"	105° 47' 13"	19° 49' 27"	105° 48' 06"			E-48-8-B-c
quốc lộ 1A	KX	P. Nam Ngạn	TP. Thanh Hoá			20° 08' 01"	105° 51' 32"	19° 18' 42"	105° 43' 16"			E-48-8-B-c
cầu Bốn Voi	KX	P. Nam Ngạn	TP. Thanh Hoá	19° 49' 04"	105° 47' 10"							E-48-8-B-c
phố Hạnh Phúc	DC	P. Nam Ngạn	TP. Thanh Hoá	19° 49' 13"	105° 47' 32"							E-48-8-B-c
Sông Mã	TV	P. Nam Ngạn	TP. Thanh Hoá			20° 32' 02"	104° 29' 13"	19° 47' 08"	105° 55' 37"			E-48-8-B-c
phố Nam Ngạn 1	DC	P. Nam Ngạn	TP. Thanh Hoá	19° 49' 40"	105° 47' 41"							E-48-8-B-c
phố Nam Ngạn 2	DC	P. Nam Ngạn	TP. Thanh Hoá	19° 49' 42"	105° 47' 37"							E-48-8-B-c
phố Nam Ngạn 3	DC	P. Nam Ngạn	TP. Thanh Hoá	19° 49' 38"	105° 47' 47"							E-48-8-B-c
phố Nam Ngạn 4	DC	P. Nam Ngạn	TP. Thanh Hoá	19° 49' 47"	105° 47' 39"							E-48-8-B-c
phố Nam Sơn 1	DC	P. Nam Ngạn	TP. Thanh Hoá	19° 49' 26"	105° 46' 52"							E-48-8-B-c
phố Nam Sơn 2	DC	P. Nam Ngạn	TP. Thanh Hoá	19° 49' 19"	105° 47' 03"							E-48-8-B-c
phố Nguyễn Mộng Tuấn 1	DC	P. Nam Ngạn	TP. Thanh Hoá	19° 49' 16"	105° 46' 59"							E-48-8-B-c
phố Nguyễn Mộng Tuấn 2	DC	P. Nam Ngạn	TP. Thanh Hoá	19° 49' 18"	105° 46' 55"							E-48-8-B-c
phố Nguyễn Mộng Tuấn 3	DC	P. Nam Ngạn	TP. Thanh Hoá	19° 49' 21"	105° 46' 50"							E-48-8-B-c
sông Bến Ngự	TV	P. Nam Ngạn	TP. Thanh Hoá			19° 47' 53"	105° 47' 13"	19° 49' 27"	105° 48' 06"			E-48-8-B-c
Sông Hạc	TV	P. Nam Ngạn	TP. Thanh Hoá			19° 50' 06"	105° 45' 01"	19° 49' 03"	105° 47' 10"			E-48-8-B-c
phố Tân Hà	DC	P. Nam Ngạn	TP. Thanh Hoá	19° 49' 11"	105° 47' 27"							E-48-8-B-c
phố Tân Hưng	DC	P. Nam Ngạn	TP. Thanh Hoá	19° 49' 08"	105° 47' 09"							E-48-8-B-c
phố Tân Nam	DC	P. Nam Ngạn	TP. Thanh Hoá	19° 49' 35"	105° 47' 38"							E-48-8-B-c
phố Tân Sơn 1	DC	P. Nam Ngạn	TP. Thanh Hoá	19° 49' 13"	105° 47' 12"							E-48-8-B-c
phố Tân Sơn 2	DC	P. Nam Ngạn	TP. Thanh Hoá	19° 49' 18"	105° 47' 12"							E-48-8-B-c
phố Thống Sơn	DC	P. Nam Ngạn	TP. Thanh Hoá	19° 49' 13"	105° 47' 06"							E-48-8-B-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng								Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối				
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ,phút,gây)	(Độ,phút,gây)	(Độ,phút,gây)	(Độ,phút,gây)	(Độ,phút,gây)	(Độ,phút,gây)	(Độ,phút,gây)	(Độ,phút,gây)	
phố Tiền Phong	DC	P. Nam Ngạn	TP. Thanh Hoá	19° 49' 24"	105° 47' 58"							E-48-8-B-C
quốc lộ 1A	KX	P. Ngọc Trạo	TP. Thanh Hoá			20° 08' 01"	105° 51' 32"	19° 18' 42"	105° 43' 16"			E-48-8-B-C
phố Bùi Thị Xuân	DC	P. Ngọc Trạo	TP. Thanh Hoá	19° 47' 51"	105° 46' 24"							E-48-8-B-C
phố Đặng Thai Mai	DC	P. Ngọc Trạo	TP. Thanh Hoá	19° 47' 57"	105° 46' 12"							E-48-8-B-C
phố Hoàng Văn Thụ	DC	P. Ngọc Trạo	TP. Thanh Hoá	19° 47' 52"	105° 46' 16"							E-48-8-B-C
phố Lê Ngọc Hân	DC	P. Ngọc Trạo	TP. Thanh Hoá	19° 47' 55"	105° 46' 25"							E-48-8-B-C
phố Ngô Thị Nhậm	DC	P. Ngọc Trạo	TP. Thanh Hoá	19° 47' 57"	105° 46' 46"							E-48-8-B-C
phố Ngô Văn Sở	DC	P. Ngọc Trạo	TP. Thanh Hoá	19° 47' 55"	105° 46' 35"							E-48-8-B-C
phố Nguyễn Văn Trỗi	DC	P. Ngọc Trạo	TP. Thanh Hoá	19° 47' 51"	105° 46' 34"			19° 53' 46"	105° 22' 38"	19° 50' 04"	105° 42' 15"	E-48-8-B-C
sông Nông Giang	TV	P. Ngọc Trạo	TP. Thanh Hoá									E-48-8-B-C
phố Quang Trung 1	DC	P. Ngọc Trạo	TP. Thanh Hoá	19° 47' 56"	105° 46' 31"							E-48-8-B-C
phố Quang Trung 2	DC	P. Ngọc Trạo	TP. Thanh Hoá	19° 47' 49"	105° 46' 28"							E-48-8-B-C
phố Quang Trung 3	DC	P. Ngọc Trạo	TP. Thanh Hoá	19° 47' 46"	105° 46' 32"							E-48-8-B-C
phố Quang Trung 4	DC	P. Ngọc Trạo	TP. Thanh Hoá	19° 47' 42"	105° 46' 31"							E-48-8-B-C
phố Tân An 1	DC	P. Ngọc Trạo	TP. Thanh Hoá	19° 47' 58"	105° 46' 37"							E-48-8-B-C
phố Tân An 2	DC	P. Ngọc Trạo	TP. Thanh Hoá	19° 48' 01"	105° 46' 39"							E-48-8-B-C
phố Thới Hữu	DC	P. Ngọc Trạo	TP. Thanh Hoá	19° 47' 54"	105° 46' 46"							E-48-8-B-C
phố Trần Mai Ninh	DC	P. Ngọc Trạo	TP. Thanh Hoá	19° 47' 51"	105° 46' 42"							E-48-8-B-C
phố Trần Quang Diệu	DC	P. Ngọc Trạo	TP. Thanh Hoá	19° 47' 52"	105° 46' 21"							E-48-8-B-C
phố Trịnh Khả	DC	P. Ngọc Trạo	TP. Thanh Hoá	19° 48' 02"	105° 46' 43"							E-48-8-B-C
phố Tuệ Tĩnh	DC	P. Ngọc Trạo	TP. Thanh Hoá	19° 47' 48"	105° 46' 32"							E-48-8-B-C
quốc lộ 45	KX	P. Phú Sơn	TP. Thanh Hoá			20° 10' 25"	105° 46' 47"	19° 48' 05"	105° 26' 03"			E-48-8-B-C
Cầu Cao	KX	P. Phú Sơn	TP. Thanh Hoá	19° 48' 28"	105° 45' 22"							E-48-8-B-C
sông Nông Giang	TV	P. Phú Sơn	TP. Thanh Hoá			19° 53' 46"	105° 22' 38"	19° 50' 04"	105° 42' 15"			E-48-8-B-C
phố Phú Thọ 1	DC	P. Phú Sơn	TP. Thanh Hoá	19° 48' 29"	105° 45' 32"							E-48-8-B-C
phố Phú Thọ 2	DC	P. Phú Sơn	TP. Thanh Hoá	19° 48' 32"	105° 45' 39"							E-48-8-B-C
phố Phú Thọ 3	DC	P. Phú Sơn	TP. Thanh Hoá	19° 48' 39"	105° 45' 39"							E-48-8-B-C
phố Phú Thọ 4	DC	P. Phú Sơn	TP. Thanh Hoá	19° 48' 33"	105° 45' 28"							E-48-8-B-C
phố Tây Ga	DC	P. Phú Sơn	TP. Thanh Hoá	19° 48' 46"	105° 45' 51"							E-48-8-B-C

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	
phố Tây Sơn 1	DC	P. Phú Sơn	TP. Thanh Hoá	19° 48' 56"	105° 45' 25"					E-48-8-B-c
phố Tây Sơn 2	DC	P. Phú Sơn	TP. Thanh Hoá	19° 48' 49"	105° 45' 28"					E-48-8-B-c
phố Tây Sơn 3	DC	P. Phú Sơn	TP. Thanh Hoá	19° 48' 51"	105° 45' 39"					E-48-8-B-c
phố Trần Phú	DC	P. Phú Sơn	TP. Thanh Hoá	19° 48' 57"	105° 45' 37"					E-48-8-B-c
thôn 1	DC	P. Quảng Hưng	TP. Thanh Hoá	19° 47' 26"	105° 47' 56"					E-48-8-B-c
thôn 2	DC	P. Quảng Hưng	TP. Thanh Hoá	19° 47' 23"	105° 48' 17"					E-48-8-B-c
thôn 3	DC	P. Quảng Hưng	TP. Thanh Hoá	19° 47' 36"	105° 48' 47"					E-48-8-B-c
thôn 4	DC	P. Quảng Hưng	TP. Thanh Hoá	19° 47' 26"	105° 49' 01"					E-48-8-B-c
thôn 5	DC	P. Quảng Hưng	TP. Thanh Hoá	19° 47' 02"	105° 49' 01"					E-48-8-B-c
thôn 6	DC	P. Quảng Hưng	TP. Thanh Hoá	19° 46' 57"	105° 49' 37"					E-48-8-B-c
thôn 7	DC	P. Quảng Hưng	TP. Thanh Hoá	19° 47' 11"	105° 49' 41"					E-48-8-B-c
thôn 8	DC	P. Quảng Hưng	TP. Thanh Hoá	19° 47' 11"	105° 48' 45"					E-48-8-B-c
quốc lộ 47	KX	P. Quảng Hưng	TP. Thanh Hoá			19° 44' 00"	105° 53' 56"	19° 53' 36"	105° 24' 14"	E-48-8-B-c
đại lộ Lê Lợi	KX	P. Quảng Hưng	TP. Thanh Hoá			19° 48' 35"	105° 45' 58"	19° 47' 15"	105° 48' 07"	E-48-8-B-c
cảng Lễ Môn	KX	P. Quảng Hưng	TP. Thanh Hoá	19° 47' 34"	105° 49' 19"					E-48-8-B-c
khu công nghiệp Lễ Môn	KX	P. Quảng Hưng	TP. Thanh Hoá	19° 47' 07"	105° 48' 29"					E-48-8-B-c
Sông Mã	TV	P. Quảng Hưng	TP. Thanh Hoá							E-48-8-B-c
sông Nhà Lê	TV	P. Quảng Hưng	TP. Thanh Hoá			20° 32' 02"	104° 29' 13"	19° 47' 08"	105° 55' 37"	E-48-8-B-c
cầu Thống Nhất	KX	P. Quảng Hưng	TP. Thanh Hoá			19° 51' 19"	105° 40' 40"	19° 47' 53"	105° 47' 13"	E-48-8-B-c
sông Thống Nhất	TV	P. Quảng Hưng	TP. Thanh Hoá	19° 47' 01"	105° 48' 50"					E-48-8-B-c
xóm 1	DC	P. Quảng Thắng	TP. Thanh Hoá			19° 47' 53"	105° 47' 13"	19° 46' 18"	105° 53' 02"	E-48-8-B-c
xóm 2	DC	P. Quảng Thắng	TP. Thanh Hoá	19° 47' 17"	105° 46' 16"					E-48-8-B-c
xóm 3	DC	P. Quảng Thắng	TP. Thanh Hoá	19° 47' 13"	105° 45' 50"					E-48-8-B-c
xóm 4	DC	P. Quảng Thắng	TP. Thanh Hoá	19° 47' 09"	105° 46' 12"					E-48-8-B-c
xóm 5	DC	P. Quảng Thắng	TP. Thanh Hoá	19° 46' 57"	105° 46' 05"					E-48-8-B-c
xóm 6	DC	P. Quảng Thắng	TP. Thanh Hoá	19° 46' 35"	105° 45' 47"					E-48-8-B-c
xóm 7	DC	P. Quảng Thắng	TP. Thanh Hoá	19° 46' 44"	105° 45' 40"					E-48-8-B-c
xóm 8	DC	P. Quảng Thắng	TP. Thanh Hoá	19° 46' 55"	105° 45' 14"					E-48-8-B-c
xóm 9	DC	P. Quảng Thắng	TP. Thanh Hoá	19° 47' 16"	105° 45' 18"					E-48-8-B-c
	DC	P. Quảng Thắng	TP. Thanh Hoá	19° 46' 24"	105° 45' 58"					E-48-8-B-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng								Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối				
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	
quốc lộ 45	KX	P. Quảng Thắng	TP. Thanh Hoá			20° 10' 25"	105° 46' 47"	19° 48' 05"	105° 26' 03"	E-48-8-B-c		
sông Nhà Lê	TV	P. Quảng Thắng	TP. Thanh Hoá			19° 47' 32"	105° 45' 11"	19° 44' 24"	105° 44' 42"	E-48-8-B-c		
sông Nông Giang	TV	P. Quảng Thắng	TP. Thanh Hoá			19° 53' 46"	105° 22' 38"	19° 50' 04"	105° 42' 15"	E-48-8-B-c		
Cầu Voi	KX	P. Quảng Thắng	TP. Thanh Hoá	19° 46' 18"	105° 45' 54"					E-48-8-B-c		
quốc lộ 47	KX	P. Quảng Thành	TP. Thanh Hoá			19° 44' 00"	105° 53' 56"	19° 53' 36"	105° 24' 14"	E-48-8-B-c		
thôn Minh Trại	DC	P. Quảng Thành	TP. Thanh Hoá	19° 46' 01"	105° 47' 10"					E-48-8-B-c		
sông Nông Giang	TV	P. Quảng Thành	TP. Thanh Hoá			19° 53' 46"	105° 22' 38"	19° 50' 04"	105° 42' 15"	E-48-8-B-c		
thôn Thanh Bắc	DC	P. Quảng Thành	TP. Thanh Hoá	19° 46' 53"	105° 48' 30"					E-48-8-B-c		
thôn Thanh Công	DC	P. Quảng Thành	TP. Thanh Hoá	19° 46' 18"	105° 48' 05"					E-48-8-B-c		
thôn Thanh Long	DC	P. Quảng Thành	TP. Thanh Hoá	19° 46' 25"	105° 48' 00"					E-48-8-B-c		
thôn Thanh Mai	DC	P. Quảng Thành	TP. Thanh Hoá	19° 46' 18"	105° 47' 02"					E-48-8-B-c		
thôn Thanh Tân	DC	P. Quảng Thành	TP. Thanh Hoá	19° 46' 11"	105° 47' 51"					E-48-8-B-c		
thôn Thanh Tráng	DC	P. Quảng Thành	TP. Thanh Hoá	19° 46' 36"	105° 48' 06"					E-48-8-B-c		
thôn Thanh Trọng	DC	P. Quảng Thành	TP. Thanh Hoá	19° 45' 41"	105° 47' 38"					E-48-8-B-c		
thôn Thanh Yên	DC	P. Quảng Thành	TP. Thanh Hoá	19° 47' 11"	105° 47' 38"			19° 48' 05"	105° 26' 03"	E-48-8-B-c		
quốc lộ 45	KX	P. Tân Sơn	TP. Thanh Hoá			20° 10' 25"	105° 46' 47"			E-48-8-B-c		
phố Eắc Thành	DC	P. Tân Sơn	TP. Thanh Hoá	19° 48' 40"	105° 45' 58"					E-48-8-B-c		
phố Dương Đình Nghệ 1	DC	P. Tân Sơn	TP. Thanh Hoá	19° 48' 30"	105° 45' 57"					E-48-8-B-c		
phố Dương Đình Nghệ 2	DC	P. Tân Sơn	TP. Thanh Hoá	19° 48' 22"	105° 45' 53"					E-48-8-B-c		
phố Lam Sơn 1	DC	P. Tân Sơn	TP. Thanh Hoá	19° 48' 16"	105° 45' 59"					E-48-8-B-c		
phố Lam Sơn 2	DC	P. Tân Sơn	TP. Thanh Hoá	19° 48' 16"	105° 45' 54"					E-48-8-B-c		
đại lộ Lê Lợi	KX	P. Tân Sơn	TP. Thanh Hoá			19° 48' 35"	105° 45' 58"	19° 47' 15"	105° 48' 07"	E-48-8-B-c		
phố Nam Cao	DC	P. Tân Sơn	TP. Thanh Hoá	19° 48' 05"	105° 46' 01"					E-48-8-B-c		
phố Nam Thành	DC	P. Tân Sơn	TP. Thanh Hoá	19° 48' 26"	105° 46' 00"					E-48-8-B-c		
phố Nguyễn Hồng	DC	P. Tân Sơn	TP. Thanh Hoá	19° 48' 10"	105° 45' 59"					E-48-8-B-c		
sông Nông Giang	TV	P. Tân Sơn	TP. Thanh Hoá			19° 53' 46"	105° 22' 38"	19° 50' 04"	105° 42' 15"	E-48-8-B-c		
phố Phan Bội Châu 1	DC	P. Tân Sơn	TP. Thanh Hoá	19° 48' 22"	105° 46' 09"					E-48-8-B-c		
phố Phan Bội Châu 2	DC	P. Tân Sơn	TP. Thanh Hoá	19° 48' 16"	105° 46' 06"					E-48-8-B-c		
phố Phan Bội Châu 3	DC	P. Tân Sơn	TP. Thanh Hoá	19° 48' 10"	105° 46' 08"					E-48-8-B-c		

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	
phố Phan Bội Châu 4	DC	P. Tân Sơn	TP. Thanh Hoá	19° 48' 03"	105° 46' 06"					E-48-8-B-c
phố Phan Huy Chú	DC	P. Tân Sơn	TP. Thanh Hoá	19° 48' 12"	105° 45' 59"					E-48-8-B-c
ga Thanh Hoá	KX	P. Tân Sơn	TP. Thanh Hoá	19° 48' 49"	105° 45' 54"					E-48-8-B-c
quốc lộ 1A	KX	P. Tào Xuyên	TP. Thanh Hoá			20° 08' 01"	105° 51' 32"	19° 18' 42"	105° 43' 16"	E-48-8-B-c
quốc lộ 10A	KX	P. Tào Xuyên	TP. Thanh Hoá			20° 03' 48"	106° 02' 24"	19° 51' 05"	105° 48' 00"	E-48-8-B-c
cầu Hàm Rồng	KX	P. Tào Xuyên	TP. Thanh Hoá	19° 50' 21"	105° 47' 31"					E-48-8-B-c
cầu vượt Hàm Rồng	KX	P. Tào Xuyên	TP. Thanh Hoá	19° 50' 26"	105° 47' 53"					E-48-8-B-c
cầu Hoàng Long	KX	P. Tào Xuyên	TP. Thanh Hoá	19° 50' 12"	105° 47' 31"					E-48-8-B-c
sông Lạch Trường	TV	P. Tào Xuyên	TP. Thanh Hoá			19° 51' 10"	105° 47' 13"	19° 53' 19"	105° 56' 43"	E-48-8-B-c
Sông Mã	TV	P. Tào Xuyên	TP. Thanh Hoá			20° 32' 02"	104° 29' 13"	19° 47' 08"	105° 55' 37"	E-48-8-B-c
kênh N16	TV	P. Tào Xuyên	TP. Thanh Hoá			19° 51' 38"	105° 49' 08"	19° 51' 01"	105° 48' 14"	E-48-8-B-c
phố Nghĩa Sơn 1	DC	P. Tào Xuyên	TP. Thanh Hoá	19° 50' 39"	105° 47' 53"					E-48-8-B-c
phố Nghĩa Sơn 2	DC	P. Tào Xuyên	TP. Thanh Hoá	19° 50' 32"	105° 47' 38"					E-48-8-B-c
phố Nghĩa Sơn 3	DC	P. Tào Xuyên	TP. Thanh Hoá	19° 50' 16"	105° 47' 46"					E-48-8-B-c
phố Phương Đình 1	DC	P. Tào Xuyên	TP. Thanh Hoá	19° 50' 59"	105° 47' 50"					E-48-8-B-c
phố Phương Đình 2	DC	P. Tào Xuyên	TP. Thanh Hoá	19° 51' 02"	105° 48' 01"					E-48-8-B-c
phố Phương Đình 3	DC	P. Tào Xuyên	TP. Thanh Hoá	19° 51' 02"	105° 48' 09"					E-48-8-B-c
cầu Tào Xuyên	KX	P. Tào Xuyên	TP. Thanh Hoá	19° 51' 12"	105° 47' 56"					E-48-8-B-c
phố Thành Khang 1	DC	P. Tào Xuyên	TP. Thanh Hoá	19° 51' 33"	105° 47' 55"					E-48-8-B-c
phố Thành Khang 2	DC	P. Tào Xuyên	TP. Thanh Hoá	19° 51' 43"	105° 47' 53"					E-48-8-B-c
phố Yên Vực 1	DC	P. Tào Xuyên	TP. Thanh Hoá	19° 50' 46"	105° 47' 31"					E-48-8-B-c
phố Yên Vực 2	DC	P. Tào Xuyên	TP. Thanh Hoá	19° 50' 43"	105° 47' 46"					E-48-8-B-c
phố Yên Vực 3	DC	P. Tào Xuyên	TP. Thanh Hoá	19° 50' 41"	105° 47' 38"					E-48-8-B-c
quốc lộ 1A	KX	P. Trường Thi	TP. Thanh Hoá			20° 08' 01"	105° 51' 32"	19° 18' 42"	105° 43' 16"	E-48-8-B-c
phố Bà Triệu 1	DC	P. Trường Thi	TP. Thanh Hoá	19° 49' 06"	105° 46' 26"					E-48-8-B-c
phố Bà Triệu 2	DC	P. Trường Thi	TP. Thanh Hoá	19° 49' 04"	105° 46' 33"					E-48-8-B-c
phố Bà Triệu 3	DC	P. Trường Thi	TP. Thanh Hoá	19° 48' 58"	105° 46' 26"					E-48-8-B-c
phố Bắc Đệ Nhất	DC	P. Trường Thi	TP. Thanh Hoá	19° 49' 14"	105° 46' 52"					E-48-8-B-c
phố Bắc Đệ Nhị	DC	P. Trường Thi	TP. Thanh Hoá	19° 49' 15"	105° 46' 18"					E-48-8-B-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng								Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối				
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	
phố Bắc Đội Cung 3	DC	P. Trường Thi	TP. Thanh Hoá	19° 49' 15"	105° 46' 44"							E-48-8-B-c
cầu Bốn Voi	KX	P. Trường Thi	TP. Thanh Hoá	19° 49' 04"	105° 47' 10"							E-48-8-B-c
phố Hậu Thành 1	DC	P. Trường Thi	TP. Thanh Hoá	19° 49' 03"	105° 47' 05"							E-48-8-B-c
phố Hậu Thành 2	DC	P. Trường Thi	TP. Thanh Hoá	19° 49' 00"	105° 46' 59"							E-48-8-B-c
phố Hoà Bình 1	DC	P. Trường Thi	TP. Thanh Hoá	19° 48' 56"	105° 46' 54"							E-48-8-B-c
phố Hoà Bình 2	DC	P. Trường Thi	TP. Thanh Hoá	19° 48' 47"	105° 46' 49"							E-48-8-B-c
phố Nam Đội Cung 1	DC	P. Trường Thi	TP. Thanh Hoá	19° 49' 07"	105° 46' 47"							E-48-8-B-c
phố Nam Đội Cung 2	DC	P. Trường Thi	TP. Thanh Hoá	19° 49' 09"	105° 46' 44"							E-48-8-B-c
phố Nam Đội Cung 3	DC	P. Trường Thi	TP. Thanh Hoá	19° 49' 12"	105° 46' 43"			19° 47' 53"	105° 47' 13"	19° 49' 27"	105° 48' 06"	E-48-8-B-c
sông Bến Ngự	TV	P. Trường Thi	TP. Thanh Hoá					19° 50' 06"	105° 45' 01"	19° 49' 03"	105° 47' 10"	E-48-8-B-c
Sông Hạc	TV	P. Trường Thi	TP. Thanh Hoá									E-48-8-B-c
phố Tân Lập	DC	P. Trường Thi	TP. Thanh Hoá	19° 49' 00"	105° 46' 48"							E-48-8-B-c
phố Thống Nhất 1	DC	P. Trường Thi	TP. Thanh Hoá	19° 49' 11"	105° 46' 56"							E-48-8-B-c
phố Thống Nhất 2	DC	P. Trường Thi	TP. Thanh Hoá	19° 49' 04"	105° 46' 54"							E-48-8-B-c
phố Thống Nhất 3	DC	P. Trường Thi	TP. Thanh Hoá	19° 49' 07"	105° 47' 01"							E-48-8-B-c
phố Trường Thi 1	DC	P. Trường Thi	TP. Thanh Hoá	19° 48' 50"	105° 46' 37"							E-48-8-B-c
phố Trường Thi 2	DC	P. Trường Thi	TP. Thanh Hoá	19° 48' 59"	105° 46' 40"							E-48-8-B-c
quốc lộ 47	KX	xã Đông Hưng	TP. Thanh Hoá			19° 44' 00"	105° 53' 56"	19° 53' 36"	105° 24' 14"			E-48-8-B-c; E-48-8-A-d
Xóm Hưng	DC	xã Đông Hưng	TP. Thanh Hoá	19° 47' 02"	105° 45' 22"							E-48-8-A-d
xóm Nam Hưng	DC	xã Đông Hưng	TP. Thanh Hoá	19° 46' 42"	105° 45' 14"							E-48-8-B-c
sông Nhà Lê	TV	xã Đông Hưng	TP. Thanh Hoá			19° 47' 32"	105° 45' 11"	19° 44' 24"	105° 44' 42"			E-48-8-B-c
Trại giam Phân trại 4 Thanh Phong	KX	xã Đông Hưng	TP. Thanh Hoá	19° 46' 42"	105° 45' 16"							E-48-8-B-c
Xóm Quang	DC	xã Đông Hưng	TP. Thanh Hoá	19° 47' 25"	105° 45' 04"							E-48-8-B-c
xóm Thắng Sơn	DC	xã Đông Hưng	TP. Thanh Hoá	19° 47' 40"	105° 45' 18"							E-48-8-B-c
Xóm Tiến	DC	xã Đông Hưng	TP. Thanh Hoá	19° 47' 08"	105° 44' 28"							E-48-8-A-d
Xóm Toàn	DC	xã Đông Hưng	TP. Thanh Hoá	19° 47' 25"	105° 44' 31"							E-48-8-A-d
Xóm Trần	DC	xã Đông Hưng	TP. Thanh Hoá	19° 47' 09"	105° 45' 14"							E-48-8-B-c
Cầu Trắng	KX	xã Đông Hưng	TP. Thanh Hoá	19° 46' 58"	105° 45' 07"							E-48-8-B-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	
quốc lộ 45	KX	xã Đông Lĩnh	TP. Thanh Hoá			20° 10' 25"	105° 46' 47"	19° 48' 05"	105° 26' 03"	E-48-8-A-d
Thôn Đông	DC	xã Đông Lĩnh	TP. Thanh Hoá	19° 49' 08"	105° 44' 42"					E-48-8-A-d
Thôn Hạnh	DC	xã Đông Lĩnh	TP. Thanh Hoá	19° 50' 32"	105° 44' 05"					E-48-8-A-d
thôn Hồ Thôn	DC	xã Đông Lĩnh	TP. Thanh Hoá	19° 49' 44"	105° 44' 24"					E-48-8-A-d
Thôn Lợi	DC	xã Đông Lĩnh	TP. Thanh Hoá	19° 49' 49"	105° 44' 52"					E-48-8-A-d
Thôn Nguyễn	DC	xã Đông Lĩnh	TP. Thanh Hoá	19° 50' 38"	105° 44' 10"					E-48-8-A-d
Sông Hạc	TV	xã Đông Lĩnh	TP. Thanh Hoá			19° 50' 06"	105° 45' 01"	19° 49' 03"	105° 47' 10"	E-48-8-B-c
Thôn Phú	DC	xã Đông Lĩnh	TP. Thanh Hoá	19° 50' 07"	105° 44' 52"					E-48-8-A-d
Thôn Quý	DC	xã Đông Lĩnh	TP. Thanh Hoá	19° 50' 16"	105° 44' 48"					E-48-8-A-d
Thôn Quyết	DC	xã Đông Lĩnh	TP. Thanh Hoá	19° 49' 58"	105° 45' 03"					E-48-8-B-c
núi Rừng Thông	SV	xã Đông Lĩnh	TP. Thanh Hoá	19° 49' 35"	105° 44' 35"					E-48-8-A-d
Thôn Sơn	DC	xã Đông Lĩnh	TP. Thanh Hoá	19° 49' 20"	105° 44' 35"					E-48-8-A-d
Thôn Tân	DC	xã Đông Lĩnh	TP. Thanh Hoá	19° 50' 25"	105° 43' 52"					E-48-8-A-d
thôn Tân Lương	DC	xã Đông Lĩnh	TP. Thanh Hoá	19° 49' 53"	105° 43' 48"					E-48-8-A-d
Thôn Thắng	DC	xã Đông Lĩnh	TP. Thanh Hoá	19° 49' 56"	105° 45' 00"					E-48-8-B-c
thôn Thọ Khang	DC	xã Đông Lĩnh	TP. Thanh Hoá	19° 50' 20"	105° 45' 00"					E-48-8-A-d
Thôn Tiến	DC	xã Đông Lĩnh	TP. Thanh Hoá	19° 50' 17"	105° 43' 49"					E-48-8-A-d
thôn Vĩnh Ngọc	DC	xã Đông Lĩnh	TP. Thanh Hoá	19° 49' 30"	105° 44' 48"					E-48-8-A-d
quốc lộ 45	KX	xã Đông Tân	TP. Thanh Hoá			20° 10' 25"	105° 46' 47"	19° 48' 05"	105° 26' 03"	E-48-8-B-c, E-48-8-A-d
quốc lộ 47	KX	xã Đông Tân	TP. Thanh Hoá			19° 44' 00"	105° 53' 56"	19° 53' 36"	105° 24' 14"	E-48-8-A-d
Cầu Đông	KX	xã Đông Tân	TP. Thanh Hoá	19° 48' 10"	105° 44' 49"					E-48-8-A-d
sông Nhà Lê	TV	xã Đông Tân	TP. Thanh Hoá			19° 51' 19"	105° 40' 40"	19° 47' 53"	105° 47' 13"	E-48-8-A-d
Núi Nhồi	SV	xã Đông Tân	TP. Thanh Hoá	19° 47' 52"	105° 44' 35"					E-48-8-A-d
sông Nông Giang	TV	xã Đông Tân	TP. Thanh Hoá			19° 53' 46"	105° 22' 38"	19° 50' 04"	105° 42' 15"	E-48-8-A-d, E-48-8-B-c
thôn Tân Cộng	DC	xã Đông Tân	TP. Thanh Hoá	19° 48' 17"	105° 44' 20"					E-48-8-A-d
thôn Tân Dân	DC	xã Đông Tân	TP. Thanh Hoá	19° 48' 47"	105° 44' 10"					E-48-8-A-d
thôn Tân Hạnh	DC	xã Đông Tân	TP. Thanh Hoá	19° 48' 20"	105° 44' 28"					E-48-8-A-d
thôn Tân Lê	DC	xã Đông Tân	TP. Thanh Hoá	19° 48' 51"	105° 43' 59"					E-48-8-A-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng								Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối				
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ			
				(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)			
thôn Tân Lợi	DC	xã Đông Tân	TP. Thanh Hoá	19° 48' 41"	105° 44' 06"						E-48-8-A-d	
thôn Tân Thọ	DC	xã Đông Tân	TP. Thanh Hoá	19° 48' 45"	105° 45' 11"						E-48-8-B-c	
thôn Tân Tự	DC	xã Đông Tân	TP. Thanh Hoá	19° 48' 29"	105° 44' 31"						E-48-8-A-d	
quốc lộ 47	KX	xã Đông Vinh	TP. Thanh Hoá			19° 44' 00"	105° 53' 56"	19° 53' 36"	105° 24' 14"		E-48-8-B-c	
thôn Đa Sĩ	DC	xã Đông Vinh	TP. Thanh Hoá	19° 46' 07"	105° 45' 43"						E-48-8-B-c	
thôn Đồng Cao	DC	xã Đông Vinh	TP. Thanh Hoá	19° 46' 00"	105° 45' 14"						E-48-8-B-c	
sông Nhà Lê	TV	xã Đông Vinh	TP. Thanh Hoá			19° 47' 32"	105° 45' 11"	19° 44' 24"	105° 44' 42"		E-48-8-B-c, E-48-8-C-b, E-48-8-D-a	
thôn Tam Thọ	DC	xã Đông Vinh	TP. Thanh Hoá	19° 45' 01"	105° 45' 25"						E-48-8-B-c	
thôn Văn Khê	DC	xã Đông Vinh	TP. Thanh Hoá	19° 45' 30"	105° 45' 43"						E-48-8-B-c	
thôn Văn Vật	DC	xã Đông Vinh	TP. Thanh Hoá	19° 44' 38"	105° 44' 46"						E-48-8-C-b	
quốc lộ 1A0	KX	xã Hoàng Anh	TP. Thanh Hoá			20° 03' 48"	106° 02' 24"	19° 51' 05"	105° 48' 00"		E-48-8-B-c	
Sông Gòong	TV	xã Hoàng Anh	TP. Thanh Hoá			19° 50' 40"	105° 48' 11"	19° 51' 50"	105° 52' 06"		E-48-8-B-c	
sông Lạch Trường	TV	xã Hoàng Anh	TP. Thanh Hoá			19° 51' 10"	105° 47' 13"	19° 53' 19"	105° 56' 43"		E-48-8-B-c	
kênh N16	TV	xã Hoàng Anh	TP. Thanh Hoá			19° 51' 38"	105° 49' 08"	19° 51' 01"	105° 48' 14"		E-48-8-B-c	
thôn Nhữ Xá 1	DC	xã Hoàng Anh	TP. Thanh Hoá	19° 51' 22"	105° 48' 32"						E-48-8-B-c	
thôn Quan Nội	DC	xã Hoàng Anh	TP. Thanh Hoá	19° 51' 29"	105° 48' 50"						E-48-8-B-c	
thôn Quan Nội 1	DC	xã Hoàng Anh	TP. Thanh Hoá	19° 51' 29"	105° 48' 40"						E-48-8-B-c	
thôn Quan Nội 2	DC	xã Hoàng Anh	TP. Thanh Hoá	19° 51' 23"	105° 48' 45"						E-48-8-B-c	
thôn Quan Nội 3	DC	xã Hoàng Anh	TP. Thanh Hoá	19° 51' 23"	105° 48' 49"						E-48-8-B-c	
thôn Quan Nội 4	DC	xã Hoàng Anh	TP. Thanh Hoá	19° 51' 29"	105° 48' 47"						E-48-8-B-c	
thôn Quan Nội 5	DC	xã Hoàng Anh	TP. Thanh Hoá	19° 51' 34"	105° 48' 54"						E-48-8-B-c	
thôn Quan Nội 6	DC	xã Hoàng Anh	TP. Thanh Hoá	19° 51' 25"	105° 48' 56"						E-48-8-B-c	
thôn Cát Lợi	DC	xã Hoàng Đại	TP. Thanh Hoá	19° 48' 10"	105° 50' 27"						E-48-8-B-c	
thôn Đại Đồng	DC	xã Hoàng Đại	TP. Thanh Hoá	19° 48' 21"	105° 50' 02"						E-48-8-B-c	
thôn Đồng Tiến	DC	xã Hoàng Đại	TP. Thanh Hoá	19° 48' 14"	105° 50' 24"						E-48-8-B-c	
thôn Hạnh Phúc	DC	xã Hoàng Đại	TP. Thanh Hoá	19° 48' 05"	105° 50' 02"						E-48-8-B-c	
thôn Kiều Tiến	DC	xã Hoàng Đại	TP. Thanh Hoá	19° 48' 27"	105° 50' 14"						E-48-8-B-c	

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng								Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối				
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ			
				(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)			
Sông Mã	TV	xã Hoàng Đại	TP. Thanh Hoá			20° 32' 02"	104° 29' 13"	19° 47' 08"	105° 55' 37"	E-48-8-B-c		
thôn Quang Hải	DC	xã Hoàng Đại	TP. Thanh Hoá	19° 48' 06"	105° 50' 11"					E-48-8-B-c		
thôn Sơn Hà	DC	xã Hoàng Đại	TP. Thanh Hoá	19° 47' 52"	105° 50' 35"					E-48-8-B-c		
thôn Vinh Quang	DC	xã Hoàng Đại	TP. Thanh Hoá	19° 48' 10"	105° 50' 10"					E-48-8-B-c		
quốc lộ 1A	KX	xã Hoàng Long	TP. Thanh Hoá			20° 08' 01"	105° 51' 32"	19° 18' 42"	105° 43' 16"	E-48-8-B-c		
thôn 1	DC	xã Hoàng Long	TP. Thanh Hoá	19° 50' 12"	105° 47' 44"					E-48-8-B-c		
thôn 2	DC	xã Hoàng Long	TP. Thanh Hoá	19° 50' 04"	105° 47' 56"					E-48-8-B-c		
thôn 3	DC	xã Hoàng Long	TP. Thanh Hoá	19° 49' 57"	105° 48' 04"					E-48-8-B-c		
thôn 4	DC	xã Hoàng Long	TP. Thanh Hoá	19° 49' 56"	105° 48' 09"					E-48-8-B-c		
thôn 5	DC	xã Hoàng Long	TP. Thanh Hoá	19° 49' 50"	105° 48' 09"					E-48-8-B-c		
thôn 6	DC	xã Hoàng Long	TP. Thanh Hoá	19° 49' 44"	105° 48' 15"					E-48-8-B-c		
Sông Giồng	TV	xã Hoàng Long	TP. Thanh Hoá			19° 50' 40"	105° 48' 11"	19° 51' 50"	105° 52' 06"	E-48-8-B-c		
cầu Hoàng Long	KX	xã Hoàng Long	TP. Thanh Hoá	19° 50' 12"	105° 47' 31"					E-48-8-B-c		
Sông Mã	TV	xã Hoàng Long	TP. Thanh Hoá			20° 32' 02"	104° 29' 13"	19° 47' 08"	105° 55' 37"	E-48-8-B-c		
quốc lộ 1A	KX	xã Hoàng Lý	TP. Thanh Hoá			20° 08' 01"	105° 51' 32"	19° 18' 42"	105° 43' 16"	E-48-8-B-c		
thôn 1	DC	xã Hoàng Lý	TP. Thanh Hoá	19° 51' 20"	105° 47' 36"					E-48-8-B-c		
thôn 2	DC	xã Hoàng Lý	TP. Thanh Hoá	19° 51' 24"	105° 47' 31"					E-48-8-B-c		
thôn 3	DC	xã Hoàng Lý	TP. Thanh Hoá	19° 51' 22"	105° 47' 38"					E-48-8-B-c		
thôn 4	DC	xã Hoàng Lý	TP. Thanh Hoá	19° 51' 25"	105° 47' 44"					E-48-8-B-c		
thôn 5	DC	xã Hoàng Lý	TP. Thanh Hoá	19° 51' 29"	105° 47' 42"					E-48-8-B-c		
thôn 6	DC	xã Hoàng Lý	TP. Thanh Hoá	19° 51' 32"	105° 47' 49"					E-48-8-B-c		
thôn 7	DC	xã Hoàng Lý	TP. Thanh Hoá	19° 51' 37"	105° 48' 11"					E-48-8-B-c		
sông Lạch Trường	TV	xã Hoàng Lý	TP. Thanh Hoá			19° 51' 10"	105° 47' 13"	19° 53' 19"	105° 56' 43"	E-48-8-B-c		
Sông Mã	TV	xã Hoàng Lý	TP. Thanh Hoá			20° 32' 02"	104° 29' 13"	19° 47' 08"	105° 55' 37"	E-48-8-B-c		
thôn 1	DC	xã Hoàng Quang	TP. Thanh Hoá	19° 49' 39"	105° 48' 23"					E-48-8-B-c		
thôn 2	DC	xã Hoàng Quang	TP. Thanh Hoá	19° 49' 33"	105° 48' 33"					E-48-8-B-c		
thôn 3	DC	xã Hoàng Quang	TP. Thanh Hoá	19° 49' 35"	105° 48' 41"					E-48-8-B-c		
thôn 4	DC	xã Hoàng Quang	TP. Thanh Hoá	19° 49' 26"	105° 48' 50"					E-48-8-B-c		
thôn 5	DC	xã Hoàng Quang	TP. Thanh Hoá	19° 49' 29"	105° 48' 58"					E-48-8-B-c		

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	
thôn 6	DC	xã Hoằng Quang	TP. Thanh Hoá	19° 49' 20"	105° 49' 05"					E-48-8-B-c
thôn 7	DC	xã Hoằng Quang	TP. Thanh Hoá	19° 49' 06"	105° 49' 12"					E-48-8-B-c
thôn 8	DC	xã Hoằng Quang	TP. Thanh Hoá	19° 48' 57"	105° 49' 22"					E-48-8-B-c
thôn 9	DC	xã Hoằng Quang	TP. Thanh Hoá	19° 48' 49"	105° 49' 25"					E-48-8-B-c
thôn 10	DC	xã Hoằng Quang	TP. Thanh Hoá	19° 48' 43"	105° 49' 31"					E-48-8-B-c
Sông Mã	TV	xã Hoằng Quang	TP. Thanh Hoá			20° 32' 02"	104° 29' 13"	19° 47' 08"	105° 55' 37"	E-48-8-B-c
kênh N18	TV	xã Hoằng Quang	TP. Thanh Hoá			19° 51' 06"	105° 49' 41"	19° 49' 23"	105° 49' 08"	E-48-8-B-c
thôn 1	DC	xã Quảng Cát	TP. Thanh Hoá	19° 44' 20"	105° 51' 04"					E-48-8-D-a
thôn 2	DC	xã Quảng Cát	TP. Thanh Hoá	19° 44' 33"	105° 51' 04"					E-48-8-D-a
thôn 3	DC	xã Quảng Cát	TP. Thanh Hoá	19° 44' 24"	105° 50' 49"					E-48-8-D-a
thôn 4	DC	xã Quảng Cát	TP. Thanh Hoá	19° 44' 37"	105° 50' 56"					E-48-8-D-a
thôn 5	DC	xã Quảng Cát	TP. Thanh Hoá	19° 44' 22"	105° 50' 13"					E-48-8-D-a
thôn 6	DC	xã Quảng Cát	TP. Thanh Hoá	19° 44' 30"	105° 50' 13"					E-48-8-D-a
thôn 7	DC	xã Quảng Cát	TP. Thanh Hoá	19° 44' 33"	105° 49' 48"					E-48-8-D-a
thôn 8	DC	xã Quảng Cát	TP. Thanh Hoá	19° 44' 37"	105° 50' 24"					E-48-8-D-a
thôn 9	DC	xã Quảng Cát	TP. Thanh Hoá	19° 44' 43"	105° 50' 20"					E-48-8-D-a
thôn 10	DC	xã Quảng Cát	TP. Thanh Hoá	19° 44' 50"	105° 50' 20"					E-48-8-D-a
thôn 11	DC	xã Quảng Cát	TP. Thanh Hoá	19° 44' 52"	105° 50' 06"					E-48-8-D-a
thôn 12	DC	xã Quảng Cát	TP. Thanh Hoá	19° 45' 05"	105° 50' 17"					E-48-8-B-c
thôn 13	DC	xã Quảng Cát	TP. Thanh Hoá	19° 44' 55"	105° 49' 52"					E-48-8-D-a
thôn 14	DC	xã Quảng Cát	TP. Thanh Hoá	19° 45' 06"	105° 49' 47"					E-48-8-B-c
thôn 15	DC	xã Quảng Cát	TP. Thanh Hoá	19° 45' 11"	105° 49' 51"					E-48-8-B-c
thôn 16	DC	xã Quảng Cát	TP. Thanh Hoá	19° 45' 28"	105° 49' 52"					E-48-8-B-c
thôn 17	DC	xã Quảng Cát	TP. Thanh Hoá	19° 45' 24"	105° 49' 38"					E-48-8-B-c
thôn 18	DC	xã Quảng Cát	TP. Thanh Hoá	19° 44' 57"	105° 49' 19"					E-48-8-B-c
quốc lộ 47	KX	xã Quảng Cát	TP. Thanh Hoá			19° 44' 00"	105° 53' 56"	19° 53' 36"	105° 24' 14"	E-48-8-B-c
đường tỉnh 511	KX	xã Quảng Cát	TP. Thanh Hoá			19° 45' 15"	105° 50' 20"	19° 38' 43"	105° 47' 49"	E-48-8-D-a, E-48-8-B-c
quốc lộ 47	KX	xã Quảng Đông	TP. Thanh Hoá			19° 44' 00"	105° 53' 56"	19° 53' 36"	105° 24' 14"	E-48-8-B-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng								Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối				
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ			
				(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)			
thôn Đông Đoài	DC	xã Quảng Đông	TP. Thanh Hoá	19° 45' 18"	105° 48' 07"						E-48-8-B-c	
thôn Đông Hoà	DC	xã Quảng Đông	TP. Thanh Hoá	19° 45' 56"	105° 48' 32"						E-48-8-B-c	
thôn Đông Hưng	DC	xã Quảng Đông	TP. Thanh Hoá	19° 46' 04"	105° 48' 25"						E-48-8-B-c	
thôn Đông Nghĩa	DC	xã Quảng Đông	TP. Thanh Hoá	19° 45' 38"	105° 47' 53"						E-48-8-B-c	
thôn Đông Ngọc	DC	xã Quảng Đông	TP. Thanh Hoá	19° 45' 22"	105° 47' 49"						E-48-8-B-c	
thôn Đông Quang 1	DC	xã Quảng Đông	TP. Thanh Hoá	19° 45' 37"	105° 48' 11"						E-48-8-B-c	
thôn Đông Quang 2	DC	xã Quảng Đông	TP. Thanh Hoá	19° 45' 44"	105° 48' 14"						E-48-8-B-c	
thôn Đông Thành	DC	xã Quảng Đông	TP. Thanh Hoá	19° 45' 25"	105° 48' 07"						E-48-8-B-c	
thôn Đông Văn	DC	xã Quảng Đông	TP. Thanh Hoá	19° 45' 59"	105° 49' 19"						E-48-8-B-c	
thôn Đông Việt	DC	xã Quảng Đông	TP. Thanh Hoá	19° 46' 20"	105° 48' 54"						E-48-8-B-c	
thôn Đông Vĩnh	DC	xã Quảng Đông	TP. Thanh Hoá	19° 45' 31"	105° 48' 09"						E-48-8-B-c	
thôn Đông Vũ	DC	xã Quảng Đông	TP. Thanh Hoá	19° 46' 05"	105° 48' 58"						E-48-8-B-c	
sông Nông Giang	TV	xã Quảng Đông	TP. Thanh Hoá			19° 53' 46"	105° 22' 38"	19° 50' 04"	105° 42' 15"		E-48-8-B-c	
thôn 1	DC	xã Quảng Phú	TP. Thanh Hoá	19° 46' 10"	105° 51' 18"						E-48-8-B-c	
thôn 2	DC	xã Quảng Phú	TP. Thanh Hoá	19° 46' 18"	105° 50' 46"						E-48-8-B-c	
thôn 3	DC	xã Quảng Phú	TP. Thanh Hoá	19° 46' 06"	105° 50' 31"						E-48-8-B-c	
thôn 4	DC	xã Quảng Phú	TP. Thanh Hoá	19° 46' 07"	105° 50' 20"						E-48-8-B-c	
thôn 5	DC	xã Quảng Phú	TP. Thanh Hoá	19° 45' 51"	105° 49' 34"						E-48-8-B-c	
thôn 6	DC	xã Quảng Phú	TP. Thanh Hoá	19° 46' 16"	105° 50' 02"						E-48-8-B-c	
thôn 7	DC	xã Quảng Phú	TP. Thanh Hoá	19° 46' 22"	105° 49' 37"						E-48-8-B-c	
thôn 8	DC	xã Quảng Phú	TP. Thanh Hoá	19° 46' 24"	105° 49' 23"						E-48-8-B-c	
thôn 9	DC	xã Quảng Phú	TP. Thanh Hoá	19° 46' 39"	105° 49' 48"						E-48-8-B-c	
quốc lộ 47	KX	xã Quảng Phú	TP. Thanh Hoá			19° 44' 00"	105° 53' 56"	19° 53' 36"	105° 24' 14"		E-48-8-B-c	
Sông Mã	TV	xã Quảng Phú	TP. Thanh Hoá			20° 32' 02"	104° 29' 13"	19° 47' 08"	105° 55' 37"		E-48-8-B-c	
sông Thống Nhất	TV	xã Quảng Phú	TP. Thanh Hoá			19° 47' 53"	105° 47' 13"	19° 46' 18"	105° 53' 02"		E-48-8-B-c	
sông Trường Lệ	TV	xã Quảng Phú	TP. Thanh Hoá			19° 46' 15"	105° 49' 43"	19° 45' 44"	105° 52' 58"		E-48-8-B-c	
quốc lộ 47	KX	xã Quảng Tâm	TP. Thanh Hoá			19° 44' 00"	105° 53' 56"	19° 53' 36"	105° 24' 14"		E-48-8-B-c, E-48-8-D-a	
Bệnh viện 71	KX	xã Quảng Tâm	TP. Thanh Hoá	19° 45' 36"	105° 50' 28"						E-48-8-B-c	
đường tỉnh 511	KX	xã Quảng Tâm	TP. Thanh Hoá			19° 45' 15"	105° 50' 20"	19° 38' 43"	105° 47' 49"		E-48-8-B-c	

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng								Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối				
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	
thôn Chiến Thắng	DC	xã Quảng Tâm	TP. Thanh Hoá	19° 45' 01"	105° 50' 24"							E-48-8-B-c
thôn Đình Cường	DC	xã Quảng Tâm	TP. Thanh Hoá	19° 45' 15"	105° 50' 46"							E-48-8-B-c
Ngã ba Mỏi	KX	xã Quảng Tâm	TP. Thanh Hoá	19° 45' 15"	105° 50' 21"							E-48-8-B-c
thôn Phó Mỏi	DC	xã Quảng Tâm	TP. Thanh Hoá	19° 45' 12"	105° 50' 30"							E-48-8-B-c
thôn Phú Quý	DC	xã Quảng Tâm	TP. Thanh Hoá	19° 45' 22"	105° 50' 31"							E-48-8-B-c
thôn Phúc Thọ	DC	xã Quảng Tâm	TP. Thanh Hoá	19° 45' 02"	105° 50' 55"							E-48-8-B-c
thôn Quang Trung	DC	xã Quảng Tâm	TP. Thanh Hoá	19° 45' 49"	105° 50' 40"							E-48-8-B-c
thôn Thanh Kiên	DC	xã Quảng Tâm	TP. Thanh Hoá	19° 45' 42"	105° 50' 45"	19° 47' 53"	105° 47' 13"	19° 46' 18"	105° 53' 02"			E-48-8-B-c
sông Thống Nhất	TV	xã Quảng Tâm	TP. Thanh Hoá	19° 45' 32"	105° 51' 00"							E-48-8-B-c
thôn Tiến Thành	DC	xã Quảng Tâm	TP. Thanh Hoá			19° 46' 15"	105° 49' 43"	19° 45' 44"	105° 52' 58"			E-48-8-B-c
sông Trường Lệ	TV	xã Quảng Tâm	TP. Thanh Hoá			20° 08' 01"	105° 51' 32"	19° 18' 42"	105° 43' 16"			E-48-8-B-c
quốc lộ 1A	KX	xã Quảng Thịnh	TP. Thanh Hoá			20° 10' 25"	105° 46' 47"	19° 48' 05"	105° 26' 03"			E-48-8-B-c, E-48-8-A-d
quốc lộ 45	KX	xã Quảng Thịnh	TP. Thanh Hoá									E-48-8-B-c
quốc lộ 47	KX	xã Quảng Thịnh	TP. Thanh Hoá					19° 44' 00"	105° 53' 56"	19° 53' 36"	105° 24' 14"	E-48-8-B-c
thôn Gia Lộc	DC	xã Quảng Thịnh	TP. Thanh Hoá	19° 45' 28"	105° 46' 10"							E-48-8-B-c
sông Nhà Lê	TV	xã Quảng Thịnh	TP. Thanh Hoá			19° 47' 32"	105° 45' 11"	19° 44' 24"	105° 44' 42"	19° 50' 04"	105° 42' 15"	E-48-8-B-c
sông Nông Giang	TV	xã Quảng Thịnh	TP. Thanh Hoá			19° 53' 46"	105° 22' 38"					E-48-8-B-c
cầu Quán Nam	KX	xã Quảng Thịnh	TP. Thanh Hoá	19° 45' 52"	105° 46' 30"							E-48-8-B-c
thôn Quyết Thắng	DC	xã Quảng Thịnh	TP. Thanh Hoá	19° 45' 11"	105° 46' 14"							E-48-8-B-c
thôn Thịnh Hùng	DC	xã Quảng Thịnh	TP. Thanh Hoá	19° 45' 31"	105° 46' 26"							E-48-8-B-c
thôn Thịnh Ngọc	DC	xã Quảng Thịnh	TP. Thanh Hoá	19° 45' 25"	105° 46' 47"							E-48-8-B-c
thôn Thịnh Táng	DC	xã Quảng Thịnh	TP. Thanh Hoá	19° 45' 31"	105° 45' 51"							E-48-8-B-c
thôn Thịnh Vạn	DC	xã Quảng Thịnh	TP. Thanh Hoá	19° 44' 56"	105° 45' 40"							E-48-8-D-a
thôn Tiến Thọ	DC	xã Quảng Thịnh	TP. Thanh Hoá	19° 45' 45"	105° 46' 23"							E-48-8-B-c
thôn Trường Sơn	DC	xã Quảng Thịnh	TP. Thanh Hoá	19° 46' 06"	105° 45' 54"							E-48-8-B-c
Cầu Voi	KX	xã Quảng Thịnh	TP. Thanh Hoá	19° 46' 18"	105° 45' 54"							E-48-8-B-c
thôn 1	DC	xã Thiệu Dương	TP. Thanh Hoá	19° 52' 17"	105° 45' 51"							E-48-8-B-c
thôn 2	DC	xã Thiệu Dương	TP. Thanh Hoá	19° 52' 07"	105° 45' 53"							E-48-8-B-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng								Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối				
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	
thôn 3	DC	xã Thiệu Dương	TP. Thanh Hoá	19° 51' 58"	105° 45' 48"							E-48-8-B-c
thôn 4	DC	xã Thiệu Dương	TP. Thanh Hoá	19° 52' 26"	105° 45' 49"							E-48-8-B-c
thôn 5	DC	xã Thiệu Dương	TP. Thanh Hoá	19° 52' 17"	105° 45' 59"							E-48-8-B-c
thôn 6	DC	xã Thiệu Dương	TP. Thanh Hoá	19° 52' 10"	105° 46' 04"							E-48-8-B-c
thôn 7	DC	xã Thiệu Dương	TP. Thanh Hoá	19° 52' 07"	105° 46' 09"							E-48-8-B-c
thôn 8	DC	xã Thiệu Dương	TP. Thanh Hoá	19° 52' 03"	105° 46' 19"							E-48-8-B-c
thôn 9	DC	xã Thiệu Dương	TP. Thanh Hoá	19° 51' 55"	105° 46' 41"							E-48-8-B-c
thôn 10	DC	xã Thiệu Dương	TP. Thanh Hoá	19° 51' 44"	105° 46' 46"							E-48-8-B-c
Núi Chè	SV	xã Thiệu Dương	TP. Thanh Hoá	19° 51' 37"	105° 46' 30"							E-48-8-B-c
Sông Mã	TV	xã Thiệu Dương	TP. Thanh Hoá			20° 32' 02"	104° 29' 13"	19° 47' 08"	105° 55' 37"			E-48-8-B-c, E-48-8-B-a
thôn 1	DC	xã Thiệu Khánh	TP. Thanh Hoá	19° 52' 42"	105° 44' 10"							E-48-8-A-b
thôn 2	DC	xã Thiệu Khánh	TP. Thanh Hoá	19° 52' 37"	105° 44' 22"							E-48-8-A-b
thôn 3	DC	xã Thiệu Khánh	TP. Thanh Hoá	19° 52' 41"	105° 44' 32"							E-48-8-A-b
thôn 4	DC	xã Thiệu Khánh	TP. Thanh Hoá	19° 52' 39"	105° 44' 39"							E-48-8-A-b
thôn 5	DC	xã Thiệu Khánh	TP. Thanh Hoá	19° 52' 48"	105° 44' 39"							E-48-8-A-b
thôn 6	DC	xã Thiệu Khánh	TP. Thanh Hoá	19° 52' 50"	105° 45' 01"							E-48-8-B-a
thôn 7	DC	xã Thiệu Khánh	TP. Thanh Hoá	19° 52' 39"	105° 45' 20"							E-48-8-B-a
thôn 8	DC	xã Thiệu Khánh	TP. Thanh Hoá	19° 52' 25"	105° 45' 21"							E-48-8-B-c
thôn 9	DC	xã Thiệu Khánh	TP. Thanh Hoá	19° 52' 38"	105° 45' 43"							E-48-8-B-a
Sông Chu	TV	xã Thiệu Khánh	TP. Thanh Hoá			19° 55' 20"	105° 07' 59"	19° 53' 02"	105° 45' 23"			E-48-8-A-b, E-48-8-B-a
Núi Đọ	SV	xã Thiệu Khánh	TP. Thanh Hoá	19° 52' 29"	105° 43' 48"							E-48-8-A-b
thôn Giang Thanh	DC	xã Thiệu Khánh	TP. Thanh Hoá	19° 52' 59"	105° 44' 45"							E-48-8-A-b
Sông Mã	TV	xã Thiệu Khánh	TP. Thanh Hoá			20° 32' 02"	104° 29' 13"	19° 47' 08"	105° 55' 37"			E-48-8-B-a
thôn Thủ Công	DC	xã Thiệu Khánh	TP. Thanh Hoá	19° 52' 44"	105° 45' 09"							E-48-8-B-a
thôn 1	DC	xã Thiệu Vân	TP. Thanh Hoá	19° 51' 52"	105° 44' 49"							E-48-8-B-a
thôn 2	DC	xã Thiệu Vân	TP. Thanh Hoá	19° 51' 49"	105° 44' 44"							E-48-8-A-d
thôn 3	DC	xã Thiệu Vân	TP. Thanh Hoá	19° 51' 41"	105° 44' 51"							E-48-8-A-d
thôn 4	DC	xã Thiệu Vân	TP. Thanh Hoá	19° 51' 30"	105° 44' 32"							E-48-8-A-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	
thôn 5	DC	xã Thiệu Văn	TP. Thanh Hoá	19° 51' 52"	105° 44' 10"					E-48-8-A-d
thôn 6	DC	xã Thiệu Văn	TP. Thanh Hoá	19° 51' 55"	105° 43' 55"					E-48-8-A-d
thôn 7	DC	xã Thiệu Văn	TP. Thanh Hoá	19° 51' 51"	105° 43' 34"					E-48-8-A-d
thôn 8	DC	xã Thiệu Văn	TP. Thanh Hoá	19° 52' 05"	105° 43' 34"					E-48-8-A-b
Núi Đọ	SV	xã Thiệu Văn	TP. Thanh Hoá	19° 52' 29"	105° 43' 48"					F-48-92-D-c
khu phố 1	DC	P. Ba Đình	TX. Bỉm Sơn	20° 05' 04"	105° 51' 29"					F-48-92-D-c
khu phố 2	DC	P. Ba Đình	TX. Bỉm Sơn	20° 05' 13"	105° 51' 37"					F-48-92-D-c
khu phố 3	DC	P. Ba Đình	TX. Bỉm Sơn	20° 05' 06"	105° 51' 38"					F-48-92-D-c
khu phố 4	DC	P. Ba Đình	TX. Bỉm Sơn	20° 05' 08"	105° 51' 45"					F-48-92-D-c
khu phố 5	DC	P. Ba Đình	TX. Bỉm Sơn	20° 04' 56"	105° 51' 50"					F-48-92-D-c
khu phố 6	DC	P. Ba Đình	TX. Bỉm Sơn	20° 04' 49"	105° 52' 00"					F-48-92-D-d
khu phố 7	DC	P. Ba Đình	TX. Bỉm Sơn	20° 05' 31"	105° 52' 36"					F-48-92-D-c
khu phố 8	DC	P. Ba Đình	TX. Bỉm Sơn	20° 05' 21"	105° 52' 28"					F-48-92-D-d
khu phố 9	DC	P. Ba Đình	TX. Bỉm Sơn	20° 05' 14"	105° 52' 46"					F-48-92-D-d
khu phố 10	DC	P. Ba Đình	TX. Bỉm Sơn	20° 06' 03"	105° 52' 56"					F-48-92-D-d
khu phố 11	DC	P. Ba Đình	TX. Bỉm Sơn	20° 05' 19"	105° 52' 38"					F-48-92-D-d
Nhà máy Xi măng Bỉm Sơn	KX	P. Ba Đình	TX. Bỉm Sơn	20° 05' 31"	105° 53' 04"					F-48-92-D-d
hồ Cánh Chim	TV	P. Ba Đình	TX. Bỉm Sơn	20° 06' 17"	105° 52' 59"					F-48-92-D-d
Trường Cao đẳng Tài nguyên và Môi trường Miền Trung	KX	P. Ba Đình	TX. Bỉm Sơn	20° 05' 09"	105° 51' 32"					F-48-92-D-c
quốc lộ 1A	KX	P. Bắc Sơn	TX. Bỉm Sơn			20° 08' 01"	105° 51' 32"	19° 18' 42"	105° 43' 16"	F-48-92-D-c
khu phố 1	DC	P. Bắc Sơn	TX. Bỉm Sơn	20° 05' 23"	105° 51' 13"					F-48-92-D-c
khu phố 2	DC	P. Bắc Sơn	TX. Bỉm Sơn	20° 05' 32"	105° 51' 03"					F-48-92-D-c
khu phố 3	DC	P. Bắc Sơn	TX. Bỉm Sơn	20° 05' 37"	105° 51' 19"					F-48-92-D-c
khu phố 4	DC	P. Bắc Sơn	TX. Bỉm Sơn	20° 05' 49"	105° 51' 28"					F-48-92-D-c
khu phố 5	DC	P. Bắc Sơn	TX. Bỉm Sơn	20° 05' 55"	105° 51' 42"					F-48-92-D-c
khu phố 6	DC	P. Bắc Sơn	TX. Bỉm Sơn	20° 06' 05"	105° 51' 13"					F-48-92-D-c
khu phố 7	DC	P. Bắc Sơn	TX. Bỉm Sơn	20° 07' 06"	105° 50' 56"					F-48-92-D-c
khu phố 8	DC	P. Bắc Sơn	TX. Bỉm Sơn	20° 07' 48"	105° 51' 24"					F-48-92-D-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ,phút,gây)	(Độ,phút,gây)	(Độ,phút,gây)	(Độ,phút,gây)	(Độ,phút,gây)	(Độ,phút,gây)	
khu phố 9	DC	P. Bắc Sơn	TX. Bím Sơn	20° 05' 48"	105° 50' 59"					F-48-92-D-c
khu phố 10	DC	P. Bắc Sơn	TX. Bím Sơn	20° 06' 00"	105° 50' 34"					F-48-92-D-c
khu phố 11	DC	P. Bắc Sơn	TX. Bím Sơn	20° 06' 02"	105° 50' 11"					F-48-92-D-c
khu phố 12	DC	P. Bắc Sơn	TX. Bím Sơn	20° 07' 08"	105° 52' 59"					F-48-92-D-d
cầu Ba Lá	KX	P. Bắc Sơn	TX. Bím Sơn	20° 07' 03"	105° 50' 56"					F-48-92-D-c
cầu Núi Một	KX	P. Bắc Sơn	TX. Bím Sơn	20° 06' 41"	105° 51' 11"					F-48-92-D-c
Cầu Sông	KX	P. Bắc Sơn	TX. Bím Sơn	20° 05' 33"	105° 51' 25"					F-48-92-D-c
đền Sông Sơn	KX	P. Bắc Sơn	TX. Bím Sơn	20° 05' 46"	105° 51' 18"					F-48-92-D-c
khu phố 3	DC	P. Đông Sơn	TX. Bím Sơn	20° 04' 16"	105° 53' 57"					F-48-92-D-d
khu phố 5	DC	P. Đông Sơn	TX. Bím Sơn	20° 04' 28"	105° 53' 34"					F-48-92-D-d
khu phố 7	DC	P. Đông Sơn	TX. Bím Sơn	20° 04' 53"	105° 53' 36"					F-48-92-D-d
khu phố 8	DC	P. Đông Sơn	TX. Bím Sơn	20° 04' 10"	105° 53' 32"					F-48-92-D-d
núi Ba Voi	SV	P. Đông Sơn	TX. Bím Sơn	20° 04' 25"	105° 55' 01"					F-48-92-D-d
xóm Đông Thôn	DC	P. Đông Sơn	TX. Bím Sơn	20° 03' 56"	105° 54' 01"					F-48-92-D-d
cầu Hà Lan	KX	P. Đông Sơn	TX. Bím Sơn	20° 03' 52"	105° 53' 21"					F-48-92-D-d
xóm Sơn Nam	DC	P. Đông Sơn	TX. Bím Sơn	20° 03' 55"	105° 53' 31"					F-48-92-D-d
xóm Sơn Tây	DC	P. Đông Sơn	TX. Bím Sơn	20° 03' 55"	105° 54' 30"					F-48-92-D-d
xóm Trung Sơn	DC	P. Đông Sơn	TX. Bím Sơn	20° 03' 52"	105° 54' 15"					F-48-92-D-d
xóm Trường Sơn	DC	P. Đông Sơn	TX. Bím Sơn	20° 04' 33"	105° 54' 09"					F-48-92-D-d
khu phố 1	DC	P. Lam Sơn	TX. Bím Sơn	20° 04' 19"	105° 53' 04"					F-48-92-D-d
khu phố 2	DC	P. Lam Sơn	TX. Bím Sơn	20° 04' 01"	105° 53' 21"					F-48-92-D-d
khu phố 4	DC	P. Lam Sơn	TX. Bím Sơn	20° 04' 44"	105° 53' 27"					F-48-92-D-d
khu phố 6	DC	P. Lam Sơn	TX. Bím Sơn	20° 05' 13"	105° 53' 02"					F-48-92-D-d
khu phố 9	DC	P. Lam Sơn	TX. Bím Sơn	20° 05' 05"	105° 53' 32"					F-48-92-D-d
thôn Cổ Đàm	DC	P. Lam Sơn	TX. Bím Sơn	20° 04' 42"	105° 52' 23"					F-48-92-D-c
cầu Hà Lan	KX	P. Lam Sơn	TX. Bím Sơn	20° 03' 52"	105° 53' 21"					F-48-92-D-d
thôn Nghĩa Môn	DC	P. Lam Sơn	TX. Bím Sơn	20° 04' 20"	105° 52' 55"					F-48-92-D-d
Đồi Ông	SV	P. Lam Sơn	TX. Bím Sơn	20° 04' 28"	105° 53' 13"					F-48-92-D-d
quốc lộ 1A	KX	P. Ngọc Trạo	TX. Bím Sơn			20° 08' 01"	105° 51' 32"	19° 18' 42"	105° 43' 16"	F-48-92-D-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	
khu phố 1	DC	P. Ngọc Trạo	TX. Bim Sơn	20° 04' 58"	105° 51' 20"					F-48-92-D-c
khu phố 2	DC	P. Ngọc Trạo	TX. Bim Sơn	20° 04' 48"	105° 51' 16"					F-48-92-D-c
khu phố 3	DC	P. Ngọc Trạo	TX. Bim Sơn	20° 04' 45"	105° 51' 07"					F-48-92-D-c
khu phố 6	DC	P. Ngọc Trạo	TX. Bim Sơn	20° 04' 48"	105° 51' 02"					F-48-92-D-c
khu phố 10	DC	P. Ngọc Trạo	TX. Bim Sơn	20° 05' 10"	105° 51' 14"					F-48-92-D-c
khu phố 11	DC	P. Ngọc Trạo	TX. Bim Sơn	20° 05' 17"	105° 51' 23"					F-48-92-D-c
khu phố 12	DC	P. Ngọc Trạo	TX. Bim Sơn	20° 05' 17"	105° 50' 48"					F-48-92-D-c
khu phố 13	DC	P. Ngọc Trạo	TX. Bim Sơn	20° 05' 07"	105° 50' 33"					F-48-92-D-c
khu phố 14	DC	P. Ngọc Trạo	TX. Bim Sơn	20° 05' 12"	105° 50' 24"					F-48-92-D-c
ga Bim Sơn	KX	P. Ngọc Trạo	TX. Bim Sơn	20° 04' 57"	105° 51' 14"					F-48-92-D-c
khu phố Nguyễn Huệ	DC	P. Ngọc Trạo	TX. Bim Sơn	20° 04' 50"	105° 51' 14"	20° 08' 01"	105° 51' 32"	19° 18' 42"	105° 43' 16"	F-48-92-D-c
quốc lộ 1A	KX	P. Phú Sơn	TX. Bim Sơn							F-48-92-D-c
khu phố 1	DC	P. Phú Sơn	TX. Bim Sơn	20° 04' 40"	105° 51' 10"					F-48-92-D-c
khu phố 2	DC	P. Phú Sơn	TX. Bim Sơn	20° 04' 48"	105° 51' 23"					F-48-92-D-c
khu phố 3	DC	P. Phú Sơn	TX. Bim Sơn	20° 04' 48"	105° 51' 34"					F-48-92-D-c
khu phố 4	DC	P. Phú Sơn	TX. Bim Sơn	20° 04' 37"	105° 51' 13"					F-48-92-D-c
khu phố 5	DC	P. Phú Sơn	TX. Bim Sơn	20° 04' 24"	105° 51' 14"					F-48-92-D-c
khu phố 6	DC	P. Phú Sơn	TX. Bim Sơn	20° 04' 33"	105° 51' 33"					F-48-92-D-c
Cầu Cài	KX	xã Hà Lan	TX. Bim Sơn	20° 03' 03"	105° 53' 43"					F-48-92-D-c
cầu Đa Nam	KX	xã Hà Lan	TX. Bim Sơn	20° 02' 49"	105° 53' 54"					F-48-92-D-d
thôn Điền Lư	DC	xã Hà Lan	TX. Bim Sơn	20° 03' 30"	105° 53' 58"					F-48-92-D-d
thôn Đoài Thôn	DC	xã Hà Lan	TX. Bim Sơn	20° 03' 45"	105° 53' 24"	20° 03' 40"	106° 01' 30"	19° 58' 20"	105° 55' 15"	F-48-92-D-d
Sông Hoạt	TV	xã Hà Lan	TX. Bim Sơn							F-48-92-D-d
thôn Liên Giang	DC	xã Hà Lan	TX. Bim Sơn	20° 03' 16"	105° 54' 29"					F-48-92-D-d
Sông Tống	TV	xã Hà Lan	TX. Bim Sơn			20° 03' 36"	105° 52' 30"	20° 02' 42"	105° 54' 43"	F-48-92-D-c
thôn Xuân Nội	DC	xã Hà Lan	TX. Bim Sơn	20° 03' 51"	105° 54' 56"					F-48-92-D-d
quốc lộ 1A	KX	xã Quang Trung	TX. Bim Sơn							F-48-92-D-c
thôn 1	DC	xã Quang Trung	TX. Bim Sơn	20° 04' 17"	105° 52' 17"	20° 08' 01"	105° 51' 32"	19° 18' 42"	105° 43' 16"	F-48-92-D-c
thôn 2	DC	xã Quang Trung	TX. Bim Sơn	20° 03' 36"	105° 51' 51"					F-48-92-D-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng								Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối				
				Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ			
				(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)			
thôn 3	DC	xã Quang Trung	TX. Bầm Sơn	105° 50' 42"	20° 04' 37"						F-48-92-D-c	
thôn 4	DC	xã Quang Trung	TX. Bầm Sơn	105° 51' 00"	20° 04' 00"						F-48-92-D-c	
thôn 5	DC	xã Quang Trung	TX. Bầm Sơn	105° 50' 39"	20° 04' 11"						F-48-92-D-c	
thôn 6	DC	xã Quang Trung	TX. Bầm Sơn	105° 50' 17"	20° 04' 14"						F-48-92-D-c	
đường tỉnh 522	KX	xã Quang Trung	TX. Bầm Sơn			105° 51' 00"	20° 12' 37"	105° 36' 50"			F-48-92-D-c	
Sông Tống	TV	xã Quang Trung	TX. Bầm Sơn			105° 52' 30"	20° 02' 42"	105° 54' 43"			F-48-92-D-c	
cầu Tống Giang	KX	xã Quang Trung	TX. Bầm Sơn	105° 50' 50"	20° 03' 31"						F-48-92-D-c	
sông Tống Giang	TV	xã Quang Trung	TX. Bầm Sơn			105° 49' 36"	20° 02' 52"	105° 51' 04"			F-48-92-D-d	
khu phố Bình Sơn	DC	P. Bắc Sơn	TX. Sầm Sơn	105° 53' 38"	19° 44' 22"						E-48-8-D-b	
Sông Đơ	TV	P. Bắc Sơn	TX. Sầm Sơn			105° 53' 20"	19° 43' 37"	105° 52' 37"			E-48-8-D-b	
khu phố Đồng Xuân	DC	P. Bắc Sơn	TX. Sầm Sơn	105° 53' 18"	19° 44' 42"						E-48-8-D-b	
đường Hồ Xuân Hương	KX	P. Bắc Sơn	TX. Sầm Sơn			105° 54' 14"	19° 43' 54"	105° 53' 53"			E-48-8-D-b	
khu phố Hoà Sơn	DC	P. Bắc Sơn	TX. Sầm Sơn	105° 53' 58"	19° 44' 16"						E-48-8-D-b	
khu phố Hợp Thành	DC	P. Bắc Sơn	TX. Sầm Sơn	105° 53' 48"	19° 44' 45"						E-48-8-D-b	
khu phố Khánh Sơn	DC	P. Bắc Sơn	TX. Sầm Sơn	105° 54' 03"	19° 44' 29"						E-48-8-D-b	
khu phố Lập Công	DC	P. Bắc Sơn	TX. Sầm Sơn	105° 54' 00"	19° 44' 24"						E-48-8-D-b	
khu phố Long Sơn	DC	P. Bắc Sơn	TX. Sầm Sơn	105° 53' 41"	19° 44' 40"						E-48-8-D-b	
khu phố Minh Hải	DC	P. Bắc Sơn	TX. Sầm Sơn	105° 53' 56"	19° 44' 37"						E-48-8-D-b	
đường Nguyễn Du	KX	P. Bắc Sơn	TX. Sầm Sơn			105° 53' 57"	19° 43' 55"	105° 53' 43"			E-48-8-D-b	
khu phố Bảo An	DC	P. Quảng Tiến	TX. Sầm Sơn	105° 53' 49"	19° 45' 51"						E-48-8-B-d	
khu phố Bình Tân	DC	P. Quảng Tiến	TX. Sầm Sơn	105° 53' 34"	19° 45' 49"						E-48-8-B-d	
Sông Đơ	TV	P. Quảng Tiến	TX. Sầm Sơn			105° 53' 20"	19° 43' 37"	105° 52' 37"			E-48-8-B-d	
khu phố Hải Vượng	DC	P. Quảng Tiến	TX. Sầm Sơn	105° 54' 11"	19° 46' 17"						E-48-8-B-d	
Cảng Hới	KX	P. Quảng Tiến	TX. Sầm Sơn	105° 53' 53"	19° 46' 28"						E-48-8-B-d	
khu phố Khang Phú	DC	P. Quảng Tiến	TX. Sầm Sơn	105° 54' 03"	19° 46' 02"						E-48-8-B-d	
Sông Mã	TV	P. Quảng Tiến	TX. Sầm Sơn			104° 29' 13"	19° 47' 08"	105° 55' 37"			E-48-8-B-d	
khu phố Ninh Thành	DC	P. Quảng Tiến	TX. Sầm Sơn	105° 53' 58"	19° 45' 55"						E-48-8-B-d	
khu phố Phúc Đức	DC	P. Quảng Tiến	TX. Sầm Sơn	105° 53' 48"	19° 46' 07"						E-48-8-B-d	
khu phố Tân Lập	DC	P. Quảng Tiến	TX. Sầm Sơn	105° 54' 04"	19° 46' 17"						E-48-8-B-d	

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng								Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối				
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ			
				(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)			
khu phố Thọ Xuân	DC	P. Quảng Tiến	TX. Sầm Sơn	19° 46' 08"	105° 53' 52"						E-48-8-B-d	
khu phố Toàn Thắng	DC	P. Quảng Tiến	TX. Sầm Sơn	19° 46' 14"	105° 53' 57"						E-48-8-B-d	
khu phố Trung Thịnh	DC	P. Quảng Tiến	TX. Sầm Sơn	19° 46' 18"	105° 53' 49"						E-48-8-B-d	
khu phố Vạn Lợi	DC	P. Quảng Tiến	TX. Sầm Sơn	19° 46' 22"	105° 54' 01"						E-48-8-B-d	
khu phố Bắc Kỳ	DC	P. Trung Sơn	TX. Sầm Sơn	19° 44' 53"	105° 54' 05"						E-48-8-D-b	
Sông Đơ	TV	P. Trung Sơn	TX. Sầm Sơn			19° 46' 20"	105° 53' 20"	19° 43' 37"	105° 52' 37"		E-48-8-B-d, E-48-8-D-b	
khu phố Dũng Liên	DC	P. Trung Sơn	TX. Sầm Sơn	19° 44' 48"	105° 53' 53"						E-48-8-D-b	
đường Hồ Xuân Hương	KX	P. Trung Sơn	TX. Sầm Sơn			19° 44' 40"	105° 54' 14"	19° 43' 54"	105° 53' 53"		E-48-8-D-b	
khu phố Hoan Kinh	DC	P. Trung Sơn	TX. Sầm Sơn	19° 44' 55"	105° 53' 57"						E-48-8-D-b	
khu phố Khanh Tiến	DC	P. Trung Sơn	TX. Sầm Sơn	19° 44' 53"	105° 53' 40"						E-48-8-B-d	
khu phố Lương Thiện	DC	P. Trung Sơn	TX. Sầm Sơn	19° 45' 11"	105° 54' 01"						E-48-8-D-b	
khu phố Nam Hải	DC	P. Trung Sơn	TX. Sầm Sơn	19° 44' 45"	105° 54' 02"						E-48-8-B-d	
khu phố Quang Giáp	DC	P. Trung Sơn	TX. Sầm Sơn	19° 45' 07"	105° 53' 48"						E-48-8-B-d	
khu phố Thân Thiện	DC	P. Trung Sơn	TX. Sầm Sơn	19° 45' 26"	105° 53' 58"						E-48-8-B-d	
khu phố Trung Kỳ	DC	P. Trung Sơn	TX. Sầm Sơn	19° 45' 11"	105° 54' 12"						E-48-8-B-d	
khu phố Vĩnh Thành	DC	P. Trung Sơn	TX. Sầm Sơn	19° 45' 16"	105° 53' 42"						E-48-8-B-d	
khu phố Xuân Phú	DC	P. Trung Sơn	TX. Sầm Sơn	19° 45' 24"	105° 53' 42"						E-48-8-B-d	
quốc lộ 47	KX	P. Trường Sơn	TX. Sầm Sơn			19° 44' 00"	105° 53' 56"	19° 53' 36"	105° 24' 14"		E-48-8-D-b	
khu phố Bắc Nam	DC	P. Trường Sơn	TX. Sầm Sơn	19° 44' 13"	105° 53' 43"						E-48-8-D-b	
cầu Bình Hoà	KX	P. Trường Sơn	TX. Sầm Sơn	19° 44' 36"	105° 52' 48"						E-48-8-D-b	
đền Cô Tiên	KX	P. Trường Sơn	TX. Sầm Sơn	19° 43' 33"	105° 53' 10"						E-48-8-D-b	
Sông Đơ	TV	P. Trường Sơn	TX. Sầm Sơn			19° 46' 20"	105° 53' 20"	19° 43' 37"	105° 52' 37"		E-48-8-D-b	
đền Độc Cước	KX	P. Trường Sơn	TX. Sầm Sơn	19° 43' 49"	105° 53' 56"						E-48-8-D-b	
đường Hồ Xuân Hương	KX	P. Trường Sơn	TX. Sầm Sơn			19° 44' 40"	105° 54' 14"	19° 43' 54"	105° 53' 53"		E-48-8-D-b	
đường Nguyễn Du	KX	P. Trường Sơn	TX. Sầm Sơn			19° 44' 44"	105° 53' 57"	19° 43' 55"	105° 53' 43"		E-48-8-D-b	
khu phố Sơn Hải	DC	P. Trường Sơn	TX. Sầm Sơn	19° 43' 58"	105° 53' 36"						E-48-8-D-b	
khu phố Sơn Lợi	DC	P. Trường Sơn	TX. Sầm Sơn	19° 44' 20"	105° 53' 14"						E-48-8-D-b	
khu phố Sơn Thắng	DC	P. Trường Sơn	TX. Sầm Sơn	19° 44' 28"	105° 53' 04"						E-48-8-D-b	

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ,phút,gây)	(Độ,phút,gây)	(Độ,phút,gây)	(Độ,phút,gây)	(Độ,phút,gây)	(Độ,phút,gây)	
khu phố Sơn Thủy	DC	P. Trường Sơn	TX. Sầm Sơn	19° 43' 54"	105° 53' 24"					E-48-8-D-b
khu phố Tài Lộc	DC	P. Trường Sơn	TX. Sầm Sơn	19° 44' 03"	105° 53' 32"					E-48-8-D-b
khu phố Thành Ngọc	DC	P. Trường Sơn	TX. Sầm Sơn	19° 44' 12"	105° 53' 39"					E-48-8-D-b
đền Tô Hiến Thành	KX	P. Trường Sơn	TX. Sầm Sơn	19° 43' 51"	105° 53' 35"					E-48-8-D-b
khu phố Trung Mới	DC	P. Trường Sơn	TX. Sầm Sơn	19° 43' 50"	105° 53' 19"					E-48-8-D-b
núi Trường Lệ	SV	P. Trường Sơn	TX. Sầm Sơn	19° 43' 41"	105° 53' 32"					E-48-8-D-b
khu phố Vinh Sơn	DC	P. Trường Sơn	TX. Sầm Sơn	19° 43' 50"	105° 52' 53"					E-48-8-D-b
thôn Công Vinh	DC	xã Quảng Cư	TX. Sầm Sơn	19° 45' 30"	105° 54' 16"					E-48-8-B-d
thôn Cường Thịnh	DC	xã Quảng Cư	TX. Sầm Sơn	19° 45' 48"	105° 54' 44"					E-48-8-B-d
Cửa Hới	TV	xã Quảng Cư	TX. Sầm Sơn	19° 47' 08"	105° 55' 37"					E-48-8-B-d
thôn Hồng Thắng	DC	xã Quảng Cư	TX. Sầm Sơn	19° 45' 26"	105° 54' 39"			20° 32' 02"	104° 29' 13"	E-48-8-B-d
Sông Mã	TV	xã Quảng Cư	TX. Sầm Sơn						19° 47' 08"	E-48-8-B-d
thôn Minh Cát	DC	xã Quảng Cư	TX. Sầm Sơn	19° 46' 11"	105° 54' 13"				105° 55' 37"	E-48-8-B-d
thôn Quang Vinh	DC	xã Quảng Cư	TX. Sầm Sơn	19° 46' 09"	105° 54' 46"					E-48-8-B-d
Cồn Sinh	TV	xã Quảng Cư	TX. Sầm Sơn	19° 46' 52"	105° 56' 13"					E-48-8-B-d
thôn Thanh Thái	DC	xã Quảng Cư	TX. Sầm Sơn	19° 45' 47"	105° 54' 28"					E-48-8-B-d
thôn Thành Thắng	DC	xã Quảng Cư	TX. Sầm Sơn	19° 46' 32"	105° 54' 55"					E-48-8-B-d
thôn Thu Hào	DC	xã Quảng Cư	TX. Sầm Sơn	19° 45' 34"	105° 54' 06"					E-48-8-B-d
thôn Tiến Lợi	DC	xã Quảng Cư	TX. Sầm Sơn	19° 46' 20"	105° 54' 17"					E-48-8-B-d
thôn Trung Chính	DC	xã Quảng Cư	TX. Sầm Sơn	19° 45' 49"	105° 54' 07"					E-48-8-B-d
khu phố 1	DC	TT. Cánh Nàng	H. Bá Thước	20° 21' 18"	105° 13' 02"					F-48-91-A-d
khu phố 2	DC	TT. Cánh Nàng	H. Bá Thước	20° 21' 10"	105° 13' 16"					F-48-91-A-d
khu phố 3	DC	TT. Cánh Nàng	H. Bá Thước	20° 21' 01"	105° 13' 31"					F-48-91-A-d
khu phố 4	DC	TT. Cánh Nàng	H. Bá Thước	20° 20' 56"	105° 13' 44"					F-48-91-A-d
khu phố 5	DC	TT. Cánh Nàng	H. Bá Thước	20° 20' 55"	105° 13' 51"					F-48-91-A-d
quốc lộ 217	KX	TT. Cánh Nàng	H. Bá Thước			19° 59' 42"	105° 50' 35"	20° 17' 51"	104° 37' 12"	F-48-91-A-d
Thôn Cón	DC	xã Ái Thượng	H. Bá Thước	20° 19' 23"	105° 14' 21"					F-48-91-A-d
Thôn Cón	DC	xã Ái Thượng	H. Bá Thước	20° 21' 21"	105° 16' 51"					F-48-91-B-c
Thôn Đan	DC	xã Ái Thượng	H. Bá Thước	20° 20' 39"	105° 15' 11"					F-48-91-B-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng								Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối				
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ			
				(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)			
Thôn Giỏi	DC	xã Ái Thượng	H. Bá Thước	20° 20' 13"	105° 14' 21"						F-48-91-A-d	
Thôn Khả	DC	xã Ái Thượng	H. Bá Thước	20° 19' 10"	105° 14' 50"						F-48-91-A-d	
Suối La	TV	xã Ái Thượng	H. Bá Thước			20° 19' 19"	105° 14' 38"	20° 20' 36"	105° 14' 38"		F-48-91-A-d, F-48-91-B-c	
Sông Mã	TV	xã Ái Thượng	H. Bá Thước			20° 32' 02"	104° 29' 13"	19° 47' 08"	105° 55' 37"		F-48-91-A-d, F-48-91-B-c	
Đỉnh Mé	SV	xã Ái Thượng	H. Bá Thước	20° 19' 17"	105° 13' 28"						F-48-91-A-d	
Thôn Mé	DC	xã Ái Thượng	H. Bá Thước	20° 19' 47"	105° 14' 03"						F-48-91-A-d	
Thôn Mỹ	DC	xã Ái Thượng	H. Bá Thước	20° 21' 27"	105° 15' 57"						F-48-91-B-c	
Núi Nủ	SV	xã Ái Thượng	H. Bá Thước	20° 18' 33"	105° 14' 07"						F-48-91-A-d	
Thôn Thung	DC	xã Ái Thượng	H. Bá Thước	20° 20' 16"	105° 15' 42"						F-48-91-A-d	
núi Thung Kiên	SV	xã Ái Thượng	H. Bá Thước	20° 22' 09"	105° 17' 19"						F-48-91-B-c	
Thôn Tôm	DC	xã Ái Thượng	H. Bá Thước	20° 20' 07"	105° 16' 04"						F-48-91-B-c	
Thôn Trênh	DC	xã Ái Thượng	H. Bá Thước	20° 20' 55"	105° 17' 17"						F-48-91-B-c	
thôn Trung Tâm	DC	xã Ái Thượng	H. Bá Thước	20° 20' 21"	105° 14' 42"						F-48-91-A-d	
Thôn Vèn	DC	xã Ái Thượng	H. Bá Thước	20° 21' 01"	105° 15' 27"						F-48-91-B-c	
quốc lộ 15C	KX	xã Ban Công	H. Bá Thước			20° 33' 11"	105° 01' 17"	20° 21' 18"	105° 12' 32"		F-48-91-A-d, F-48-91-A-b	
Thôn Ba	DC	xã Ban Công	H. Bá Thước	20° 23' 15"	105° 13' 16"						F-48-91-A-b	
Pha Bó	SV	xã Ban Công	H. Bá Thước	20° 25' 28"	105° 11' 50"						F-48-91-A-b	
Núi Cỏ	SV	xã Ban Công	H. Bá Thước	20° 21' 01"	105° 11' 11"						F-48-91-A-d	
Thôn Cỏ	DC	xã Ban Công	H. Bá Thước	20° 20' 23"	105° 11' 29"						F-48-91-A-d	
Suối Chàm	TV	xã Ban Công	H. Bá Thước			20° 23' 15"	105° 12' 20"	20° 21' 42"	105° 12' 47"		F-48-91-A-d, F-48-91-A-b	
thôn Chiềng Lau	DC	xã Ban Công	H. Bá Thước	20° 24' 10"	105° 12' 02"						F-48-91-A-b	
thôn Chiềng Lau 1	DC	xã Ban Công	H. Bá Thước	20° 24' 20"	105° 11' 54"						F-48-91-A-b	
núi Đa Đế	SV	xã Ban Công	H. Bá Thước	20° 22' 07"	105° 09' 31"						F-48-91-A-d	
Pù Đơóc	SV	xã Ban Công	H. Bá Thước	20° 23' 17"	105° 09' 49"						F-48-91-A-b	
Suối Đúc	TV	xã Ban Công	H. Bá Thước			20° 22' 34"	105° 09' 58"	20° 21' 18"	105° 12' 18"		F-48-91-A-d, F-48-91-A-b	

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng								Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối				
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	
núi Hang Bang	SV	xã Ban Công	H. Bá Thước	20° 20' 20"	105° 10' 53"							F-48-91-A-d
núi Hang Rơi	SV	xã Ban Công	H. Bá Thước	20° 20' 35"	105° 10' 47"							F-48-91-A-d
núi Hin Hạc	SV	xã Ban Công	H. Bá Thước	20° 21' 49"	105° 09' 36"							F-48-91-A-d
Pu Hò	SV	xã Ban Công	H. Bá Thước	20° 24' 18"	105° 09' 42"							F-48-91-A-b
cầu La Hán	KX	xã Ban Công	H. Bá Thước	20° 21' 23"	105° 12' 29"							F-48-91-A-d
thôn La Hán	DC	xã Ban Công	H. Bá Thước	20° 21' 55"	105° 12' 21"							F-48-91-A-b
Sông Má	TV	xã Ban Công	H. Bá Thước			20° 32' 02"	104° 29' 13"	19° 47' 08"	105° 55' 37"			F-48-91-A-d, F-48-91-B-c
Pha Ngán	SV	xã Ban Công	H. Bá Thước	20° 22' 36"	105° 12' 49"							F-48-91-A-b
Thôn Nghĩa	DC	xã Ban Công	H. Bá Thước	20° 23' 52"	105° 11' 49"							F-48-91-A-b
Suối Nứa	TV	xã Ban Công	H. Bá Thước			20° 30' 36"	105° 08' 43"	20° 23' 15"	105° 12' 20"			F-48-91-A-b
núi Pa Tén	SV	xã Ban Công	H. Bá Thước	20° 22' 21"	105° 09' 33"							F-48-91-A-d
núi Pha Nội	SV	xã Ban Công	H. Bá Thước	20° 22' 53"	105° 10' 53"							F-48-91-A-b
Thôn Sát	DC	xã Ban Công	H. Bá Thước	20° 22' 55"	105° 11' 59"							F-48-91-A-b
Suối Tách	TV	xã Ban Công	H. Bá Thước			20° 25' 08"	105° 08' 41"	20° 23' 15"	105° 12' 20"			F-48-91-A-b
Thôn Tôm	DC	xã Ban Công	H. Bá Thước	20° 24' 37"	105° 11' 25"							F-48-91-A-b
pù Xam Mường	SV	xã Ban Công	H. Bá Thước	20° 21' 15"	105° 10' 32"							F-48-91-A-d
Thôn Âm	DC	xã Cổ Lũng	H. Bá Thước	20° 27' 33"	105° 13' 21"							F-48-91-A-b
Pha Bó	SV	xã Cổ Lũng	H. Bá Thước	20° 25' 28"	105° 11' 50"							F-48-91-A-b
Thôn Đốc	DC	xã Cổ Lũng	H. Bá Thước	20° 27' 47"	105° 11' 29"							F-48-91-A-b
thôn Eo Diều	DC	xã Cổ Lũng	H. Bá Thước	20° 25' 23"	105° 14' 15"							F-48-91-A-b
Phà Háng	SV	xã Cổ Lũng	H. Bá Thước	20° 26' 44"	105° 12' 58"							F-48-91-A-b
núi Hang Gà	SV	xã Cổ Lũng	H. Bá Thước	20° 26' 20"	105° 15' 17"							F-48-91-A-b
Thôn Hiền	DC	xã Cổ Lũng	H. Bá Thước	20° 28' 16"	105° 13' 13"							F-48-91-B-a
Pha Hón	SV	xã Cổ Lũng	H. Bá Thước	20° 26' 25"	105° 11' 28"							F-48-91-A-b
Thôn Khuyn	DC	xã Cổ Lũng	H. Bá Thước	20° 27' 18"	105° 13' 55"							F-48-91-A-b
thôn La Ca	DC	xã Cổ Lũng	H. Bá Thước	20° 26' 35"	105° 11' 59"							F-48-91-A-b
Thôn Lác	DC	xã Cổ Lũng	H. Bá Thước	20° 27' 50"	105° 12' 18"							F-48-91-A-b
Thôn Lọng	DC	xã Cổ Lũng	H. Bá Thước	20° 27' 32"	105° 11' 12"							F-48-91-A-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng								Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối				
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ			
				(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)			
thôn Nà Khả	DC	xã Cổ Lũng	H. Bá Thước	20° 27' 19"	105° 11' 25"						F-48-91-A-b	
Thôn Nang	DC	xã Cổ Lũng	H. Bá Thước	20° 27' 56"	105° 10' 44"						F-48-91-A-b	
Suối Ngải	TV	xã Cổ Lũng	H. Bá Thước			20° 28' 16"	105° 06' 30"	20° 27' 04"	105° 11' 41"		F-48-91-A-b	
Suối Nũa	TV	xã Cổ Lũng	H. Bá Thước			20° 30' 36"	105° 08' 43"	20° 23' 15"	105° 12' 20"		F-48-91-A-b	
Thôn Phia	DC	xã Cổ Lũng	H. Bá Thước	20° 27' 06"	105° 11' 05"						F-48-91-A-b	
thôn Tén Mới	DC	xã Cổ Lũng	H. Bá Thước	20° 26' 04"	105° 12' 29"						F-48-91-A-b	
Thôn Bưng	DC	xã Điện Hạ	H. Bá Thước	20° 14' 52"	105° 17' 11"						F-48-91-D-a	
núi Cây Ngang	SV	xã Điện Hạ	H. Bá Thước	20° 15' 38"	105° 16' 53"						F-48-91-D-a	
núi Đá Khoi	SV	xã Điện Hạ	H. Bá Thước	20° 14' 34"	105° 16' 04"						F-48-91-D-a	
Núi Đền	SV	xã Điện Hạ	H. Bá Thước	20° 11' 51"	105° 18' 10"						F-48-91-D-a	
Thôn Đền	DC	xã Điện Hạ	H. Bá Thước	20° 13' 26"	105° 18' 34"						F-48-91-D-a	
Thôn Đôn	DC	xã Điện Hạ	H. Bá Thước	20° 13' 50"	105° 17' 41"						F-48-91-D-a	
Thôn Duồng	DC	xã Điện Hạ	H. Bá Thước	20° 12' 51"	105° 19' 10"						F-48-91-D-a	
hồ Duồng Cốc	TV	xã Điện Hạ	H. Bá Thước	20° 13' 41"	105° 18' 52"						F-48-91-D-a	
Đồi Mộng	SV	xã Điện Hạ	H. Bá Thước	20° 13' 34"	105° 16' 27"						F-48-91-D-a	
Đồi Nạc	SV	xã Điện Hạ	H. Bá Thước	20° 13' 27"	105° 19' 16"						F-48-91-D-a	
Thôn Nan	DC	xã Điện Hạ	H. Bá Thước	20° 14' 36"	105° 17' 37"						F-48-91-D-a	
Thôn Né	DC	xã Điện Hạ	H. Bá Thước	20° 14' 12"	105° 19' 03"						F-48-91-D-a	
núi Pura Dán	SV	xã Điện Hạ	H. Bá Thước	20° 11' 25"	105° 18' 09"						F-48-91-D-a	
Thôn Sèo	DC	xã Điện Hạ	H. Bá Thước	20° 15' 43"	105° 17' 56"						F-48-91-B-c	
thôn Thành Điện	DC	xã Điện Hạ	H. Bá Thước	20° 13' 48"	105° 18' 05"						F-48-91-D-a	
Suối Trao	TV	xã Điện Hạ	H. Bá Thước			20° 14' 31"	105° 16' 37"	20° 13' 53"	105° 18' 29"		F-48-91-D-a	
Núi Trầu	SV	xã Điện Hạ	H. Bá Thước	20° 14' 28"	105° 18' 33"						F-48-91-D-a	
Thôn Xám	DC	xã Điện Hạ	H. Bá Thước	20° 15' 19"	105° 18' 29"						F-48-91-B-c	
quốc lộ 217	KX	xã Điện Lư	H. Bá Thước			19° 59' 42"	105° 50' 35"	20° 17' 51"	104° 37' 12"		F-48-91-B-c	
phố Điện Lư	DC	xã Điện Lư	H. Bá Thước	20° 17' 54"	105° 17' 56"						F-48-91-B-c	
thôn Chiềng Lăm	DC	xã Điện Lư	H. Bá Thước	20° 18' 08"	105° 17' 44"						F-48-91-B-c	
Đài Cốc	SV	xã Điện Lư	H. Bá Thước	20° 19' 15"	105° 18' 07"						F-48-91-B-c	
suối Đại Lan	TV	xã Điện Lư	H. Bá Thước			20° 17' 43"	105° 17' 12"	20° 19' 03"	105° 19' 44"		F-48-91-B-c	

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng								Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối				
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ			
				(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)			
thôn Diên Giang	DC	xã Diên Lư	H. Bá Thước	20° 19' 00"	105° 18' 50"						F-48-91-B-c	
thôn Diên Lý	DC	xã Diên Lư	H. Bá Thước	20° 18' 27"	105° 18' 40"						F-48-91-B-c	
thôn Diên Tiến	DC	xã Diên Lư	H. Bá Thước	20° 18' 26"	105° 18' 11"						F-48-91-B-c	
Cầu Kẹm	KX	xã Diên Lư	H. Bá Thước	20° 19' 26"	105° 18' 58"						F-48-91-B-c	
Sông Má	TV	xã Diên Lư	H. Bá Thước			20° 32' 02"	104° 29' 13"	19° 47' 08"	105° 55' 37"		F-48-91-B-c	
Thôn Riêng	DC	xã Diên Lư	H. Bá Thước	20° 18' 52"	105° 18' 23"						F-48-91-B-c	
thôn Sông Mã	DC	xã Diên Lư	H. Bá Thước	20° 20' 08"	105° 17' 50"						F-48-91-B-c	
núi Thung Moong	SV	xã Diên Lư	H. Bá Thước	20° 19' 13"	105° 18' 33"						F-48-91-B-c	
Thôn Triu	DC	xã Diên Lư	H. Bá Thước	20° 17' 57"	105° 18' 05"						F-48-91-B-c	
Thôn Vồ	DC	xã Diên Lư	H. Bá Thước	20° 18' 56"	105° 17' 52"						F-48-91-B-c	
quốc lộ 217	KX	xã Diên Quang	H. Bá Thước			19° 59' 42"	105° 50' 35"	20° 17' 51"	104° 37' 12"		F-48-91-B-c	
Thôn Âm	DC	xã Diên Quang	H. Bá Thước	20° 16' 40"	105° 16' 28"						F-48-91-B-c	
thôn Bái Tôm	DC	xã Diên Quang	H. Bá Thước	20° 19' 10"	105° 16' 32"						F-48-91-B-c	
núi Cây Ngang	SV	xã Diên Quang	H. Bá Thước	20° 15' 38"	105° 16' 53"						F-48-91-D-a	
Hón Chiềng	TV	xã Diên Quang	H. Bá Thước			20° 14' 35"	105° 14' 06"	20° 17' 02"	105° 16' 59"		F-48-91-B-c	
Thôn Cộ	DC	xã Diên Quang	H. Bá Thước	20° 17' 51"	105° 16' 04"						F-48-91-B-c	
suối Đại Lạn	TV	xã Diên Quang	H. Bá Thước			20° 17' 43"	105° 17' 12"	20° 19' 03"	105° 19' 44"		F-48-91-B-c	
Thôn Đào	DC	xã Diên Quang	H. Bá Thước	20° 17' 59"	105° 17' 01"						F-48-91-B-c	
Suối Đê	TV	xã Diên Quang	H. Bá Thước			20° 16' 07"	105° 17' 42"	20° 17' 02"	105° 16' 59"		F-48-91-B-c	
thôn Đồi Muôn	DC	xã Diên Quang	H. Bá Thước	20° 17' 08"	105° 14' 40"						F-48-91-A-d	
thôn Hồ Quang	DC	xã Diên Quang	H. Bá Thước	20° 16' 15"	105° 17' 33"						F-48-91-B-c	
núi Kéo Chông	SV	xã Diên Quang	H. Bá Thước	20° 17' 00"	105° 15' 05"						F-48-91-B-c	
Thôn Khả	DC	xã Diên Quang	H. Bá Thước	20° 16' 31"	105° 17' 00"						F-48-91-B-c	
Thôn Khò	DC	xã Diên Quang	H. Bá Thước	20° 18' 14"	105° 15' 55"						F-48-91-B-c	
Thôn Khước	DC	xã Diên Quang	H. Bá Thước	20° 18' 09"	105° 16' 52"						F-48-91-B-c	
Thôn Lùng	DC	xã Diên Quang	H. Bá Thước	20° 17' 49"	105° 16' 19"						F-48-91-B-c	
Thôn Luyến	DC	xã Diên Quang	H. Bá Thước	20° 18' 20"	105° 16' 28"						F-48-91-B-c	
Thôn Mít	DC	xã Diên Quang	H. Bá Thước	20° 18' 26"	105° 15' 21"						F-48-91-B-c	
Núi Mốc	SV	xã Diên Quang	H. Bá Thước	20° 15' 51"	105° 14' 06"						F-48-91-A-d	

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng								Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối				
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ			
				(Độ,phút,gây)	(Độ,phút,gây)	(Độ,phút,gây)	(Độ,phút,gây)	(Độ,phút,gây)	(Độ,phút,gây)			
Thôn Mười	DC	xã Điện Quang	H. Bá Thước	20° 18' 02"	105° 15' 25"						F-48-91-B-c	
Suối Muốn	TV	xã Điện Quang	H. Bá Thước			20° 17' 14"	105° 14' 39"	20° 17' 43"	105° 17' 12"		F-48-91-A-d, F-48-91-B-c	
Thôn Mưỡn	DC	xã Điện Quang	H. Bá Thước	20° 17' 41"	105° 16' 59"						F-48-91-B-c	
Núi Nủ	SV	xã Điện Quang	H. Bá Thước	20° 18' 33"	105° 14' 07"						F-48-91-A-d	
thôn Tam Liên	DC	xã Điện Quang	H. Bá Thước	20° 17' 14"	105° 16' 36"						F-48-91-B-c	
Thôn Un	DC	xã Điện Quang	H. Bá Thước	20° 17' 24"	105° 15' 53"						F-48-91-B-c	
Thôn Vền	DC	xã Điện Quang	H. Bá Thước	20° 16' 10"	105° 17' 08"						F-48-91-B-c	
Thôn Xé	DC	xã Điện Quang	H. Bá Thước	20° 18' 46"	105° 16' 12"						F-48-91-B-c	
Xóm Ám	DC	xã Điện Thượng	H. Bá Thước	20° 14' 45"	105° 14' 49"						F-48-91-C	
Thôn Bả	DC	xã Điện Thượng	H. Bá Thước	20° 16' 06"	105° 16' 10"						F-48-91-B-c	
pu Bù Trong	SV	xã Điện Thượng	H. Bá Thước	20° 11' 43"	105° 16' 18"						F-48-91-D-a	
núi Cây Ngang	SV	xã Điện Thượng	H. Bá Thước	20° 15' 38"	105° 16' 53"						F-48-91-D-a	
Hòn Chiềng	TV	xã Điện Thượng	H. Bá Thước			20° 14' 35"	105° 14' 06"	20° 17' 02"	105° 16' 59"		F-48-91-B-c, F-48-91-D-a, F-48-91-C	
thôn Chiềng Má	DC	xã Điện Thượng	H. Bá Thước	20° 15' 00"	105° 15' 25"						F-48-91-D-a	
thôn Chiềng Mưng	DC	xã Điện Thượng	H. Bá Thước	20° 15' 24"	105° 15' 11"						F-48-91-B-c	
núi Đá Khoi	SV	xã Điện Thượng	H. Bá Thước	20° 14' 34"	105° 16' 04"						F-48-91-D-a	
Núi Đền	SV	xã Điện Thượng	H. Bá Thước	20° 11' 51"	105° 18' 10"						F-48-91-D-a	
núi Ken Chon	SV	xã Điện Thượng	H. Bá Thước	20° 12' 35"	105° 14' 07"						F-48-91-C	
núi Kéo Chông	SV	xã Điện Thượng	H. Bá Thước	20° 17' 00"	105° 15' 05"						F-48-91-B-c	
Thôn Lầu	DC	xã Điện Thượng	H. Bá Thước	20° 16' 00"	105° 15' 27"						F-48-91-B-c	
Đồi Mộng	SV	xã Điện Thượng	H. Bá Thước	20° 13' 34"	105° 16' 27"						F-48-91-D-a	
Hang Sáo	SV	xã Điện Thượng	H. Bá Thước	20° 12' 41"	105° 15' 15"						F-48-91-D-a	
thôn Thượng Sơn	DC	xã Điện Thượng	H. Bá Thước	20° 12' 03"	105° 16' 51"						F-48-91-D-a	
Pu Tre	SV	xã Điện Thượng	H. Bá Thước	20° 13' 36"	105° 13' 35"						F-48-91-C	
Suối Trong	TV	xã Điện Thượng	H. Bá Thước			20° 12' 12"	105° 16' 07"	20° 09' 48"	105° 18' 58"		F-48-91-D-a	
thôn Xay Luồi	DC	xã Điện Thượng	H. Bá Thước	20° 14' 24"	105° 14' 23"						F-48-91-C	
quốc lộ 217	KX	xã Điện Trung	H. Bá Thước			19° 59' 42"	105° 50' 35"	20° 17' 51"	104° 37' 12"		F-48-91-B-c	

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	
núi Ba Mường	SV	xã Diên Trung	H. Bá Thước	20° 18' 52"	105° 20' 01"					F-48-91-B-c
suối Bai Lạnh	TV	xã Diên Trung	H. Bá Thước			20° 16' 38"	105° 18' 19"	20° 17' 41"	105° 18' 29"	F-48-91-B-c
suối Bai Vang	TV	xã Diên Trung	H. Bá Thước			20° 17' 41"	105° 18' 29"	20° 18' 07"	105° 18' 48"	F-48-91-B-c
Đồi Chè	SV	xã Diên Trung	H. Bá Thước	20° 18' 00"	105° 19' 28"					F-48-91-B-c
Thôn Cò	DC	xã Diên Trung	H. Bá Thước	20° 16' 52"	105° 18' 26"					F-48-91-B-c
Thôn Cộc	DC	xã Diên Trung	H. Bá Thước	20° 17' 34"	105° 17' 09"					F-48-91-B-c
thôn Cùn Láo	DC	xã Diên Trung	H. Bá Thước	20° 16' 36"	105° 18' 11"					F-48-91-B-c
suối Đại Lạn	TV	xã Diên Trung	H. Bá Thước			20° 17' 43"	105° 17' 12"	20° 19' 03"	105° 19' 44"	F-48-91-B-c
Đồi Đền	SV	xã Diên Trung	H. Bá Thước	20° 16' 35"	105° 18' 51"					F-48-91-B-c
thôn Diên Thái	DC	xã Diên Trung	H. Bá Thước	20° 16' 54"	105° 19' 52"					F-48-91-B-c
Núi Đỏ	SV	xã Diên Trung	H. Bá Thước	20° 16' 38"	105° 20' 10"					F-48-91-B-c
thôn Đồng Lượn	DC	xã Diên Trung	H. Bá Thước	20° 16' 21"	105° 18' 35"					F-48-91-B-c
Đồi Đuống	SV	xã Diên Trung	H. Bá Thước	20° 15' 53"	105° 19' 07"					F-48-91-B-c
Thôn Giát	DC	xã Diên Trung	H. Bá Thước	20° 17' 36"	105° 18' 53"					F-48-91-B-c
Thôn Kéo	DC	xã Diên Trung	H. Bá Thước	20° 17' 24"	105° 18' 36"					F-48-91-B-c
Sông Mã	TV	xã Diên Trung	H. Bá Thước			20° 32' 02"	104° 29' 13"	19° 47' 08"	105° 55' 37"	F-48-91-B-c
thôn Muống Do	DC	xã Diên Trung	H. Bá Thước	20° 17' 19"	105° 18' 12"					F-48-91-B-c
thôn Ngán Sen	DC	xã Diên Trung	H. Bá Thước	20° 17' 32"	105° 17' 29"					F-48-91-B-c
thôn Rằm Tám	DC	xã Diên Trung	H. Bá Thước	20° 18' 44"	105° 19' 25"					F-48-91-B-c
Thôn Trúc	DC	xã Diên Trung	H. Bá Thước	20° 16' 52"	105° 19' 01"					F-48-91-B-c
Thôn Xĩa	DC	xã Diên Trung	H. Bá Thước	20° 16' 16"	105° 19' 51"					F-48-91-B-c
Núi Cái	SV	xã Hạ Trung	H. Bá Thước	20° 24' 24"	105° 17' 08"					F-48-91-B-a
Suối Cái	TV	xã Hạ Trung	H. Bá Thước			20° 23' 13"	105° 15' 22"	20° 21' 52"	105° 16' 05"	F-48-91-B-c, F-48-91-B-a
thôn Chiềng Ai	DC	xã Hạ Trung	H. Bá Thước	20° 21' 41"	105° 15' 38"					F-48-91-B-c
thôn Cò Con	DC	xã Hạ Trung	H. Bá Thước	20° 23' 10"	105° 15' 11"					F-48-91-B-a
thôn Cò Mu	DC	xã Hạ Trung	H. Bá Thước	20° 22' 41"	105° 15' 26"					F-48-91-B-a
Thôn Cộn	DC	xã Hạ Trung	H. Bá Thước	20° 23' 37"	105° 15' 44"					F-48-91-B-a
núi Eo Xanh	SV	xã Hạ Trung	H. Bá Thước	20° 24' 54"	105° 17' 15"					F-48-91-B-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng								Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối				
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ,phút,gây)	(Độ,phút,gây)	(Độ,phút,gây)	(Độ,phút,gây)	(Độ,phút,gây)	(Độ,phút,gây)	(Độ,phút,gây)	(Độ,phút,gây)	
núi Hang Gà	SV	xã Hạ Trung	H. Bá Thước	20° 26' 20"	105° 15' 17"							F-48-91-B-a
Thôn Khiêng	DC	xã Hạ Trung	H. Bá Thước	20° 24' 47"	105° 16' 14"							F-48-91-B-a
Suối Lăn	TV	xã Hạ Trung	H. Bá Thước			20° 23' 51"	105° 18' 40"	20° 24' 19"	105° 16' 52"			F-48-91-B-a
Sông Mã	TV	xã Hạ Trung	H. Bá Thước			20° 32' 02"	104° 29' 13"	19° 47' 08"	105° 55' 37"			F-48-91-B-c
Thôn Man	DC	xã Hạ Trung	H. Bá Thước	20° 23' 51"	105° 16' 07"							F-48-91-B-a
Suối Máy	TV	xã Hạ Trung	H. Bá Thước			20° 24' 54"	105° 16' 23"	20° 23' 55"	105° 16' 21"			F-48-91-B-a
Thôn Môn	DC	xã Hạ Trung	H. Bá Thước	20° 24' 15"	105° 16' 16"							F-48-91-B-a
núi Thung Kiên	SV	xã Hạ Trung	H. Bá Thước	20° 22' 09"	105° 17' 19"							F-48-91-B-c
Thôn Tré	DC	xã Hạ Trung	H. Bá Thước	20° 24' 15"	105° 15' 52"							F-48-91-B-a
Suối Trúa	TV	xã Hạ Trung	H. Bá Thước			20° 24' 50"	105° 15' 14"	20° 23' 55"	105° 16' 21"			F-48-91-B-a
Núi Tường	SV	xã Hạ Trung	H. Bá Thước	20° 22' 50"	105° 16' 58"							F-48-91-B-a
quốc lộ 217	KX	xã Kỳ Tân	H. Bá Thước			19° 59' 42"	105° 50' 35"	20° 17' 51"	104° 37' 12"			F-48-91-A-c, F-48-91-A-d
Suối Bo	TV	xã Kỳ Tân	H. Bá Thước			20° 18' 19"	105° 06' 18"	20° 17' 33"	105° 09' 26"			F-48-91-A-c, F-48-91-A-d
thôn Bo Hạ	DC	xã Kỳ Tân	H. Bá Thước	20° 16' 55"	105° 07' 47"							F-48-91-A-d
thôn Bo Thượng	DC	xã Kỳ Tân	H. Bá Thước	20° 17' 19"	105° 07' 35"							F-48-91-A-c
Thôn Buốc	DC	xã Kỳ Tân	H. Bá Thước	20° 17' 18"	105° 05' 49"							F-48-91-A-c
thôn Buốc Bo	DC	xã Kỳ Tân	H. Bá Thước	20° 17' 26"	105° 07' 12"							F-48-91-A-c
pom Cánh Cóp	SV	xã Kỳ Tân	H. Bá Thước	20° 15' 38"	105° 05' 22"							F-48-91-A-c
đèo Đen Mương	SV	xã Kỳ Tân	H. Bá Thước	20° 17' 19"	105° 05' 08"							F-48-91-A-c
Thôn Hiền	DC	xã Kỳ Tân	H. Bá Thước	20° 16' 25"	105° 07' 48"							F-48-91-A-d
Pu Hô	SV	xã Kỳ Tân	H. Bá Thước	20° 18' 20"	105° 04' 41"							F-48-91-A-c
Thôn Khả	DC	xã Kỳ Tân	H. Bá Thước	20° 16' 57"	105° 06' 05"							F-48-91-A-c
Suối Kỳ	TV	xã Kỳ Tân	H. Bá Thước			20° 17' 40"	105° 06' 02"	20° 17' 29"	105° 09' 31"			F-48-91-A-c
núi Lai Láng	SV	xã Kỳ Tân	H. Bá Thước	20° 18' 50"	105° 06' 55"							F-48-91-A-c
đèo Làng Tra	SV	xã Kỳ Tân	H. Bá Thước	20° 17' 17"	105° 09' 03"							F-48-91-A-d
đồi Lung Nhung	SV	xã Kỳ Tân	H. Bá Thước	20° 17' 25"	105° 05' 06"							F-48-91-A-c
Pu Nga	SV	xã Kỳ Tân	H. Bá Thước	20° 16' 21"	105° 04' 51"							F-48-91-A-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	
pom Pa Chè	SV	xã Kỳ Tân	H. Bá Thước	20° 16' 47"	105° 05' 01"					F-48-91-A-c
Thôn Pật	DC	xã Kỳ Tân	H. Bá Thước	20° 16' 10"	105° 06' 50"					F-48-91-A-c
Suối Pi	TV	xã Kỳ Tân	H. Bá Thước			20° 18' 02"	105° 07' 02"	20° 17' 33"	105° 06' 58"	F-48-91-A-c
núi Săn Căng	SV	xã Kỳ Tân	H. Bá Thước	20° 18' 18"	105° 05' 45"					F-48-91-A-c
núi Tiên Trong	SV	xã Kỳ Tân	H. Bá Thước	20° 16' 08"	105° 05' 07"					F-48-91-A-c
phố 1	DC	xã Lâm Xa	H. Bá Thước	20° 21' 18"	105° 12' 29"					F-48-91-A-d
phố 2	DC	xã Lâm Xa	H. Bá Thước	20° 20' 42"	105° 13' 59"					F-48-91-A-d
quốc lộ 217	KX	xã Lâm Xa	H. Bá Thước			19° 59' 42"	105° 50' 35"	20° 17' 51"	104° 37' 12"	F-48-91-A-d
quốc lộ 15C	KX	xã Lâm Xa	H. Bá Thước			20° 33' 11"	105° 01' 17"	20° 21' 18"	105° 12' 32"	F-48-91-A-d
thôn Cảnh Nàng	DC	xã Lâm Xa	H. Bá Thước	20° 20' 57"	105° 12' 58"					F-48-91-A-d
Núi Con	SV	xã Lâm Xa	H. Bá Thước	20° 20' 14"	105° 12' 53"					F-48-91-A-d
Thôn Đám	DC	xã Lâm Xa	H. Bá Thước	20° 20' 22"	105° 14' 06"					F-48-91-A-d
cầu La Hán	KX	xã Lâm Xa	H. Bá Thước	20° 21' 23"	105° 12' 29"					F-48-91-A-d
Sông Mã	TV	xã Lâm Xa	H. Bá Thước			20° 32' 02"	104° 29' 13"	19° 47' 08"	105° 55' 37"	F-48-91-A-d
Thôn Mót	DC	xã Lâm Xa	H. Bá Thước	20° 20' 20"	105° 13' 37"					F-48-91-A-d
Thôn Núi	DC	xã Lâm Xa	H. Bá Thước	20° 20' 30"	105° 13' 23"					F-48-91-A-d
Thôn Sán	DC	xã Lâm Xa	H. Bá Thước	20° 20' 01"	105° 12' 41"					F-48-91-A-d
Thôn Tráng	DC	xã Lâm Xa	H. Bá Thước	20° 20' 08"	105° 12' 22"					F-48-91-A-d
thôn Vạn Tài	DC	xã Lâm Xa	H. Bá Thước	20° 20' 47"	105° 12' 11"					F-48-91-A-d
Thôn Bá	DC	xã Lũng Cao	H. Bá Thước	20° 31' 01"	105° 11' 26"					F-48-79-C-d
Thôn Bó	DC	xã Lũng Cao	H. Bá Thước	20° 29' 46"	105° 10' 01"					F-48-91-A-b
Thôn Cao	DC	xã Lũng Cao	H. Bá Thước	20° 28' 32"	105° 10' 39"					F-48-91-A-b
thôn Cao Hoong	DC	xã Lũng Cao	H. Bá Thước	20° 31' 09"	105° 08' 31"					F-48-79-C-d
Pha Chiến	SV	xã Lũng Cao	H. Bá Thước	20° 31' 08"	105° 08' 09"					F-48-79-C-d
Thung Hang	SV	xã Lũng Cao	H. Bá Thước	20° 32' 42"	105° 06' 34"					F-48-79-C-c
Thôn Hín	DC	xã Lũng Cao	H. Bá Thước	20° 29' 23"	105° 10' 09"					F-48-91-A-b
Suối In	TV	xã Lũng Cao	H. Bá Thước			20° 30' 51"	105° 07' 52"	20° 30' 03"	105° 08' 38"	F-48-79-C-d
Thung Khao	SV	xã Lũng Cao	H. Bá Thước	20° 31' 38"	105° 05' 53"					F-48-79-C-c
Thôn Kịt	DC	xã Lũng Cao	H. Bá Thước	20° 32' 05"	105° 07' 49"					F-48-79-C-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	
Thôn Mười	DC	xã Lũng Cao	H. Bá Thước	20° 30' 33"	105° 11' 44"					F-48-79-C-d
Suối Nứa	TV	xã Lũng Cao	H. Bá Thước			20° 30' 36"	105° 08' 43"	20° 23' 15"	105° 12' 20"	F-48-79-C-d, F-48-91-A-b
Thôn Nứa	DC	xã Lũng Cao	H. Bá Thước	20° 30' 15"	105° 09' 39"					F-48-79-C-d
dãy núi Pha Hé	SV	xã Lũng Cao	H. Bá Thước	20° 29' 44"	105° 11' 33"					F-48-91-A-b
Thôn Pồn	DC	xã Lũng Cao	H. Bá Thước	20° 30' 00"	105° 08' 40"					F-48-91-A-b
Thôn Sơn	DC	xã Lũng Cao	H. Bá Thước	20° 29' 49"	105° 12' 54"					F-48-91-A-b
thôn Thành Công	DC	xã Lũng Cao	H. Bá Thước	20° 30' 47"	105° 08' 08"					F-48-79-C-d
Thôn Trinh	DC	xã Lũng Cao	H. Bá Thước	20° 28' 57"	105° 10' 09"					F-48-91-A-b
Thôn Đoàn	DC	xã Lũng Niêm	H. Bá Thước	20° 26' 50"	105° 10' 46"					F-48-91-A-b
Thôn Bá	DC	xã Lũng Niêm	H. Bá Thước	20° 27' 04"	105° 09' 53"					F-48-91-A-b
Pha Bó	SV	xã Lũng Niêm	H. Bá Thước	20° 25' 28"	105° 11' 50"					F-48-91-A-b
Thôn Bồng	DC	xã Lũng Niêm	H. Bá Thước	20° 27' 46"	105° 08' 40"					F-48-91-A-b
Thôn Đồn	DC	xã Lũng Niêm	H. Bá Thước	20° 26' 41"	105° 10' 53"					F-48-91-A-b
Thôn Đồng	DC	xã Lũng Niêm	H. Bá Thước	20° 26' 51"	105° 10' 37"					F-48-91-A-b
Thôn Đủ	DC	xã Lũng Niêm	H. Bá Thước	20° 26' 25"	105° 10' 44"					F-48-91-A-b
núi Hối Cắm	SV	xã Lũng Niêm	H. Bá Thước	20° 28' 05"	105° 09' 47"					F-48-91-A-b
Pha Hón	SV	xã Lũng Niêm	H. Bá Thước	20° 26' 25"	105° 11' 28"					F-48-91-A-b
pha Kho Mường	SV	xã Lũng Niêm	H. Bá Thước	20° 28' 25"	105° 08' 47"					F-48-91-A-b
thôn Lạn Ngoài	DC	xã Lũng Niêm	H. Bá Thước	20° 27' 21"	105° 10' 12"					F-48-91-A-b
thôn Lạn Trong	DC	xã Lũng Niêm	H. Bá Thước	20° 27' 43"	105° 10' 27"					F-48-91-A-b
Phu Lóng	SV	xã Lũng Niêm	H. Bá Thước	20° 27' 20"	105° 08' 50"					F-48-91-A-b
Suối Ngải	TV	xã Lũng Niêm	H. Bá Thước			20° 28' 16"	105° 06' 30"	20° 27' 04"	105° 11' 41"	F-48-91-A-b
Thôn Quán	DC	xã Lũng Niêm	H. Bá Thước	20° 27' 23"	105° 09' 10"					F-48-91-A-b
Thôn Ươi	DC	xã Lũng Niêm	H. Bá Thước	20° 27' 15"	105° 09' 39"					F-48-91-A-b
núi Bái Nhọn	SV	xã Lương Ngoại	H. Bá Thước	20° 21' 08"	105° 20' 54"					F-48-91-B-c
thôn Cốc Cáo	DC	xã Lương Ngoại	H. Bá Thước	20° 21' 28"	105° 18' 21"					F-48-91-B-c
thôn Dân Long	DC	xã Lương Ngoại	H. Bá Thước	20° 20' 47"	105° 17' 43"					F-48-91-B-c
Thôn Đạo	DC	xã Lương Ngoại	H. Bá Thước	20° 21' 45"	105° 19' 34"					F-48-91-B-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	
thôn Đồi Công	DC	xã Lương Ngoại	H. Bá Thước	20° 21' 32"	105° 20' 32"					F-48-91-B-c
thôn Giầu Cả	DC	xã Lương Ngoại	H. Bá Thước	20° 19' 40"	105° 20' 19"					F-48-91-B-c
Núi Hạc	SV	xã Lương Ngoại	H. Bá Thước	20° 20' 37"	105° 18' 40"					F-48-91-B-c
Cầu Kẹm	KX	xã Lương Ngoại	H. Bá Thước	20° 19' 26"	105° 18' 58"					F-48-91-B-c
Sông Mã	TV	xã Lương Ngoại	H. Bá Thước			20° 32' 02"	104° 29' 13"	19° 47' 08"	105° 55' 37"	F-48-91-B-c
Thôn Máng	DC	xã Lương Ngoại	H. Bá Thước	20° 19' 37"	105° 19' 05"					F-48-91-B-c
thôn Ngọc Sinh	DC	xã Lương Ngoại	H. Bá Thước	20° 20' 07"	105° 19' 39"					F-48-91-B-c
núi Thung Kiên	SV	xã Lương Ngoại	H. Bá Thước	20° 22' 09"	105° 17' 19"					F-48-91-B-c
Thôn Âm	DC	xã Lương Nội	H. Bá Thước	20° 23' 09"	105° 19' 43"					F-48-91-B-a
núi Bai Nhọn	SV	xã Lương Nội	H. Bá Thước	20° 21' 08"	105° 20' 54"					F-48-91-B-c
Thôn Ben	DC	xã Lương Nội	H. Bá Thước	20° 20' 50"	105° 23' 07"					F-48-91-B-d
Núi Cái	SV	xã Lương Nội	H. Bá Thước	20° 20' 16"	105° 24' 53"					F-48-91-B-d
Suối Cái	TV	xã Lương Nội	H. Bá Thước			20° 20' 50"	105° 22' 53"	20° 19' 22"	105° 20' 51"	F-48-91-B-c, F-48-91-B-d
suối Cái Cạn	TV	xã Lương Nội	H. Bá Thước			20° 22' 56"	105° 19' 42"	20° 20' 50"	105° 22' 53"	F-48-91-B-d, F-48-91-B-c, F-48-91-B-a
suối Cái Nhỏ	TV	xã Lương Nội	H. Bá Thước			20° 21' 03"	105° 24' 19"	20° 20' 50"	105° 22' 53"	F-48-91-B-d
Thôn Chông	DC	xã Lương Nội	H. Bá Thước	20° 22' 07"	105° 22' 54"					F-48-91-B-d
Núi Đại	SV	xã Lương Nội	H. Bá Thước	20° 20' 24"	105° 22' 56"					F-48-91-B-d
Thôn Đăm	DC	xã Lương Nội	H. Bá Thước	20° 23' 47"	105° 18' 54"					F-48-91-B-a
Thôn Đòn	DC	xã Lương Nội	H. Bá Thước	20° 21' 18"	105° 22' 24"					F-48-91-B-c
núi Eo Xanh	SV	xã Lương Nội	H. Bá Thước	20° 24' 54"	105° 17' 15"					F-48-91-B-a
đèo Hang Lòn	SV	xã Lương Nội	H. Bá Thước	20° 23' 32"	105° 21' 25"					F-48-91-B-a
Thôn Khai	DC	xã Lương Nội	H. Bá Thước	20° 21' 05"	105° 24' 24"					F-48-91-B-d
Suối Lăn	TV	xã Lương Nội	H. Bá Thước			20° 23' 51"	105° 18' 40"	20° 24' 19"	105° 16' 52"	F-48-91-B-a
Núi Mun	SV	xã Lương Nội	H. Bá Thước	20° 24' 35"	105° 18' 06"					F-48-91-B-a
đồi Phụ Cháy	SV	xã Lương Nội	H. Bá Thước	20° 23' 06"	105° 21' 20"					F-48-91-B-a
Thôn Ry	DC	xã Lương Nội	H. Bá Thước	20° 22' 32"	105° 21' 22"					F-48-91-B-a
Thôn Són	DC	xã Lương Nội	H. Bá Thước	20° 20' 34"	105° 23' 40"					F-48-91-B-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	
Thôn Trần	DC	xã Lương Nội	H. Bá Thước	20° 22' 49"	105° 20' 18"					F-48-91-B-a
Đồi Trúc	SV	xã Lương Nội	H. Bá Thước	20° 23' 10"	105° 19' 01"					F-48-91-B-a
núi Ba Mường	SV	xã Lương Trung	H. Bá Thước	20° 18' 52"	105° 20' 01"					F-48-91-B-c
Suối Cái	TV	xã Lương Trung	H. Bá Thước			20° 20' 50"	105° 22' 53"	20° 19' 22"	105° 20' 51"	F-48-91-B-c, F-48-91-B-d
thôn Chòm Mót	DC	xã Lương Trung	H. Bá Thước	20° 19' 07"	105° 20' 46"					F-48-91-B-c
thôn Chòm Thái	DC	xã Lương Trung	H. Bá Thước	20° 16' 54"	105° 22' 37"					F-48-91-B-d
Núi Đụn	SV	xã Lương Trung	H. Bá Thước	20° 20' 24"	105° 22' 56"					F-48-91-B-d
Đồi Lặn	SV	xã Lương Trung	H. Bá Thước	20° 20' 55"	105° 21' 23"					F-48-91-B-c
núi Làng Bèo	SV	xã Lương Trung	H. Bá Thước	20° 17' 43"	105° 21' 09"					F-48-91-B-c
núi Làng Bọt	SV	xã Lương Trung	H. Bá Thước	20° 17' 14"	105° 21' 52"					F-48-91-B-c
Sông Mã	TV	xã Lương Trung	H. Bá Thước			20° 32' 02"	104° 29' 13"	19° 47' 08"	105° 55' 37"	F-48-91-B-c
thôn Mạt Thành	DC	xã Lương Trung	H. Bá Thước	20° 19' 42"	105° 21' 48"					F-48-91-B-c
Đồi Mỏ	SV	xã Lương Trung	H. Bá Thước	20° 19' 20"	105° 23' 18"					F-48-91-B-d
Núi Phỉ	SV	xã Lương Trung	H. Bá Thước	20° 18' 55"	105° 24' 36"					F-48-91-B-d
thôn Phú Sơn	DC	xã Lương Trung	H. Bá Thước	20° 20' 18"	105° 21' 05"					F-48-91-B-c
thôn Quang Trung	DC	xã Lương Trung	H. Bá Thước	20° 19' 54"	105° 21' 00"					F-48-91-B-c
thôn Sơn Thủy	DC	xã Lương Trung	H. Bá Thước	20° 18' 11"	105° 21' 16"					F-48-91-B-c
thôn Trung Dương	DC	xã Lương Trung	H. Bá Thước	20° 18' 05"	105° 22' 59"					F-48-91-B-c
thôn Trung Sơn	DC	xã Lương Trung	H. Bá Thước	20° 18' 52"	105° 23' 12"					F-48-91-B-d
thôn Trung Thành	DC	xã Lương Trung	H. Bá Thước	20° 20' 22"	105° 22' 14"					F-48-91-B-c
thôn Trung Thủy	DC	xã Lương Trung	H. Bá Thước	20° 18' 42"	105° 21' 08"					F-48-91-B-c
thôn Anh Văn	DC	xã Tân Lập	H. Bá Thước	20° 21' 06"	105° 14' 56"					F-48-91-A-d
Thôn Chu	DC	xã Tân Lập	H. Bá Thước	20° 22' 18"	105° 12' 55"					F-48-91-A-d
thôn Hồng Sơn	DC	xã Tân Lập	H. Bá Thước	20° 20' 49"	105° 14' 15"					F-48-91-A-d
thôn Kim Văn	DC	xã Tân Lập	H. Bá Thước	20° 22' 18"	105° 13' 36"					F-48-91-A-d
thôn Lương Văn	DC	xã Tân Lập	H. Bá Thước	20° 21' 23"	105° 14' 11"					F-48-91-A-d
Sông Mã	TV	xã Tân Lập	H. Bá Thước			20° 32' 02"	104° 29' 13"	19° 47' 08"	105° 55' 37"	F-48-91-A-d, F-48-91-B-c
Thôn Măng	DC	xã Tân Lập	H. Bá Thước	20° 21' 39"	105° 13' 12"					F-48-91-A-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng								Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối				
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ			
				(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)			
Thôn Mòn	DC	xã Tân Lập	H. Bá Thước	20° 22' 03"	105° 14' 00"						F-48-91-A-d	
Pha Ngán	SV	xã Tân Lập	H. Bá Thước	20° 22' 36"	105° 12' 49"						F-48-91-A-b	
thôn Xuân Long	DC	xã Tân Lập	H. Bá Thước	20° 20' 56"	105° 14' 38"						F-48-91-A-d	
quốc lộ 15C	KX	xã Thành Lâm	H. Bá Thước			20° 33' 11"	105° 01' 17"	20° 21' 18"	105° 12' 32"		F-48-91-A-b	
Thôn Bầm	DC	xã Thành Lâm	H. Bá Thước	20° 27' 00"	105° 08' 26"						F-48-91-A-b	
Thôn Chu	DC	xã Thành Lâm	H. Bá Thước	20° 25' 29"	105° 10' 03"						F-48-91-A-b	
Thôn Cốc	DC	xã Thành Lâm	H. Bá Thước	20° 24' 41"	105° 10' 57"						F-48-91-A-b	
Thôn Đanh	DC	xã Thành Lâm	H. Bá Thước	20° 25' 03"	105° 10' 26"						F-48-91-A-b	
Thôn Đôn	DC	xã Thành Lâm	H. Bá Thước	20° 26' 59"	105° 09' 02"						F-48-91-A-b	
Suối Giã	TV	xã Thành Lâm	H. Bá Thước			20° 25' 08"	105° 08' 41"	20° 23' 15"	105° 12' 20"		F-48-91-A-b	
Pu Hò	SV	xã Thành Lâm	H. Bá Thước	20° 24' 18"	105° 09' 42"						F-48-91-A-b	
Thôn Leo	DC	xã Thành Lâm	H. Bá Thước	20° 26' 32"	105° 09' 29"						F-48-91-A-b	
Pu Luông	SV	xã Thành Lâm	H. Bá Thước	20° 24' 30"	105° 09' 12"						F-48-91-A-b	
Thôn Mỏ	DC	xã Thành Lâm	H. Bá Thước	20° 25' 45"	105° 09' 50"						F-48-91-A-b	
Thôn Ngòn	DC	xã Thành Lâm	H. Bá Thước	20° 26' 44"	105° 09' 02"						F-48-91-A-b	
núi Pa Chiêng	SV	xã Thành Lâm	H. Bá Thước	20° 26' 31"	105° 06' 57"						F-48-91-A-a	
Suối Tách	TV	xã Thành Lâm	H. Bá Thước			20° 26' 56"	105° 09' 07"	20° 25' 20"	105° 10' 23"		F-48-91-A-b	
quốc lộ 15C	KX	xã Thành Sơn	H. Bá Thước			20° 33' 11"	105° 01' 17"	20° 21' 18"	105° 12' 32"		F-48-79-C-c, F-48-91-A-a, F-48-91-A-b	
Thôn Báng	DC	xã Thành Sơn	H. Bá Thước	20° 27' 52"	105° 07' 33"						F-48-91-A-b	
pu Châu Ngậu	SV	xã Thành Sơn	H. Bá Thước	20° 27' 20"	105° 06' 07"						F-48-91-A-a	
núi Cong Hùm	SV	xã Thành Sơn	H. Bá Thước	20° 30' 39"	105° 04' 41"						F-48-79-C-c	
Pòm Đôn	SV	xã Thành Sơn	H. Bá Thước	20° 26' 42"	105° 06' 45"						F-48-91-A-a	
thôn Đông Diếng	DC	xã Thành Sơn	H. Bá Thước	20° 28' 44"	105° 07' 01"						F-48-91-A-b	
thôn Eo Kén	DC	xã Thành Sơn	H. Bá Thước	20° 30' 52"	105° 05' 08"						F-48-79-C-c	
núi Hàng Tron	SV	xã Thành Sơn	H. Bá Thước	20° 31' 17"	105° 05' 38"						F-48-79-C-c	
pha Kho Mường	SV	xã Thành Sơn	H. Bá Thước	20° 28' 25"	105° 08' 47"						F-48-91-A-b	
thôn Kho Mường	DC	xã Thành Sơn	H. Bá Thước	20° 28' 59"	105° 07' 51"						F-48-91-A-b	
Suối Ngải	TV	xã Thành Sơn	H. Bá Thước			20° 28' 16"	105° 06' 30"	20° 27' 04"	105° 11' 41"		F-48-91-A-b	

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng								Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối				
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	
thôn Nông Công	DC	xã Thành Sơn	H. Bá Thước	20° 27' 39"	105° 07' 54"							F-48-91-A-b
thôn Pà Ban	DC	xã Thành Sơn	H. Bá Thước	20° 30' 09"	105° 05' 40"							F-48-91-A-a
núi Pa Chiềng	SV	xã Thành Sơn	H. Bá Thước	20° 26' 31"	105° 06' 57"							F-48-91-A-a
thôn Pà Khả	DC	xã Thành Sơn	H. Bá Thước	20° 28' 06"	105° 07' 13"							F-48-91-A-a
núi Pha Mường Khổng	SV	xã Thành Sơn	H. Bá Thước	20° 29' 10"	105° 04' 46"							F-48-91-A-a
pu Pha Phong	SV	xã Thành Sơn	H. Bá Thước	20° 28' 43"	105° 05' 09"							F-48-91-A-a
Suối Pung	TV	xã Thành Sơn	H. Bá Thước					20° 30' 23"	105° 06' 04"	20° 32' 17"	105° 01' 05"	F-48-79-C-c
quốc lộ 217	KX	xã Thiết Kế	H. Bá Thước					19° 59' 42"	105° 50' 35"	20° 17' 51"	104° 37' 12"	F-48-91-A-d
quốc lộ 15A	KX	xã Thiết Kế	H. Bá Thước					20° 33' 37"	105° 01' 17"	20° 05' 33"	105° 22' 16"	F-48-91-A-d
Suối Bo	TV	xã Thiết Kế	H. Bá Thước					20° 18' 19"	105° 06' 18"	20° 17' 33"	105° 09' 26"	F-48-91-A-d
Thôn Cha	DC	xã Thiết Kế	H. Bá Thước	20° 17' 53"	105° 09' 31"							F-48-91-A-d
thôn Chảy Ké	DC	xã Thiết Kế	H. Bá Thước	20° 19' 36"	105° 10' 23"							F-48-91-A-d
núi Hang Bang	SV	xã Thiết Kế	H. Bá Thước	20° 20' 20"	105° 10' 53"							F-48-91-A-d
Suối Ké	TV	xã Thiết Kế	H. Bá Thước					20° 19' 22"	105° 08' 02"	20° 19' 00"	105° 09' 58"	F-48-91-A-d
Thôn Ké	DC	xã Thiết Kế	H. Bá Thước	20° 19' 47"	105° 08' 01"							F-48-91-A-d
Thôn Khung	DC	xã Thiết Kế	H. Bá Thước	20° 17' 36"	105° 09' 51"							F-48-91-A-d
Suối Kỳ	TV	xã Thiết Kế	H. Bá Thước					20° 15' 44"	105° 08' 31"	20° 17' 29"	105° 09' 31"	F-48-91-A-d
núi Lai Láng	SV	xã Thiết Kế	H. Bá Thước	20° 18' 50"	105° 06' 55"							F-48-91-A-c
Núi Luồng	SV	xã Thiết Kế	H. Bá Thước	20° 18' 38"	105° 08' 53"							F-48-91-A-d
Thôn Luồng	DC	xã Thiết Kế	H. Bá Thước	20° 18' 45"	105° 09' 40"							F-48-91-A-d
Sông Mã	TV	xã Thiết Kế	H. Bá Thước					20° 32' 02"	104° 29' 13"	19° 47' 08"	105° 55' 37"	F-48-91-A-d
Núi Nái	SV	xã Thiết Kế	H. Bá Thước	20° 18' 27"	105° 10' 26"							F-48-91-A-d
núi Pa Hịa	SV	xã Thiết Kế	H. Bá Thước	20° 19' 57"	105° 07' 21"							F-48-91-A-c
núi Pha Háng	SV	xã Thiết Kế	H. Bá Thước	20° 20' 17"	105° 08' 01"							F-48-91-A-d
đồi Pù Dán	SV	xã Thiết Kế	H. Bá Thước	20° 19' 55"	105° 09' 46"							F-48-91-A-d
dãy Tạng Tới	SV	xã Thiết Kế	H. Bá Thước	20° 20' 09"	105° 08' 11"							F-48-91-A-d
núi Trang Nhạ	SV	xã Thiết Kế	H. Bá Thước	20° 20' 40"	105° 07' 36"							F-48-91-A-d
quốc lộ 217	KX	xã Thiết Kế	H. Bá Thước					19° 59' 42"	105° 50' 35"	20° 17' 51"	104° 37' 12"	F-48-91-A-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng								Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối				
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ			
				(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)			
quốc lộ 15A	KX	xã Thiết Ống	H. Bá Thước			20° 33' 37"	105° 01' 17"	20° 05' 33"	105° 22' 16"	F-48-91-A-d, F-48-91-C		
phố Bá Lộc	DC	xã Thiết Ống	H. Bá Thước	20° 17' 36"	105° 10' 28"					F-48-91-A-d		
núi Bốn Mường	SV	xã Thiết Ống	H. Bá Thước	20° 15' 43"	105° 09' 54"					F-48-91-A-d		
Núi Che	SV	xã Thiết Ống	H. Bá Thước	20° 15' 28"	105° 11' 12"					F-48-91-A-d		
Thôn Chiềng	DC	xã Thiết Ống	H. Bá Thước	20° 17' 34"	105° 10' 57"					F-48-91-A-d		
Thôn Chun	DC	xã Thiết Ống	H. Bá Thước	20° 17' 34"	105° 12' 24"					F-48-91-A-d		
Thôn Cốc	DC	xã Thiết Ống	H. Bá Thước	20° 17' 13"	105° 10' 32"					F-48-91-A-d		
Núi Cồn	SV	xã Thiết Ống	H. Bá Thước	20° 14' 31"	105° 11' 24"					F-48-91-C		
Thôn Cú	DC	xã Thiết Ống	H. Bá Thước	20° 15' 41"	105° 12' 11"					F-48-91-A-d		
Thôn Đò	DC	xã Thiết Ống	H. Bá Thước	20° 16' 46"	105° 11' 51"					F-48-91-A-d		
phố Đồng Tâm 1	DC	xã Thiết Ống	H. Bá Thước	20° 17' 34"	105° 11' 09"					F-48-91-A-d		
phố Đồng Tâm 2	DC	xã Thiết Ống	H. Bá Thước	20° 17' 24"	105° 11' 26"					F-48-91-A-d		
phố Đồng Tâm 3	DC	xã Thiết Ống	H. Bá Thước	20° 17' 35"	105° 11' 48"					F-48-91-A-d		
Thôn Hang	DC	xã Thiết Ống	H. Bá Thước	20° 13' 59"	105° 12' 40"					F-48-91-C		
Đồi Hượn	SV	xã Thiết Ống	H. Bá Thước	20° 14' 53"	105° 10' 35"					F-48-91-C		
Đồi Khuôn	SV	xã Thiết Ống	H. Bá Thước	20° 19' 39"	105° 11' 14"					F-48-91-A-d		
thôn Liên Thành	DC	xã Thiết Ống	H. Bá Thước	20° 17' 11"	105° 12' 33"					F-48-91-A-d		
Sông Mã	TV	xã Thiết Ống	H. Bá Thước			20° 32' 02"	104° 29' 13"	19° 47' 08"	105° 55' 37"	F-48-91-A-d		
Núi Mốc	SV	xã Thiết Ống	H. Bá Thước	20° 15' 51"	105° 14' 06"					F-48-91-A-d		
Núi Nái	SV	xã Thiết Ống	H. Bá Thước	20° 18' 55"	105° 11' 23"					F-48-91-A-d		
Thôn Nán	DC	xã Thiết Ống	H. Bá Thước	20° 18' 13"	105° 13' 00"					F-48-91-A-d		
Suối Nga	TV	xã Thiết Ống	H. Bá Thước			20° 14' 10"	105° 12' 32"	20° 17' 51"	105° 11' 22"	F-48-91-A-d, F-48-91-C		
Pu Ngang	SV	xã Thiết Ống	H. Bá Thước	20° 12' 45"	105° 12' 28"					F-48-91-C		
Núi Nủ	SV	xã Thiết Ống	H. Bá Thước	20° 18' 33"	105° 14' 07"					F-48-91-A-d		
Suối Ong	TV	xã Thiết Ống	H. Bá Thước			20° 13' 02"	105° 13' 14"	20° 14' 10"	105° 12' 32"	F-48-91-C		
Núi Páng	SV	xã Thiết Ống	H. Bá Thước	20° 13' 24"	105° 11' 59"					F-48-91-C		
núi Phai Đáng	SV	xã Thiết Ống	H. Bá Thước	20° 15' 38"	105° 12' 54"					F-48-91-A-d		

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng								Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối				
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	
núi Puốc Phê	SV	xã Thiết Ống	H. Bá Thước	20° 14' 28"	105° 11' 02"							F-48-91-C
thôn Quyết Thắng	DC	xã Thiết Ống	H. Bá Thước	20° 18' 04"	105° 11' 55"							F-48-91-A-d
Suối Sặng	TV	xã Thiết Ống	H. Bá Thước			20° 16' 28"	105° 13' 34"	20° 16' 48"	105° 12' 00"			F-48-91-A-d
Thôn Sặng	DC	xã Thiết Ống	H. Bá Thước	20° 16' 38"	105° 12' 32"							F-48-91-A-d
núi Sáp Ong	SV	xã Thiết Ống	H. Bá Thước	20° 12' 58"	105° 13' 05"							F-48-91-C
Thôn Suội	DC	xã Thiết Ống	H. Bá Thước	20° 19' 05"	105° 12' 38"							F-48-91-A-d
Đồi Tền	SV	xã Thiết Ống	H. Bá Thước	20° 13' 41"	105° 12' 12"							F-48-91-C
Đồi Tện	SV	xã Thiết Ống	H. Bá Thước	20° 13' 25"	105° 12' 49"							F-48-91-C
thôn Thành Công	DC	xã Thiết Ống	H. Bá Thước	20° 16' 58"	105° 12' 18"							F-48-91-A-d
thôn Thiết Giang	DC	xã Thiết Ống	H. Bá Thước	20° 19' 11"	105° 12' 19"							F-48-91-A-d
Thôn Thuỷ	DC	xã Thiết Ống	H. Bá Thước	20° 16' 29"	105° 12' 15"							F-48-91-A-d
Pu Tre	SV	xã Thiết Ống	H. Bá Thước	20° 13' 36"	105° 13' 35"							F-48-91-C
Thôn Trạch	DC	xã Thiết Ống	H. Bá Thước	20° 15' 04"	105° 12' 07"							F-48-91-C
Hòn Xui	TV	xã Thiết Ống	H. Bá Thước			20° 15' 16"	105° 11' 10"	20° 17' 42"	105° 10' 44"			F-48-91-A-d
quốc lộ 217	KX	xã Văn Nho	H. Bá Thước			19° 59' 42"	105° 50' 35"	20° 17' 51"	104° 37' 12"			F-48-91-A-c, F-48-91-A-d
Thôn Âm	DC	xã Văn Nho	H. Bá Thước	20° 15' 40"	105° 08' 20"							F-48-91-A-d
núi Bốn Mường	SV	xã Văn Nho	H. Bá Thước	20° 15' 43"	105° 09' 54"							F-48-91-A-d
pom Căng Cóp	SV	xã Văn Nho	H. Bá Thước	20° 15' 38"	105° 05' 22"							F-48-91-A-c
thôn Cha Kỳ	DC	xã Văn Nho	H. Bá Thước	20° 15' 23"	105° 07' 29"							F-48-91-A-c
thôn Chiềng Ban	DC	xã Văn Nho	H. Bá Thước	20° 15' 38"	105° 07' 59"							F-48-91-A-d
thôn Chiềng Mòn	DC	xã Văn Nho	H. Bá Thước	20° 15' 05"	105° 07' 38"							F-48-91-C
thôn Chiềng Pháng	DC	xã Văn Nho	H. Bá Thước	20° 14' 52"	105° 07' 28"							F-48-91-C
Thôn Chuông	DC	xã Văn Nho	H. Bá Thước	20° 14' 48"	105° 08' 06"							F-48-91-C
pu Có Hao	SV	xã Văn Nho	H. Bá Thước	20° 13' 34"	105° 08' 00"							F-48-91-C
Thôn Đác	DC	xã Văn Nho	H. Bá Thước	20° 15' 56"	105° 08' 21"							F-48-91-A-d
Suối Đang	TV	xã Văn Nho	H. Bá Thước			20° 13' 38"	105° 01' 06"	20° 13' 16"	105° 06' 53"			F-48-91-A-c, F-48-91-C
pu Ến Chạng	SV	xã Văn Nho	H. Bá Thước	20° 13' 50"	105° 06' 29"							
đồi Hốc Luông	SV	xã Văn Nho	H. Bá Thước	20° 13' 42"	105° 08' 43"							F-48-91-C

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	
Đồi Hượn	SV	xã Văn Nho	H. Bá Thước	20° 14' 53"	105° 10' 35"					F-48-91-C
thôn Kèo Hiềng	DC	xã Văn Nho	H. Bá Thước	20° 15' 18"	105° 07' 48"					F-48-91-A-d
Thôn: Kháng	DC	xã Văn Nho	H. Bá Thước	20° 16' 13"	105° 08' 47"					F-48-91-A-d
Thôn Kinh	DC	xã Văn Nho	H. Bá Thước	20° 14' 40"	105° 08' 35"					F-48-91-C
Suối Kỳ	TV	xã Văn Nho	H. Bá Thước			20° 17' 40"	105° 06' 02"	20° 17' 29"	105° 09' 31"	F-48-91-A-c
Thôn Lê	DC	xã Văn Nho	H. Bá Thước	20° 15' 21"	105° 08' 45"					F-48-91-A-d
Pu Mèo	SV	xã Văn Nho	H. Bá Thước	20° 13' 24"	105° 09' 30"					F-48-91-C
thôn Na Cài	DC	xã Văn Nho	H. Bá Thước	20° 14' 55"	105° 07' 49"					F-48-91-C
Thôn Pi	DC	xã Văn Nho	H. Bá Thước	20° 13' 33"	105° 09' 03"					F-48-91-C
Thôn Poọng	DC	xã Văn Nho	H. Bá Thước	20° 15' 37"	105° 08' 45"					F-48-91-A-d
Thôn Tô	DC	xã Văn Nho	H. Bá Thước	20° 15' 11"	105° 08' 32"					F-48-91-A-d
thôn Xà Luốc	DC	xã Văn Nho	H. Bá Thước	20° 14' 23"	105° 08' 19"					F-48-91-C
tổ dân phố 1	DC	TT. Cẩm Thủy	H. Cẩm Thủy	20° 12' 34"	105° 28' 54"					F-48-91-D-b
tổ dân phố 2	DC	TT. Cẩm Thủy	H. Cẩm Thủy	20° 12' 39"	105° 28' 28"					F-48-91-D-b
tổ dân phố 3	DC	TT. Cẩm Thủy	H. Cẩm Thủy	20° 13' 00"	105° 28' 23"					F-48-91-D-b
tổ dân phố 4	DC	TT. Cẩm Thủy	H. Cẩm Thủy	20° 12' 46"	105° 28' 14"					F-48-91-D-b
tổ dân phố 5	DC	TT. Cẩm Thủy	H. Cẩm Thủy	20° 12' 39"	105° 28' 07"					F-48-91-D-b
tổ dân phố 6	DC	TT. Cẩm Thủy	H. Cẩm Thủy	20° 12' 35"	105° 27' 52"					F-48-91-D-b
tổ dân phố 7	DC	TT. Cẩm Thủy	H. Cẩm Thủy	20° 12' 20"	105° 27' 48"					F-48-91-D-b
tổ dân phố 8	DC	TT. Cẩm Thủy	H. Cẩm Thủy	20° 12' 15"	105° 27' 32"					F-48-91-D-b
tổ dân phố 9	DC	TT. Cẩm Thủy	H. Cẩm Thủy	20° 12' 24"	105° 27' 07"					F-48-91-D-b
quốc lộ 217	KX	TT. Cẩm Thủy	H. Cẩm Thủy			19° 59' 42"	105° 50' 35"	20° 17' 51"	104° 37' 12"	F-48-91-D-b
Núi Hạc	SV	TT. Cẩm Thủy	H. Cẩm Thủy	20° 11' 24"	105° 26' 13"					F-48-91-D-b
Sông Mã	TV	TT. Cẩm Thủy	H. Cẩm Thủy			20° 32' 02"	104° 29' 13"	19° 47' 08"	105° 55' 37"	F-48-91-D-b
Suối Vinh	TV	TT. Cẩm Thủy	H. Cẩm Thủy			20° 12' 50"	105° 25' 08"	20° 12' 24"	105° 27' 25"	F-48-91-D-b
quốc lộ 217	KX	xã Cẩm Bình	H. Cẩm Thủy			19° 59' 42"	105° 50' 35"	20° 17' 51"	104° 37' 12"	F-48-91-D-b
Thôn Chợ	DC	xã Cẩm Bình	H. Cẩm Thủy	20° 14' 03"	105° 24' 12"					F-48-91-D-b
thôn Bình Hoà 1	DC	xã Cẩm Bình	H. Cẩm Thủy	20° 14' 19"	105° 25' 21"					F-48-91-D-b
thôn Bình Hoà 2	DC	xã Cẩm Bình	H. Cẩm Thủy	20° 14' 12"	105° 25' 34"					F-48-91-D-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng								Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối				
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ			
				(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)			
thôn Bình Hoà 3	DC	xã Cẩm Bình	H. Cẩm Thủy	20° 14' 04"	105° 25' 45"						F-48-91-D-b	
thôn Bình Hoà 4	DC	xã Cẩm Bình	H. Cẩm Thủy	20° 13' 50"	105° 25' 50"						F-48-91-D-b	
thôn Bình Hoà 5	DC	xã Cẩm Bình	H. Cẩm Thủy	20° 13' 37"	105° 25' 55"						F-48-91-D-b	
thôn Bình Sơn	DC	xã Cẩm Bình	H. Cẩm Thủy	20° 13' 17"	105° 25' 12"						F-48-91-D-b	
thôn Bình Yên	DC	xã Cẩm Bình	H. Cẩm Thủy	20° 12' 28"	105° 26' 37"						F-48-91-D-b	
Thôn Sẻ	DC	xã Cẩm Bình	H. Cẩm Thủy	20° 12' 36"	105° 25' 20"						F-48-91-D-b	
Thôn Sỏ	DC	xã Cẩm Bình	H. Cẩm Thủy	20° 12' 41"	105° 25' 50"						F-48-91-D-b	
thôn Tô 1	DC	xã Cẩm Bình	H. Cẩm Thủy	20° 12' 53"	105° 24' 51"						F-48-91-D-b	
thôn Tô 2	DC	xã Cẩm Bình	H. Cẩm Thủy	20° 13' 16"	105° 24' 26"						F-48-91-D-b	
Thôn Vinh	DC	xã Cẩm Bình	H. Cẩm Thủy	20° 13' 29"	105° 26' 02"						F-48-91-D-b	
Thôn Xăm	DC	xã Cẩm Bình	H. Cẩm Thủy	20° 12' 40"	105° 26' 10"						F-48-91-D-b	
Thôn Xanh	DC	xã Cẩm Bình	H. Cẩm Thủy	20° 14' 00"	105° 24' 36"						F-48-91-D-b	
Núi Hạc	SV	xã Cẩm Bình	H. Cẩm Thủy	20° 11' 24"	105° 26' 13"						F-48-91-D-b	
suối Hón Tron	TV	xã Cẩm Bình	H. Cẩm Thủy			20° 11' 42"	105° 22' 47"	20° 14' 11"	105° 23' 56"		F-48-91-D-b	
suối Làng Tô	TV	xã Cẩm Bình	H. Cẩm Thủy			20° 11' 51"	105° 24' 23"	20° 14' 06"	105° 24' 29"		F-48-91-D-b	
Sông Mã	TV	xã Cẩm Bình	H. Cẩm Thủy			20° 32' 02"	104° 29' 13"	19° 47' 08"	105° 55' 37"		F-48-91-D-b	
núi Móng Trâu	SV	xã Cẩm Bình	H. Cẩm Thủy	20° 13' 26"	105° 25' 17"						F-48-91-D-b	
Suối Vinh	TV	xã Cẩm Bình	H. Cẩm Thủy			20° 12' 50"	105° 25' 08"	20° 12' 24"	105° 27' 25"		F-48-91-D-b	
đường tỉnh 518	KX	xã Cẩm Châu	H. Cẩm Thủy			20° 09' 10"	105° 26' 42"	20° 01' 32"	105° 35' 17"		F-48-91-D-b	
thôn Kim Đồng	DC	xã Cẩm Châu	H. Cẩm Thủy	20° 09' 30"	105° 28' 12"						F-48-91-D-b	
thôn Kim Thanh	DC	xã Cẩm Châu	H. Cẩm Thủy	20° 09' 15"	105° 28' 37"						F-48-91-D-b	
thôn Phú Sơn	DC	xã Cẩm Châu	H. Cẩm Thủy	20° 09' 28"	105° 27' 25"						F-48-91-D-b	
Thôn Quàn	DC	xã Cẩm Châu	H. Cẩm Thủy	20° 09' 34"	105° 26' 35"						F-48-91-D-b	
thôn Sơn Lập	DC	xã Cẩm Châu	H. Cẩm Thủy	20° 09' 45"	105° 26' 12"						F-48-91-D-b	
thôn Trung Chính	DC	xã Cẩm Châu	H. Cẩm Thủy	20° 08' 56"	105° 26' 15"						F-48-91-D-b	
thôn Trung Nghĩa	DC	xã Cẩm Châu	H. Cẩm Thủy	20° 09' 07"	105° 26' 43"						F-48-91-D-b	
thôn Trung Tâm	DC	xã Cẩm Châu	H. Cẩm Thủy	20° 09' 09"	105° 26' 49"						F-48-91-D-b	
thôn An Đỗ	DC	xã Cẩm Châu	H. Cẩm Thủy	20° 09' 15"	105° 24' 59"						F-48-91-D-b	
Đồi Giếng	SV	xã Cẩm Châu	H. Cẩm Thủy								F-48-91-D-b	

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	
Núi Hạc	SV	xã Cẩm Châu	H. Cẩm Thủy	20° 11' 24"	105° 26' 13"					F-48-91-D-b
đường Hồ Chí Minh	KX	xã Cẩm Châu	H. Cẩm Thủy			20° 21' 59"	105° 31' 19"	19° 26' 37"	105° 26' 53"	F-48-91-D-b
đồi Lòng Lạnh	SV	xã Cẩm Châu	H. Cẩm Thủy	20° 10' 46"	105° 24' 47"					F-48-91-D-b
Làng Oí	DC	xã Cẩm Châu	H. Cẩm Thủy	20° 10' 06"	105° 26' 11"					F-48-91-D-b
Pu Tiên	SV	xã Cẩm Châu	H. Cẩm Thủy	20° 10' 25"	105° 23' 06"					F-48-91-D-b
Đồi Tò	SV	xã Cẩm Châu	H. Cẩm Thủy	20° 09' 00"	105° 25' 31"					F-48-91-D-b
đồi Tổng Cờ	SV	xã Cẩm Châu	H. Cẩm Thủy	20° 08' 08"	105° 26' 35"					F-48-91-D-b
đồi U Bò	SV	xã Cẩm Châu	H. Cẩm Thủy	20° 09' 52"	105° 29' 30"					F-48-91-D-b
Đồi Xiêng	SV	xã Cẩm Châu	H. Cẩm Thủy	20° 07' 53"	105° 27' 28"					F-48-91-D-b
Thôn Bén	DC	xã Cẩm Giang	H. Cẩm Thủy	20° 14' 29"	105° 26' 32"					F-48-91-D-b
Thôn Chiềng	DC	xã Cẩm Giang	H. Cẩm Thủy	20° 13' 21"	105° 27' 36"					F-48-91-D-b
Thôn Đồn	DC	xã Cẩm Giang	H. Cẩm Thủy	20° 13' 09"	105° 27' 12"					F-48-91-D-b
Thôn Gầm	DC	xã Cẩm Giang	H. Cẩm Thủy	20° 14' 06"	105° 26' 43"					F-48-91-D-b
Thôn Khuén	DC	xã Cẩm Giang	H. Cẩm Thủy	20° 13' 39"	105° 26' 58"					F-48-91-D-b
Thôn Mới	DC	xã Cẩm Giang	H. Cẩm Thủy	20° 13' 58"	105° 27' 36"					F-48-91-D-b
Thôn Móng	DC	xã Cẩm Giang	H. Cẩm Thủy	20° 14' 32"	105° 28' 18"					F-48-91-D-b
thôn Phú Lai	DC	xã Cẩm Giang	H. Cẩm Thủy	20° 13' 08"	105° 27' 26"					F-48-91-D-b
Thôn Sun	DC	xã Cẩm Giang	H. Cẩm Thủy	20° 14' 53"	105° 25' 58"					F-48-91-D-b
Thôn Vọng	DC	xã Cẩm Giang	H. Cẩm Thủy	20° 13' 28"	105° 27' 55"					F-48-91-D-b
Sông Mã	TV	xã Cẩm Giang	H. Cẩm Thủy			20° 32' 02"	104° 29' 13"	19° 47' 08"	105° 55' 37"	F-48-91-D-b
núi Thung Rám	SV	xã Cẩm Giang	H. Cẩm Thủy	20° 14' 43"	105° 27' 06"					F-48-91-D-b
núi Văn Thu	SV	xã Cẩm Giang	H. Cẩm Thủy	20° 13' 54"	105° 27' 04"					F-48-91-D-b
Suối Vinh	TV	xã Cẩm Giang	H. Cẩm Thủy			20° 12' 50"	105° 25' 08"	20° 12' 24"	105° 27' 25"	F-48-91-D-b
thôn An Ninh	DC	xã Cẩm Liên	H. Cẩm Thủy	20° 13' 31"	105° 21' 45"					F-48-91-D-a
Thôn Đồi	DC	xã Cẩm Liên	H. Cẩm Thủy	20° 12' 10"	105° 20' 33"					F-48-91-D-a
Thôn Dúng	DC	xã Cẩm Liên	H. Cẩm Thủy	20° 13' 30"	105° 20' 44"					F-48-91-D-a
thôn Liên Sơn	DC	xã Cẩm Liên	H. Cẩm Thủy	20° 13' 12"	105° 21' 14"					F-48-91-D-a
Thôn Mòng	DC	xã Cẩm Liên	H. Cẩm Thủy	20° 12' 05"	105° 21' 03"					F-48-91-D-a
thôn Thạch An	DC	xã Cẩm Liên	H. Cẩm Thủy	20° 13' 21"	105° 22' 06"					F-48-91-D-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên DVHC cấp xã	Tên DVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	
thôn Thạch Minh	DC	xã Cẩm Liên	H. Cẩm Thủy	20° 12' 24"	105° 20' 16"					F-48-91-D-a
kênh A Thạch Minh	TV	xã Cẩm Liên	H. Cẩm Thủy			20° 12' 01"	105° 22' 21"	20° 12' 37"	105° 13' 01"	F-48-91-D-a
súi Bãi Bìn	TV	xã Cẩm Liên	H. Cẩm Thủy			20° 12' 35"	105° 19' 43"	20° 14' 41"	105° 21' 41"	F-48-91-D-a
Đồi Bưng	SV	xã Cẩm Liên	H. Cẩm Thủy	20° 11' 52"	105° 19' 25"					F-48-91-D-a
Đồi Hích	SV	xã Cẩm Liên	H. Cẩm Thủy	20° 11' 14"	105° 20' 18"					F-48-91-D-a
Đồi Ung	SV	xã Cẩm Liên	H. Cẩm Thủy	20° 10' 54"	105° 21' 06"					F-48-91-D-a
Thôn Bái	DC	xã Cẩm Long	H. Cẩm Thủy	20° 11' 06"	105° 32' 18"					F-48-92-C-a
Thôn Bảy	DC	xã Cẩm Long	H. Cẩm Thủy	20° 10' 32"	105° 32' 13"					F-48-92-C-a
thôn Cao Long	DC	xã Cẩm Long	H. Cẩm Thủy	20° 11' 29"	105° 34' 07"					F-48-92-C-a
thôn Mì Sơn	DC	xã Cẩm Long	H. Cẩm Thủy	20° 11' 05"	105° 31' 54"					F-48-92-C-a
Thôn Mỏ	DC	xã Cẩm Long	H. Cẩm Thủy	20° 10' 48"	105° 32' 30"					F-48-92-C-a
thôn Mỹ Long	DC	xã Cẩm Long	H. Cẩm Thủy	20° 09' 39"	105° 34' 45"					F-48-92-C-a
thôn Ngọc Long	DC	xã Cẩm Long	H. Cẩm Thủy	20° 10' 30"	105° 34' 31"					F-48-92-C-a
thôn Phi Long	DC	xã Cẩm Long	H. Cẩm Thủy	20° 10' 29"	105° 33' 05"					F-48-92-C-a
thôn Phúc Tiến	DC	xã Cẩm Long	H. Cẩm Thủy	20° 11' 30"	105° 34' 03"					F-48-92-C-a
thôn Sơn Long	DC	xã Cẩm Long	H. Cẩm Thủy	20° 08' 46"	105° 35' 01"					F-48-92-C-a
thôn Vân Long	DC	xã Cẩm Long	H. Cẩm Thủy	20° 09' 56"	105° 33' 46"					F-48-92-C-a
thôn Xuân Long	DC	xã Cẩm Long	H. Cẩm Thủy	20° 09' 04"	105° 35' 03"					F-48-92-C-a
Đồi Bụt	SV	xã Cẩm Long	H. Cẩm Thủy	20° 09' 51"	105° 33' 23"					F-48-92-C-a
Đồi Chiềng	SV	xã Cẩm Long	H. Cẩm Thủy	20° 10' 04"	105° 32' 14"					F-48-92-C-a
đồi Chông Mắm	SV	xã Cẩm Long	H. Cẩm Thủy	20° 09' 47"	105° 34' 56"					F-48-92-C-a
đồi Đà Lọc	SV	xã Cẩm Long	H. Cẩm Thủy	20° 09' 47"	105° 32' 50"					F-48-92-C-a
Đồi Giang	SV	xã Cẩm Long	H. Cẩm Thủy	20° 11' 20"	105° 33' 27"					F-48-92-C-a
Đồi Ngầy	SV	xã Cẩm Long	H. Cẩm Thủy	20° 10' 20"	105° 32' 28"					F-48-92-C-a
Đồi Ngọc	SV	xã Cẩm Long	H. Cẩm Thủy	20° 10' 31"	105° 31' 41"					F-48-92-C-a
đồi Ô Trảng	SV	xã Cẩm Long	H. Cẩm Thủy	20° 12' 57"	105° 33' 15"					F-48-92-C-a
khe Roc Sung	TV	xã Cẩm Long	H. Cẩm Thủy			20° 12' 05"	105° 32' 51"	20° 11' 33"	105° 32' 55"	F-48-92-C-a
Đồi Ròng	SV	xã Cẩm Long	H. Cẩm Thủy	20° 10' 50"	105° 33' 37"					F-48-92-C-a
kênh Tân Long	TV	xã Cẩm Long	H. Cẩm Thủy			20° 12' 05"	105° 32' 41"	20° 10' 26"	105° 30' 49"	F-48-92-C-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ,phút,gây)	(Độ,phút,gây)	(Độ,phút,gây)	(Độ,phút,gây)	(Độ,phút,gây)	(Độ,phút,gây)	
Đồi Trúc	SV	xã Cẩm Long	H. Cẩm Thủy	20° 09' 24"	105° 34' 20"					F-48-92-C-a
thôn Kim Mắm 1	DC	xã Cẩm Lương	H. Cẩm Thủy	20° 14' 25"	105° 22' 46"					F-48-91-D-b
thôn Kim Mắm 2	DC	xã Cẩm Lương	H. Cẩm Thủy	20° 14' 30"	105° 23' 09"					F-48-91-D-b
thôn Lương Hoà	DC	xã Cẩm Lương	H. Cẩm Thủy	20° 14' 50"	105° 24' 13"					F-48-91-D-b
thôn Lương Ngọc	DC	xã Cẩm Lương	H. Cẩm Thủy	20° 15' 08"	105° 23' 29"					F-48-91-B-d
thôn Lương Thuận	DC	xã Cẩm Lương	H. Cẩm Thủy	20° 14' 49"	105° 24' 35"					F-48-91-D-b
thôn Xứ Xuyên	DC	xã Cẩm Lương	H. Cẩm Thủy	20° 15' 27"	105° 21' 55"					F-48-91-B-c
Sông Mã	TV	xã Cẩm Lương	H. Cẩm Thủy			20° 32' 02"	104° 29' 13"	19° 47' 08"	105° 55' 37"	F-48-91-B-c, F-48-91-D-a, F-48-91-D-b
Suối Ngọc	TV	xã Cẩm Lương	H. Cẩm Thủy			20° 15' 08"	105° 23' 20"	20° 14' 23"	105° 24' 08"	F-48-91-D-b
quốc lộ 217	KX	xã Cẩm Ngọc	H. Cẩm Thủy			19° 59' 42"	105° 50' 35"	20° 17' 51"	104° 37' 12"	F-48-92-C-a, F-48-91-D-b
thôn Đồng Lão	DC	xã Cẩm Ngọc	H. Cẩm Thủy	20° 12' 46"	105° 30' 22"					F-48-92-C-a
Thôn Kim	DC	xã Cẩm Ngọc	H. Cẩm Thủy	20° 10' 23"	105° 31' 09"					F-48-92-C-a
thôn Nga Hạ	DC	xã Cẩm Ngọc	H. Cẩm Thủy	20° 12' 12"	105° 30' 37"					F-48-92-C-a
thôn Ngân Vải	DC	xã Cẩm Ngọc	H. Cẩm Thủy	20° 10' 57"	105° 31' 12"					F-48-92-C-a
thôn Phúc Ngọc	DC	xã Cẩm Ngọc	H. Cẩm Thủy	20° 11' 18"	105° 30' 55"					F-48-92-C-a
Thôn Sành	DC	xã Cẩm Ngọc	H. Cẩm Thủy	20° 08' 59"	105° 31' 07"					F-48-92-C-a
thôn Song Nga	DC	xã Cẩm Ngọc	H. Cẩm Thủy	20° 12' 24"	105° 30' 41"					F-48-92-C-a
đồi Đá Lửa	SV	xã Cẩm Ngọc	H. Cẩm Thủy	20° 10' 15"	105° 31' 08"					F-48-92-C-a
Đồi Đông	SV	xã Cẩm Ngọc	H. Cẩm Thủy	20° 13' 46"	105° 30' 38"					F-48-92-C-a
Cầu Lãi	KX	xã Cẩm Ngọc	H. Cẩm Thủy	20° 11' 48"	105° 30' 16"					F-48-92-C-a
Đồi Lạn	SV	xã Cẩm Ngọc	H. Cẩm Thủy	20° 08' 33"	105° 31' 21"					F-48-92-C-a
thôn Làng Sóng	DC	xã Cẩm Ngọc	H. Cẩm Thủy	20° 11' 31"	105° 30' 36"					F-48-92-C-a
Bến đò Lỡ	KX	xã Cẩm Ngọc	H. Cẩm Thủy	20° 08' 55"	105° 30' 45"					F-48-92-C-a
Sông Mã	TV	xã Cẩm Ngọc	H. Cẩm Thủy			20° 32' 02"	104° 29' 13"	19° 47' 08"	105° 55' 37"	F-48-92-C-a, F-48-91-D-b
Cầu Minh	KX	xã Cẩm Ngọc	H. Cẩm Thủy	20° 09' 24"	105° 30' 39"					F-48-92-C-a
đồi Mòn Hòn	SV	xã Cẩm Ngọc	H. Cẩm Thủy	20° 09' 42"	105° 31' 09"					F-48-92-C-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	
núi Nam Phát	SV	xã Cẩm Ngọc	H. Cẩm Thủy	20° 12' 50"	105° 29' 38"					F-48-91-D-b
cầu Ngán 1	KX	xã Cẩm Ngọc	H. Cẩm Thủy	20° 10' 39"	105° 31' 03"					F-48-92-C-a
cầu Ngán 2	KX	xã Cẩm Ngọc	H. Cẩm Thủy	20° 11' 00"	105° 30' 59"					F-48-92-C-a
Đồi Ngọc	SV	xã Cẩm Ngọc	H. Cẩm Thủy	20° 10' 31"	105° 31' 41"					F-48-92-C-a
đồi Ó Tráng	SV	xã Cẩm Ngọc	H. Cẩm Thủy	20° 12' 57"	105° 33' 15"					F-48-92-C-a
Thôn Song	DC	xã Cẩm Ngọc	H. Cẩm Thủy	20° 09' 55"	105° 30' 44"					F-48-92-C-a
hồ Tùng Bằng	TV	xã Cẩm Ngọc	H. Cẩm Thủy	20° 12' 46"	105° 31' 07"					F-48-92-C-a
quốc lộ 217	KX	xã Cẩm Phong	H. Cẩm Thủy			19° 59' 42"	105° 50' 35"	20° 17' 51"	104° 37' 12"	F-48-91-D-b
thôn Cửa Hà 1	DC	xã Cẩm Phong	H. Cẩm Thủy	20° 12' 49"	105° 29' 03"					F-48-91-D-b
thôn Cửa Hà 2	DC	xã Cẩm Phong	H. Cẩm Thủy	20° 12' 42"	105° 29' 02"					F-48-91-D-b
Đồi Đồng	SV	xã Cẩm Phong	H. Cẩm Thủy	20° 13' 46"	105° 30' 38"					F-48-92-C-a
thôn Đồng Chạ	DC	xã Cẩm Phong	H. Cẩm Thủy	20° 13' 52"	105° 29' 45"					F-48-91-D-b
thôn Dương Huệ	DC	xã Cẩm Phong	H. Cẩm Thủy	20° 13' 18"	105° 29' 18"					F-48-91-D-b
đường Hồ Chí Minh	KX	xã Cẩm Phong	H. Cẩm Thủy			20° 21' 59"	105° 31' 19"	19° 26' 37"	105° 26' 53"	F-48-91-D-b
Sông Mã	TV	xã Cẩm Phong	H. Cẩm Thủy			20° 32' 02"	104° 29' 13"	19° 47' 08"	105° 55' 37"	F-48-91-D-b
núi Nam Phát	SV	xã Cẩm Phong	H. Cẩm Thủy	20° 12' 50"	105° 29' 38"					F-48-91-D-b
thôn Nghĩa Dũng	DC	xã Cẩm Phong	H. Cẩm Thủy	20° 12' 38"	105° 29' 18"					F-48-91-D-b
thôn Phong Ý	DC	xã Cẩm Phong	H. Cẩm Thủy	20° 12' 24"	105° 29' 16"					F-48-91-D-b
thôn Tân Phong	DC	xã Cẩm Phong	H. Cẩm Thủy	20° 12' 16"	105° 29' 19"					F-48-91-D-b
thôn Từ Niêm	DC	xã Cẩm Phong	H. Cẩm Thủy	20° 12' 04"	105° 29' 45"					F-48-91-D-b
suối Vòng Hy	TV	xã Cẩm Phong	H. Cẩm Thủy			20° 15' 40"	105° 29' 14"	20° 13' 27"	105° 28' 39"	F-48-91-D-b
Núi Vực	SV	xã Cẩm Phong	H. Cẩm Thủy	20° 13' 10"	105° 28' 49"					F-48-91-D-b
thôn Lạc Long 1	DC	xã Cẩm Phú	H. Cẩm Thủy	20° 08' 59"	105° 33' 25"					F-48-92-C-a
thôn Lạc Long 2	DC	xã Cẩm Phú	H. Cẩm Thủy	20° 09' 22"	105° 33' 04"					F-48-92-C-a
thôn Phúc Lợi	DC	xã Cẩm Phú	H. Cẩm Thủy	20° 08' 03"	105° 34' 48"					F-48-92-C-a
thôn Phúc Thịnh	DC	xã Cẩm Phú	H. Cẩm Thủy	20° 08' 25"	105° 33' 21"					F-48-92-C-a
thôn Phúc Thuận	DC	xã Cẩm Phú	H. Cẩm Thủy	20° 08' 06"	105° 35' 33"					F-48-92-C-a
thôn Thanh Long	DC	xã Cẩm Phú	H. Cẩm Thủy	20° 08' 25"	105° 33' 56"					F-48-92-C-a
thôn Tiến Long	DC	xã Cẩm Phú	H. Cẩm Thủy	20° 07' 46"	105° 33' 06"					F-48-92-C-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng								Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối				
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ			
				(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)			
thôn Vĩnh Long	DC	xã Cẩm Phú	H. Cẩm Thủy	20° 09' 05"	105° 32' 32"						F-48-92-C-a	
Đồi Bụt	SV	xã Cẩm Phú	H. Cẩm Thủy	20° 09' 51"	105° 33' 23"						F-48-92-C-a	
cầu Cẩm Phú	KX	xã Cẩm Phú	H. Cẩm Thủy	20° 08' 16"	105° 32' 56"						F-48-92-C-a	
Đồi Cao	SV	xã Cẩm Phú	H. Cẩm Thủy	20° 08' 57"	105° 34' 16"						F-48-92-C-a	
Đồi Chiềng	SV	xã Cẩm Phú	H. Cẩm Thủy	20° 10' 04"	105° 32' 14"						F-48-92-C-a	
đồi Đá Lọc	SV	xã Cẩm Phú	H. Cẩm Thủy	20° 09' 47"	105° 32' 50"						F-48-92-C-a	
đồi Hiều Lọc	SV	xã Cẩm Phú	H. Cẩm Thủy	20° 06' 56"	105° 35' 00"						F-48-92-C-c	
thôn Hoàng Long 1	DC	xã Cẩm Phú	H. Cẩm Thủy	20° 08' 14"	105° 32' 50"						F-48-92-C-a	
thôn Hoàng Long 2	DC	xã Cẩm Phú	H. Cẩm Thủy	20° 08' 22"	105° 33' 08"						F-48-92-C-a	
đồi Làng Gió	SV	xã Cẩm Phú	H. Cẩm Thủy	20° 09' 33"	105° 32' 28"						F-48-92-C-a	
đồi Rộc Ma	SV	xã Cẩm Phú	H. Cẩm Thủy	20° 08' 54"	105° 32' 50"						F-48-92-C-a	
thôn Thái Long 1	DC	xã Cẩm Phú	H. Cẩm Thủy	20° 07' 47"	105° 33' 51"						F-48-92-C-a	
thôn Thái Long 2	DC	xã Cẩm Phú	H. Cẩm Thủy	20° 07' 35"	105° 34' 02"						F-48-92-C-a	
Đồi Trúc	SV	xã Cẩm Phú	H. Cẩm Thủy	20° 09' 24"	105° 34' 20"						F-48-92-C-a	
thôn Chà Đa	DC	xã Cẩm Quý	H. Cẩm Thủy	20° 17' 35"	105° 27' 22"						F-48-91-B-d	
Thôn Đàm	DC	xã Cẩm Quý	H. Cẩm Thủy	20° 15' 39"	105° 28' 28"						F-48-91-B-d	
Thôn Ân	DC	xã Cẩm Quý	H. Cẩm Thủy	20° 17' 06"	105° 27' 03"						F-48-91-B-d	
Thôn Khạ	DC	xã Cẩm Quý	H. Cẩm Thủy	20° 17' 03"	105° 25' 09"						F-48-91-B-d	
Thôn Mực	DC	xã Cẩm Quý	H. Cẩm Thủy	20° 18' 44"	105° 25' 47"						F-48-91-B-d	
Thôn Nè	DC	xã Cẩm Quý	H. Cẩm Thủy	20° 16' 26"	105° 26' 29"						F-48-91-B-d	
Thôn Sóng	DC	xã Cẩm Quý	H. Cẩm Thủy	20° 15' 56"	105° 27' 30"						F-48-91-B-d	
Thôn Trá	DC	xã Cẩm Quý	H. Cẩm Thủy	20° 16' 06"	105° 27' 03"						F-48-91-B-d	
Thôn Vín	DC	xã Cẩm Quý	H. Cẩm Thủy	20° 17' 23"	105° 26' 43"						F-48-91-B-d	
núi Ái Nàng	SV	xã Cẩm Quý	H. Cẩm Thủy	20° 16' 36"	105° 28' 53"						F-48-91-B-d	
Núi Áo	SV	xã Cẩm Quý	H. Cẩm Thủy	20° 18' 11"	105° 26' 11"						F-48-91-B-d	
Suối Bái	TV	xã Cẩm Quý	H. Cẩm Thủy			20° 18' 55"	105° 25' 24"	20° 16' 09"	105° 27' 31"		F-48-91-B-d	
thôn Bái 1	DC	xã Cẩm Quý	H. Cẩm Thủy	20° 16' 54"	105° 27' 35"						F-48-91-B-d	
thôn Bái 2	DC	xã Cẩm Quý	H. Cẩm Thủy	20° 16' 41"	105° 27' 38"						F-48-91-B-d	
Suối Bọm	TV	xã Cẩm Quý	H. Cẩm Thủy			20° 17' 01"	105° 25' 06"	20° 16' 09"	105° 27' 31"		F-48-91-B-d	

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	
Núi Cái	SV	xã Cẩm Quý	H. Cẩm Thủy	20° 20' 16"	105° 24' 53"					F-48-91-B-d
đồi Cây Mí	SV	xã Cẩm Quý	H. Cẩm Thủy	20° 19' 05"	105° 26' 19"					F-48-91-B-d
Đồi Cha	SV	xã Cẩm Quý	H. Cẩm Thủy	20° 18' 09"	105° 27' 40"					F-48-91-B-d
Thôn Chạo	DC	xã Cẩm Quý	H. Cẩm Thủy	20° 16' 50"	105° 26' 13"					F-48-91-B-d
thôn Chiềng 1	DC	xã Cẩm Quý	H. Cẩm Thủy	20° 16' 21"	105° 27' 55"					F-48-91-B-d
thôn Chiềng 2	DC	xã Cẩm Quý	H. Cẩm Thủy	20° 16' 08"	105° 28' 04"					F-48-91-B-d
núi Eo Lái	SV	xã Cẩm Quý	H. Cẩm Thủy	20° 19' 21"	105° 24' 40"					F-48-91-B-d
núi Eo Ngác	SV	xã Cẩm Quý	H. Cẩm Thủy	20° 17' 18"	105° 28' 09"					F-48-91-B-d
Núi Mí	SV	xã Cẩm Quý	H. Cẩm Thủy	20° 19' 24"	105° 25' 56"					F-48-91-B-d
Núi Phỉ	SV	xã Cẩm Quý	H. Cẩm Thủy	20° 18' 55"	105° 24' 36"					F-48-91-B-d
thôn Quang Áo	DC	xã Cẩm Quý	H. Cẩm Thủy	20° 17' 48"	105° 26' 08"					F-48-91-B-d
thôn Quý Lâm	DC	xã Cẩm Quý	H. Cẩm Thủy	20° 16' 05"	105° 26' 26"					F-48-91-B-d
Thôn Trang	DC	xã Cẩm Quý	H. Cẩm Thủy	20° 15' 43"	105° 27' 39"					F-48-91-B-d
Thôn Vóng	DC	xã Cẩm Quý	H. Cẩm Thủy	20° 16' 38"	105° 27' 12"					F-48-91-B-d
thôn Cầu Mây	DC	xã Cẩm Sơn	H. Cẩm Thủy	20° 11' 37"	105° 28' 34"					F-48-91-D-b
thôn Da Dụ 1	DC	xã Cẩm Sơn	H. Cẩm Thủy	20° 12' 13"	105° 28' 48"					F-48-91-D-b
thôn Da Dụ 3	DC	xã Cẩm Sơn	H. Cẩm Thủy	20° 11' 31"	105° 28' 54"					F-48-91-D-b
thôn Đại Đồng 1	DC	xã Cẩm Sơn	H. Cẩm Thủy	20° 12' 39"	105° 28' 28"					F-48-91-D-b
thôn Đại Đồng 2	DC	xã Cẩm Sơn	H. Cẩm Thủy	20° 12' 35"	105° 28' 28"					F-48-91-D-b
thôn Đại Đồng 3	DC	xã Cẩm Sơn	H. Cẩm Thủy	20° 12' 42"	105° 28' 43"					F-48-91-D-b
thôn Gò Cỏ	DC	xã Cẩm Sơn	H. Cẩm Thủy	20° 12' 26"	105° 28' 14"					F-48-91-D-b
thôn Hoàng Giang 1	DC	xã Cẩm Sơn	H. Cẩm Thủy	20° 12' 12"	105° 28' 27"					F-48-91-D-b
thôn Hoàng Giang 2	DC	xã Cẩm Sơn	H. Cẩm Thủy	20° 11' 57"	105° 28' 28"					F-48-91-D-b
Thôn Lụa	DC	xã Cẩm Sơn	H. Cẩm Thủy	20° 11' 02"	105° 28' 27"					F-48-91-D-b
Thôn Mùn	DC	xã Cẩm Sơn	H. Cẩm Thủy	20° 11' 05"	105° 28' 44"					F-48-91-D-b
thôn Ngọc Sơn	DC	xã Cẩm Sơn	H. Cẩm Thủy	20° 10' 13"	105° 27' 27"					F-48-91-D-b
thôn Ngọc Thung	DC	xã Cẩm Sơn	H. Cẩm Thủy	20° 09' 58"	105° 28' 19"					F-48-91-D-b
thôn Tây Sơn	DC	xã Cẩm Sơn	H. Cẩm Thủy	20° 11' 48"	105° 27' 53"					F-48-91-D-b
Đồi Dẻ	SV	xã Cẩm Sơn	H. Cẩm Thủy	20° 11' 06"	105° 27' 23"					F-48-91-D-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng								Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối				
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ			
				(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)			
Đồi Dò	SV	xã Cẩm Sơn	H. Cẩm Thủy	20° 11' 08"	105° 29' 12"							F-48-91-D-b
suối Đồi Hào	TV	xã Cẩm Sơn	H. Cẩm Thủy									F-48-91-D-b
thôn Gia Dự 2	DC	xã Cẩm Sơn	H. Cẩm Thủy	20° 12' 05"	105° 28' 48"			20° 10' 10"	105° 27' 05"	20° 10' 10"	105° 28' 35"	F-48-91-D-b
Núi Hạc	SV	xã Cẩm Sơn	H. Cẩm Thủy	20° 11' 24"	105° 26' 13"							F-48-91-D-b
đường Hồ Chí Minh	KX	xã Cẩm Sơn	H. Cẩm Thủy					20° 21' 59"	105° 31' 19"	19° 26' 37"	105° 26' 53"	F-48-91-D-b
Đồi Lụa	SV	xã Cẩm Sơn	H. Cẩm Thủy	20° 10' 39"	105° 26' 28"							F-48-91-D-b
Sông Mã	TV	xã Cẩm Sơn	H. Cẩm Thủy									F-48-91-D-b
Cầu Mây	KX	xã Cẩm Sơn	H. Cẩm Thủy	20° 11' 42"	105° 28' 35"			20° 32' 02"	104° 29' 13"	19° 47' 08"	105° 55' 37"	F-48-91-D-b,
Đồi Mười	SV	xã Cẩm Sơn	H. Cẩm Thủy	20° 09' 16"	105° 29' 10"							F-48-91-D-b
thôn Trường Sơn	DC	xã Cẩm Sơn	H. Cẩm Thủy	20° 10' 16"	105° 28' 38"							F-48-91-D-b
đồi U Bò	SV	xã Cẩm Sơn	H. Cẩm Thủy	20° 09' 52"	105° 29' 30"							F-48-91-D-b
đường tỉnh 518	KX	xã Cẩm Tâm	H. Cẩm Thủy					20° 09' 10"	105° 26' 42"	20° 01' 32"	105° 35' 17"	F-48-91-D-b, F-48-91-D-d, F-48-92-C-c
Thôn Ao	DC	xã Cẩm Tâm	H. Cẩm Thủy	20° 05' 38"	105° 30' 04"							F-48-92-C-c
Thôn Bồng	DC	xã Cẩm Tâm	H. Cẩm Thủy	20° 06' 23"	105° 29' 32"							F-48-91-D-d
Thôn Bương	DC	xã Cẩm Tâm	H. Cẩm Thủy	20° 06' 46"	105° 29' 04"							F-48-91-D-d
Thôn Dung	DC	xã Cẩm Tâm	H. Cẩm Thủy	20° 05' 23"	105° 30' 14"							F-48-92-C-c
thôn Hón Ké	DC	xã Cẩm Tâm	H. Cẩm Thủy	20° 07' 18"	105° 28' 45"							F-48-91-D-d
Thôn Lau	DC	xã Cẩm Tâm	H. Cẩm Thủy	20° 06' 50"	105° 29' 22"							F-48-91-D-d
Thôn Mới	DC	xã Cẩm Tâm	H. Cẩm Thủy	20° 06' 30"	105° 29' 44"							F-48-91-D-d
thôn Tân Thành	DC	xã Cẩm Tâm	H. Cẩm Thủy	20° 07' 02"	105° 29' 05"							F-48-91-D-d
thôn Thủy Thanh	DC	xã Cẩm Tâm	H. Cẩm Thủy	20° 07' 08"	105° 28' 31"							F-48-91-D-d
Thôn Trong	DC	xã Cẩm Tâm	H. Cẩm Thủy	20° 06' 05"	105° 29' 48"							F-48-91-D-d
Thôn Vót	DC	xã Cẩm Tâm	H. Cẩm Thủy	20° 06' 16"	105° 29' 39"							F-48-91-D-d
thôn An Cư	DC	xã Cẩm Tâm	H. Cẩm Thủy	20° 05' 11"	105° 30' 34"							F-48-91-D-d
núi Bái Mạ	SV	xã Cẩm Tâm	H. Cẩm Thủy	20° 05' 02"	105° 29' 32"							F-48-92-C-c
núi Hưng Tuyên	SV	xã Cẩm Tâm	H. Cẩm Thủy	20° 05' 53"	105° 31' 13"							F-48-92-C-c
Núi Loóng	SV	xã Cẩm Tâm	H. Cẩm Thủy	20° 04' 49"	105° 30' 17"							F-48-92-C-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng								Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối				
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	
Đồi Vọ	SV	xã Cẩm Tâm	H. Cẩm Thủy	20° 07' 10"	105° 28' 00"							F-48-91-D-d
núi Vụng Chò	SV	xã Cẩm Tâm	H. Cẩm Thủy	20° 05' 16"	105° 31' 38"							F-48-92-C-c
Đồi Xiêng	SV	xã Cẩm Tâm	H. Cẩm Thủy	20° 07' 53"	105° 27' 28"							F-48-91-D-b
quốc lộ 217	KX	xã Cẩm Tân	H. Cẩm Thủy			19° 59' 42"	105° 50' 35"	20° 17' 51"	104° 37' 12"			F-48-92-C-a, F-48-92-C-c
thôn Do Hạ	DC	xã Cẩm Tân	H. Cẩm Thủy	20° 07' 38"	105° 31' 45"							F-48-92-C-a
thôn Do Trung	DC	xã Cẩm Tân	H. Cẩm Thủy	20° 07' 43"	105° 31' 37"							F-48-92-C-a
thôn Phiên Thôn	DC	xã Cẩm Tân	H. Cẩm Thủy	20° 07' 03"	105° 32' 09"							F-48-92-C-c
thôn Phú Xuân	DC	xã Cẩm Tân	H. Cẩm Thủy	20° 07' 00"	105° 33' 17"							F-48-92-C-c
thôn Do Thượng	DC	xã Cẩm Tân	H. Cẩm Thủy	20° 08' 04"	105° 31' 08"							F-48-92-C-a
Đồi Lạn	SV	xã Cẩm Tân	H. Cẩm Thủy	20° 08' 33"	105° 31' 21"							F-48-92-C-a
thôn Lữ Trung	DC	xã Cẩm Tân	H. Cẩm Thủy	20° 06' 54"	105° 32' 44"			20° 32' 02"	104° 29' 13"	19° 47' 08"	105° 55' 37"	F-48-92-C-c, F-48-92-C-a
Sông Mã	TV	xã Cẩm Tân	H. Cẩm Thủy									F-48-92-C-c
thôn Trại Hà	DC	xã Cẩm Tân	H. Cẩm Thủy	20° 06' 56"	105° 33' 00"					20° 17' 51"	104° 37' 12"	F-48-91-D-b
quốc lộ 217	KX	xã Cẩm Thạch	H. Cẩm Thủy					19° 59' 42"	105° 50' 35"			F-48-91-D-b
Thôn Bẹt	DC	xã Cẩm Thạch	H. Cẩm Thủy	20° 11' 55"	105° 22' 49"							F-48-91-D-b
Thôn Búi	DC	xã Cẩm Thạch	H. Cẩm Thủy	20° 13' 33"	105° 23' 49"							F-48-91-D-b
Thôn Chén	DC	xã Cẩm Thạch	H. Cẩm Thủy	20° 14' 13"	105° 23' 00"							F-48-91-D-b
thôn Chiềng 1	DC	xã Cẩm Thạch	H. Cẩm Thủy	20° 13' 51"	105° 23' 12"							F-48-91-D-b
thôn Chiềng 2	DC	xã Cẩm Thạch	H. Cẩm Thủy	20° 13' 56"	105° 23' 03"							F-48-91-D-b
Thôn Cốc	DC	xã Cẩm Thạch	H. Cẩm Thủy	20° 12' 52"	105° 22' 55"							F-48-91-D-b
Thôn Đông	DC	xã Cẩm Thạch	H. Cẩm Thủy	20° 14' 03"	105° 23' 40"							F-48-91-D-a
Thôn Trầy	DC	xã Cẩm Thạch	H. Cẩm Thủy	20° 11' 29"	105° 22' 12"							F-48-91-D-b
Thôn Ván	DC	xã Cẩm Thạch	H. Cẩm Thủy	20° 13' 10"	105° 23' 16"							F-48-91-D-a
Đồi Cúp	SV	xã Cẩm Thạch	H. Cẩm Thủy	20° 13' 51"	105° 22' 28"							F-48-91-D-a
suối Hón Tron	TV	xã Cẩm Thạch	H. Cẩm Thủy			20° 11' 42"	105° 22' 47"	20° 14' 11"	105° 23' 56"			F-48-91-D-b
Sông Mả	TV	xã Cẩm Thạch	H. Cẩm Thủy			20° 32' 02"	104° 29' 13"	19° 47' 08"	105° 55' 37"			F-48-91-D-b
kênh Thạch Minh	TV	xã Cẩm Thạch	H. Cẩm Thủy			20° 12' 01"	105° 22' 21"	20° 12' 37"	105° 13' 01"			F-48-91-D-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng								Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối				
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ			
				(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)			
Thôn Thung	DC	xã Cẩm Thạch	H. Cẩm Thủy	20° 13' 02"	105° 23' 26"						F-48-91-D-b	
Thôn Thủy	DC	xã Cẩm Thạch	H. Cẩm Thủy	20° 12' 02"	105° 22' 34"						F-48-91-D-b	
Pu Tiên	SV	xã Cẩm Thạch	H. Cẩm Thủy	20° 10' 25"	105° 23' 06"						F-48-91-D-b	
Đồi Ung	SV	xã Cẩm Thạch	H. Cẩm Thủy	20° 10' 54"	105° 21' 06"						F-48-91-D-a	
Trại giam số 5	KX	xã Cẩm Thành	H. Cẩm Thủy	20° 15' 19"	105° 21' 37"						F-48-91-B-c	
quốc lộ 217	KX	xã Cẩm Thành	H. Cẩm Thủy			19° 59' 42"	105° 50' 35"	20° 17' 51"	104° 37' 12"		F-48-91-D-b, F-48-91-B-c, F-48-91-D-a	
Thôn Bèo	DC	xã Cẩm Thành	H. Cẩm Thủy	20° 17' 44"	105° 20' 39"						F-48-91-B-c	
Thôn Bọt	DC	xã Cẩm Thành	H. Cẩm Thủy	20° 17' 07"	105° 21' 24"						F-48-91-B-c	
Thôn Chanh	DC	xã Cẩm Thành	H. Cẩm Thủy	20° 14' 13"	105° 21' 11"						F-48-91-D-a	
Thôn Ân	DC	xã Cẩm Thành	H. Cẩm Thủy	20° 15' 41"	105° 19' 58"						F-48-91-B-c	
Thôn Khặt	DC	xã Cẩm Thành	H. Cẩm Thủy	20° 14' 54"	105° 21' 12"						F-48-91-D-a	
Thôn Muốt	DC	xã Cẩm Thành	H. Cẩm Thủy	20° 14' 33"	105° 19' 49"						F-48-91-D-a	
Thôn Năm	DC	xã Cẩm Thành	H. Cẩm Thủy	20° 16' 11"	105° 21' 57"						F-48-91-B-c	
Thôn Ngọc	DC	xã Cẩm Thành	H. Cẩm Thủy	20° 15' 21"	105° 21' 07"						F-48-91-B-c	
thôn Phảng Khánh	DC	xã Cẩm Thành	H. Cẩm Thủy	20° 17' 19"	105° 20' 43"						F-48-91-B-c	
Thôn Trện	DC	xã Cẩm Thành	H. Cẩm Thủy	20° 16' 05"	105° 21' 22"						F-48-91-B-c	
suối Bái Bin	TV	xã Cẩm Thành	H. Cẩm Thủy			20° 12' 35"	105° 19' 43"	20° 14' 41"	105° 21' 41"		F-48-91-D-a	
thôn Chiềng Trám	DC	xã Cẩm Thành	H. Cẩm Thủy	20° 14' 31"	105° 21' 24"						F-48-91-D-a	
thôn Cò Cánh	DC	xã Cẩm Thành	H. Cẩm Thủy	20° 14' 40"	105° 20' 57"						F-48-91-D-a	
Đồi Cúp	SV	xã Cẩm Thành	H. Cẩm Thủy	20° 13' 51"	105° 22' 28"						F-48-91-D-a	
suối Đá Mài	TV	xã Cẩm Thành	H. Cẩm Thủy			20° 14' 08"	105° 19' 06"	20° 14' 41"	105° 21' 41"		F-48-91-D-a	
Núi Đò	SV	xã Cẩm Thành	H. Cẩm Thủy	20° 16' 38"	105° 20' 10"						F-48-91-B-c	
Đồi Đuống	SV	xã Cẩm Thành	H. Cẩm Thủy	20° 15' 53"	105° 19' 07"						F-48-91-B-c	
suối Hón Trám	TV	xã Cẩm Thành	H. Cẩm Thủy								F-48-91-D-a	
núi Làng Bèo	SV	xã Cẩm Thành	H. Cẩm Thủy	20° 17' 43"	105° 21' 09"	20° 14' 41"	105° 21' 41"	20° 14' 27"	105° 22' 16"		F-48-91-B-c	
núi Làng Bọt	SV	xã Cẩm Thành	H. Cẩm Thủy	20° 17' 14"	105° 21' 52"						F-48-91-B-c	

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng								Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối				
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	
Sông Mã	TV	xã Cẩm Thành	H. Cẩm Thủy			20° 32' 02"	104° 29' 13"	19° 47' 08"	105° 55' 37"	F-48-91-D-a, F-48-91-B-c, F-48-91-B-d		
dốc Mỏ Cuội	SV	xã Cẩm Thành	H. Cẩm Thủy	20° 14' 11"	105° 22' 44"					F-48-91-D-a		
thôn Thành Long 1	DC	xã Cẩm Thành	H. Cẩm Thủy	20° 14' 16"	105° 22' 18"					F-48-91-D-a		
thôn Thành Long 2	DC	xã Cẩm Thành	H. Cẩm Thủy	20° 14' 31"	105° 21' 54"					F-48-91-D-a		
Hồ Trẹn	TV	xã Cẩm Thành	H. Cẩm Thủy	20° 15' 56"	105° 21' 10"					F-48-91-B-c		
thôn Bắc Sơn	DC	xã Cẩm Tú	H. Cẩm Thủy	20° 14' 12"	105° 29' 00"					F-48-91-D-b		
thôn Bắc Thái	DC	xã Cẩm Tú	H. Cẩm Thủy	20° 14' 18"	105° 28' 41"					F-48-91-D-b		
thôn Bình Xuyên	DC	xã Cẩm Tú	H. Cẩm Thủy	20° 15' 08"	105° 29' 43"					F-48-91-B-d		
thôn Cẩm Hoa	DC	xã Cẩm Tú	H. Cẩm Thủy	20° 14' 17"	105° 29' 42"					F-48-91-D-b		
thôn Liên Sơn	DC	xã Cẩm Tú	H. Cẩm Thủy	20° 13' 25"	105° 28' 45"					F-48-91-B-d		
thôn Lương Thành	DC	xã Cẩm Tú	H. Cẩm Thủy	20° 15' 07"	105° 29' 12"					F-48-91-B-d		
thôn Ngọc Liên	DC	xã Cẩm Tú	H. Cẩm Thủy	20° 13' 44"	105° 28' 50"					F-48-91-D-b		
thôn Thái Bình	DC	xã Cẩm Tú	H. Cẩm Thủy	20° 15' 13"	105° 28' 59"					F-48-91-B-d		
thôn Thái Học	DC	xã Cẩm Tú	H. Cẩm Thủy	20° 14' 57"	105° 28' 26"					F-48-91-D-b		
thôn Thái Nguyên	DC	xã Cẩm Tú	H. Cẩm Thủy	20° 14' 50"	105° 28' 44"					F-48-91-D-b		
thôn Thái Sơn	DC	xã Cẩm Tú	H. Cẩm Thủy	20° 14' 36"	105° 28' 39"					F-48-91-B-d		
thôn Thái Văn	DC	xã Cẩm Tú	H. Cẩm Thủy	20° 15' 30"	105° 28' 39"					F-48-91-B-d		
núi Ái Nàng	SV	xã Cẩm Tú	H. Cẩm Thủy	20° 16' 36"	105° 28' 53"					F-48-91-B-d		
núi Bai Làng	SV	xã Cẩm Tú	H. Cẩm Thủy	20° 15' 25"	105° 30' 52"					F-48-92-A-c		
núi Có Bương	SV	xã Cẩm Tú	H. Cẩm Thủy	20° 14' 24"	105° 30' 44"					F-48-92-C-a		
Đồi Đồng	SV	xã Cẩm Tú	H. Cẩm Thủy	20° 13' 46"	105° 30' 38"					F-48-92-C-a		
núi Đồng Bông	SV	xã Cẩm Tú	H. Cẩm Thủy	20° 14' 06"	105° 28' 37"					F-48-91-D-b		
thôn Đồng Danh	DC	xã Cẩm Tú	H. Cẩm Thủy	20° 15' 12"	105° 29' 47"					F-48-91-B-d		
dốc Eo Trăn	SV	xã Cẩm Tú	H. Cẩm Thủy	20° 15' 38"	105° 30' 41"					F-48-92-A-c		
đường Hồ Chí Minh	KX	xã Cẩm Tú	H. Cẩm Thủy			20° 21' 59"	105° 31' 19"	19° 26' 37"	105° 26' 53"	F-48-92-C-a, F-48-92-A-c, F-48-91-D-b		
Sông Mã	TV	xã Cẩm Tú	H. Cẩm Thủy			20° 32' 02"	104° 29' 13"	19° 47' 08"	105° 55' 37"	F-48-91-D-b		

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng								Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối				
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ			
				(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)			
Đồi Mã	SV	xã Cẩm Tú	H. Cẩm Thủy	20° 15' 33"	105° 29' 58"						F-48-91-B-d	
cổng Thuận Lương	KX	xã Cẩm Tú	H. Cẩm Thủy	20° 14' 40"	105° 30' 04"						F-48-92-C-a	
thôn Thuận Lương	DC	xã Cẩm Tú	H. Cẩm Thủy	20° 14' 37"	105° 29' 55"						F-48-91-D-b	
suối Vòng Hy	TV	xã Cẩm Tú	H. Cẩm Thủy			20° 15' 40"	105° 29' 14"	20° 13' 27"	105° 28' 39"		F-48-91-B-d, F-48-91-D-b	
Núi Vực	SV	xã Cẩm Tú	H. Cẩm Thủy	20° 13' 10"	105° 28' 49"						F-48-91-D-b	
quốc lộ 217	KX	xã Cẩm Vân	H. Cẩm Thủy			19° 59' 42"	105° 50' 35"	20° 17' 51"	104° 37' 12"		F-48-92-C-c	
thôn Cát Khánh	DC	xã Cẩm Vân	H. Cẩm Thủy	20° 05' 10"	105° 33' 06"						F-48-92-C-c	
thôn Cò Đòm	DC	xã Cẩm Vân	H. Cẩm Thủy	20° 05' 27"	105° 32' 18"						F-48-92-C-c	
thôn Đồi Trống	DC	xã Cẩm Vân	H. Cẩm Thủy	20° 06' 07"	105° 32' 35"						F-48-92-C-c	
thôn Eo Lê	DC	xã Cẩm Vân	H. Cẩm Thủy	20° 06' 34"	105° 34' 18"						F-48-92-C-c	
thôn Phác Vân	DC	xã Cẩm Vân	H. Cẩm Thủy	20° 07' 14"	105° 33' 28"						F-48-92-C-c	
thôn Quan Bằng	DC	xã Cẩm Vân	H. Cẩm Thủy	20° 05' 59"	105° 33' 11"						F-48-92-C-c	
thôn Quan Phác	DC	xã Cẩm Vân	H. Cẩm Thủy	20° 06' 17"	105° 33' 11"						F-48-92-C-c	
thôn Tiên Lăng 1	DC	xã Cẩm Vân	H. Cẩm Thủy	20° 06' 25"	105° 32' 36"						F-48-92-C-c	
thôn Tiên Lăng 2	DC	xã Cẩm Vân	H. Cẩm Thủy	20° 06' 24"	105° 32' 20"						F-48-92-C-c	
thôn Tường Yên	DC	xã Cẩm Vân	H. Cẩm Thủy	20° 06' 23"	105° 32' 52"						F-48-92-C-c	
thôn Vân Long	DC	xã Cẩm Vân	H. Cẩm Thủy	20° 04' 59"	105° 33' 10"						F-48-92-C-c	
thôn Vân Trai	DC	xã Cẩm Vân	H. Cẩm Thủy	20° 06' 22"	105° 33' 21"						F-48-92-C-c	
Đồi Chông	SV	xã Cẩm Vân	H. Cẩm Thủy	20° 05' 58"	105° 32' 36"						F-48-92-C-c	
núi Chùa Cành	SV	xã Cẩm Vân	H. Cẩm Thủy	20° 06' 25"	105° 31' 49"						F-48-92-C-c	
thôn Đồi Vàng	DC	xã Cẩm Vân	H. Cẩm Thủy	20° 06' 58"	105° 31' 20"						F-48-92-C-c	
cầu Eo Lê	KX	xã Cẩm Vân	H. Cẩm Thủy	20° 06' 41"	105° 34' 07"						F-48-92-C-c	
núi Eo Lê	SV	xã Cẩm Vân	H. Cẩm Thủy	20° 06' 19"	105° 34' 16"						F-48-92-C-c	
đồi Hiếu Lọc	SV	xã Cẩm Vân	H. Cẩm Thủy	20° 06' 56"	105° 35' 00"						F-48-92-C-c	
suối Hón Sỏi	TV	xã Cẩm Vân	H. Cẩm Thủy			20° 06' 45"	105° 31' 44"	20° 04' 16"	105° 33' 54"		F-48-92-C-c	
núi Hưng Tuyên	SV	xã Cẩm Vân	H. Cẩm Thủy	20° 05' 53"	105° 31' 13"						F-48-92-C-c	
thôn Làng Dò	DC	xã Cẩm Vân	H. Cẩm Thủy	20° 05' 19"	105° 32' 46"						F-48-92-C-c	
Sông Mã	TV	xã Cẩm Vân	H. Cẩm Thủy			20° 32' 02"	104° 29' 13"	19° 47' 08"	105° 55' 37"		F-48-92-C-c	

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình		
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối				
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ			
				(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)			
Núi Mát	SV	xã Cẩm Vân	H. Cẩm Thủy	20° 06' 41"	105° 34' 48"					F-48-92-C-c		
Núi Mầu	SV	xã Cẩm Vân	H. Cẩm Thủy	20° 05' 30"	105° 33' 04"					F-48-92-C-c		
núi Thanh Hồng	SV	xã Cẩm Vân	H. Cẩm Thủy	20° 05' 20"	105° 31' 58"					F-48-92-C-c		
Đồi Vàng	SV	xã Cẩm Vân	H. Cẩm Thủy	20° 06' 55"	105° 30' 48"					F-48-92-C-c		
núi Vụng Chò	SV	xã Cẩm Vân	H. Cẩm Thủy	20° 05' 16"	105° 31' 38"					F-48-92-C-c		
thôn 102A	DC	xã Cẩm Yên	H. Cẩm Thủy	20° 08' 29"	105° 30' 34"					F-48-92-C-a		
thôn 102B	DC	xã Cẩm Yên	H. Cẩm Thủy	20° 08' 31"	105° 30' 22"					F-48-92-C-a		
thôn 100	DC	xã Cẩm Yên	H. Cẩm Thủy	20° 10' 04"	105° 30' 11"					F-48-92-C-a		
thôn 101	DC	xã Cẩm Yên	H. Cẩm Thủy	20° 09' 06"	105° 30' 29"					F-48-92-C-a		
thôn 103	DC	xã Cẩm Yên	H. Cẩm Thủy	20° 07' 56"	105° 30' 31"					F-48-92-C-a		
thôn 104	DC	xã Cẩm Yên	H. Cẩm Thủy	20° 07' 28"	105° 30' 50"					F-48-91-D-b		
đồi Bung Bò	SV	xã Cẩm Yên	H. Cẩm Thủy	20° 09' 28"	105° 29' 57"					F-48-91-D-b		
đồi Chín Múi	SV	xã Cẩm Yên	H. Cẩm Thủy	20° 08' 48"	105° 29' 57"					F-48-91-D-b		
Đồi Dò	SV	xã Cẩm Yên	H. Cẩm Thủy	20° 11' 08"	105° 29' 12"					F-48-91-D-b		
Bến đò Lở	KX	xã Cẩm Yên	H. Cẩm Thủy	20° 08' 55"	105° 30' 45"			20° 32' 02"	104° 29' 13"	19° 47' 08"	105° 55' 37"	F-48-92-C-c, F-48-92-C-a
Sông Mã	TV	xã Cẩm Yên	H. Cẩm Thủy									F-48-91-D-b
Đồi Mười	SV	xã Cẩm Yên	H. Cẩm Thủy	20° 09' 16"	105° 29' 10"							F-48-92-C-c
Thung Nứa	SV	xã Cẩm Yên	H. Cẩm Thủy	20° 07' 18"	105° 30' 11"							F-48-91-D-b
đồi Tác Kè	SV	xã Cẩm Yên	H. Cẩm Thủy	20° 08' 00"	105° 29' 26"							F-48-91-D-b
đồi U Bò	SV	xã Cẩm Yên	H. Cẩm Thủy	20° 09' 52"	105° 29' 30"							F-48-92-C-a
thôn Công Trính	DC	xã Phúc Do	H. Cẩm Thủy	20° 08' 00"	105° 31' 46"							F-48-92-C-a
thôn Phúc Bình	DC	xã Phúc Do	H. Cẩm Thủy	20° 08' 15"	105° 32' 11"							F-48-92-C-a
thôn Phúc Mỹ	DC	xã Phúc Do	H. Cẩm Thủy	20° 08' 15"	105° 32' 11"							F-48-92-C-c
thôn Phúc Tâm	DC	xã Phúc Do	H. Cẩm Thủy	20° 07' 13"	105° 32' 31"							F-48-92-C-c
thôn Phúc Tân	DC	xã Phúc Do	H. Cẩm Thủy	20° 07' 22"	105° 32' 07"							F-48-92-C-a
Đồi Lạn	SV	xã Phúc Do	H. Cẩm Thủy	20° 08' 33"	105° 31' 21"							F-48-92-C-a
Đồi Mòn	SV	xã Phúc Do	H. Cẩm Thủy	20° 08' 27"	105° 31' 31"							F-48-92-C-a
thôn Phúc Long	DC	xã Phúc Do	H. Cẩm Thủy	20° 08' 58"	105° 32' 23"							F-48-92-C-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	
khối 1	DC	TT. Rừng Thông	H. Đông Sơn	19° 49' 21"	105° 43' 34"					E-48-8-A-d
khối 2	DC	TT. Rừng Thông	H. Đông Sơn	19° 49' 28"	105° 43' 39"					E-48-8-A-d
khối 3	DC	TT. Rừng Thông	H. Đông Sơn	19° 49' 14"	105° 43' 48"					E-48-8-A-d
khối 4	DC	TT. Rừng Thông	H. Đông Sơn	19° 49' 11"	105° 44' 02"					E-48-8-A-d
khối 5	DC	TT. Rừng Thông	H. Đông Sơn	19° 49' 09"	105° 44' 15"					E-48-8-A-d
khối 6	DC	TT. Rừng Thông	H. Đông Sơn	19° 49' 01"	105° 43' 44"					E-48-8-A-d
quốc lộ 45	KX	TT. Rừng Thông	H. Đông Sơn			20° 10' 25"	105° 46' 47"	19° 48' 05"	105° 26' 03"	E-48-8-A-d
Cầu Cáo	KX	TT. Rừng Thông	H. Đông Sơn	19° 49' 02"	105° 43' 52"					E-48-8-A-d
sông Nhà Lê	TV	TT. Rừng Thông	H. Đông Sơn			19° 51' 19"	105° 40' 40"	19° 47' 53"	105° 47' 13"	E-48-8-A-d
sông Nông Giang	TV	TT. Rừng Thông	H. Đông Sơn			19° 53' 46"	105° 22' 38"	19° 50' 04"	105° 42' 15"	E-48-8-A-d
thôn 1	DC	xã Đông Anh	H. Đông Sơn	19° 49' 26"	105° 41' 42"					E-48-8-A-d
thôn 2	DC	xã Đông Anh	H. Đông Sơn	19° 49' 19"	105° 41' 53"					E-48-8-A-d
thôn 3	DC	xã Đông Anh	H. Đông Sơn	19° 49' 21"	105° 42' 02"					E-48-8-A-d
thôn 4	DC	xã Đông Anh	H. Đông Sơn	19° 49' 27"	105° 42' 50"					E-48-8-A-d
thôn 5	DC	xã Đông Anh	H. Đông Sơn	19° 49' 26"	105° 42' 22"					E-48-8-A-d
thôn 6	DC	xã Đông Anh	H. Đông Sơn	19° 49' 20"	105° 42' 28"					E-48-8-A-d
thôn 7	DC	xã Đông Anh	H. Đông Sơn	19° 49' 05"	105° 42' 32"					E-48-8-A-d
quốc lộ 47	KX	xã Đông Anh	H. Đông Sơn			19° 44' 00"	105° 53' 56"	19° 53' 36"	105° 24' 14"	E-48-8-A-d
sông Nhà Lê	TV	xã Đông Anh	H. Đông Sơn			19° 51' 19"	105° 40' 40"	19° 47' 53"	105° 47' 13"	E-48-8-A-d
sông Nông Giang	TV	xã Đông Anh	H. Đông Sơn			19° 53' 46"	105° 22' 38"	19° 50' 04"	105° 42' 15"	E-48-8-A-d
thôn 1	DC	xã Đông Hoà	H. Đông Sơn	19° 48' 12"	105° 41' 17"					E-48-8-A-d
thôn 2	DC	xã Đông Hoà	H. Đông Sơn	19° 48' 00"	105° 41' 04"					E-48-8-A-d
thôn 3	DC	xã Đông Hoà	H. Đông Sơn	19° 47' 54"	105° 41' 02"					E-48-8-A-d
thôn 4	DC	xã Đông Hoà	H. Đông Sơn	19° 48' 02"	105° 40' 50"					E-48-8-A-d
thôn 5	DC	xã Đông Hoà	H. Đông Sơn	19° 47' 47"	105° 40' 48"					E-48-8-A-d
thôn 6	DC	xã Đông Hoà	H. Đông Sơn	19° 47' 51"	105° 40' 37"					E-48-8-A-d
thôn 7	DC	xã Đông Hoà	H. Đông Sơn	19° 47' 34"	105° 40' 19"					E-48-8-A-d
thôn 8	DC	xã Đông Hoà	H. Đông Sơn	19° 48' 05"	105° 40' 32"					E-48-8-A-d
thôn 9	DC	xã Đông Hoà	H. Đông Sơn	19° 48' 12"	105° 40' 48"					E-48-8-A-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng								Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối				
				Kinh độ		Vĩ độ		Kinh độ		Vĩ độ		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
thôn 10	DC	xã Đông Hoà	H. Đông Sơn	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	E-48-8-A-d	
thôn 11	DC	xã Đông Hoà	H. Đông Sơn	19° 48' 15"	105° 40' 57"						E-48-8-A-d	
thôn 12	DC	xã Đông Hoà	H. Đông Sơn	19° 48' 26"	105° 40' 48"						E-48-8-A-d	
Sông Hoàng	TV	xã Đông Hoà	H. Đông Sơn	19° 47' 49"	105° 40' 30"						E-48-8-A-d	
	DC	xã Đông Hoàng	H. Đông Sơn		19° 54' 19"	105° 30' 00"	19° 44' 24"	105° 44' 42"			E-48-8-A-d	
thôn 1	DC	xã Đông Hoàng	H. Đông Sơn	19° 50' 41"	105° 39' 29"						E-48-8-A-d	
thôn 2	DC	xã Đông Hoàng	H. Đông Sơn	19° 50' 24"	105° 39' 40"						E-48-8-A-d	
thôn 3	DC	xã Đông Hoàng	H. Đông Sơn	19° 50' 16"	105° 39' 36"						E-48-8-A-d	
thôn 4	DC	xã Đông Hoàng	H. Đông Sơn	19° 50' 21"	105° 39' 29"						E-48-8-A-d	
thôn 5	DC	xã Đông Hoàng	H. Đông Sơn	19° 50' 38"	105° 38' 56"						E-48-8-A-d	
thôn 6	DC	xã Đông Hoàng	H. Đông Sơn	19° 50' 15"	105° 38' 58"						E-48-8-A-d	
thôn 7	DC	xã Đông Hoàng	H. Đông Sơn	19° 49' 49"	105° 38' 49"						E-48-8-A-d	
thôn 8	DC	xã Đông Hoàng	H. Đông Sơn	19° 49' 51"	105° 39' 11"						E-48-8-A-d	
thôn 9	DC	xã Đông Hoàng	H. Đông Sơn	19° 49' 56"	105° 39' 34"						E-48-8-A-d	
thôn 10	DC	xã Đông Hoàng	H. Đông Sơn	19° 49' 34"	105° 39' 34"						E-48-8-A-d	
thôn 11	DC	xã Đông Hoàng	H. Đông Sơn	19° 49' 40"	105° 39' 36"						E-48-8-A-d	
quốc lộ 47	KX	xã Đông Hoàng	H. Đông Sơn			19° 44' 00"	105° 53' 56"	19° 53' 36"	105° 24' 14"		E-48-8-A-d	
cầu Đông Hoàng	KX	xã Đông Hoàng	H. Đông Sơn	19° 50' 07"	105° 39' 00"						E-48-8-A-d	
	TV	xã Đông Hoàng	H. Đông Sơn								E-48-8-A-d	
Sông Hoàng	TV	xã Đông Hoàng	H. Đông Sơn	19° 49' 59"	105° 39' 47"						E-48-8-A-d	
Hồ Rùn	KX	xã Đông Hoàng	H. Đông Sơn	19° 50' 09"	105° 38' 46"						E-48-8-A-d	
Cầu Thiệu	DC	xã Đông Khê	H. Đông Sơn	19° 49' 51"	105° 40' 23"						E-48-8-A-d	
	DC	xã Đông Khê	H. Đông Sơn	19° 50' 07"	105° 40' 21"						E-48-8-A-d	
thôn 1	DC	xã Đông Khê	H. Đông Sơn	19° 50' 00"	105° 40' 30"						E-48-8-A-d	
thôn 2	DC	xã Đông Khê	H. Đông Sơn	19° 50' 01"	105° 40' 41"						E-48-8-A-d	
thôn 3	DC	xã Đông Khê	H. Đông Sơn	19° 50' 01"	105° 40' 44"						E-48-8-A-d	
thôn 4	DC	xã Đông Khê	H. Đông Sơn	19° 50' 00"	105° 40' 52"						E-48-8-A-d	
thôn 5	DC	xã Đông Khê	H. Đông Sơn	19° 49' 55"	105° 41' 10"						E-48-8-A-d	
thôn 6	DC	xã Đông Khê	H. Đông Sơn	19° 49' 48"	105° 40' 55"						E-48-8-A-d	
thôn 7	DC	xã Đông Khê	H. Đông Sơn	19° 49' 52"	105° 40' 52"						E-48-8-A-d	

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng								Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối				
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ,phút,gây)	(Độ,phút,gây)	(Độ,phút,gây)	(Độ,phút,gây)	(Độ,phút,gây)	(Độ,phút,gây)	(Độ,phút,gây)	(Độ,phút,gây)	
quốc lộ 47	KX	xã Đông Khê	H. Đông Sơn			19° 44' 00"	105° 53' 56"	19° 53' 36"	105° 24' 14"	E-48-8-A-d		
Hồ Rùn	TV	xã Đông Khê	H. Đông Sơn	19° 49' 59"	105° 39' 47"					E-48-8-A-d		
thôn 1	DC	xã Đông Minh	H. Đông Sơn	19° 49' 34"	105° 40' 56"					E-48-8-A-d		
thôn 2	DC	xã Đông Minh	H. Đông Sơn	19° 49' 27"	105° 41' 06"					E-48-8-A-d		
thôn 3	DC	xã Đông Minh	H. Đông Sơn	19° 49' 29"	105° 41' 11"					E-48-8-A-d		
thôn 4	DC	xã Đông Minh	H. Đông Sơn	19° 49' 22"	105° 41' 21"					E-48-8-A-d		
thôn 5	DC	xã Đông Minh	H. Đông Sơn	19° 49' 12"	105° 41' 26"					E-48-8-A-d		
thôn 6	DC	xã Đông Minh	H. Đông Sơn	19° 49' 08"	105° 41' 32"					E-48-8-A-d		
thôn 7	DC	xã Đông Minh	H. Đông Sơn	19° 48' 36"	105° 41' 39"					E-48-8-A-d		
thôn 8	DC	xã Đông Minh	H. Đông Sơn	19° 48' 34"	105° 41' 46"					E-48-8-A-d		
thôn 9	DC	xã Đông Minh	H. Đông Sơn	19° 48' 41"	105° 41' 49"					E-48-8-A-d		
quốc lộ 47	KX	xã Đông Minh	H. Đông Sơn			19° 44' 00"	105° 53' 56"	19° 53' 36"	105° 24' 14"	E-48-8-A-d		
thôn Cẩn Liêm	DC	xã Đông Nam	H. Đông Sơn	19° 44' 32"	105° 43' 31"					E-48-8-C-b		
thôn Chính Kết	DC	xã Đông Nam	H. Đông Sơn	19° 44' 55"	105° 43' 27"					E-48-8-C-b		
thôn Hạnh Phúc	DC	xã Đông Nam	H. Đông Sơn	19° 44' 46"	105° 42' 04"					E-48-8-C-b		
Xí nghiệp Mai Chử	KX	xã Đông Nam	H. Đông Sơn	19° 44' 29"	105° 43' 37"					E-48-8-C-b		
thôn Nam Thành	DC	xã Đông Nam	H. Đông Sơn	19° 45' 11"	105° 42' 52"					E-48-8-A-d		
thôn Nam Vinh	DC	xã Đông Nam	H. Đông Sơn	19° 45' 04"	105° 42' 50"					E-48-8-A-d		
sông Nhà Lê	TV	xã Đông Nam	H. Đông Sơn			19° 43' 56"	105° 42' 40"	19° 44' 24"	105° 44' 42"	E-48-8-C-b		
Sông Hoàng	TV	xã Đông Nam	H. Đông Sơn			19° 54' 19"	105° 30' 00"	19° 44' 24"	105° 44' 42"	E-48-8-C-b		
thôn Phú Yên	DC	xã Đông Nam	H. Đông Sơn	19° 44' 18"	105° 42' 54"					E-48-8-C-b		
thôn Phúc Đoàn	DC	xã Đông Nam	H. Đông Sơn	19° 44' 46"	105° 42' 29"					E-48-8-C-b		
núi Sơn Lương	SV	xã Đông Nam	H. Đông Sơn	19° 43' 59"	105° 41' 58"					E-48-8-C-b		
thôn Tân Chính	DC	xã Đông Nam	H. Đông Sơn	19° 44' 37"	105° 43' 01"					E-48-8-C-b		
núi Thung Chùa	SV	xã Đông Nam	H. Đông Sơn	19° 44' 49"	105° 41' 46"					E-48-8-C-b		
thôn Xóm Cộn	DC	xã Đông Nam	H. Đông Sơn	19° 44' 19"	105° 42' 11"					E-48-8-C-b		
thôn 1	DC	xã Đông Ninh	H. Đông Sơn	19° 49' 36"	105° 39' 56"					E-48-8-A-d		
thôn 2	DC	xã Đông Ninh	H. Đông Sơn	19° 49' 35"	105° 40' 05"					E-48-8-A-d		
thôn 3	DC	xã Đông Ninh	H. Đông Sơn	19° 49' 36"	105° 40' 09"					E-48-8-A-d		

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng								Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối				
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	
thôn 4	DC	xã Đông Ninh	H. Đông Sơn	19° 49' 33"	105° 40' 14"							E-48-8-A-d
thôn 5	DC	xã Đông Ninh	H. Đông Sơn	19° 49' 18"	105° 40' 25"							E-48-8-A-d
thôn 6	DC	xã Đông Ninh	H. Đông Sơn	19° 49' 12"	105° 40' 30"							E-48-8-A-d
thôn 7	DC	xã Đông Ninh	H. Đông Sơn	19° 48' 50"	105° 40' 04"							E-48-8-A-d
thôn 8	DC	xã Đông Ninh	H. Đông Sơn	19° 48' 47"	105° 39' 58"							E-48-8-A-d
thôn 9	DC	xã Đông Ninh	H. Đông Sơn	19° 48' 53"	105° 39' 50"							E-48-8-A-d
thôn 10	DC	xã Đông Ninh	H. Đông Sơn	19° 48' 44"	105° 39' 38"							E-48-8-A-d
thôn 11	DC	xã Đông Ninh	H. Đông Sơn	19° 48' 30"	105° 39' 43"							E-48-8-A-d
quốc lộ 47	KX	xã Đông Ninh	H. Đông Sơn			19° 44' 00"	105° 53' 56"	19° 53' 36"	105° 24' 14"			E-48-8-A-d
Sông Hoàng	TV	xã Đông Ninh	H. Đông Sơn			19° 54' 19"	105° 30' 00"	19° 44' 24"	105° 44' 42"			E-48-8-A-d
thôn Phú Chấn	DC	xã Đông Ninh	H. Đông Sơn	19° 47' 52"	105° 39' 47"							E-48-8-A-d
thôn Bái Vượng	DC	xã Đông Phú	H. Đông Sơn	19° 45' 33"	105° 42' 43"							E-48-8-A-d
thôn Chiêu Thượng	DC	xã Đông Phú	H. Đông Sơn	19° 46' 18"	105° 43' 30"							E-48-8-A-d
thôn Đội Trung	DC	xã Đông Phú	H. Đông Sơn	19° 45' 47"	105° 43' 34"							E-48-8-A-d
thôn Hoàng Lạp	DC	xã Đông Phú	H. Đông Sơn	19° 45' 45"	105° 42' 18"							E-48-8-A-d
thôn Hoàng Mậu	DC	xã Đông Phú	H. Đông Sơn	19° 46' 12"	105° 42' 29"							E-48-8-A-d
thôn Phú Bật	DC	xã Đông Phú	H. Đông Sơn	19° 45' 37"	105° 43' 16"							E-48-8-A-d
thôn Văn Khôi	DC	xã Đông Phú	H. Đông Sơn	19° 46' 14"	105° 42' 47"							E-48-8-A-d
thôn 1 Đức Thắng	DC	xã Đông Quang	H. Đông Sơn	19° 45' 45"	105° 43' 52"							E-48-8-A-d
thôn 1 Quang Vinh	DC	xã Đông Quang	H. Đông Sơn	19° 45' 45"	105° 44' 46"							E-48-8-A-d
thôn 2 Đức Thắng	DC	xã Đông Quang	H. Đông Sơn	19° 45' 27"	105° 43' 55"							E-48-8-A-d
thôn 2 Quang Vinh	DC	xã Đông Quang	H. Đông Sơn	19° 45' 58"	105° 44' 46"							E-48-8-A-d
thôn 3 Đức Thắng	DC	xã Đông Quang	H. Đông Sơn	19° 45' 33"	105° 44' 02"							E-48-8-A-d
thôn 3 Quang Vinh	DC	xã Đông Quang	H. Đông Sơn	19° 46' 00"	105° 44' 33"							E-48-8-A-d
thôn 4 Đức Thắng	DC	xã Đông Quang	H. Đông Sơn	19° 45' 30"	105° 44' 06"							E-48-8-A-d
thôn 4 Quang Vinh	DC	xã Đông Quang	H. Đông Sơn	19° 45' 55"	105° 44' 38"							E-48-8-A-d
thôn 5 Quang Vinh	DC	xã Đông Quang	H. Đông Sơn	19° 45' 53"	105° 44' 33"							E-48-8-A-d
thôn 6 Quang Vinh	DC	xã Đông Quang	H. Đông Sơn	19° 45' 55"	105° 44' 28"							E-48-8-A-d
thôn 7 Quang Vinh	DC	xã Đông Quang	H. Đông Sơn	19° 45' 50"	105° 44' 20"							E-48-8-A-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng								Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối				
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ			
				(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)			
thôn Minh Thành	DC	xã Đông Quang	H. Đông Sơn	19° 45' 14"	105° 44' 28"						E-48-8-A-d	
thôn 1	DC	xã Đông Thanh	H. Đông Sơn	19° 51' 14"	105° 41' 23"						E-48-8-A-d	
thôn 2	DC	xã Đông Thanh	H. Đông Sơn	19° 51' 09"	105° 41' 35"						E-48-8-A-d	
thôn 3	DC	xã Đông Thanh	H. Đông Sơn	19° 51' 00"	105° 41' 49"						E-48-8-A-d	
thôn 4	DC	xã Đông Thanh	H. Đông Sơn	19° 50' 55"	105° 42' 02"						E-48-8-A-d	
thôn 5	DC	xã Đông Thanh	H. Đông Sơn	19° 50' 52"	105° 41' 53"						E-48-8-A-d	
thôn 6	DC	xã Đông Thanh	H. Đông Sơn	19° 50' 49"	105° 42' 00"						E-48-8-A-d	
thôn 7	DC	xã Đông Thanh	H. Đông Sơn	19° 50' 58"	105° 41' 33"						E-48-8-A-d	
thôn 8	DC	xã Đông Thanh	H. Đông Sơn	19° 50' 50"	105° 41' 39"						E-48-8-A-d	
thôn 9	DC	xã Đông Thanh	H. Đông Sơn	19° 50' 43"	105° 41' 41"						E-48-8-A-d	
thôn 10	DC	xã Đông Thanh	H. Đông Sơn	19° 50' 35"	105° 41' 20"						E-48-8-A-d	
thôn 11	DC	xã Đông Thanh	H. Đông Sơn	19° 50' 10"	105° 41' 49"						E-48-8-A-d	
thôn 12	DC	xã Đông Thanh	H. Đông Sơn	19° 50' 57"	105° 41' 42"						E-48-8-A-d	
quốc lộ 45	KX	xã Đông Thanh	H. Đông Sơn			20° 10' 25"	105° 46' 47"	19° 48' 05"	105° 26' 03"		E-48-8-A-d	
sông Nhà Lê	TV	xã Đông Thanh	H. Đông Sơn			19° 51' 19"	105° 40' 40"	19° 47' 53"	105° 47' 13"		E-48-8-A-d	
sông Nông Giang	TV	xã Đông Thanh	H. Đông Sơn			19° 53' 46"	105° 22' 38"	19° 50' 04"	105° 42' 15"		E-48-8-A-d	
thôn 1	DC	xã Đông Thịnh	H. Đông Sơn	19° 48' 08"	105° 43' 48"						E-48-8-A-d	
thôn 2	DC	xã Đông Thịnh	H. Đông Sơn	19° 48' 11"	105° 43' 41"						E-48-8-A-d	
thôn 3	DC	xã Đông Thịnh	H. Đông Sơn	19° 48' 33"	105° 43' 12"						E-48-8-A-d	
thôn 4	DC	xã Đông Thịnh	H. Đông Sơn	19° 48' 40"	105° 43' 11"						E-48-8-A-d	
thôn 5	DC	xã Đông Thịnh	H. Đông Sơn	19° 48' 43"	105° 43' 08"						E-48-8-A-d	
thôn 6	DC	xã Đông Thịnh	H. Đông Sơn	19° 48' 37"	105° 42' 57"						E-48-8-A-d	
thôn 7	DC	xã Đông Thịnh	H. Đông Sơn	19° 48' 33"	105° 42' 55"						E-48-8-A-d	
thôn 8	DC	xã Đông Thịnh	H. Đông Sơn	19° 48' 30"	105° 43' 00"						E-48-8-A-d	
thôn 9	DC	xã Đông Thịnh	H. Đông Sơn	19° 48' 19"	105° 43' 01"						E-48-8-A-d	
thôn 10	DC	xã Đông Thịnh	H. Đông Sơn	19° 48' 09"	105° 43' 05"						E-48-8-A-d	
quốc lộ 45	KX	xã Đông Tiến	H. Đông Sơn			20° 10' 25"	105° 46' 47"	19° 48' 05"	105° 26' 03"		E-48-8-A-d	
thôn Đại Đồng	DC	xã Đông Tiến	H. Đông Sơn	19° 49' 43"	105° 42' 18"						E-48-8-A-d	
thôn Hiệp Khởi	DC	xã Đông Tiến	H. Đông Sơn	19° 49' 57"	105° 43' 01"						E-48-8-A-d	

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng								Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối				
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	
thôn Kim Sơn	DC	xã Đông Tiến	H. Đông Sơn	19° 49' 43"	105° 43' 05"							E-48-8-A-d
sông Nhà Lê	TV	xã Đông Tiến	H. Đông Sơn					19° 51' 19"	105° 40' 40"	19° 47' 53"	105° 47' 13"	E-48-8-A-d
thôn Nhuận Thạch	DC	xã Đông Tiến	H. Đông Sơn	19° 50' 43"	105° 42' 39"							E-48-8-A-d
sông Nông Giang	TV	xã Đông Tiến	H. Đông Sơn					19° 53' 46"	105° 22' 38"	19° 50' 04"	105° 42' 15"	E-48-8-A-d
thôn Toàn Tân	DC	xã Đông Tiến	H. Đông Sơn	19° 49' 26"	105° 42' 58"							E-48-8-A-d
thôn Triệu Tiên	DC	xã Đông Tiến	H. Đông Sơn	19° 50' 24"	105° 42' 40"							E-48-8-A-d
thôn Triệu Xá 1	DC	xã Đông Tiến	H. Đông Sơn	19° 50' 18"	105° 42' 20"							E-48-8-A-d
thôn Triệu Xá 2	DC	xã Đông Tiến	H. Đông Sơn	19° 50' 38"	105° 42' 16"							E-48-8-A-d
thôn Văn Bắc	DC	xã Đông Văn	H. Đông Sơn	19° 47' 25"	105° 43' 08"							E-48-8-A-d
thôn Văn Châu	DC	xã Đông Văn	H. Đông Sơn	19° 46' 40"	105° 43' 48"							E-48-8-A-d
thôn Văn Đoài	DC	xã Đông Văn	H. Đông Sơn	19° 46' 44"	105° 42' 38"							E-48-8-A-d
thôn Văn Nam	DC	xã Đông Văn	H. Đông Sơn	19° 46' 56"	105° 43' 23"							E-48-8-A-d
thôn Văn Thắng	DC	xã Đông Văn	H. Đông Sơn	19° 46' 44"	105° 43' 30"							E-48-8-A-d
thôn Văn Thịnh	DC	xã Đông Văn	H. Đông Sơn	19° 47' 28"	105° 43' 37"							E-48-8-A-d
thôn Văn Trung	DC	xã Đông Văn	H. Đông Sơn	19° 47' 11"	105° 43' 14"							E-48-8-A-d
quốc lộ 45	KX	xã Đông Xuân	H. Đông Sơn					20° 10' 25"	105° 46' 47"	19° 48' 05"	105° 26' 03"	E-48-8-A-d
quốc lộ 47	KX	xã Đông Xuân	H. Đông Sơn					19° 44' 00"	105° 53' 56"	19° 53' 36"	105° 24' 14"	E-48-8-A-d
thôn Cáo Thôn	DC	xã Đông Xuân	H. Đông Sơn	19° 49' 08"	105° 43' 41"							E-48-8-A-d
sông Nhà Lê	TV	xã Đông Xuân	H. Đông Sơn					19° 51' 19"	105° 40' 40"	19° 47' 53"	105° 47' 13"	E-48-8-A-d
thôn Nhuệ Sầm	DC	xã Đông Xuân	H. Đông Sơn	19° 49' 01"	105° 42' 59"							E-48-8-A-d
sông Nông Giang	TV	xã Đông Xuân	H. Đông Sơn					19° 53' 46"	105° 22' 38"	19° 50' 04"	105° 42' 15"	E-48-8-A-d
thôn Phúc Hậu	DC	xã Đông Xuân	H. Đông Sơn	19° 49' 03"	105° 43' 21"							E-48-8-A-d
thôn Xuân Lưu	DC	xã Đông Xuân	H. Đông Sơn	19° 48' 57"	105° 43' 30"							E-48-8-A-d
Cầu Đan	KX	xã Đông Yên	H. Đông Sơn	19° 48' 07"	105° 42' 32"							E-48-8-A-d
thôn Yên Bằng	DC	xã Đông Yên	H. Đông Sơn	19° 47' 40"	105° 42' 16"							E-48-8-A-d
thôn Yên Cẩm 1	DC	xã Đông Yên	H. Đông Sơn	19° 47' 47"	105° 41' 56"							E-48-8-A-d
thôn Yên Cẩm 2	DC	xã Đông Yên	H. Đông Sơn	19° 47' 40"	105° 42' 04"							E-48-8-A-d
thôn Yên Đoán 1	DC	xã Đông Yên	H. Đông Sơn	19° 48' 03"	105° 42' 11"							E-48-8-A-d
thôn Yên Đoán 2	DC	xã Đông Yên	H. Đông Sơn	19° 48' 04"	105° 42' 25"							E-48-8-A-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	
thôn Yên Thành	DC	xã Đông Yên	H. Đông Sơn	19° 47' 02"	105° 41' 53"					E-48-8-A-d
thôn Yên Trường	DC	xã Đông Yên	H. Đông Sơn	19° 47' 40"	105° 42' 32"					E-48-8-A-d
quốc lộ 1A	KX	TT. Hà Trung	H. Hà Trung			20° 08' 01"	105° 51' 32"	19° 18' 42"	105° 43' 16"	E-48-8-B-a, F-48-92-D-c
tiểu khu 1	DC	TT. Hà Trung	H. Hà Trung	19° 58' 54"	105° 50' 23"					F-48-92-D-c
tiểu khu 2	DC	TT. Hà Trung	H. Hà Trung	19° 58' 55"	105° 50' 40"					E-48-8-B-a
tiểu khu 3	DC	TT. Hà Trung	H. Hà Trung	19° 59' 05"	105° 50' 36"					F-48-92-D-c
tiểu khu 4	DC	TT. Hà Trung	H. Hà Trung	19° 59' 45"	105° 50' 31"					F-48-92-D-c
tiểu khu 5	DC	TT. Hà Trung	H. Hà Trung	20° 00' 37"	105° 50' 59"					F-48-92-D-c
tiểu khu 6	DC	TT. Hà Trung	H. Hà Trung	20° 01' 01"	105° 50' 56"					F-48-92-D-c
quốc lộ 217	KX	TT. Hà Trung	H. Hà Trung			19° 59' 42"	105° 50' 35"	20° 17' 51"	104° 37' 12"	E-48-8-B-a
đường tỉnh 508	KX	TT. Hà Trung	H. Hà Trung			20° 00' 29"	105° 50' 53"	19° 59' 44"	105° 57' 50"	F-48-92-D-c
cầu Cai Tít	KX	TT. Hà Trung	H. Hà Trung	20° 00' 47"	105° 51' 01"					F-48-92-D-c
sông Chiếu Bạch	TV	TT. Hà Trung	H. Hà Trung			20° 02' 51"	105° 50' 40"	19° 59' 07"	105° 51' 43"	F-48-92-D-c
mương Chính Phú	TV	TT. Hà Trung	H. Hà Trung			19° 59' 08"	105° 50' 31"	19° 59' 48"	105° 47' 13"	E-48-8-B-a
ga Đò Lèn	KX	TT. Hà Trung	H. Hà Trung	19° 59' 18"	105° 50' 33"					E-48-8-B-a
Chợ Gáo	KX	TT. Hà Trung	H. Hà Trung	20° 00' 26"	105° 51' 04"					F-48-92-D-c
Cầu Lèn	KX	TT. Hà Trung	H. Hà Trung	19° 58' 49"	105° 50' 31"					E-48-8-B-a
Sông Lèn	TV	TT. Hà Trung	H. Hà Trung			19° 57' 31"	105° 45' 38"	19° 57' 07"	106° 00' 04"	F-48-92-D-c, E-48-8-B-a
đường tỉnh 522	KX	xã Hà Bắc	H. Hà Trung			20° 04' 03"	105° 51' 00"	20° 12' 37"	105° 36' 50"	F-48-92-D-c
thôn Bắc Giang	DC	xã Hà Bắc	H. Hà Trung	20° 03' 01"	105° 49' 38"					F-48-92-D-c
thôn Bắc Sơn	DC	xã Hà Bắc	H. Hà Trung	20° 04' 44"	105° 49' 26"					F-48-92-D-c
đồi Đà Sơn	SV	xã Hà Bắc	H. Hà Trung	20° 03' 58"	105° 49' 07"					F-48-92-D-c
thôn Đà Sơn	DC	xã Hà Bắc	H. Hà Trung	20° 03' 42"	105° 49' 12"					F-48-92-D-c
Sông Hoạt	TV	xã Hà Bắc	H. Hà Trung			20° 04' 39"	105° 46' 51"	20° 02' 21"	105° 54' 29"	F-48-92-D-c
cầu Long Khê	KX	xã Hà Bắc	H. Hà Trung	20° 04' 46"	105° 49' 19"					F-48-92-D-c
sông Long Khê	TV	xã Hà Bắc	H. Hà Trung			20° 05' 26"	105° 49' 01"	20° 04' 32"	105° 49' 24"	F-48-92-D-c
thôn Song Nga	DC	xã Hà Bắc	H. Hà Trung	20° 03' 20"	105° 49' 30"					F-48-92-D-c
sông Tống Giang	TV	xã Hà Bắc	H. Hà Trung			20° 04' 22"	105° 49' 36"	20° 02' 52"	105° 51' 04"	F-48-92-D-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ,phút,gây)	(Độ,phút,gây)	(Độ,phút,gây)	(Độ,phút,gây)	(Độ,phút,gây)	(Độ,phút,gây)	
đồi Trạng Sơn	SV	xã Hà Bắc	H. Hà Trung	20° 04' 05"	105° 49' 29"					F-48-92-D-c
thôn Trạng Sơn	DC	xã Hà Bắc	H. Hà Trung	20° 03' 52"	105° 49' 23"					F-48-92-D-c
quốc lộ 1A	KX	xã Hà Bình	H. Hà Trung			20° 08' 01"	105° 51' 32"	19° 18' 42"	105° 43' 16"	F-48-92-D-c
thôn Thịnh Thôn	DC	xã Hà Bình	H. Hà Trung	20° 01' 43"	105° 50' 53"					F-48-92-D-c
sông Chiếu Bạch	TV	xã Hà Bình	H. Hà Trung			20° 02' 51"	105° 50' 40"	19° 59' 07"	105° 51' 43"	F-48-92-D-c
thôn Đông Trung 1	DC	xã Hà Bình	H. Hà Trung	20° 01' 39"	105° 50' 18"					F-48-92-D-c
thôn Đông Trung 2	DC	xã Hà Bình	H. Hà Trung	20° 01' 55"	105° 49' 59"					F-48-92-D-c
thôn Đông Trung 3	DC	xã Hà Bình	H. Hà Trung	20° 01' 59"	105° 49' 51"					F-48-92-D-c
thôn Đông Trung 4	DC	xã Hà Bình	H. Hà Trung	20° 02' 04"	105° 49' 48"					F-48-92-D-c
núi Hoàng Sơn	SV	xã Hà Bình	H. Hà Trung	20° 02' 10"	105° 51' 07"					F-48-92-D-c
thôn Ngọc Sơn	DC	xã Hà Bình	H. Hà Trung	20° 01' 01"	105° 50' 06"					F-48-92-D-c
thôn Nhân Lý	DC	xã Hà Bình	H. Hà Trung	20° 01' 01"	105° 51' 07"					F-48-92-D-c
thôn Nội Thượng	DC	xã Hà Bình	H. Hà Trung	20° 01' 24"	105° 50' 46"					F-48-92-D-c
núi Ông Voi	SV	xã Hà Bình	H. Hà Trung	20° 01' 09"	105° 50' 43"					F-48-92-D-c
thôn Phú Vinh	DC	xã Hà Bình	H. Hà Trung	20° 01' 56"	105° 50' 56"					F-48-92-D-c
Đồi Thông	SV	xã Hà Bình	H. Hà Trung	20° 01' 16"	105° 49' 16"					F-48-92-D-c
Núi Trắng	SV	xã Hà Bình	H. Hà Trung	20° 00' 41"	105° 49' 56"					F-48-92-D-c
thôn Xuân Áng	DC	xã Hà Bình	H. Hà Trung	20° 01' 34"	105° 50' 46"					F-48-92-D-c
thôn Xuân Sơn	DC	xã Hà Bình	H. Hà Trung	20° 01' 24"	105° 51' 29"					F-48-92-D-c
thôn 1	DC	xã Hà Châu	H. Hà Trung	20° 01' 45"	105° 54' 27"					F-48-92-D-d
thôn 2	DC	xã Hà Châu	H. Hà Trung	20° 01' 44"	105° 53' 58"					F-48-92-D-d
thôn 3	DC	xã Hà Châu	H. Hà Trung	20° 01' 15"	105° 53' 56"					F-48-92-D-d
thôn 4	DC	xã Hà Châu	H. Hà Trung	20° 01' 14"	105° 53' 52"					F-48-92-D-d
thôn 5	DC	xã Hà Châu	H. Hà Trung	20° 01' 07"	105° 54' 12"					F-48-92-D-d
thôn 6	DC	xã Hà Châu	H. Hà Trung	20° 00' 56"	105° 54' 22"					F-48-92-D-d
thôn 7	DC	xã Hà Châu	H. Hà Trung	20° 00' 54"	105° 54' 21"					F-48-92-D-d
thôn 8	DC	xã Hà Châu	H. Hà Trung	20° 00' 50"	105° 54' 18"					F-48-92-D-d
thôn 9	DC	xã Hà Châu	H. Hà Trung	20° 00' 48"	105° 54' 14"					F-48-92-D-d
thôn 10	DC	xã Hà Châu	H. Hà Trung	20° 01' 01"	105° 54' 00"					F-48-92-D-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	
Núi Chùa	SV	xã Hà Châu	H. Hà Trung	20° 01' 28"	105° 53' 21"					F-48-92-D-d
cầu Hà Thanh	KX	xã Hà Châu	H. Hà Trung	20° 02' 19"	105° 53' 56"					F-48-92-D-d
Sông Hoạt	TV	xã Hà Châu	H. Hà Trung			20° 04' 39"	105° 46' 51"	20° 02' 21"	105° 54' 29"	F-48-92-D-d
quốc lộ 217	KX	xã Hà Đông	H. Hà Trung			19° 59' 42"	105° 50' 35"	20° 17' 51"	104° 37' 12"	E-48-8-B-a
mương Chính Phủ	TV	xã Hà Đông	H. Hà Trung			19° 59' 08"	105° 50' 31"	19° 59' 48"	105° 47' 13"	E-48-8-B-a
cầu Hà Đông	KX	xã Hà Đông	H. Hà Trung	19° 59' 35"	105° 48' 36"					E-48-8-B-a
thôn Kim Hưng	DC	xã Hà Đông	H. Hà Trung	19° 59' 57"	105° 49' 37"					E-48-8-B-a
thôn Kim Môn	DC	xã Hà Đông	H. Hà Trung	19° 59' 12"	105° 48' 04"					E-48-8-B-a
thôn Kim Phát	DC	xã Hà Đông	H. Hà Trung	19° 59' 50"	105° 49' 05"					E-48-8-B-a
thôn Kim Sơn	DC	xã Hà Đông	H. Hà Trung	19° 59' 26"	105° 48' 07"					E-48-8-B-a
thôn Kim Thành	DC	xã Hà Đông	H. Hà Trung	19° 59' 00"	105° 48' 58"					E-48-8-B-a
thôn Kim Tiên	DC	xã Hà Đông	H. Hà Trung	19° 59' 50"	105° 48' 47"					E-48-8-B-a
Núi Lèn	SV	xã Hà Đông	H. Hà Trung	19° 59' 00"	105° 48' 04"					E-48-8-B-a
Chùa Mau	KX	xã Hà Đông	H. Hà Trung	19° 58' 49"	105° 49' 06"					E-48-8-B-a
thôn Núi Gà	DC	xã Hà Đông	H. Hà Trung	19° 59' 38"	105° 48' 27"					E-48-8-B-a
núi Quặng Kuru	SV	xã Hà Đông	H. Hà Trung	19° 58' 29"	105° 48' 47"					E-48-8-B-a
núi Trung Trinh	SV	xã Hà Đông	H. Hà Trung	20° 00' 11"	105° 49' 48"					F-48-92-D-c
quốc lộ 1A	KX	xã Hà Dương	H. Hà Trung			20° 08' 01"	105° 51' 32"	19° 18' 42"	105° 43' 16"	F-48-92-D-c
thôn Cao Lũng	DC	xã Hà Dương	H. Hà Trung	20° 02' 51"	105° 50' 53"					F-48-92-D-c
sông Chiêu Bạch	TV	xã Hà Dương	H. Hà Trung			20° 02' 51"	105° 50' 40"	19° 59' 07"	105° 51' 43"	F-48-92-D-c
Cầu Cừ	KX	xã Hà Dương	H. Hà Trung	20° 02' 52"	105° 50' 39"					F-48-92-D-c
thôn Đoài Thôn	DC	xã Hà Dương	H. Hà Trung	20° 03' 00"	105° 50' 46"					F-48-92-D-c
thôn Đông Thôn	DC	xã Hà Dương	H. Hà Trung	20° 02' 50"	105° 51' 14"					F-48-92-D-c
cầu Hà Dương	KX	xã Hà Dương	H. Hà Trung	20° 02' 53"	105° 51' 05"					F-48-92-D-c
núi Hoàng Sơn	SV	xã Hà Dương	H. Hà Trung	20° 02' 10"	105° 51' 07"					F-48-92-D-c
Sông Hoạt	TV	xã Hà Dương	H. Hà Trung			20° 04' 39"	105° 46' 51"	20° 02' 21"	105° 54' 29"	F-48-92-D-c
thôn Thổ Khối	DC	xã Hà Dương	H. Hà Trung	20° 03' 09"	105° 51' 11"					F-48-92-D-c
cầu Tống Giang	KX	xã Hà Dương	H. Hà Trung	20° 03' 31"	105° 50' 50"					F-48-92-D-c
sông Tống Giang	TV	xã Hà Dương	H. Hà Trung			20° 04' 22"	105° 49' 36"	20° 02' 52"	105° 51' 04"	F-48-92-D-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	
đền T'ân Hưng Đạo	KX	xã Hà Dương	H. Hà Trung	20° 03' 12"	105° 51' 10"					F-48-92-D-c
thôn 1	DC	xã Hà Giang	H. Hà Trung	20° 03' 51"	105° 48' 40"					F-48-92-D-c
thôn 5	DC	xã Hà Giang	H. Hà Trung	20° 04' 12"	105° 47' 46"					F-48-92-D-c
thôn 6	DC	xã Hà Giang	H. Hà Trung	20° 04' 40"	105° 47' 02"					F-48-92-D-c
đồi Cao Các	SV	xã Hà Giang	H. Hà Trung	20° 04' 53"	105° 46' 45"					F-48-92-D-c
Sông Hoạt	TV	xã Hà Giang	H. Hà Trung			20° 04' 39"	105° 46' 51"	20° 02' 21"	105° 54' 29"	F-48-92-D-c
thôn Quan Chiếm 1	DC	xã Hà Giang	H. Hà Trung	20° 04' 02"	105° 48' 09"					F-48-92-D-c
thôn Quan Chiếm 2	DC	xã Hà Giang	H. Hà Trung	20° 04' 02"	105° 48' 09"					F-48-92-D-c
thôn Quan Chiếm 3	DC	xã Hà Giang	H. Hà Trung	20° 04' 15"	105° 48' 11"					F-48-92-D-c
thôn Quan Chiếm 4	DC	xã Hà Giang	H. Hà Trung	20° 04' 31"	105° 48' 05"					F-48-92-D-c
suối Vạn Bảo	TV	xã Hà Giang	H. Hà Trung			20° 06' 28"	105° 46' 44"	20° 04' 39"	105° 46' 51"	F-48-92-D-c
đường tỉnh 508	KX	xã Hà Hải	H. Hà Trung	19° 59' 03"	105° 55' 18"					E-48-8-B-b
cầu Báo Văn	KX	xã Hà Hải	H. Hà Trung	20° 00' 00"	105° 54' 36"	20° 00' 29"	105° 50' 53"	19° 59' 44"	105° 57' 50"	E-48-8-B-b
thôn Đông Quang	DC	xã Hà Hải	H. Hà Trung							F-48-92-D-d
Sông Hoạt	TV	xã Hà Hải	H. Hà Trung			20° 03' 40"	106° 01' 30"	19° 58' 20"	105° 55' 15"	E-48-8-B-b
thôn Nam Thôn	DC	xã Hà Hải	H. Hà Trung	19° 59' 25"	105° 54' 32"					F-48-92-D-d
xóm Ngự Hải	DC	xã Hà Hải	H. Hà Trung	20° 00' 14"	105° 54' 37"					E-48-8-B-b
thôn Như Lăng	DC	xã Hà Hải	H. Hà Trung	19° 59' 47"	105° 54' 47"					E-48-8-B-b
thôn Thạch Quạt 1	DC	xã Hà Hải	H. Hà Trung	19° 58' 55"	105° 54' 50"					E-48-8-B-b
thôn Thạch Quạt 2	DC	xã Hà Hải	H. Hà Trung	19° 59' 17"	105° 54' 43"					E-48-8-B-b
thôn Tùng Thi	DC	xã Hà Hải	H. Hà Trung	19° 59' 49"	105° 54' 05"					F-48-92-D-d
thôn Yên Đỗ	DC	xã Hà Hải	H. Hà Trung	20° 00' 04"	105° 54' 40"					E-48-8-B-b
thôn Yên Thôn	DC	xã Hà Hải	H. Hà Trung	19° 59' 48"	105° 54' 14"					F-48-92-D-c
thôn 1	DC	xã Hà Lai	H. Hà Trung	20° 00' 59"	105° 52' 18"					F-48-92-D-c
thôn 2	DC	xã Hà Lai	H. Hà Trung	20° 01' 14"	105° 52' 19"					F-48-92-D-c
thôn 3	DC	xã Hà Lai	H. Hà Trung	20° 01' 34"	105° 52' 41"					F-48-92-Γ
thôn 4	DC	xã Hà Lai	H. Hà Trung	20° 01' 36"	105° 52' 52"					F-4P
thôn 5	DC	xã Hà Lai	H. Hà Trung	20° 01' 30"	105° 53' 02"					

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng								Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối				
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ,phút,gây)	(Độ,phút,gây)	(Độ,phút,gây)	(Độ,phút,gây)	(Độ,phút,gây)	(Độ,phút,gây)	(Độ,phút,gây)	(Độ,phút,gây)	
thôn 6	DC	xã Hà Lai	H. Hà Trung	20° 01' 53"	105° 53' 06"							F-48-92-D-d
thôn 7	DC	xã Hà Lai	H. Hà Trung	20° 01' 59"	105° 53' 11"							F-48-92-D-d
thôn 8	DC	xã Hà Lai	H. Hà Trung	20° 01' 46"	105° 52' 35"							F-48-92-D-d
núi Bờ Rộng	SV	xã Hà Lai	H. Hà Trung	20° 01' 36"	105° 52' 30"							F-48-92-D-c
Núi Chùa	SV	xã Hà Lai	H. Hà Trung	20° 01' 28"	105° 53' 21"							F-48-92-D-d
hồ Con Nhạn	TV	xã Hà Lai	H. Hà Trung	20° 00' 57"	105° 51' 40"							F-48-92-D-c
Sông Hoạt	TV	xã Hà Lai	H. Hà Trung			20° 04' 39"	105° 46' 51"	20° 02' 21"	105° 54' 29"			F-48-92-D-d, F-48-92-D-c
núi Rừng Dẻ	SV	xã Hà Lai	H. Hà Trung	20° 00' 35"	105° 51' 40"							F-48-92-D-c
thôn 1	DC	xã Hà Lâm	H. Hà Trung	19° 58' 51"	105° 51' 30"							E-48-8-B-a
thôn 2	DC	xã Hà Lâm	H. Hà Trung	19° 58' 50"	105° 51' 41"							E-48-8-B-a
thôn 3	DC	xã Hà Lâm	H. Hà Trung	19° 59' 00"	105° 51' 40"							E-48-8-B-a
thôn 4	DC	xã Hà Lâm	H. Hà Trung	19° 58' 58"	105° 51' 29"							E-48-8-B-a
thôn 5	DC	xã Hà Lâm	H. Hà Trung	19° 58' 50"	105° 52' 48"							E-48-8-B-a
thôn 6	DC	xã Hà Lâm	H. Hà Trung	19° 59' 17"	105° 52' 50"							E-48-8-B-a
thôn 7	DC	xã Hà Lâm	H. Hà Trung	19° 59' 32"	105° 52' 27"							E-48-8-B-a
thôn 8	DC	xã Hà Lâm	H. Hà Trung	19° 59' 56"	105° 52' 04"							F-48-92-D-c
đường tỉnh 508	KX	xã Hà Lâm	H. Hà Trung			20° 00' 29"	105° 50' 53"	19° 59' 44"	105° 57' 50"			E-48-8-B-b, E-48-8-B-a, F-48-92-D-c
Sông Lèn	TV	xã Hà Lâm	H. Hà Trung			19° 57' 31"	105° 45' 38"	19° 57' 07"	106° 00' 04"			E-48-8-B-a, E-48-8-B-b
núi Răng Hạc	SV	xã Hà Lâm	H. Hà Trung	19° 59' 32"	105° 52' 59"							E-48-8-B-b
thôn 1	DC	xã Hà Lĩnh	H. Hà Trung	19° 59' 56"	105° 45' 11"							E-48-8-B-a
thôn 2	DC	xã Hà Lĩnh	H. Hà Trung	19° 59' 51"	105° 45' 28"							E-48-8-B-a
thôn 3	DC	xã Hà Lĩnh	H. Hà Trung	19° 59' 43"	105° 46' 16"							E-48-8-B-a
thôn 4	DC	xã Hà Lĩnh	H. Hà Trung	19° 59' 23"	105° 45' 47"							E-48-8-B-a
thôn 5	DC	xã Hà Lĩnh	H. Hà Trung	19° 59' 50"	105° 45' 52"							E-48-8-B-a
thôn 6	DC	xã Hà Lĩnh	H. Hà Trung	19° 59' 54"	105° 46' 00"							E-48-8-B-a
thôn 7	DC	xã Hà Lĩnh	H. Hà Trung	19° 59' 49"	105° 46' 20"							E-48-8-B-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng								Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối				
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ,phút,gây)	(Độ,phút,gây)	(Độ,phút,gây)	(Độ,phút,gây)	(Độ,phút,gây)	(Độ,phút,gây)	(Độ,phút,gây)	(Độ,phút,gây)	
thôn Đồng Hậu	DC	xã Hà Long	H. Hà Trung	20° 06' 03"	105° 47' 43"							F-48-92-D-c
thôn Đồng Quảng	DC	xã Hà Long	H. Hà Trung	20° 06' 12"	105° 47' 29"							F-48-92-D-c
thôn Đồng Toàn	DC	xã Hà Long	H. Hà Trung	20° 06' 03"	105° 48' 06"							F-48-92-D-c
thôn Gia Miêu 1	DC	xã Hà Long	H. Hà Trung	20° 05' 51"	105° 48' 34"							F-48-92-D-c
thôn Gia Miêu 2	DC	xã Hà Long	H. Hà Trung	20° 05' 19"	105° 47' 49"							F-48-92-D-c
thôn Hoàng Ván	DC	xã Hà Long	H. Hà Trung	20° 07' 12"	105° 49' 15"							F-48-92-D-c
thôn Khắc Dũng	DC	xã Hà Long	H. Hà Trung	20° 06' 06"	105° 48' 21"							F-48-92-D-c
núi Khê Cái	SV	xã Hà Long	H. Hà Trung	20° 08' 42"	105° 48' 32"							F-48-92-D-a
cầu Long Khê	KX	xã Hà Long	H. Hà Trung	20° 04' 46"	105° 49' 19"							F-48-92-D-c
sông Long Khê	TV	xã Hà Long	H. Hà Trung			20° 05' 26"	105° 49' 01"	20° 04' 32"	105° 49' 24"			F-48-92-D-c
thôn Nghĩa Đung	DC	xã Hà Long	H. Hà Trung	20° 07' 01"	105° 50' 20"							F-48-92-D-c
Đền Ròng	KX	xã Hà Long	H. Hà Trung	20° 07' 58"	105° 51' 19"							F-48-92-D-c
núi Rương Lãng	SV	xã Hà Long	H. Hà Trung	20° 06' 51"	105° 47' 56"							F-48-92-D-c
cầu Vạn Bảo	KX	xã Hà Long	H. Hà Trung	20° 06' 44"	105° 46' 48"							F-48-92-D-c
suối Vạn Bảo	TV	xã Hà Long	H. Hà Trung			20° 06' 28"	105° 46' 44"	20° 04' 39"	105° 46' 51"			F-48-92-D-c
thôn Yên Vĩ	DC	xã Hà Long	H. Hà Trung	20° 05' 15"	105° 47' 38"							F-48-92-D-c
thôn 1	DC	xã Hà Ngọc	H. Hà Trung	19° 58' 37"	105° 49' 01"							E-48-8-B-a
thôn 2	DC	xã Hà Ngọc	H. Hà Trung	19° 58' 18"	105° 49' 26"							E-48-8-B-a
thôn 3	DC	xã Hà Ngọc	H. Hà Trung	19° 58' 23"	105° 49' 32"							E-48-8-B-a
thôn 4	DC	xã Hà Ngọc	H. Hà Trung	19° 58' 26"	105° 49' 38"							E-48-8-B-a
thôn 5	DC	xã Hà Ngọc	H. Hà Trung	19° 58' 32"	105° 49' 47"							E-48-8-B-a
thôn 6	DC	xã Hà Ngọc	H. Hà Trung	19° 58' 38"	105° 49' 55"							E-48-8-B-a
thôn 7	DC	xã Hà Ngọc	H. Hà Trung	19° 58' 39"	105° 50' 01"							E-48-8-B-a
thôn 8	DC	xã Hà Ngọc	H. Hà Trung	19° 58' 44"	105° 50' 07"							E-48-8-B-a
thôn 9	DC	xã Hà Ngọc	H. Hà Trung	19° 58' 49"	105° 50' 06"							E-48-8-B-a
thôn 10	DC	xã Hà Ngọc	H. Hà Trung	19° 58' 56"	105° 50' 13"							E-48-8-B-a
mường Chính Phủ	TV	xã Hà Ngọc	H. Hà Trung			19° 59' 08"	105° 50' 31"	19° 59' 48"	105° 47' 13"			E-48-8-B-a
thôn Kim Chi	DC	xã Hà Ngọc	H. Hà Trung	19° 58' 56"	105° 50' 13"							E-48-8-B-a
thôn Kim Liên	DC	xã Hà Ngọc	H. Hà Trung	19° 58' 49"	105° 50' 06"							E-48-8-B-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng								Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		Kinh độ	Vĩ độ	
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ			
Sông Lèn	TV	xã Hà Ngọc	H. Hà Trung			19° 57' 31"	105° 45' 38"	19° 57' 07"	106° 00' 04"		E-48-8-B-a	
Chùa Mau	KX	xã Hà Ngọc	H. Hà Trung	19° 58' 49"	105° 49' 06"						E-48-8-B-a	
núi Quặng Kru	SV	xã Hà Ngọc	H. Hà Trung	19° 58' 29"	105° 48' 47"						E-48-8-B-a	
quốc lộ 1A	KX	xã Hà Ninh	H. Hà Trung			20° 08' 01"	105° 5' 32"	19° 18' 42"	105° 43' 16"		F-48-92-D-c	
thôn 1	DC	xã Hà Ninh	H. Hà Trung	20° 00' 01"	105° 50' 54"						F-48-92-D-c	
thôn 2	DC	xã Hà Ninh	H. Hà Trung	19° 59' 53"	105° 50' 54"						E-48-8-B-a	
thôn 3	DC	xã Hà Ninh	H. Hà Trung	19° 59' 52"	105° 50' 45"						E-48-8-B-a	
thôn 4	DC	xã Hà Ninh	H. Hà Trung	19° 59' 55"	105° 50' 41"						F-48-92-D-c	
thôn 5	DC	xã Hà Ninh	H. Hà Trung	20° 00' 22"	105° 51' 07"						E-48-8-B-a	
quốc lộ 217	KX	xã Hà Ninh	H. Hà Trung			19° 59' 42"	105° 50' 35"	20° 17' 51"	104° 37' 12"		F-48-92-D-c	
đường tỉnh 508	KX	xã Hà Ninh	H. Hà Trung			20° 00' 29"	105° 50' 53"	19° 59' 44"	105° 57' 50"		F-48-92-D-c	
sông Chiêu Bạch	TV	xã Hà Ninh	H. Hà Trung			20° 02' 51"	105° 50' 40"	19° 59' 07"	105° 51' 43"		F-48-92-D-c	
làng Đông Ninh	DC	xã Hà Ninh	H. Hà Trung	20° 00' 14"	105° 51' 43"						F-48-92-D-c	
làng Đường Cát	DC	xã Hà Ninh	H. Hà Trung	20° 00' 15"	105° 50' 13"						E-48-8-B-a	
làng Nghè Đỏ	DC	xã Hà Ninh	H. Hà Trung	19° 59' 56"	105° 49' 59"						F-48-92-D-c	
làng Ninh Thôn	DC	xã Hà Ninh	H. Hà Trung	20° 00' 15"	105° 50' 13"						F-48-92-D-c	
làng Phú Nham	DC	xã Hà Ninh	H. Hà Trung	20° 00' 22"	105° 51' 07"						F-48-92-D-c	
núi Rừng Dẻ	SV	xã Hà Ninh	H. Hà Trung	20° 00' 35"	105° 51' 40"						F-48-92-D-c	
làng Tây Ninh	DC	xã Hà Ninh	H. Hà Trung	20° 00' 28"	105° 50' 13"						F-48-92-D-c	
núi Trung Trính	SV	xã Hà Ninh	H. Hà Trung	20° 00' 11"	105° 49' 48"						F-48-92-D-c	
quốc lộ 217	KX	xã Hà Phong	H. Hà Trung			19° 59' 42"	105° 50' 35"	20° 17' 51"	104° 37' 12"		E-48-8-B-a	
Sông Lèn	TV	xã Hà Phong	H. Hà Trung			19° 57' 31"	105° 45' 38"	19° 57' 07"	106° 00' 04"		E-48-8-B-a	
chùa Long Cảm Tự	KX	xã Hà Phong	H. Hà Trung	19° 59' 23"	105° 50' 00"						E-48-8-B-a	
thôn Phong Vận	DC	xã Hà Phong	H. Hà Trung	19° 59' 41"	105° 50' 10"						E-48-8-B-a	
thôn Thượng Thôn	DC	xã Hà Phong	H. Hà Trung	19° 59' 12"	105° 50' 49"						E-48-8-B-a	
thôn Trang Các	DC	xã Hà Phong	H. Hà Trung	19° 59' 27"	105° 50' 17"						E-48-8-B-a	
thôn Tương Lạc	DC	xã Hà Phong	H. Hà Trung	19° 58' 55"	105° 51' 00"						E-48-8-B-a	
thôn 1	DC	xã Hà Phú	H. Hà Trung	19° 58' 52"	105° 54' 05"						E-48-8-B-b	
thôn 2	DC	xã Hà Phú	H. Hà Trung	19° 58' 58"	105° 53' 58"						E-48-8-B-b	

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng								Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối				
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	
thôn 3	DC	xã Hà Phú	H. Hà Trung	19° 58' 57"	105° 53' 55"							E-48-8-B-b
thôn 4	DC	xã Hà Phú	H. Hà Trung	19° 58' 45"	105° 53' 27"							E-48-8-B-b
thôn 5	DC	xã Hà Phú	H. Hà Trung	19° 59' 07"	105° 53' 44"							E-48-8-B-b
thôn 6	DC	xã Hà Phú	H. Hà Trung	19° 59' 07"	105° 53' 13"							E-48-8-B-b
thôn 7	DC	xã Hà Phú	H. Hà Trung	19° 58' 54"	105° 54' 01"							E-48-8-B-b
đường tỉnh 508	KX	xã Hà Phú	H. Hà Trung					20° 00' 29"	105° 50' 53"	19° 59' 44"	105° 57' 50"	E-48-8-B-b
lũ Hà Thái	TV	xã Hà Phú	H. Hà Trung	19° 59' 31"	105° 53' 32"							E-48-8-B-b
Sông Lèn	TV	xã Hà Phú	H. Hà Trung					19° 57' 31"	105° 45' 38"	19° 57' 07"	106° 00' 04"	E-48-8-B-b
núi Răng Hạc	SV	xã Hà Phú	H. Hà Trung	19° 59' 32"	105° 52' 59"							E-48-8-B-b
Hón Bông	TV	xã Hà Sơn	H. Hà Trung					19° 58' 15"	105° 45' 46"	19° 57' 35"	105° 45' 32"	E-48-8-B-a
thôn Cẩm Sơn	DC	xã Hà Sơn	H. Hà Trung	19° 58' 08"	105° 45' 58"							E-48-8-B-a
thôn Chí Cường	DC	xã Hà Sơn	H. Hà Trung	19° 57' 45"	105° 45' 40"							E-48-8-B-a
thôn Chí Phúc	DC	xã Hà Sơn	H. Hà Trung	19° 57' 48"	105° 46' 37"							E-48-8-B-a
núi Đồng Mưa	SV	xã Hà Sơn	H. Hà Trung	19° 58' 00"	105° 47' 28"							E-48-8-B-a
thôn Giang Sơn 9	DC	xã Hà Sơn	H. Hà Trung	19° 58' 22"	105° 48' 25"							E-48-8-B-a
thôn Giang Sơn 10	DC	xã Hà Sơn	H. Hà Trung	19° 58' 10"	105° 47' 49"							E-48-8-B-a
Suối Giáp	TV	xã Hà Sơn	H. Hà Trung					19° 58' 16"	105° 45' 54"	19° 58' 15"	105° 45' 46"	E-48-8-B-a
thôn Hà Hợp	DC	xã Hà Sơn	H. Hà Trung	19° 58' 36"	105° 45' 50"							E-48-8-B-a
đền Hàn Sơn	KX	xã Hà Sơn	H. Hà Trung	19° 57' 36"	105° 46' 30"							E-48-8-B-a
Sông Lèn	TV	xã Hà Sơn	H. Hà Trung					19° 57' 31"	105° 45' 38"	19° 57' 07"	106° 00' 04"	E-48-8-B-a
núi Lèn Dài	SV	xã Hà Sơn	H. Hà Trung	19° 58' 43"	105° 47' 35"							E-48-8-B-a
Sông Mả	TV	xã Hà Sơn	H. Hà Trung					20° 32' 02"	104° 29' 13"	19° 47' 08"	105° 55' 37"	E-48-8-B-a
núi Ngọc Sơn	SV	xã Hà Sơn	H. Hà Trung	19° 59' 06"	105° 47' 13"							E-48-8-B-a
thôn Ngọc Sơn	DC	xã Hà Sơn	H. Hà Trung	19° 57' 55"	105° 48' 32"							E-48-8-B-a
thôn Ngọc Tiến	DC	xã Hà Sơn	H. Hà Trung	19° 57' 30"	105° 47' 56"							E-48-8-B-a
núi Quặng Kuru	SV	xã Hà Sơn	H. Hà Trung	19° 58' 29"	105° 48' 47"							E-48-8-B-a
Hồ Sun	TV	xã Hà Sơn	H. Hà Trung	19° 58' 13"	105° 46' 59"							E-48-8-B-a
núi Thông Tứ Quý/Chí Phúc	SV	xã Hà Sơn	H. Hà Trung	19° 57' 37"	105° 46' 48"							E-48-8-B-a
thôn Tứ Quý	DC	xã Hà Sơn	H. Hà Trung	19° 57' 27"	105° 47' 13"							E-48-8-B-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	
thôn Vĩnh An	DC	xã Hà Sơn	H. Hà Trung	19° 58' 39"	105° 46' 44"					E-48-8-B-a
đồi Đá Trắng	SV	xã Hà Tân	H. Hà Trung	20° 01' 37"	105° 48' 43"					F-48-92-D-c
thôn Đò Mỹ	DC	xã Hà Tân	H. Hà Trung	20° 02' 52"	105° 49' 01"					F-48-92-D-c
đập Đồng Vạc	KX	xã Hà Tân	H. Hà Trung	20° 01' 53"	105° 47' 40"					F-48-92-D-c
hồ Đồng Vạc	TV	xã Hà Tân	H. Hà Trung	20° 01' 40"	105° 47' 56"	20° 04' 39"	105° 46' 51"	20° 02' 21"	105° 54' 29"	F-48-92-D-c
Sông Hoạt	TV	xã Hà Tân	H. Hà Trung							F-48-92-D-c
thôn Nam Thôn 1	DC	xã Hà Tân	H. Hà Trung	20° 01' 38"	105° 49' 23"					F-48-92-D-c
thôn Nam Thôn 2	DC	xã Hà Tân	H. Hà Trung	20° 02' 07"	105° 49' 38"					F-48-92-D-c
Hang Ruộng	SV	xã Hà Tân	H. Hà Trung	20° 01' 56"	105° 48' 50"					F-48-92-D-c
đồi Sao Xĩa	SV	xã Hà Tân	H. Hà Trung	20° 01' 19"	105° 48' 50"					F-48-92-D-c
thôn Tam Quy 1	DC	xã Hà Tân	H. Hà Trung	20° 01' 45"	105° 48' 18"					F-48-92-D-c
thôn Tam Quy 2	DC	xã Hà Tân	H. Hà Trung	20° 01' 33"	105° 48' 15"					F-48-92-D-c
thôn Tam Quy 3	DC	xã Hà Tân	H. Hà Trung	20° 01' 47"	105° 48' 33"					F-48-92-D-c
Đồi Thông	SV	xã Hà Tân	H. Hà Trung	20° 01' 16"	105° 49' 16"					F-48-92-D-c
đồi Thung Thi	SV	xã Hà Tân	H. Hà Trung	20° 01' 40"	105° 47' 20"					F-48-92-D-c
thôn Vỹ Liệt	DC	xã Hà Tân	H. Hà Trung	20° 01' 57"	105° 47' 49"					F-48-92-D-c
thôn Bùi Sơn	DC	xã Hà Thái	H. Hà Trung	19° 59' 54"	105° 53' 10"					E-48-8-B-b
hồ Hà Thái	TV	xã Hà Thái	H. Hà Trung	19° 59' 31"	105° 53' 32"					E-48-8-B-b
Núi Kị	SV	xã Hà Thái	H. Hà Trung	20° 00' 40"	105° 53' 42"					F-48-92-D-d
núi Răng Hạc	SV	xã Hà Thái	H. Hà Trung	19° 59' 32"	105° 52' 59"					E-48-8-B-b
thôn Tân Long	DC	xã Hà Thái	H. Hà Trung	20° 00' 35"	105° 53' 38"					F-48-92-D-d
thôn Thái Bình	DC	xã Hà Thái	H. Hà Trung	20° 00' 27"	105° 53' 27"					F-48-92-D-d
thôn Thái Hoà	DC	xã Hà Thái	H. Hà Trung	20° 00' 27"	105° 53' 14"					F-48-92-D-d
thôn Thái Minh 1	DC	xã Hà Thái	H. Hà Trung	20° 00' 21"	105° 52' 41"					F-48-92-D-d
thôn Thái Minh 2	DC	xã Hà Thái	H. Hà Trung	20° 00' 26"	105° 52' 45"					F-48-92-D-d
thôn Thái Tây	DC	xã Hà Thái	H. Hà Trung	20° 00' 21"	105° 53' 13"					F-48-92-D-d
Cầu Cãi	KX	xã Hà Thanh	H. Hà Trung	20° 03' 03"	105° 53' 43"					F-48-92-D-d
Cầu Chợ	KX	xã Hà Thanh	H. Hà Trung	20° 02' 19"	105° 53' 55"					F-48-92-D-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng								Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối				
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ			
				(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)			
núi Đồi Quan	SV	xã Hà Thanh	H. Hà Trung	20° 02' 19"	105° 53' 05"						F-48-92-D-d	
Sông Hoạt	TV	xã Hà Thanh	H. Hà Trung			20° 04' 39"	105° 46' 51"	20° 02' 21"	105° 54' 29"		F-48-92-D-d	
thôn Tân Chính	DC	xã Hà Thanh	H. Hà Trung	20° 02' 46"	105° 53' 36"						F-48-92-D-d	
thôn Thanh Giang	DC	xã Hà Thanh	H. Hà Trung	20° 02' 32"	105° 53' 52"						F-48-92-D-d	
thôn Thanh Lâm	DC	xã Hà Thanh	H. Hà Trung	20° 02' 24"	105° 53' 43"						F-48-92-D-d	
thôn Thanh Sơn	DC	xã Hà Thanh	H. Hà Trung	20° 02' 15"	105° 53' 46"						F-48-92-D-d	
thôn Thanh Tân	DC	xã Hà Thanh	H. Hà Trung	20° 02' 10"	105° 53' 23"						F-48-92-D-d	
thôn Thanh Trung	DC	xã Hà Thanh	H. Hà Trung	20° 02' 49"	105° 53' 44"						F-48-92-D-d	
thôn Thanh Yên	DC	xã Hà Thanh	H. Hà Trung	20° 02' 40"	105° 53' 44"						F-48-92-D-d	
Sông Tống	TV	xã Hà Thanh	H. Hà Trung			20° 03' 36"	105° 52' 30"	20° 02' 42"	105° 54' 43"		F-48-92-D-d	
thôn Bái Sậy	DC	xã Hà Tiến	H. Hà Trung	20° 02' 24"	105° 46' 52"						F-48-92-D-c	
thôn Bái Sơn	DC	xã Hà Tiến	H. Hà Trung	20° 02' 42"	105° 48' 04"						F-48-92-D-c	
thôn Bồng Sơn	DC	xã Hà Tiến	H. Hà Trung	20° 03' 17"	105° 46' 16"						F-48-92-D-c	
thôn Cẩm Sơn	DC	xã Hà Tiến	H. Hà Trung	20° 03' 42"	105° 46' 08"						F-48-92-D-c	
Hang Chùa	SV	xã Hà Tiến	H. Hà Trung	20° 02' 17"	105° 47' 13"						F-48-92-D-c	
thôn Đàm Sen	DC	xã Hà Tiến	H. Hà Trung	20° 02' 23"	105° 47' 17"						F-48-92-D-c	
thôn Đồng Bồng	DC	xã Hà Tiến	H. Hà Trung	20° 03' 35"	105° 47' 24"						F-48-92-D-c	
đồi Đồng Hang	SV	xã Hà Tiến	H. Hà Trung	20° 02' 30"	105° 45' 43"						F-48-92-D-c	
thôn Đồng Ó	DC	xã Hà Tiến	H. Hà Trung	20° 03' 24"	105° 47' 53"						F-48-92-D-c	
thôn Đồng Tiến	DC	xã Hà Tiến	H. Hà Trung	20° 03' 05"	105° 47' 20"						F-48-92-D-c	
núi Hang Càn	SV	xã Hà Tiến	H. Hà Trung	20° 02' 44"	105° 46' 26"						F-48-92-D-c	
núi Hang Dồn	SV	xã Hà Tiến	H. Hà Trung	20° 03' 14"	105° 46' 59"						F-48-92-D-c	
Sông Hoạt	TV	xã Hà Tiến	H. Hà Trung			20° 04' 39"	105° 46' 51"	20° 02' 21"	105° 54' 29"		F-48-92-D-c	
thôn Hương Đạm	DC	xã Hà Tiến	H. Hà Trung	20° 03' 00"	105° 46' 23"						F-48-92-D-c	
núi Lục Sung	SV	xã Hà Tiến	H. Hà Trung	20° 03' 42"	105° 45' 07"						F-48-92-D-c	
núi Mũi Ngai	SV	xã Hà Tiến	H. Hà Trung	20° 03' 12"	105° 45' 50"						F-48-92-D-c	
đồi Ông Thánh	SV	xã Hà Tiến	H. Hà Trung	20° 04' 09"	105° 45' 54"						F-48-92-D-c	
suối Vạn Bảo	TV	xã Hà Tiến	H. Hà Trung			20° 06' 28"	105° 46' 44"	20° 04' 39"	105° 46' 51"		F-48-92-D-c	
thôn Yên Phú	DC	xã Hà Tiến	H. Hà Trung	20° 04' 07"	105° 46' 16"						F-48-92-D-c	

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	
thôn 1	DC	xã Hà Toại	H. Hà Trung	19° 58' 19"	105° 53' 53"					E-48-8-B-b
thôn 2	DC	xã Hà Toại	H. Hà Trung	19° 57' 57"	105° 54' 18"					E-48-8-B-b
thôn 3	DC	xã Hà Toại	H. Hà Trung	19° 58' 21"	105° 54' 41"					E-48-8-B-b
thôn 4	DC	xã Hà Toại	H. Hà Trung	19° 58' 29"	105° 54' 42"					E-48-8-B-b
thôn 5	DC	xã Hà Toại	H. Hà Trung	19° 58' 36"	105° 54' 26"					E-48-8-B-b
đường tỉnh 508	KX	xã Hà Toại	H. Hà Trung			20° 00' 29"	105° 50' 53"	19° 59' 44"	105° 57' 50"	E-48-8-B-b
Làng Bương	DC	xã Hà Toại	H. Hà Trung	19° 57' 57"	105° 54' 18"					E-48-8-B-b
Làng Độ	DC	xã Hà Toại	H. Hà Trung	19° 58' 19"	105° 53' 53"					E-48-8-B-b
Sông Hoạt	TV	xã Hà Toại	H. Hà Trung			20° 03' 40"	106° 01' 30"	19° 58' 20"	105° 55' 15"	E-48-8-B-b
Sông Lèn	TV	xã Hà Toại	H. Hà Trung			19° 57' 31"	105° 45' 38"	19° 57' 07"	106° 00' 04"	E-48-8-B-b
Sông Tống	TV	xã Hà Văn	H. Hà Trung			20° 03' 36"	105° 52' 30"	20° 02' 42"	105° 54' 43"	F-48-92-D-d
thôn Văn Cẩm	DC	xã Hà Văn	H. Hà Trung	20° 02' 46"	105° 52' 41"					F-48-92-D-d
thôn Văn Điền	DC	xã Hà Văn	H. Hà Trung	20° 02' 16"	105° 52' 01"					F-48-92-D-c
thôn Văn Hưng	DC	xã Hà Văn	H. Hà Trung	20° 02' 28"	105° 52' 41"					F-48-92-D-c
thôn Văn Thu	DC	xã Hà Văn	H. Hà Trung	20° 02' 44"	105° 52' 20"					F-48-92-D-c
thôn Văn Trụ	DC	xã Hà Văn	H. Hà Trung	20° 02' 42"	105° 52' 34"					F-48-92-D-d
đồi Văn Xá	SV	xã Hà Văn	H. Hà Trung	20° 02' 45"	105° 52' 12"					F-48-92-D-c
thôn Văn Xá	DC	xã Hà Văn	H. Hà Trung	20° 02' 55"	105° 52' 19"					F-48-92-D-c
thôn Văn Yên	DC	xã Hà Văn	H. Hà Trung	20° 02' 01"	105° 52' 01"					F-48-92-D-c
thôn 1	DC	xã Hà Vinh	H. Hà Trung	20° 03' 51"	105° 55' 09"					F-48-92-D-d
thôn 2	DC	xã Hà Vinh	H. Hà Trung	20° 03' 37"	105° 55' 16"					F-48-92-D-d
thôn 3	DC	xã Hà Vinh	H. Hà Trung	20° 02' 48"	105° 55' 35"					F-48-92-D-d
thôn 4	DC	xã Hà Vinh	H. Hà Trung	20° 03' 20"	105° 56' 03"					F-48-92-D-d
thôn 5	DC	xã Hà Vinh	H. Hà Trung	20° 02' 49"	105° 56' 12"					F-48-92-D-d
thôn 7	DC	xã Hà Vinh	H. Hà Trung	20° 02' 50"	105° 57' 00"					F-48-92-D-d
thôn 8	DC	xã Hà Vinh	H. Hà Trung	20° 03' 19"	105° 57' 37"					F-48-92-D-d
thôn 9	DC	xã Hà Vinh	H. Hà Trung	20° 03' 44"	105° 56' 53"					F-48-92-D-d
thôn 10	DC	xã Hà Vinh	H. Hà Trung	20° 04' 00"	105° 56' 39"					F-48-92-D-d
thôn 11	DC	xã Hà Vinh	H. Hà Trung	20° 03' 56"	105° 56' 07"					F-48-92-D-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng								Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối				
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ			
				(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)			
thôn 12	DC	xã Hà Vinh	H. Hà Trung	20° 04' 03"	105° 55' 37"						F-48-92-D-d	
Đồi Cốc	SV	xã Hà Vinh	H. Hà Trung	20° 03' 54"	105° 56' 13"						F-48-92-D-d	
làng Đại Lợi	DC	xã Hà Vinh	H. Hà Trung	20° 02' 57"	105° 55' 34"						F-48-92-D-d	
làng Đông Thị	DC	xã Hà Vinh	H. Hà Trung	20° 02' 51"	105° 56' 10"						F-48-92-D-d	
Sông Hoạt	TV	xã Hà Vinh	H. Hà Trung			20° 03' 40"	106° 01' 30"	19° 58' 20"	105° 55' 15"		F-48-92-D-d	
Núi Lồng	SV	xã Hà Vinh	H. Hà Trung	20° 03' 41"	105° 56' 35"						F-48-92-D-d	
làng Lương Thôn	DC	xã Hà Vinh	H. Hà Trung	20° 03' 20"	105° 56' 02"						F-48-92-D-d	
đồi Mảnh Đan	SV	xã Hà Vinh	H. Hà Trung	20° 04' 15"	105° 56' 10"						F-48-92-D-d	
làng Tân Vinh	DC	xã Hà Vinh	H. Hà Trung	20° 04' 00"	105° 56' 31"						F-48-92-D-d	
quốc lộ 1A	KX	xã Hà Yên	H. Hà Trung			20° 08' 01"	105° 51' 32"	19° 18' 42"	105° 43' 16"		F-48-92-D-c	
thôn 1	DC	xã Hà Yên	H. Hà Trung	20° 02' 55"	105° 49' 19"						F-48-92-D-c	
thôn 2	DC	xã Hà Yên	H. Hà Trung	20° 02' 56"	105° 49' 37"						F-48-92-D-c	
thôn 3	DC	xã Hà Yên	H. Hà Trung	20° 02' 58"	105° 49' 44"						F-48-92-D-c	
thôn 4	DC	xã Hà Yên	H. Hà Trung	20° 03' 00"	105° 49' 59"						F-48-92-D-c	
thôn 5	DC	xã Hà Yên	H. Hà Trung	20° 02' 33"	105° 50' 33"						F-48-92-D-c	
thôn 6	DC	xã Hà Yên	H. Hà Trung	20° 02' 25"	105° 50' 34"			20° 02' 51"	105° 50' 40"	105° 51' 43"	F-48-92-D-c	
sông Chiêu Bạch	TV	xã Hà Yên	H. Hà Trung								F-48-92-D-c	
Cầu Cừ	KX	xã Hà Yên	H. Hà Trung	20° 02' 52"	105° 50' 38"						F-48-92-D-c	
Sông Hoạt	TV	xã Hà Yên	H. Hà Trung			20° 04' 39"	105° 46' 51"	20° 02' 21"	105° 54' 29"		F-48-92-D-c	
khu 1	DC	TT. Hậu Lộc	H. Hậu Lộc	19° 54' 50"	105° 53' 02"						E-48-8-B-b	
khu 2	DC	TT. Hậu Lộc	H. Hậu Lộc	19° 54' 54"	105° 53' 10"						E-48-8-B-b	
khu 3	DC	TT. Hậu Lộc	H. Hậu Lộc	19° 54' 20"	105° 53' 21"						E-48-8-B-b	
khu 4	DC	TT. Hậu Lộc	H. Hậu Lộc	19° 55' 28"	105° 53' 30"						E-48-8-B-b	
khu 5	DC	TT. Hậu Lộc	H. Hậu Lộc	19° 54' 54"	105° 52' 48"						E-48-8-B-b	
khu 6	DC	TT. Hậu Lộc	H. Hậu Lộc	19° 54' 17"	105° 53' 06"						E-48-8-B-b	
quốc lộ 10	KX	TT. Hậu Lộc	H. Hậu Lộc			20° 03' 48"	106° 02' 24"	19° 51' 05"	105° 48' 00"		E-48-8-B-b	
sông Trà Giang	TV	TT. Hậu Lộc	H. Hậu Lộc			19° 57' 47"	105° 54' 12"	19° 53' 38"	105° 51' 47"		E-48-8-B-b	
cầu Do Hạ	KX	TT. Hậu Lộc	H. Hậu Lộc	19° 55' 10"	105° 53' 31"						E-48-8-B-b	
Sông Mới	TV	TT. Hậu Lộc	H. Hậu Lộc			19° 55' 15"	105° 53' 17"	19° 53' 23"	105° 54' 01"		E-48-8-B-b	

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	
mường 10 Xã	TV	xã Cầu Lọc	H. Hậu Lộc			19° 58' 07"	105° 49' 12"	19° 57' 28"	105° 53' 53"	E-48-8-B-a, E-48-8-B-b
thôn Cầu Hoà	DC	xã Cầu Lọc	H. Hậu Lộc	19° 57' 37"	105° 51' 47"					E-48-8-B-a
thôn Cầu Tài	DC	xã Cầu Lọc	H. Hậu Lộc	19° 57' 19"	105° 52' 19"					E-48-8-B-a
thôn Cầu Thành	DC	xã Cầu Lọc	H. Hậu Lộc	19° 57' 45"	105° 51' 58"					E-48-8-B-a
thôn Cầu Thọ	DC	xã Cầu Lọc	H. Hậu Lộc	19° 57' 43"	105° 52' 12"					E-48-8-B-a
thôn Đông Sơn	DC	xã Cầu Lọc	H. Hậu Lộc	19° 57' 49"	105° 52' 23"					E-48-8-B-b
thôn Đông Tân	DC	xã Cầu Lọc	H. Hậu Lộc	19° 57' 05"	105° 52' 48"					E-48-8-B-a
thôn Đông Thành	DC	xã Cầu Lọc	H. Hậu Lộc	19° 57' 55"	105° 52' 23"					E-48-8-B-a
thôn Đông Thịnh	DC	xã Cầu Lọc	H. Hậu Lộc	19° 57' 57"	105° 52' 16"			19° 57' 07"	106° 00' 04"	E-48-8-B-a, E-48-8-B-a
Sông Lèn	TV	xã Cầu Lọc	H. Hậu Lộc			19° 57' 31"	105° 45' 38"			E-48-8-B-a
núi Sơn Đông	SV	xã Cầu Lọc	H. Hậu Lộc	19° 57' 37"	105° 51' 25"					E-48-8-B-b
thôn Thiệu Hưng	DC	xã Cầu Lọc	H. Hậu Lộc	19° 57' 59"	105° 53' 02"					E-48-8-B-a
thôn Thiệu Huy	DC	xã Cầu Lọc	H. Hậu Lộc	19° 58' 36"	105° 52' 23"					E-48-8-B-a
thôn Thiệu Quang	DC	xã Cầu Lọc	H. Hậu Lộc	19° 58' 46"	105° 52' 12"					E-48-8-B-b
thôn Thiệu Trung	DC	xã Cầu Lọc	H. Hậu Lộc	19° 58' 34"	105° 52' 34"					E-48-8-B-a
thôn Thiệu Văn	DC	xã Cầu Lọc	H. Hậu Lộc	19° 58' 41"	105° 52' 16"					E-48-8-B-a
mường 10 Xã	TV	xã Châu Lọc	H. Hậu Lộc			19° 58' 07"	105° 49' 12"	19° 57' 28"	105° 53' 53"	E-48-8-B-a E-48-8-B-a
Núi Bái	SV	xã Châu Lọc	H. Hậu Lộc	19° 57' 13"	105° 46' 24"					E-48-8-B-a
thôn Châu Từ 1	DC	xã Châu Lọc	H. Hậu Lộc	19° 57' 24"	105° 48' 42"					E-48-8-B-a
thôn Châu Từ 2	DC	xã Châu Lọc	H. Hậu Lộc	19° 57' 07"	105° 48' 26"					E-48-8-B-a
Đền Hàn	KX	xã Châu Lọc	H. Hậu Lộc	19° 57' 13"	105° 46' 55"					E-48-8-B-a
Sông Lèn	TV	xã Châu Lọc	H. Hậu Lộc			19° 57' 31"	105° 45' 38"	19° 57' 07"	106° 00' 04"	E-48-8-B-a E-48-8-B-a
Núi Mai	SV	xã Châu Lọc	H. Hậu Lộc	19° 57' 27"	105° 49' 23"					E-48-8-B-a
thôn Quyết Thắng	DC	xã Châu Lọc	H. Hậu Lộc	19° 57' 53"	105° 48' 50"					E-48-8-B-a
núi Rừng Xanh	SV	xã Châu Lọc	H. Hậu Lộc	19° 57' 05"	105° 48' 18"					E-48-8-B-a
thôn Tam Đa	DC	xã Châu Lọc	H. Hậu Lộc	19° 56' 46"	105° 47' 24"					E-48-8-B-a
thôn Tam Phong 1	DC	xã Châu Lọc	H. Hậu Lộc	19° 57' 14"	105° 47' 31"					E-48-8-B-a
thôn Tam Phong 2	DC	xã Châu Lọc	H. Hậu Lộc	19° 57' 05"	105° 47' 13"					E-48-8-B-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng								Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối				
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ			
				(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)			
núi Xuân Tu	SV	xã Châu Lộc	H. Hậu Lộc	19° 56' 42"	105° 47' 02"						E-48-8-B-a	
thôn Đông Hải	DC	xã Đa Lộc	H. Hậu Lộc	19° 56' 49"	105° 58' 19"						E-48-8-B-b	
thôn Đông Hoà	DC	xã Đa Lộc	H. Hậu Lộc	19° 57' 14"	105° 58' 23"						E-48-8-B-b	
thôn Đông Tân	DC	xã Đa Lộc	H. Hậu Lộc	19° 57' 03"	105° 58' 59"						E-48-8-B-b	
thôn Đông Thành	DC	xã Đa Lộc	H. Hậu Lộc	19° 57' 14"	105° 58' 37"						E-48-8-B-b	
thôn Hùng Thành	DC	xã Đa Lộc	H. Hậu Lộc	19° 57' 59"	105° 59' 20"						E-48-8-B-b	
Sông Lèn	TV	xã Đa Lộc	H. Hậu Lộc			19° 57' 31"	105° 45' 38"	19° 57' 07"	106° 00' 04"		E-48-8-B-b, E-48-9-A-a	
thôn Mỹ Điền	DC	xã Đa Lộc	H. Hậu Lộc	19° 57' 17"	105° 57' 50"						E-48-8-B-b	
thôn Ninh Phú	DC	xã Đa Lộc	H. Hậu Lộc	19° 56' 28"	105° 58' 16"						E-48-8-B-b	
Lạch Sung	TV	xã Đa Lộc	H. Hậu Lộc			19° 57' 07"	106° 00' 04"	19° 56' 40"	106° 00' 09"		E-48-8-B-b, E-48-9-A-a	
thôn Vạn Thắng	DC	xã Đa Lộc	H. Hậu Lộc	19° 56' 42"	105° 57' 58"						E-48-8-B-b	
thôn Yên Đông	DC	xã Đa Lộc	H. Hậu Lộc	19° 57' 36"	105° 58' 59"						E-48-8-B-b	
thôn Yên Lộc	DC	xã Đa Lộc	H. Hậu Lộc	19° 57' 48"	105° 59' 17"						E-48-8-B-b	
quốc lộ 1A	KX	xã Đại Lộc	H. Hậu Lộc								E-48-8-B-b	
mương 10 Xã	TV	xã Đại Lộc	H. Hậu Lộc			20° 08' 01"	105° 51' 32"	19° 18' 42"	105° 43' 16"		E-48-8-B-a	
kênh B3	TV	xã Đại Lộc	H. Hậu Lộc			19° 58' 07"	105° 49' 12"	19° 57' 28"	105° 53' 53"		E-48-8-B-a	
Sông Lèn	TV	xã Đại Lộc	H. Hậu Lộc			19° 58' 18"	105° 50' 42"	19° 56' 43"	105° 49' 02"		E-48-8-B-a	
Núi Mai	SV	xã Đại Lộc	H. Hậu Lộc	19° 57' 27"	105° 49' 23"						E-48-8-B-a	
làng Ngọc Trĩ	DC	xã Đại Lộc	H. Hậu Lộc	19° 58' 30"	105° 50' 17"						E-48-8-B-a	
làng Phú Lý	DC	xã Đại Lộc	H. Hậu Lộc	19° 57' 57"	105° 49' 44"						E-48-8-B-a	
làng Phú Ngọc	DC	xã Đại Lộc	H. Hậu Lộc	19° 57' 17"	105° 49' 44"						E-48-8-B-a	
làng Tân Thành	DC	xã Đại Lộc	H. Hậu Lộc	19° 57' 28"	105° 50' 10"						E-48-8-B-a	
làng Y Ngó	DC	xã Đại Lộc	H. Hậu Lộc	19° 58' 18"	105° 50' 02"						E-48-8-B-a	
quốc lộ 1A	KX	xã Đồng Lộc	H. Hậu Lộc			20° 08' 01"	105° 51' 32"	19° 18' 42"	105° 43' 16"		E-48-8-B-a	
thôn 1	DC	xã Đồng Lộc	H. Hậu Lộc	19° 58' 36"	105° 50' 33"						E-48-8-B-a	
thôn 2	DC	xã Đồng Lộc	H. Hậu Lộc	19° 58' 35"	105° 50' 43"						E-48-8-B-a	
thôn 3	DC	xã Đồng Lộc	H. Hậu Lộc	19° 58' 37"	105° 50' 53"						E-48-8-B-a	
thôn 4	DC	xã Đồng Lộc	H. Hậu Lộc	19° 58' 30"	105° 51' 36"						E-48-8-B-a	

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng								Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối				
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	
thôn 5	DC	xã Đồng Lộc	H. Hậu Lộc	19° 58' 23"	105° 51' 29"							E-48-8-B-a
thôn 6	DC	xã Đồng Lộc	H. Hậu Lộc	19° 58' 20"	105° 51' 14"							E-48-8-B-a
thôn 7	DC	xã Đồng Lộc	H. Hậu Lộc	19° 58' 09"	105° 51' 28"							E-48-8-B-a
Cầu Lèn	KX	xã Đồng Lộc	H. Hậu Lộc	19° 58' 49"	105° 50' 31"			19° 57' 31"	105° 45' 38"	19° 57' 07"	106° 00' 04"	E-48-8-B-a
Sông Lèn	TV	xã Đồng Lộc	H. Hậu Lộc									E-48-8-B-b
thôn Đa Phạn	DC	xã Hải Lộc	H. Hậu Lộc	19° 54' 33"	105° 56' 48"							E-48-8-B-b
Sông De	TV	xã Hải Lộc	H. Hậu Lộc					19° 56' 23"	105° 56' 17"	19° 53' 25"	105° 56' 18"	E-48-8-B-b
thôn Hưng Thái	DC	xã Hải Lộc	H. Hậu Lộc	19° 54' 45"	105° 56' 48"							E-48-8-B-b
cửa Lạch Trường	TV	xã Hải Lộc	H. Hậu Lộc	19° 53' 19"	105° 56' 43"							E-48-8-B-b
sông Lạch Trường	TV	xã Hải Lộc	H. Hậu Lộc					19° 51' 10"	105° 47' 13"	19° 53' 19"	105° 56' 43"	E-48-8-B-(b,d)
thôn Lạch Trường	DC	xã Hải Lộc	H. Hậu Lộc	19° 54' 25"	105° 56' 49"							E-48-8-B-b
thôn Lộc Tiên	DC	xã Hải Lộc	H. Hậu Lộc	19° 54' 08"	105° 56' 43"							E-48-8-B-b
thôn Tân Lộc	DC	xã Hải Lộc	H. Hậu Lộc	19° 54' 16"	105° 56' 46"							E-48-8-B-b
thôn Thắng Hùng	DC	xã Hải Lộc	H. Hậu Lộc	19° 54' 45"	105° 56' 53"							E-48-8-B-b
thôn Trường Nam	DC	xã Hải Lộc	H. Hậu Lộc	19° 53' 43"	105° 56' 22"							E-48-8-B-b
thôn Y Bích	DC	xã Hải Lộc	H. Hậu Lộc	19° 53' 58"	105° 56' 47"							E-48-8-B-b
thôn 1	DC	xã Hoa Lộc	H. Hậu Lộc	19° 56' 09"	105° 55' 34"							E-48-8-B-b
thôn 2	DC	xã Hoa Lộc	H. Hậu Lộc	19° 56' 01"	105° 55' 29"							E-48-8-B-b
thôn 3	DC	xã Hoa Lộc	H. Hậu Lộc	19° 55' 49"	105° 55' 23"							E-48-8-B-b
thôn 4	DC	xã Hoa Lộc	H. Hậu Lộc	19° 55' 39"	105° 55' 22"							E-48-8-B-b
thôn 5	DC	xã Hoa Lộc	H. Hậu Lộc	19° 55' 45"	105° 55' 12"							E-48-8-B-b
thôn 6	DC	xã Hoa Lộc	H. Hậu Lộc	19° 55' 56"	105° 54' 53"							E-48-8-B-b
thôn 7	DC	xã Hoa Lộc	H. Hậu Lộc	19° 55' 56"	105° 54' 46"							E-48-8-B-b
thôn 8	DC	xã Hoa Lộc	H. Hậu Lộc	19° 55' 37"	105° 54' 07"							E-48-8-B-b
thôn 9	DC	xã Hoa Lộc	H. Hậu Lộc	19° 55' 47"	105° 55' 59"							E-48-8-B-b
quốc lộ 10	KX	xã Hoa Lộc	H. Hậu Lộc					20° 03' 48"	106° 02' 24"	19° 51' 05"	105° 48' 00"	E-48-8-B-b
sông Trà Giang	TV	xã Hoa Lộc	H. Hậu Lộc					19° 57' 47"	105° 54' 12"	19° 53' 38"	105° 51' 47"	E-48-8-B-b
kênh 5 Xã	TV	xã Hoa Lộc	H. Hậu Lộc					19° 56' 00"	105° 54' 13"	19° 53' 19"	105° 54' 36"	E-48-8-B-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	
cầu Đầm Giỏ	KX	xã Hoa Lộc	H. Hậu Lộc	19° 55' 53"	105° 54' 29"					E-48-8-B-b
Cầu De	KX	xã Hoa Lộc	H. Hậu Lộc	19° 55' 45"	105° 56' 06"					E-48-8-B-b
Sông De	TV	xã Hoa Lộc	H. Hậu Lộc			19° 56' 23"	105° 56' 17"	19° 53' 25"	105° 56' 18"	E-48-8-B-b
cửa Lạch Trường	TV	xã Hoà Lộc	H. Hậu Lộc	19° 53' 19"	105° 56' 43"					E-48-8-B-b
thôn 1 Bái Trung	DC	xã Hoà Lộc	H. Hậu Lộc	19° 54' 23"	105° 55' 03"					E-48-8-B-b
thôn 1 Tam Hoà	DC	xã Hoà Lộc	H. Hậu Lộc	19° 53' 41"	105° 55' 47"					E-48-8-B-b
thôn 2 Bái Trung	DC	xã Hoà Lộc	H. Hậu Lộc	19° 54' 12"	105° 55' 12"					E-48-8-B-b
thôn 2 Tam Hoà	DC	xã Hoà Lộc	H. Hậu Lộc	19° 53' 40"	105° 55' 52"					E-48-8-B-b
thôn 3 Bái Trung	DC	xã Hoà Lộc	H. Hậu Lộc	19° 53' 59"	105° 55' 09"					E-48-8-B-b
thôn 4 Xuân Tiến	DC	xã Hoà Lộc	H. Hậu Lộc	19° 54' 08"	105° 55' 49"					E-48-8-B-b
kênh 5 Xã	TV	xã Hoà Lộc	H. Hậu Lộc			19° 56' 00"	105° 54' 13"	19° 53' 19"	105° 54' 36"	E-48-8-B-b
thôn 5 Xuân Tiến	DC	xã Hoà Lộc	H. Hậu Lộc	19° 54' 20"	105° 55' 51"					E-48-8-B-b
Sông De	TV	xã Hoà Lộc	H. Hậu Lộc			19° 56' 23"	105° 56' 17"	19° 53' 25"	105° 56' 18"	E-48-8-B-b
thôn Hoà Hải	DC	xã Hoà Lộc	H. Hậu Lộc	19° 53' 34"	105° 55' 37"					E-48-8-B-b
thôn Hoà Ngự	DC	xã Hoà Lộc	H. Hậu Lộc	19° 53' 23"	105° 55' 30"					E-48-8-B-b
thôn Hoà Phú	DC	xã Hoà Lộc	H. Hậu Lộc	19° 53' 29"	105° 55' 56"					E-48-8-B-b
sông Lạch Trường	TV	xã Hoà Lộc	H. Hậu Lộc			19° 51' 10"	105° 47' 13"	19° 53' 19"	105° 56' 43"	E-48-8-B-b
thôn Nam Huân	DC	xã Hoà Lộc	H. Hậu Lộc	19° 53' 39"	105° 55' 23"					E-48-8-B-b
thôn Tam Thắng	DC	xã Hoà Lộc	H. Hậu Lộc	19° 53' 31"	105° 55' 43"					E-48-8-B-b
thôn Xuân Tiến 5	DC	xã Hoà Lộc	H. Hậu Lộc	19° 54' 12"	105° 55' 52"					E-48-8-B-b
Sông De	TV	xã Hưng Lộc	H. Hậu Lộc			19° 56' 23"	105° 56' 17"	19° 53' 25"	105° 56' 18"	E-48-8-B-b
thôn Đông Hoà	DC	xã Hưng Lộc	H. Hậu Lộc	19° 56' 48"	105° 57' 10"					E-48-8-B-b
thôn Hưng Bắc	DC	xã Hưng Lộc	H. Hậu Lộc	19° 56' 10"	105° 57' 54"					E-48-8-B-b
Sông Lèn	TV	xã Hưng Lộc	H. Hậu Lộc			19° 57' 31"	105° 45' 38"	19° 57' 07"	106° 00' 04"	E-48-8-B-b
thôn Phú Hoà	DC	xã Hưng Lộc	H. Hậu Lộc	19° 56' 07"	105° 57' 40"					E-48-8-B-b
thôn Phú Nhi	DC	xã Hưng Lộc	H. Hậu Lộc	19° 56' 09"	105° 56' 35"					E-48-8-B-b
thôn Phú Vượng	DC	xã Hưng Lộc	H. Hậu Lộc	19° 56' 04"	105° 57' 33"					E-48-8-B-b
thôn Phú Xuân	DC	xã Hưng Lộc	H. Hậu Lộc	19° 56' 07"	105° 57' 23"					E-48-8-B-b
thôn Tân Hưng	DC	xã Hưng Lộc	H. Hậu Lộc	19° 56' 07"	105° 57' 46"					E-48-8-B-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng								Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối				
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ			
				(Độ,phút,gây)	(Độ,phút,gây)	(Độ,phút,gây)	(Độ,phút,gây)	(Độ,phút,gây)	(Độ,phút,gây)			
thôn Tây Hoà	DC	xã Hưng Lộc	H. Hậu Lộc	19° 56' 46"	105° 56' 58"						E-48-8-B-b	
thôn Thái Hoà	DC	xã Hưng Lộc	H. Hậu Lộc	19° 56' 40"	105° 57' 12"						E-48-8-B-b	
thôn Yên Hoà	DC	xã Hưng Lộc	H. Hậu Lộc	19° 56' 25"	105° 57' 11"						E-48-8-B-b	
thôn Yên Mỹ	DC	xã Hưng Lộc	H. Hậu Lộc	19° 56' 37"	105° 56' 56"						E-48-8-B-b	
thôn Yên Thịnh	DC	xã Hưng Lộc	H. Hậu Lộc	19° 56' 30"	105° 56' 53"						E-48-8-B-b	
thôn 1	DC	xã Liên Lộc	H. Hậu Lộc	19° 56' 28"	105° 54' 43"						E-48-8-B-b	
thôn 2	DC	xã Liên Lộc	H. Hậu Lộc	19° 56' 47"	105° 54' 40"						E-48-8-B-b	
thôn 3	DC	xã Liên Lộc	H. Hậu Lộc	19° 56' 48"	105° 55' 05"						E-48-8-B-b	
thôn 4	DC	xã Liên Lộc	H. Hậu Lộc	19° 56' 57"	105° 55' 02"						E-48-8-B-b	
thôn 5	DC	xã Liên Lộc	H. Hậu Lộc	19° 56' 27"	105° 55' 02"						E-48-8-B-b	
thôn 6	DC	xã Liên Lộc	H. Hậu Lộc	19° 56' 29"	105° 55' 08"						E-48-8-B-b	
thôn 7	DC	xã Liên Lộc	H. Hậu Lộc	19° 56' 39"	105° 55' 38"						E-48-8-B-b	
thôn 8	DC	xã Liên Lộc	H. Hậu Lộc	19° 56' 52"	105° 55' 37"						E-48-8-B-b	
thôn 9	DC	xã Liên Lộc	H. Hậu Lộc	19° 56' 32"	105° 54' 12"						E-48-8-B-b	
quốc lộ 10	KX	xã Liên Lộc	H. Hậu Lộc			20° 03' 48"	106° 02' 24"	19° 51' 05"	105° 48' 00"		E-48-8-B-b	
sông Trà Giang	TV	xã Liên Lộc	H. Hậu Lộc			19° 57' 47"	105° 54' 12"	19° 53' 38"	105° 51' 47"		E-48-8-B-b	
Sông De	TV	xã Liên Lộc	H. Hậu Lộc			19° 56' 23"	105° 56' 17"	19° 53' 25"	105° 56' 18"		E-48-8-B-b	
Làng Giang	DC	xã Liên Lộc	H. Hậu Lộc	19° 56' 47"	105° 54' 40"						E-48-8-B-b	
làng Khoa Trì	DC	xã Liên Lộc	H. Hậu Lộc	19° 56' 32"	105° 55' 34"						E-48-8-B-b	
Sông Lèn	TV	xã Liên Lộc	H. Hậu Lộc			19° 57' 31"	105° 45' 38"	19° 57' 07"	106° 00' 04"		E-48-8-B-b	
làng Liên Hoa	DC	xã Liên Lộc	H. Hậu Lộc	19° 56' 48"	105° 55' 05"						E-48-8-B-b	
làng Liên Trường	DC	xã Liên Lộc	H. Hậu Lộc	19° 56' 57"	105° 55' 02"						E-48-8-B-b	
làng Miến Nhị	DC	xã Liên Lộc	H. Hậu Lộc	19° 56' 28"	105° 54' 43"						E-48-8-B-b	
Cầu phao Thắm	KX	xã Liên Lộc	H. Hậu Lộc	19° 56' 56"	105° 55' 40"						E-48-8-B-b	
Làng Thắm	DC	xã Liên Lộc	H. Hậu Lộc	19° 56' 52"	105° 55' 37"						E-48-8-B-b	
sông Trà Giang	TV	xã Lộc Sơn	H. Hậu Lộc			19° 57' 47"	105° 54' 12"	19° 53' 38"	105° 51' 47"		E-48-8-B-a	
thôn Đại Thống	DC	xã Lộc Sơn	H. Hậu Lộc	19° 55' 30"	105° 52' 14"						E-48-8-B-a	
thôn Hồ Cừ	DC	xã Lộc Sơn	H. Hậu Lộc	19° 55' 21"	105° 52' 07"						E-48-8-B-a	
thôn Khánh Vượng 1	DC	xã Lộc Sơn	H. Hậu Lộc	19° 55' 26"	105° 51' 36"						E-48-8-B-a	

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng								Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối				
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ,phút,gây)	(Độ,phút,gây)	(Độ,phút,gây)	(Độ,phút,gây)	(Độ,phút,gây)	(Độ,phút,gây)	(Độ,phút,gây)	(Độ,phút,gây)	
thôn Khánh Vượng 2	DC	xã Lộc Sơn	H. Hậu Lộc	19° 55' 30"	105° 51' 47"							E-48-8-B-a
thôn La Mát 1	DC	xã Lộc Sơn	H. Hậu Lộc	19° 56' 38"	105° 52' 05"							E-48-8-B-a
thôn La Mát 2	DC	xã Lộc Sơn	H. Hậu Lộc	19° 56' 40"	105° 52' 34"							E-48-8-B-a
thôn Linh Long	DC	xã Lộc Sơn	H. Hậu Lộc	19° 55' 29"	105° 51' 56"							E-48-8-B-a
thôn Phúc Thọ	DC	xã Lộc Sơn	H. Hậu Lộc	19° 55' 27"	105° 52' 05"							E-48-8-B-a
sông Trà Giang	TV	xã Lộc Tân	H. Hậu Lộc			19° 57' 47"	105° 54' 12"	19° 53' 38"	105° 51' 47"			E-48-8-B-a, E-48-8-B-b
thôn Công Minh	DC	xã Lộc Tân	H. Hậu Lộc	19° 55' 11"	105° 53' 11"							E-48-8-B-b
thôn Đồng Tâm	DC	xã Lộc Tân	H. Hậu Lộc	19° 55' 25"	105° 52' 30"							E-48-8-B-a
thôn Làng Mới	DC	xã Lộc Tân	H. Hậu Lộc	19° 56' 27"	105° 52' 48"							E-48-8-B-b
thôn Minh Tân	DC	xã Lộc Tân	H. Hậu Lộc	19° 56' 03"	105° 53' 17"							E-48-8-B-b
thôn Ngọc Chi	DC	xã Lộc Tân	H. Hậu Lộc	19° 55' 07"	105° 52' 26"							E-48-8-B-a
thôn Ngọc Sơn	DC	xã Lộc Tân	H. Hậu Lộc	19° 55' 02"	105° 52' 24"							E-48-8-B-a
thôn Ngọc Thu	DC	xã Lộc Tân	H. Hậu Lộc	19° 55' 04"	105° 52' 28"							E-48-8-B-a
thôn Phú Cường	DC	xã Lộc Tân	H. Hậu Lộc	19° 54' 54"	105° 52' 34"							E-48-8-B-b
thôn Tân Tiến	DC	xã Lộc Tân	H. Hậu Lộc	19° 55' 25"	105° 52' 32"							E-48-8-B-a
thôn Xuân Đài	DC	xã Lộc Tân	H. Hậu Lộc	19° 55' 36"	105° 52' 54"							E-48-8-B-b
thôn Xuân Kỳ	DC	xã Lộc Tân	H. Hậu Lộc	19° 55' 40"	105° 52' 41"							E-48-8-B-b
thôn Xuân Lộc	DC	xã Lộc Tân	H. Hậu Lộc	19° 55' 43"	105° 52' 42"							E-48-8-B-b
thôn Yên Hoà	DC	xã Lộc Tân	H. Hậu Lộc	19° 55' 19"	105° 53' 13"							E-48-8-B-b
Cầu De	KX	xã Minh Lộc	H. Hậu Lộc	19° 55' 45"	105° 56' 06"							E-48-8-B-b
Sông De	TV	xã Minh Lộc	H. Hậu Lộc			19° 56' 23"	105° 56' 17"	19° 53' 25"	105° 56' 18"			E-48-8-B-b
thôn Minh Đức	DC	xã Minh Lộc	H. Hậu Lộc	19° 55' 00"	105° 56' 56"							E-48-8-B-b
thôn Minh Hải	DC	xã Minh Lộc	H. Hậu Lộc	19° 55' 16"	105° 56' 55"							E-48-8-B-b
thôn Minh Hợp	DC	xã Minh Lộc	H. Hậu Lộc	19° 55' 37"	105° 57' 21"							E-48-8-B-b
thôn Minh Hùng	DC	xã Minh Lộc	H. Hậu Lộc	19° 55' 42"	105° 56' 30"							E-48-8-B-b
thôn Minh Hưng	DC	xã Minh Lộc	H. Hậu Lộc	19° 55' 47"	105° 56' 49"							E-48-8-B-b
thôn Minh Phú	DC	xã Minh Lộc	H. Hậu Lộc	19° 55' 30"	105° 56' 31"							E-48-8-B-b
thôn Minh Phúc	DC	xã Minh Lộc	H. Hậu Lộc	19° 55' 09"	105° 56' 55"							E-48-8-B-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng								Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối				
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ			
				(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)			
thôn Minh Thắng	DC	xã Minh Lộc	H. Hậu Lộc	19° 55' 41"	105° 57' 14"						E-48-8-B-b	
thôn Minh Thanh	DC	xã Minh Lộc	H. Hậu Lộc	19° 55' 34"	105° 56' 52"						E-48-8-B-b	
thôn Minh Thành	DC	xã Minh Lộc	H. Hậu Lộc	19° 55' 16"	105° 56' 28"						E-48-8-B-b	
thôn Minh Thịnh	DC	xã Minh Lộc	H. Hậu Lộc	19° 55' 49"	105° 57' 03"						E-48-8-B-b	
thôn Minh Thọ	DC	xã Minh Lộc	H. Hậu Lộc	19° 55' 32"	105° 57' 11"						E-48-8-B-b	
thôn Minh Tiến	DC	xã Minh Lộc	H. Hậu Lộc	19° 55' 43"	105° 57' 20"						E-48-8-B-b	
quốc lộ 10	KX	xã Mỹ Lộc	H. Hậu Lộc			20° 03' 48"	106° 02' 24"	19° 51' 05"	105° 48' 00"		E-48-8-B-a, E-48-8-B-b	
Sông Áu	TV	xã Mỹ Lộc	H. Hậu Lộc			19° 54' 46"	105° 45' 58"	19° 54' 30"	105° 51' 18"		E-48-8-B-a	
thôn Đại Hữu	DC	xã Mỹ Lộc	H. Hậu Lộc	19° 54' 42"	105° 52' 11"						E-48-8-B-a	
thôn Khoan Hồng	DC	xã Mỹ Lộc	H. Hậu Lộc	19° 54' 35"	105° 51' 36"						E-48-8-B-a	
thôn Liên Hoan	DC	xã Mỹ Lộc	H. Hậu Lộc	19° 55' 12"	105° 50' 56"						E-48-8-B-a	
thôn Liên Minh	DC	xã Mỹ Lộc	H. Hậu Lộc	19° 54' 55"	105° 51' 11"						E-48-8-B-a	
thôn Liên Quý	DC	xã Mỹ Lộc	H. Hậu Lộc	19° 54' 46"	105° 51' 22"						E-48-8-B-a	
thôn Minh Đức	DC	xã Mỹ Lộc	H. Hậu Lộc	19° 54' 58"	105° 51' 32"						E-48-8-B-a	
sông Trà Giang	TV	xã Mỹ Lộc	H. Hậu Lộc			19° 57' 47"	105° 54' 12"	19° 53' 38"	105° 51' 47"		E-48-8-B-a, E-48-8-B-b	
thôn Trần Phú	DC	xã Mỹ Lộc	H. Hậu Lộc	19° 55' 06"	105° 51' 43"						E-48-8-B-a	
thôn Vũ Thành	DC	xã Mỹ Lộc	H. Hậu Lộc	19° 55' 08"	105° 52' 05"						E-48-8-B-a	
thôn Bắc Thọ	DC	xã Ngự Lộc	H. Hậu Lộc	19° 56' 03"	105° 57' 47"						E-48-8-B-b	
thôn Chiến Thắng	DC	xã Ngự Lộc	H. Hậu Lộc	19° 55' 51"	105° 57' 19"						E-48-8-B-b	
thôn Nam Vượng	DC	xã Ngự Lộc	H. Hậu Lộc	19° 56' 00"	105° 57' 43"						E-48-8-B-b	
thôn Thắng Lộc	DC	xã Ngự Lộc	H. Hậu Lộc	19° 55' 51"	105° 57' 34"						E-48-8-B-b	
thôn Thắng Phúc	DC	xã Ngự Lộc	H. Hậu Lộc	19° 55' 50"	105° 57' 25"						E-48-8-B-b	
thôn Thắng Tây	DC	xã Ngự Lộc	H. Hậu Lộc	19° 55' 59"	105° 57' 32"						E-48-8-B-b	
thôn Thành Lập	DC	xã Ngự Lộc	H. Hậu Lộc	19° 55' 42"	105° 57' 24"						E-48-8-B-b	
sông Trà Giang	TV	xã Phong Lộc	H. Hậu Lộc			19° 57' 47"	105° 54' 12"	19° 53' 38"	105° 51' 47"		E-48-8-B-b	
Thôn Cầu	DC	xã Phong Lộc	H. Hậu Lộc	19° 58' 28"	105° 53' 38"						E-48-8-B-b	
Thôn Chùa	DC	xã Phong Lộc	H. Hậu Lộc	19° 58' 43"	105° 53' 38"						E-48-8-B-b	
Sông Lèn	TV	xã Phong Lộc	H. Hậu Lộc			19° 57' 31"	105° 45' 38"	19° 57' 07"	106° 00' 04"		E-48-8-B-b	

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng								Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối				
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ			
				(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)			
thôn Lộc Động	DC	xã Phong Lộc	H. Hậu Lộc	19° 57' 35"	105° 53' 56"						E-48-8-B-b	
Thôn Ngòi	DC	xã Phong Lộc	H. Hậu Lộc	19° 58' 27"	105° 53' 28"						E-48-8-B-b	
thôn Phú Lạc	DC	xã Phong Lộc	H. Hậu Lộc	19° 58' 36"	105° 53' 06"						E-48-8-B-b	
thôn Bái Cù	DC	xã Phú Lộc	H. Hậu Lộc	19° 54' 39"	105° 55' 04"						E-48-8-B-b	
Cầu De	KX	xã Phú Lộc	H. Hậu Lộc	19° 55' 45"	105° 56' 06"						E-48-8-B-b	
Sông De	TV	xã Phú Lộc	H. Hậu Lộc			19° 56' 23"	105° 56' 17"	19° 53' 25"	105° 56' 18"		E-48-8-B-b	
thôn Đồng Hóp	DC	xã Phú Lộc	H. Hậu Lộc	19° 54' 41"	105° 54' 25"						E-48-8-B-b	
Thôn Giữa	DC	xã Phú Lộc	H. Hậu Lộc	19° 55' 16"	105° 55' 01"						E-48-8-B-b	
Thôn Hậu	DC	xã Phú Lộc	H. Hậu Lộc	19° 55' 26"	105° 55' 05"						E-48-8-B-b	
kênh Năm Xá	TV	xã Phú Lộc	H. Hậu Lộc			19° 56' 00"	105° 54' 13"	19° 53' 19"	105° 54' 36"		E-48-8-B-b	
thôn Phú Đa	DC	xã Phú Lộc	H. Hậu Lộc	19° 54' 58"	105° 55' 44"						E-48-8-B-b	
thôn Phú Ninh	DC	xã Phú Lộc	H. Hậu Lộc	19° 54' 44"	105° 54' 50"						E-48-8-B-b	
thôn Phú Thịnh	DC	xã Phú Lộc	H. Hậu Lộc	19° 54' 59"	105° 53' 46"						E-48-8-B-b	
thôn Thuận Nhất	DC	xã Phú Lộc	H. Hậu Lộc	19° 55' 29"	105° 55' 34"						E-48-8-B-b	
Thôn Trước	DC	xã Phú Lộc	H. Hậu Lộc	19° 55' 05"	105° 55' 16"						E-48-8-B-b	
thôn Xuân Yên	DC	xã Phú Lộc	H. Hậu Lộc	19° 55' 15"	105° 55' 44"						E-48-8-B-b	
sông Trà Giang	TV	xã Quang Lộc	H. Hậu Lộc			19° 57' 47"	105° 54' 12"	19° 53' 38"	105° 51' 47"		E-48-8-B-b	
thôn Bạch Đầu	DC	xã Quang Lộc	H. Hậu Lộc	19° 57' 48"	105° 55' 01"						E-48-8-B-b	
Núi Chúa	SV	xã Quang Lộc	H. Hậu Lộc	19° 57' 42"	105° 55' 16"						E-48-8-B-b	
thôn Hiền Vinh	DC	xã Quang Lộc	H. Hậu Lộc	19° 57' 30"	105° 54' 54"						E-48-8-B-b	
Sông Lèn	TV	xã Quang Lộc	H. Hậu Lộc			19° 57' 31"	105° 45' 38"	19° 57' 07"	106° 00' 04"		E-48-8-B-b	
Núi Nứa	SV	xã Quang Lộc	H. Hậu Lộc	19° 58' 00"	105° 55' 12"						E-48-8-B-b	
thôn Núi Chúa	DC	xã Quang Lộc	H. Hậu Lộc	19° 57' 35"	105° 55' 16"						E-48-8-B-b	
thôn Quang Minh	DC	xã Quang Lộc	H. Hậu Lộc	19° 57' 09"	105° 55' 19"						E-48-8-B-b	
thôn Quang Tân	DC	xã Quang Lộc	H. Hậu Lộc	19° 57' 50"	105° 54' 11"						E-48-8-B-b	
thôn Quang Xuân	DC	xã Quang Lộc	H. Hậu Lộc	19° 57' 27"	105° 55' 16"						E-48-8-B-b	
thôn Tường Lộc	DC	xã Quang Lộc	H. Hậu Lộc	19° 57' 04"	105° 54' 40"						E-48-8-B-b	
thôn Yên Khê	DC	xã Quang Lộc	H. Hậu Lộc	19° 57' 19"	105° 55' 30"						E-48-8-B-b	
thôn Yên Ôn	DC	xã Quang Lộc	H. Hậu Lộc	19° 57' 57"	105° 55' 19"						E-48-8-B-b	

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng								Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối				
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
thôn 1	DC	xã Thành Lộc	H. Hậu Lộc	19° 57' 27"	105° 51' 32"							E-48-8-B-a
thôn 2	DC	xã Thành Lộc	H. Hậu Lộc	19° 57' 28"	105° 51' 25"							E-48-8-B-a
thôn 3	DC	xã Thành Lộc	H. Hậu Lộc	19° 57' 31"	105° 51' 14"							E-48-8-B-a
thôn 4	DC	xã Thành Lộc	H. Hậu Lộc	19° 57' 36"	105° 51' 04"							E-48-8-B-a
thôn 5	DC	xã Thành Lộc	H. Hậu Lộc	19° 57' 35"	105° 50' 59"							E-48-8-B-a
thôn 6	DC	xã Thành Lộc	H. Hậu Lộc	19° 57' 33"	105° 50' 28"							E-48-8-B-a
thôn 7	DC	xã Thành Lộc	H. Hậu Lộc	19° 56' 39"	105° 51' 25"							E-48-8-B-a
thôn 8	DC	xã Thành Lộc	H. Hậu Lộc	19° 56' 47"	105° 51' 23"							E-48-8-B-a
thôn 9	DC	xã Thành Lộc	H. Hậu Lộc	19° 56' 49"	105° 51' 41"							E-48-8-B-a
thôn 10	DC	xã Thành Lộc	H. Hậu Lộc	19° 57' 05"	105° 50' 46"							E-48-8-B-a
mường 10 Xã	TV	xã Thành Lộc	H. Hậu Lộc			19° 58' 07"	105° 49' 12"	19° 57' 28"	105° 53' 53"			E-48-8-B-a
Núi Bàn	SV	xã Thành Lộc	H. Hậu Lộc	19° 56' 49"	105° 50' 31"							E-48-8-B-a
núi Sơn Đông	SV	xã Thành Lộc	H. Hậu Lộc	19° 57' 37"	105° 51' 25"							E-48-8-B-a
quốc lộ 10	KX	xã Thịnh Lộc	H. Hậu Lộc			20° 03' 48"	106° 02' 24"	19° 51' 05"	105° 48' 00"			E-48-8-B-b
sông Trà Giang	TV	xã Thịnh Lộc	H. Hậu Lộc			19° 57' 47"	105° 54' 12"	19° 53' 38"	105° 51' 47"			E-48-8-B-b
cầu Do Hạ	KX	xã Thịnh Lộc	H. Hậu Lộc	19° 55' 10"	105° 53' 31"							E-48-8-B-b
thôn Hoà Bình	DC	xã Thịnh Lộc	H. Hậu Lộc	19° 55' 49"	105° 53' 10"							E-48-8-B-b
thôn Phú Yên	DC	xã Thịnh Lộc	H. Hậu Lộc	19° 55' 29"	105° 54' 03"							E-48-8-B-b
thôn Trung Phú	DC	xã Thịnh Lộc	H. Hậu Lộc	19° 55' 16"	105° 53' 35"							E-48-8-B-b
thôn Yên Nội	DC	xã Thịnh Lộc	H. Hậu Lộc	19° 55' 29"	105° 53' 20"							E-48-8-B-b
quốc lộ 10	KX	xã Thuận Lộc	H. Hậu Lộc			20° 03' 48"	106° 02' 24"	19° 51' 05"	105° 48' 00"			E-48-8-B-a
sông Trà Giang	TV	xã Thuận Lộc	H. Hậu Lộc			19° 57' 47"	105° 54' 12"	19° 53' 38"	105° 51' 47"			E-48-8-B-a
thôn Bộ Đầu	DC	xã Thuận Lộc	H. Hậu Lộc	19° 53' 21"	105° 51' 25"							E-48-8-B-a
sông Cầu Sài	TV	xã Thuận Lộc	H. Hậu Lộc			19° 54' 00"	105° 49' 59"	19° 53' 38"	105° 51' 45"			E-48-8-B-a
thôn Lam Hạ	DC	xã Thuận Lộc	H. Hậu Lộc	19° 53' 26"	105° 50' 56"							E-48-8-B-a
thôn Lam Thượng	DC	xã Thuận Lộc	H. Hậu Lộc	19° 53' 23"	105° 50' 31"							E-48-8-B-a
thôn Nhuệ Thôn	DC	xã Thuận Lộc	H. Hậu Lộc	19° 53' 40"	105° 49' 59"							E-48-8-B-a
thôn Yên Thường	DC	xã Thuận Lộc	H. Hậu Lộc	19° 53' 45"	105° 50' 49"							E-48-8-B-a
Sông Âu	TV	xã Tiến Lộc	H. Hậu Lộc			19° 54' 46"	105° 45' 58"	19° 54' 30"	105° 51' 18"			E-48-8-B-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng								Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối				
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ			
				(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)			
Núi Bàn	SV	xã Tiến Lộc	H. Hậu Lộc	19° 56' 29"	105° 50' 08"						E-48-8-B-a	
chùa Báo Ân Tháp Tự	KX	xã Tiến Lộc	H. Hậu Lộc	19° 55' 36"	105° 50' 49"						E-48-8-B-a	
thôn Bùi 1	DC	xã Tiến Lộc	H. Hậu Lộc	19° 55' 56"	105° 50' 38"						E-48-8-B-a	
thôn Bùi 2	DC	xã Tiến Lộc	H. Hậu Lộc	19° 55' 29"	105° 50' 28"						E-48-8-B-a	
thôn Ngọ 1	DC	xã Tiến Lộc	H. Hậu Lộc	19° 55' 29"	105° 50' 52"						E-48-8-B-a	
thôn Ngọ 2	DC	xã Tiến Lộc	H. Hậu Lộc	19° 55' 18"	105° 50' 50"						E-48-8-B-a	
thôn Sơn 1	DC	xã Tiến Lộc	H. Hậu Lộc	19° 55' 49"	105° 50' 56"						E-48-8-B-a	
thôn Sơn 2	DC	xã Tiến Lộc	H. Hậu Lộc	19° 55' 40"	105° 50' 56"						E-48-8-B-a	
thôn Xuân Hội 1	DC	xã Tiến Lộc	H. Hậu Lộc	19° 55' 50"	105° 50' 28"						E-48-8-B-a	
thôn Xuân Hội 2	DC	xã Tiến Lộc	H. Hậu Lộc	19° 56' 08"	105° 50' 13"						E-48-8-B-a	
thôn Xuân Thị Trang	DC	xã Tiến Lộc	H. Hậu Lộc	19° 56' 46"	105° 51' 00"						E-48-8-B-a	
quốc lộ 1A	KX	xã Triệu Lộc	H. Hậu Lộc			20° 08' 01"	105° 51' 32"	19° 18' 42"	105° 43' 16"		E-48-8-B-a	
kênh B3	TV	xã Triệu Lộc	H. Hậu Lộc				105° 50' 42"	19° 58' 18"	105° 49' 02"		E-48-8-B-a	
đền Bà Triệu	KX	xã Triệu Lộc	H. Hậu Lộc	19° 55' 53"	105° 48' 58"						E-48-8-B-a	
Núi Gai	SV	xã Triệu Lộc	H. Hậu Lộc	19° 55' 44"	105° 49' 05"						E-48-8-B-a	
núi Mã Nai	SV	xã Triệu Lộc	H. Hậu Lộc	19° 57' 27"	105° 49' 23"						E-48-8-B-a	
kênh N1	TV	xã Triệu Lộc	H. Hậu Lộc				105° 46' 05"	19° 55' 22"	105° 49' 02"		E-48-8-B-a	
xóm Phú Cường	DC	xã Triệu Lộc	H. Hậu Lộc	19° 56' 37"	105° 49' 08"						E-48-8-B-a	
thôn Phú Gia	DC	xã Triệu Lộc	H. Hậu Lộc	19° 56' 28"	105° 47' 49"						E-48-8-B-a	
xóm Phú Hoa	DC	xã Triệu Lộc	H. Hậu Lộc	19° 56' 27"	105° 49' 05"						E-48-8-B-a	
thôn Phú Lương	DC	xã Triệu Lộc	H. Hậu Lộc	19° 55' 56"	105° 48' 32"						E-48-8-B-a	
xóm Phú Sơn	DC	xã Triệu Lộc	H. Hậu Lộc	19° 56' 18"	105° 48' 36"						E-48-8-B-a	
xóm Phú Thịnh	DC	xã Triệu Lộc	H. Hậu Lộc	19° 56' 20"	105° 49' 01"						E-48-8-B-a	
xóm Phú Thượng	DC	xã Triệu Lộc	H. Hậu Lộc	19° 56' 00"	105° 49' 05"						E-48-8-B-a	
xóm Phú Xuân	DC	xã Triệu Lộc	H. Hậu Lộc	19° 57' 03"	105° 49' 23"						E-48-8-B-a	
núi Rừng Xanh	SV	xã Triệu Lộc	H. Hậu Lộc	19° 57' 05"	105° 48' 18"						E-48-8-B-a	
Đập Ruội	KX	xã Triệu Lộc	H. Hậu Lộc	19° 56' 36"	105° 49' 23"						E-48-8-B-a	
núi Sơn Trang	SV	xã Triệu Lộc	H. Hậu Lộc	19° 55' 48"	105° 47' 22"						E-48-8-B-a	
cầu Tùng Sơn	KX	xã Triệu Lộc	H. Hậu Lộc	19° 56' 21"	105° 48' 47"						E-48-8-B-a	

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng								Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối				
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	
sông Trà Giang	TV	xã Tuy Lộc	H. Hậu Lộc					19° 57' 47"	105° 54' 12"	19° 53' 38"	105° 51' 47"	E-48-8-B-b
mương 10 Xã	TV	xã Tuy Lộc	H. Hậu Lộc					19° 58' 07"	105° 49' 12"	19° 57' 28"	105° 53' 53"	E-48-8-B-b
Thôn Cách	DC	xã Tuy Lộc	H. Hậu Lộc	19° 56' 46"	105° 53' 35"							E-48-8-B-b
thôn Đa Cui	DC	xã Tuy Lộc	H. Hậu Lộc	19° 57' 10"	105° 53' 15"							E-48-8-B-b
thôn Đa Tiến	DC	xã Tuy Lộc	H. Hậu Lộc	19° 57' 27"	105° 53' 32"							E-48-8-B-b
Thôn Đọ	DC	xã Tuy Lộc	H. Hậu Lộc	19° 57' 22"	105° 52' 59"							E-48-8-B-b
thôn Đồng Đoài	DC	xã Tuy Lộc	H. Hậu Lộc	19° 57' 38"	105° 53' 06"							E-48-8-B-b
thôn Hà Phấn	DC	xã Tuy Lộc	H. Hậu Lộc	19° 55' 56"	105° 53' 53"							E-48-8-B-b
thôn Phú Tuy	DC	xã Tuy Lộc	H. Hậu Lộc	19° 56' 36"	105° 53' 13"							E-48-8-B-b
thôn Phú Vinh	DC	xã Tuy Lộc	H. Hậu Lộc	19° 57' 14"	105° 53' 56"							E-48-8-B-b
thôn Thành Tuy	DC	xã Tuy Lộc	H. Hậu Lộc	19° 56' 46"	105° 53' 02"							E-48-8-B-b
thôn Thọ Lộc	DC	xã Tuy Lộc	H. Hậu Lộc	19° 56' 48"	105° 54' 06"							E-48-8-B-b
thôn Thượng Trung	DC	xã Tuy Lộc	H. Hậu Lộc	19° 56' 26"	105° 53' 35"							E-48-8-B-b
quốc lộ 10	KX	xã Văn Lộc	H. Hậu Lộc					20° 03' 48"	106° 02' 24"	19° 51' 05"	105° 48' 00"	E-48-8-B-a
sông Trà Giang	TV	xã Văn Lộc	H. Hậu Lộc					19° 57' 47"	105° 54' 12"	19° 53' 38"	105° 51' 47"	E-48-8-B-a, E-48-8-B-b
thôn Hà Mát	DC	xã Văn Lộc	H. Hậu Lộc	19° 53' 58"	105° 52' 05"							E-48-8-B-a
sông Lạch Trường	TV	xã Văn Lộc	H. Hậu Lộc					19° 51' 10"	105° 47' 13"	19° 53' 19"	105° 56' 43"	E-48-8-B-a, E-48-8-B-b
thôn Mỹ Điện	DC	xã Văn Lộc	H. Hậu Lộc	19° 53' 53"	105° 51' 40"							E-48-8-B-a
thôn Mỹ Quang	DC	xã Văn Lộc	H. Hậu Lộc	19° 53' 47"	105° 51' 44"							E-48-8-B-a
thôn Tinh Anh	DC	xã Văn Lộc	H. Hậu Lộc	19° 54' 05"	105° 51' 17"							E-48-8-B-a
thôn Tinh Hoa	DC	xã Văn Lộc	H. Hậu Lộc	19° 54' 22"	105° 51' 25"							E-48-8-B-a
thôn Tinh Lộc	DC	xã Văn Lộc	H. Hậu Lộc	19° 54' 13"	105° 51' 18"							E-48-8-B-a
thôn Tinh Phú	DC	xã Văn Lộc	H. Hậu Lộc	19° 54' 18"	105° 51' 17"							E-48-8-B-a
thôn Văn Xuân	DC	xã Văn Lộc	H. Hậu Lộc	19° 54' 22"	105° 52' 16"							E-48-8-B-a
xóm 7	DC	xã Xuân Lộc	H. Hậu Lộc	19° 54' 30"	105° 54' 07"							E-48-8-B-b
xóm 8	DC	xã Xuân Lộc	H. Hậu Lộc	19° 54' 44"	105° 53' 51"							E-48-8-B-b
xóm 13	DC	xã Xuân Lộc	H. Hậu Lộc	19° 54' 18"	105° 53' 56"							E-48-8-B-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng								Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối				
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ			
				(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)			
kênh 5 Xã	TV	xã Xuân Lộc	H. Hậu Lộc			19° 56' 00"	105° 54' 13"	19° 53' 19"	105° 54' 36"	E-48-8-B-b		
xóm Bái Hà Xuân	DC	xã Xuân Lộc	H. Hậu Lộc	19° 53' 41"	105° 53' 46"					E-48-8-B-b		
xóm Đông Thịnh	DC	xã Xuân Lộc	H. Hậu Lộc	19° 53' 57"	105° 53' 49"					E-48-8-B-b		
xóm Đồng Thượng	DC	xã Xuân Lộc	H. Hậu Lộc	19° 53' 48"	105° 53' 10"					E-48-8-B-b		
xóm Hoà Lan	DC	xã Xuân Lộc	H. Hậu Lộc	19° 54' 08"	105° 52' 55"					E-48-8-B-b		
sông Lạch Trường	TV	xã Xuân Lộc	H. Hậu Lộc			19° 51' 10"	105° 47' 13"	19° 53' 19"	105° 56' 43"	E-48-8-B-b		
xóm Phú Mỹ 1	DC	xã Xuân Lộc	H. Hậu Lộc	19° 53' 41"	105° 54' 11"					E-48-8-B-b		
xóm Phú Mỹ 2	DC	xã Xuân Lộc	H. Hậu Lộc	19° 53' 30"	105° 54' 22"					E-48-8-B-b		
Cầu Gò	KX	TT. Bút Sơn	H. Hoàng Hoá	19° 51' 21"	105° 51' 11"					E-48-8-B-c		
cầu Gò 2	KX	TT. Bút Sơn	H. Hoàng Hoá	19° 51' 19"	105° 50' 56"					E-48-8-B-c		
phố Đạo Sơn	DC	TT. Bút Sơn	H. Hoàng Hoá	19° 51' 18"	105° 51' 15"					E-48-8-B-c		
phố Đức Sơn	DC	TT. Bút Sơn	H. Hoàng Hoá	19° 52' 10"	105° 51' 07"					E-48-8-B-c		
Sông Gò	TV	TT. Bút Sơn	H. Hoàng Hoá			19° 50' 40"	105° 48' 11"	19° 51' 50"	105° 52' 06"	E-48-8-B-c		
phố Hưng Sơn	DC	TT. Bút Sơn	H. Hoàng Hoá	19° 51' 28"	105° 51' 01"					E-48-8-B-c		
sông Lạch Trường	TV	TT. Bút Sơn	H. Hoàng Hoá			19° 51' 10"	105° 47' 13"	19° 53' 19"	105° 56' 43"	E-48-8-B-(a,c)		
Kênh Nam	TV	TT. Bút Sơn	H. Hoàng Hoá			19° 55' 57"	105° 45' 50"	19° 50' 33"	105° 55' 44"	E-48-8-B-c		
phố Phúc Sơn	DC	TT. Bút Sơn	H. Hoàng Hoá	19° 52' 06"	105° 51' 15"					E-48-8-B-c		
phố Tân Sơn	DC	TT. Bút Sơn	H. Hoàng Hoá	19° 51' 57"	105° 51' 05"					E-48-8-B-c		
phố Trung Sơn	DC	TT. Bút Sơn	H. Hoàng Hoá	19° 50' 53"	105° 51' 02"					E-48-8-B-c		
phố Vinh Sơn	DC	TT. Bút Sơn	H. Hoàng Hoá	19° 51' 12"	105° 51' 09"					E-48-8-B-c		
thôn Ba Đình	DC	xã Hoàng Cát	H. Hoàng Hoá	19° 52' 19"	105° 49' 28"					E-48-8-B-c		
thôn Cát Nội	DC	xã Hoàng Cát	H. Hoàng Hoá	19° 52' 21"	105° 49' 12"					E-48-8-B-c		
thôn Đức Thành	DC	xã Hoàng Cát	H. Hoàng Hoá	19° 52' 44"	105° 50' 11"					E-48-8-B-a		
sông Lạch Trường	TV	xã Hoàng Cát	H. Hoàng Hoá			19° 51' 10"	105° 47' 13"	19° 53' 19"	105° 56' 43"	E-48-8-B-(a,c)		
kênh N13	TV	xã Hoàng Cát	H. Hoàng Hoá			19° 53' 02"	105° 51' 25"	19° 52' 09"	105° 48' 25"	E-48-8-B-a		
Kênh Nam	TV	xã Hoàng Cát	H. Hoàng Hoá			19° 55' 57"	105° 45' 50"	19° 50' 33"	105° 55' 44"	E-48-8-B-c		
thôn Nam Bình	DC	xã Hoàng Cát	H. Hoàng Hoá	19° 51' 49"	105° 48' 39"					E-48-8-B-c		

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng								Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối				
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ			
				(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)			
thôn Nam Thọ	DC	xã Hoàng Cát	H. Hoàng Hoá	19° 52' 41"	105° 50' 01"						E-48-8-B-a	
thôn Nhị Hà	DC	xã Hoàng Cát	H. Hoàng Hoá	19° 52' 02"	105° 49' 13"						E-48-8-B-c	
thôn 1	DC	xã Hoàng Châu	H. Hoàng Hoá	19° 47' 37"	105° 51' 30"						E-48-8-B-c	
thôn 2	DC	xã Hoàng Châu	H. Hoàng Hoá	19° 47' 46"	105° 51' 39"						E-48-8-B-c	
thôn 3	DC	xã Hoàng Châu	H. Hoàng Hoá	19° 47' 50"	105° 51' 47"						E-48-8-B-c	
thôn 4	DC	xã Hoàng Châu	H. Hoàng Hoá	19° 47' 56"	105° 51' 56"						E-48-8-B-c	
thôn 5	DC	xã Hoàng Châu	H. Hoàng Hoá	19° 47' 45"	105° 51' 56"						E-48-8-B-c	
thôn 6	DC	xã Hoàng Châu	H. Hoàng Hoá	19° 47' 30"	105° 52' 07"						E-48-8-B-c	
thôn 7	DC	xã Hoàng Châu	H. Hoàng Hoá	19° 47' 32"	105° 52' 13"						E-48-8-B-c	
thôn 8	DC	xã Hoàng Châu	H. Hoàng Hoá	19° 47' 23"	105° 52' 14"						E-48-8-B-c	
thôn 9	DC	xã Hoàng Châu	H. Hoàng Hoá	19° 47' 41"	105° 52' 21"						E-48-8-B-c	
thôn 10	DC	xã Hoàng Châu	H. Hoàng Hoá	19° 47' 23"	105° 52' 28"						E-48-8-B-c	
thôn 11	DC	xã Hoàng Châu	H. Hoàng Hoá	19° 47' 10"	105° 52' 30"						E-48-8-B-c	
thôn 12	DC	xã Hoàng Châu	H. Hoàng Hoá	19° 47' 07"	105° 52' 43"						E-48-8-B-d	
thôn 13	DC	xã Hoàng Châu	H. Hoàng Hoá	19° 47' 04"	105° 52' 50"						E-48-8-B-d	
thôn 14	DC	xã Hoàng Châu	H. Hoàng Hoá	19° 46' 59"	105° 52' 58"						E-48-8-B-d	
Sông Má	TV	xã Hoàng Châu	H. Hoàng Hoá			20° 32' 02"	104° 29' 13"	19° 47' 08"	105° 55' 37"		E-48-8-B- (c,d)	
Cửa Hời	TV	xã Hoàng Châu	H. Hoàng Hoá	19° 47' 08"	105° 55' 37"						E-48-8-B-d	
thôn Cầu Hiền	DC	xã Hoàng Đạo	H. Hoàng Hoá	19° 51' 23"	105° 51' 40"						E-48-8-B-c	
Sông Cung	TV	xã Hoàng Đạo	H. Hoàng Hoá			19° 52' 51"	105° 53' 44"	19° 47' 41"	105° 54' 54"		E-48-8-B-d	
Sông Đẳng	TV	xã Hoàng Đạo	H. Hoàng Hoá			19° 51' 50"	105° 52' 05"	19° 51' 15"	105° 53' 31"		E-48-8-B-c, E-48-8-B-d	
thôn Đẳng Trung	DC	xã Hoàng Đạo	H. Hoàng Hoá	19° 51' 01"	105° 52' 43"						E-48-8-B-d	
thôn Đạo Khang	DC	xã Hoàng Đạo	H. Hoàng Hoá	19° 51' 13"	105° 52' 53"						E-48-8-B-d	
thôn Đạo Lý	DC	xã Hoàng Đạo	H. Hoàng Hoá	19° 51' 56"	105° 52' 37"						E-48-8-B-d	
thôn Đạo Ninh	DC	xã Hoàng Đạo	H. Hoàng Hoá	19° 51' 09"	105° 52' 34"						E-48-8-B-c	
thôn Đạo Tài	DC	xã Hoàng Đạo	H. Hoàng Hoá	19° 51' 15"	105° 52' 46"						E-48-8-B-d	
thôn Dư Khánh	DC	xã Hoàng Đạo	H. Hoàng Hoá	19° 51' 20"	105° 51' 29"						E-48-8-B-c	
Sông Gò	TV	xã Hoàng Đạo	H. Hoàng Hoá			19° 50' 40"	105° 48' 11"	19° 51' 50"	105° 52' 06"		E-48-8-B-c	

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	
thôn Luyên Phú	DC	xã Hoàng Đạo	H. Hoàng Hoá	19° 50' 55"	105° 52' 06"					E-48-8-B-c
thôn Luyên Tây	DC	xã Hoàng Đạo	H. Hoàng Hoá	19° 51' 01"	105° 51' 54"					E-48-8-B-c
Kênh Nam	TV	xã Hoàng Đạo	H. Hoàng Hoá			19° 55' 57"	105° 45' 50"	19° 50' 33"	105° 55' 44"	E-48-8-B-c, E-48-8-B-d
thôn Nhân Phúc	DC	xã Hoàng Đạo	H. Hoàng Hoá	19° 51' 27"	105° 52' 21"					E-48-8-B-c
thôn Nhân Trạch	DC	xã Hoàng Đạo	H. Hoàng Hoá	19° 51' 14"	105° 53' 07"					E-48-8-B-d
thôn Tế Thôn	DC	xã Hoàng Đạo	H. Hoàng Hoá	19° 51' 09"	105° 51' 38"					E-48-8-B-c
thôn Yên Trường	DC	xã Hoàng Đạo	H. Hoàng Hoá	19° 51' 36"	105° 52' 08"					E-48-8-B-c
Sông Đàng	TV	xã Hoàng Đạt	H. Hoàng Hoá			19° 51' 50"	105° 52' 05"	19° 51' 15"	105° 53' 31"	E-48-8-B-d
thôn Hạ Vũ 1	DC	xã Hoàng Đạt	H. Hoàng Hoá	19° 53' 12"	105° 52' 21"					E-48-8-B-a
thôn Hạ Vũ 2	DC	xã Hoàng Đạt	H. Hoàng Hoá	19° 53' 30"	105° 52' 31"					E-48-8-B-b
sông Lạch Trường	TV	xã Hoàng Đạt	H. Hoàng Hoá			19° 51' 10"	105° 47' 13"	19° 53' 19"	105° 56' 43"	E-48-8-B-a
thôn Tam Nguyên	DC	xã Hoàng Đạt	H. Hoàng Hoá	19° 53' 31"	105° 52' 07"					E-48-8-B-a
thôn Trù Ninh	DC	xã Hoàng Đạt	H. Hoàng Hoá	19° 52' 40"	105° 52' 07"					E-48-8-B-a
thôn 1	DC	xã Hoàng Đông	H. Hoàng Hoá	19° 50' 03"	105° 54' 44"					E-48-8-B-d
thôn 2	DC	xã Hoàng Đông	H. Hoàng Hoá	19° 49' 46"	105° 54' 44"					E-48-8-B-d
thôn 3	DC	xã Hoàng Đông	H. Hoàng Hoá	19° 49' 48"	105° 54' 28"					E-48-8-B-d
thôn 4	DC	xã Hoàng Đông	H. Hoàng Hoá	19° 49' 37"	105° 54' 28"					E-48-8-B-d
thôn 5	DC	xã Hoàng Đông	H. Hoàng Hoá	19° 49' 09"	105° 54' 34"					E-48-8-B-d
thôn 6	DC	xã Hoàng Đông	H. Hoàng Hoá	19° 49' 08"	105° 54' 24"					E-48-8-B-d
thôn 7	DC	xã Hoàng Đông	H. Hoàng Hoá	19° 49' 16"	105° 54' 23"					E-48-8-B-d
thôn 8	DC	xã Hoàng Đông	H. Hoàng Hoá	19° 49' 25"	105° 54' 22"					E-48-8-B-d
thôn 9	DC	xã Hoàng Đông	H. Hoàng Hoá	19° 49' 33"	105° 54' 15"					E-48-8-B-d
thôn 10	DC	xã Hoàng Đông	H. Hoàng Hoá	19° 49' 47"	105° 54' 15"					E-48-8-B-d
thôn 11	DC	xã Hoàng Đông	H. Hoàng Hoá	19° 49' 27"	105° 54' 14"					E-48-8-B-d
Sông Cung	TV	xã Hoàng Đông	H. Hoàng Hoá			19° 52' 51"	105° 53' 44"	19° 47' 41"	105° 54' 54"	E-48-8-B-d
thôn 1	DC	xã Hoàng Đông	H. Hoàng Hoá	19° 50' 18"	105° 50' 48"					E-48-8-B-c
thôn 2	DC	xã Hoàng Đông	H. Hoàng Hoá	19° 50' 15"	105° 50' 45"					E-48-8-B-c
thôn 3	DC	xã Hoàng Đông	H. Hoàng Hoá	19° 50' 28"	105° 50' 36"					E-48-8-B-c
thôn 4	DC	xã Hoàng Đông	H. Hoàng Hoá	19° 50' 28"	105° 50' 29"					E-48-8-B-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng								Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối				
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	
thôn 5	DC	xã Hoàng Đồng	H. Hoàng Hoá	19° 50' 15"	105° 50' 34"							E-48-8-B-c
thôn 6	DC	xã Hoàng Đồng	H. Hoàng Hoá	19° 50' 12"	105° 50' 18"							E-48-8-B-c
thôn 7	DC	xã Hoàng Đồng	H. Hoàng Hoá	19° 50' 18"	105° 50' 13"							E-48-8-B-c
thôn 8	DC	xã Hoàng Đồng	H. Hoàng Hoá	19° 50' 27"	105° 50' 16"							E-48-8-B-c
kênh N18	TV	xã Hoàng Đồng	H. Hoàng Hoá			19° 51' 06"	105° 49' 41"	19° 49' 23"	105° 49' 08"			E-48-8-B-c
thôn 1	DC	xã Hoàng Đức	H. Hoàng Hoá	19° 52' 08"	105° 50' 48"							E-48-8-B-c
thôn 4	DC	xã Hoàng Đức	H. Hoàng Hoá	19° 52' 01"	105° 50' 52"							E-48-8-B-c
thôn 5	DC	xã Hoàng Đức	H. Hoàng Hoá	19° 52' 07"	105° 50' 52"							E-48-8-B-c
thôn 6	DC	xã Hoàng Đức	H. Hoàng Hoá	19° 52' 04"	105° 50' 17"							E-48-8-B-c
thôn 7	DC	xã Hoàng Đức	H. Hoàng Hoá	19° 51' 49"	105° 50' 37"							E-48-8-B-c
thôn 8	DC	xã Hoàng Đức	H. Hoàng Hoá	19° 51' 45"	105° 50' 35"							E-48-8-B-c
thôn 9	DC	xã Hoàng Đức	H. Hoàng Hoá	19° 51' 51"	105° 50' 44"							E-48-8-B-c
quốc lộ 10	KX	xã Hoàng Đức	H. Hoàng Hoá			20° 03' 48"	106° 02' 24"	19° 51' 05"	105° 48' 00"			E-48-8-B-(a,c)
thôn 10	DC	xã Hoàng Đức	H. Hoàng Hoá	19° 51' 43"	105° 50' 43"							E-48-8-B-c
thôn 11	DC	xã Hoàng Đức	H. Hoàng Hoá	19° 51' 29"	105° 50' 54"							E-48-8-B-c
Sông Gò	TV	xã Hoàng Đức	H. Hoàng Hoá			19° 50' 40"	105° 48' 11"	19° 51' 50"	105° 52' 06"			E-48-8-B-c
sông Lạch Trường	TV	xã Hoàng Đức	H. Hoàng Hoá			19° 51' 10"	105° 47' 13"	19° 53' 19"	105° 56' 43"			E-48-8-B-(a,c)
thôn 1	DC	xã Hoàng Giang	H. Hoàng Hoá	19° 53' 28"	105° 46' 00"							E-48-8-B-a
thôn 2	DC	xã Hoàng Giang	H. Hoàng Hoá	19° 53' 17"	105° 45' 53"							E-48-8-B-a
thôn 3	DC	xã Hoàng Giang	H. Hoàng Hoá	19° 53' 05"	105° 46' 02"							E-48-8-B-a
thôn 4	DC	xã Hoàng Giang	H. Hoàng Hoá	19° 53' 12"	105° 46' 14"							E-48-8-B-a
thôn 5	DC	xã Hoàng Giang	H. Hoàng Hoá	19° 53' 04"	105° 46' 17"							E-48-8-B-a
thôn 6	DC	xã Hoàng Giang	H. Hoàng Hoá	19° 52' 50"	105° 46' 13"							E-48-8-B-a
Kênh Nam	TV	xã Hoàng Giang	H. Hoàng Hoá			19° 55' 57"	105° 45' 50"	19° 50' 33"	105° 55' 44"			E-48-8-B-a
kênh Giang Quý	TV	xã Hoàng Giang	H. Hoàng Hoá			19° 53' 05"	105° 46' 11"	19° 53' 30"	105° 49' 10"			E-48-8-B-a
Sông Mã	TV	xã Hoàng Giang	H. Hoàng Hoá			20° 32' 02"	104° 29' 13"	19° 47' 08"	105° 55' 37"			E-48-8-B-a
thôn 1	DC	xã Hoàng Hà	H. Hoàng Hoá	19° 53' 06"	105° 52' 53"							E-48-8-B-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng								Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối				
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ			
				(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)			
thôn 2	DC	xã Hoàng Hà	H. Hoàng Hoá	19° 53' 01"	105° 53' 09"						E-48-8-B-b	
thôn 3	DC	xã Hoàng Hà	H. Hoàng Hoá	19° 53' 07"	105° 53' 04"						E-48-8-B-b	
thôn 4	DC	xã Hoàng Hà	H. Hoàng Hoá	19° 52' 43"	105° 53' 29"						E-48-8-B-b	
thôn 5	DC	xã Hoàng Hà	H. Hoàng Hoá	19° 51' 42"	105° 53' 21"						E-48-8-B-d	
Sông Đàng	TV	xã Hoàng Hà	H. Hoàng Hoá			19° 51' 50"	105° 52' 05"	19° 51' 15"	105° 53' 31"		E-48-8-B-d	
Sông Cung	TV	xã Hoàng Hà	H. Hoàng Hoá					19° 52' 51"	105° 53' 44"	105° 54' 54"	E-48-8-B-(b,d)	
sông Lạch Trường	TV	xã Hoàng Hà	H. Hoàng Hoá					19° 51' 10"	105° 47' 13"	105° 56' 43"	E-48-8-B-b	
thôn 1	DC	xã Hoàng Hải	H. Hoàng Hoá	19° 52' 05"	105° 55' 10"						E-48-8-B-d	
thôn 2	DC	xã Hoàng Hải	H. Hoàng Hoá	19° 51' 54"	105° 55' 30"						E-48-8-B-d	
thôn 3	DC	xã Hoàng Hải	H. Hoàng Hoá	19° 51' 55"	105° 55' 37"						E-48-8-B-d	
thôn 4	DC	xã Hoàng Hải	H. Hoàng Hoá	19° 51' 59"	105° 55' 49"						E-48-8-B-d	
thôn 5	DC	xã Hoàng Hải	H. Hoàng Hoá	19° 51' 41"	105° 55' 24"						E-48-8-B-d	
thôn 6	DC	xã Hoàng Hải	H. Hoàng Hoá	19° 51' 38"	105° 55' 50"						E-48-8-B-d	
thôn 7	DC	xã Hoàng Hải	H. Hoàng Hoá	19° 51' 22"	105° 55' 22"						E-48-8-B-d	
thôn 8	DC	xã Hoàng Hải	H. Hoàng Hoá	19° 51' 23"	105° 55' 35"						E-48-8-B-d	
thôn 9	DC	xã Hoàng Hải	H. Hoàng Hoá	19° 51' 22"	105° 56' 04"						E-48-8-B-d	
thôn 10	DC	xã Hoàng Hải	H. Hoàng Hoá	19° 51' 07"	105° 56' 05"						E-48-8-B-d	
thôn 11	DC	xã Hoàng Hải	H. Hoàng Hoá	19° 51' 36"	105° 55' 40"						E-48-8-B-d	
làng Đông Hoà	DC	xã Hoàng Hải	H. Hoàng Hoá	19° 51' 22"	105° 55' 22"						E-48-8-B-d	
núi Linh Trường	SV	xã Hoàng Hải	H. Hoàng Hoá	19° 52' 43"	105° 56' 02"						E-48-8-B-b	
thôn An Hoà	DC	xã Hoàng Hợp	H. Hoàng Hoá	19° 53' 07"	105° 47' 16"						E-48-8-B-a	
thôn Đức Giáo 10	DC	xã Hoàng Hợp	H. Hoàng Hoá	19° 52' 04"	105° 47' 22"						E-48-8-B-c	
thôn Đức Giáo 11	DC	xã Hoàng Hợp	H. Hoàng Hoá	19° 52' 00"	105° 47' 29"						E-48-8-B-c	
kênh Giang Quý	TV	xã Hoàng Hợp	H. Hoàng Hoá			19° 53' 05"	105° 46' 11"	19° 53' 30"	105° 49' 10"		E-48-8-B-a	
thôn Hợp Tiến	DC	xã Hoàng Hợp	H. Hoàng Hoá	19° 52' 10"	105° 47' 08"						E-48-8-B-c	
thôn Lộc Át	DC	xã Hoàng Hợp	H. Hoàng Hoá	19° 52' 39"	105° 47' 10"						E-48-8-B-a	
thôn Lộc Bình	DC	xã Hoàng Hợp	H. Hoàng Hoá	19° 52' 36"	105° 47' 02"						E-48-8-B-a	
thôn Lộc Thọ	DC	xã Hoàng Hợp	H. Hoàng Hoá	19° 52' 41"	105° 46' 46"						E-48-8-B-a	

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng								Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối				
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ			
				(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)			
Sông Mã	TV	xã Hoàng Hợp	H. Hoàng Hoá			20° 32' 02"	104° 29' 13"	19° 47' 08"	105° 55' 37"	E-48-8-B-a,c		
thôn Minh Quang	DC	xã Hoàng Hợp	H. Hoàng Hoá	19° 52' 42"	105° 47' 02"					E-48-8-B-a		
kênh N7	TV	xã Hoàng Hợp	H. Hoàng Hoá			19° 53' 01"	105° 47' 09"	19° 53' 19"	105° 48' 54"	E-48-8-B-a		
Kênh Nam	TV	xã Hoàng Hợp	H. Hoàng Hoá			19° 55' 57"	105° 45' 50"	19° 50' 33"	105° 55' 44"	E-48-8-B-a		
thôn Nhân Vực	DC	xã Hoàng Hợp	H. Hoàng Hoá	19° 53' 21"	105° 47' 06"					E-48-8-B-a		
thôn Phú Quý	DC	xã Hoàng Hợp	H. Hoàng Hoá	19° 52' 49"	105° 46' 31"					E-48-8-B-a		
thôn Quỳ Thanh	DC	xã Hoàng Hợp	H. Hoàng Hoá	19° 52' 41"	105° 47' 24"					E-48-8-B-a		
thôn 1	DC	xã Hoàng Khánh	H. Hoàng Hoá	19° 57' 16"	105° 45' 56"					E-48-8-B-a		
thôn 2	DC	xã Hoàng Khánh	H. Hoàng Hoá	19° 56' 52"	105° 46' 07"					E-48-8-B-a		
thôn 3	DC	xã Hoàng Khánh	H. Hoàng Hoá	19° 56' 17"	105° 46' 15"					E-48-8-B-a		
thôn 4	DC	xã Hoàng Khánh	H. Hoàng Hoá	19° 56' 05"	105° 45' 58"					E-48-8-B-a		
thôn 5	DC	xã Hoàng Khánh	H. Hoàng Hoá	19° 55' 50"	105° 45' 52"					E-48-8-B-a		
thôn 6	DC	xã Hoàng Khánh	H. Hoàng Hoá	19° 55' 41"	105° 45' 50"					E-48-8-B-a		
thôn 7	DC	xã Hoàng Khánh	H. Hoàng Hoá	19° 55' 11"	105° 45' 49"					E-48-8-B-a		
thôn 8	DC	xã Hoàng Khánh	H. Hoàng Hoá	19° 55' 02"	105° 45' 54"					E-48-8-B-a		
thôn 9	DC	xã Hoàng Khánh	H. Hoàng Hoá	19° 54' 58"	105° 45' 55"					E-48-8-B-a		
thôn 10	DC	xã Hoàng Khánh	H. Hoàng Hoá	19° 55' 25"	105° 46' 36"					E-48-8-B-a		
thôn 11	DC	xã Hoàng Khánh	H. Hoàng Hoá	19° 55' 13"	105° 46' 23"					E-48-8-B-a		
thôn 12	DC	xã Hoàng Khánh	H. Hoàng Hoá	19° 55' 47"	105° 46' 22"					E-48-8-B-a		
Kênh Nam	TV	xã Hoàng Khánh	H. Hoàng Hoá			19° 55' 57"	105° 45' 50"	19° 50' 33"	105° 55' 44"	E-48-8-B-a		
Đò Vàng	KX	xã Hoàng Khánh	H. Hoàng Hoá	19° 56' 02"	105° 45' 47"					E-48-8-B-a		
Sông Âu	TV	xã Hoàng Khánh	H. Hoàng Hoá			19° 54' 46"	105° 45' 58"	19° 54' 30"	105° 51' 18"	E-48-8-B-a		
Núi Bái	SV	xã Hoàng Khánh	H. Hoàng Hoá	19° 57' 13"	105° 46' 24"					E-48-8-B-a		
Sông Lèn	TV	xã Hoàng Khánh	H. Hoàng Hoá			19° 57' 31"	105° 45' 38"	19° 57' 07"	106° 00' 04"	E-48-8-B-a		
Sông Mã	TV	xã Hoàng Khánh	H. Hoàng Hoá			20° 32' 02"	104° 29' 13"	19° 47' 08"	105° 55' 37"	E-48-8-B-a		
kênh N1	TV	xã Hoàng Khánh	H. Hoàng Hoá			19° 55' 22"	105° 46' 05"	19° 56' 43"	105° 49' 02"	E-48-8-B-a		
núi Sơn Trang	SV	xã Hoàng Khánh	H. Hoàng Hoá	19° 55' 48"	105° 47' 22"					E-48-8-B-a		
thôn 1	DC	xã Hoàng Khê	H. Hoàng Hoá	19° 53' 42"	105° 49' 38"					E-48-8-B-a		
thôn 2	DC	xã Hoàng Khê	H. Hoàng Hoá	19° 53' 18"	105° 49' 50"					E-48-8-B-a		

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ,phút,gây)	(Độ,phút,gây)	(Độ,phút,gây)	(Độ,phút,gây)	(Độ,phút,gây)	(Độ,phút,gây)	
thôn 3	DC	xã Hoàng Khê	H. Hoàng Hoá	19° 53' 14"	105° 49' 55"					E-48-8-B-a
thôn 4	DC	xã Hoàng Khê	H. Hoàng Hoá	19° 53' 08"	105° 49' 59"					E-48-8-B-a
thôn 5	DC	xã Hoàng Khê	H. Hoàng Hoá	19° 53' 05"	105° 49' 59"					E-48-8-B-a
thôn 6	DC	xã Hoàng Khê	H. Hoàng Hoá	19° 52' 58"	105° 49' 42"					E-48-8-B-a
thôn 7	DC	xã Hoàng Khê	H. Hoàng Hoá	19° 53' 11"	105° 50' 28"					E-48-8-B-a
quốc lộ 10	KX	xã Hoàng Khê	H. Hoàng Hoá			20° 03' 48"	106° 02' 24"	19° 51' 05"	105° 48' 00"	E-48-8-B-a
kênh N13	TV	xã Hoàng Khê	H. Hoàng Hoá			19° 53' 02"	105° 51' 25"	19° 52' 09"	105° 48' 25"	E-48-8-B-a
sông Trà Giang	TV	xã Hoàng Khê	H. Hoàng Hoá			19° 57' 47"	105° 54' 12"	19° 53' 38"	105° 51' 47"	E-48-8-B-a
quốc lộ 1A	KX	xã Hoàng Kim	H. Hoàng Hoá			20° 08' 01"	105° 51' 32"	19° 18' 42"	105° 43' 16"	E-48-8-B-a
thôn 1 Kim Sơn	DC	xã Hoàng Kim	H. Hoàng Hoá	19° 54' 40"	105° 47' 34"					E-48-8-B-a
thôn 2 Kim Sơn	DC	xã Hoàng Kim	H. Hoàng Hoá	19° 54' 38"	105° 47' 38"					E-48-8-B-a
thôn 2 Nghĩa Trang	DC	xã Hoàng Kim	H. Hoàng Hoá	19° 54' 37"	105° 47' 42"					E-48-8-B-a
thôn 3 Kim Sơn	DC	xã Hoàng Kim	H. Hoàng Hoá	19° 54' 47"	105° 48' 41"					E-48-8-B-a
thôn 3 Nghĩa Trang	DC	xã Hoàng Kim	H. Hoàng Hoá	19° 54' 46"	105° 48' 39"					E-48-8-B-a
thôn 4 Nghĩa Trang	DC	xã Hoàng Kim	H. Hoàng Hoá	19° 54' 45"	105° 48' 32"					E-48-8-B-a
thôn 5 Nghĩa Trang	DC	xã Hoàng Kim	H. Hoàng Hoá	19° 54' 43"	105° 48' 29"					E-48-8-B-a
thôn 6 Nghĩa Trang	DC	xã Hoàng Kim	H. Hoàng Hoá	19° 54' 41"	105° 48' 25"					E-48-8-B-a
thôn 7 Nghĩa Trang	DC	xã Hoàng Kim	H. Hoàng Hoá	19° 54' 41"	105° 48' 21"					E-48-8-B-a
Sông Âu	TV	xã Hoàng Kim	H. Hoàng Hoá			19° 54' 46"	105° 45' 58"	19° 54' 30"	105° 51' 18"	E-48-8-B-a
thôn Hiệp Thành	DC	xã Hoàng Kim	H. Hoàng Hoá	19° 54' 46"	105° 48' 22"					E-48-8-B-a
thôn Mỹ Du	DC	xã Hoàng Kim	H. Hoàng Hoá	19° 54' 41"	105° 48' 00"					E-48-8-B-a
thôn Nghĩa Phú	DC	xã Hoàng Kim	H. Hoàng Hoá	19° 54' 49"	105° 48' 52"					E-48-8-B-a
thôn Bắc Nam	DC	xã Hoàng Lộc	H. Hoàng Hoá	19° 48' 54"	105° 50' 19"					E-48-8-B-c
thôn Bái Đông	DC	xã Hoàng Lộc	H. Hoàng Hoá	19° 48' 43"	105° 50' 30"					E-48-8-B-c
Thôn Chùa	DC	xã Hoàng Lộc	H. Hoàng Hoá	19° 49' 00"	105° 50' 14"					E-48-8-B-c
Thôn Đà	DC	xã Hoàng Lộc	H. Hoàng Hoá	19° 49' 06"	105° 50' 15"					E-48-8-B-c
thôn Đình Bảng	DC	xã Hoàng Lộc	H. Hoàng Hoá	19° 48' 58"	105° 50' 27"					E-48-8-B-c
thôn Đình Nam	DC	xã Hoàng Lộc	H. Hoàng Hoá	19° 48' 50"	105° 50' 24"					E-48-8-B-c
thôn Đồng Mầu	DC	xã Hoàng Lộc	H. Hoàng Hoá	19° 49' 00"	105° 50' 06"					E-48-8-B-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	
thôn Đông Phú	DC	xã Hoàng Lộc	H. Hoàng Hoá	19° 49' 07"	105° 50' 22"					E-48-8-B-c
thôn Hưng Thịnh	DC	xã Hoàng Lộc	H. Hoàng Hoá	19° 48' 55"	105° 50' 16"					E-48-8-B-c
thôn Hưng Tiến	DC	xã Hoàng Lộc	H. Hoàng Hoá	19° 48' 44"	105° 50' 17"					E-48-8-B-c
Thôn Lay	DC	xã Hoàng Lộc	H. Hoàng Hoá	19° 49' 00"	105° 50' 06"					E-48-8-B-c
Thôn Sau	DC	xã Hoàng Lộc	H. Hoàng Hoá	19° 49' 08"	105° 50' 07"					E-48-8-B-c
thôn 4 Đại An	DC	xã Hoàng Lương	H. Hoàng Hoá	19° 54' 49"	105° 50' 54"					E-48-8-B-a
thôn 5 Đại An	DC	xã Hoàng Lương	H. Hoàng Hoá	19° 54' 43"	105° 51' 01"					E-48-8-B-a
thôn 6 Đại An	DC	xã Hoàng Lương	H. Hoàng Hoá	19° 54' 31"	105° 51' 05"					E-48-8-B-a
thôn 7 Đại An	DC	xã Hoàng Lương	H. Hoàng Hoá	19° 54' 26"	105° 51' 08"					E-48-8-B-a
Sông Áu	TV	xã Hoàng Lương	H. Hoàng Hoá			19° 54' 46"	105° 45' 58"	19° 54' 30"	105° 51' 18"	E-48-8-B-a
thôn Đại An	DC	xã Hoàng Lương	H. Hoàng Hoá	19° 54' 40"	105° 51' 03"					E-48-8-B-a
thôn Lương Quán	DC	xã Hoàng Lương	H. Hoàng Hoá	19° 55' 06"	105° 50' 28"					E-48-8-B-a
sông Trà Giang	TV	xã Hoàng Lương	H. Hoàng Hoá			19° 57' 47"	105° 54' 12"	19° 53' 38"	105° 51' 47"	E-48-8-B-a
thôn Tuấn Lương	DC	xã Hoàng Lương	H. Hoàng Hoá	19° 55' 28"	105° 50' 28"					E-48-8-B-a
Sông Cung	TV	xã Hoàng Lưu	H. Hoàng Hoá			19° 52' 51"	105° 53' 44"	19° 47' 41"	105° 54' 54"	E-48-8-B-d
thôn Đồng Điều	DC	xã Hoàng Lưu	H. Hoàng Hoá	19° 50' 22"	105° 52' 51"					E-48-8-B-d
thôn Nghĩa Lập	DC	xã Hoàng Lưu	H. Hoàng Hoá	19° 48' 44"	105° 52' 42"					E-48-8-B-d
thôn Nghĩa Phú	DC	xã Hoàng Lưu	H. Hoàng Hoá	19° 48' 50"	105° 52' 31"					E-48-8-B-d
thôn Phục Lễ	DC	xã Hoàng Lưu	H. Hoàng Hoá	19° 48' 28"	105° 52' 42"					E-48-8-B-d
thôn Phụng Khé	DC	xã Hoàng Lưu	H. Hoàng Hoá	19° 49' 50"	105° 53' 05"					E-48-8-B-d
thôn Phụng Ngõ 1	DC	xã Hoàng Lưu	H. Hoàng Hoá	19° 49' 33"	105° 52' 44"					E-48-8-B-d
thôn Phụng Ngõ 2	DC	xã Hoàng Lưu	H. Hoàng Hoá	19° 49' 23"	105° 52' 48"					E-48-8-B-d
thôn 1	DC	xã Hoàng Minh	H. Hoàng Hoá	19° 52' 07"	105° 50' 03"					E-48-8-B-c
thôn 2	DC	xã Hoàng Minh	H. Hoàng Hoá	19° 52' 03"	105° 49' 52"					E-48-8-B-c
thôn 3	DC	xã Hoàng Minh	H. Hoàng Hoá	19° 51' 54"	105° 49' 43"					E-48-8-B-c
thôn 4	DC	xã Hoàng Minh	H. Hoàng Hoá	19° 51' 35"	105° 49' 07"					E-48-8-B-c
thôn 5	DC	xã Hoàng Minh	H. Hoàng Hoá	19° 51' 29"	105° 49' 07"					E-48-8-B-c
thôn 6	DC	xã Hoàng Minh	H. Hoàng Hoá	19° 51' 28"	105° 49' 13"					E-48-8-B-c
thôn 7	DC	xã Hoàng Minh	H. Hoàng Hoá	19° 51' 00"	105° 49' 31"					E-48-8-B-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	
thôn 8	DC	xã Hoàng Minh	H. Hoàng Hoá	19° 50' 55"	105° 49' 27"					E-48-8-B-c
thôn 9	DC	xã Hoàng Minh	H. Hoàng Hoá	19° 50' 51"	105° 49' 25"					E-48-8-B-c
thôn 10	DC	xã Hoàng Minh	H. Hoàng Hoá	19° 50' 47"	105° 49' 24"					E-48-8-B-c
quốc lộ 10	KX	xã Hoàng Minh	H. Hoàng Hoá			20° 03' 48"	106° 02' 24"	19° 51' 05"	105° 48' 00"	E-48-8-B-c
Sông Gông	TV	xã Hoàng Minh	H. Hoàng Hoá			19° 50' 40"	105° 48' 11"	19° 51' 50"	105° 52' 06"	E-48-8-B-c
sông Lạch Trường	TV	xã Hoàng Minh	H. Hoàng Hoá			19° 51' 10"	105° 47' 13"	19° 53' 19"	105° 56' 43"	E-48-8-B-c
kênh N16	TV	xã Hoàng Minh	H. Hoàng Hoá			19° 51' 38"	105° 49' 08"	19° 51' 01"	105° 48' 14"	E-48-8-B-c
kênh N18	TV	xã Hoàng Minh	H. Hoàng Hoá			19° 51' 06"	105° 49' 41"	19° 49' 23"	105° 49' 08"	E-48-8-B-c
Kênh Nam	TV	xã Hoàng Minh	H. Hoàng Hoá			19° 55' 57"	105° 45' 50"	19° 50' 33"	105° 55' 44"	E-48-8-B-c
thôn 1	DC	xã Hoàng Ngọc	H. Hoàng Hoá	19° 49' 59"	105° 54' 18"					E-48-8-B-d
thôn 2	DC	xã Hoàng Ngọc	H. Hoàng Hoá	19° 50' 05"	105° 54' 17"					E-48-8-B-d
thôn 3	DC	xã Hoàng Ngọc	H. Hoàng Hoá	19° 50' 18"	105° 54' 20"					E-48-8-B-d
thôn 4	DC	xã Hoàng Ngọc	H. Hoàng Hoá	19° 50' 36"	105° 54' 03"					E-48-8-B-d
thôn 5	DC	xã Hoàng Ngọc	H. Hoàng Hoá	19° 50' 44"	105° 54' 15"					E-48-8-B-d
thôn 6	DC	xã Hoàng Ngọc	H. Hoàng Hoá	19° 50' 44"	105° 54' 27"					E-48-8-B-d
thôn 7	DC	xã Hoàng Ngọc	H. Hoàng Hoá	19° 51' 28"	105° 54' 10"					E-48-8-B-d
thôn 8	DC	xã Hoàng Ngọc	H. Hoàng Hoá	19° 51' 42"	105° 53' 44"					E-48-8-B-d
thôn 9	DC	xã Hoàng Ngọc	H. Hoàng Hoá	19° 50' 42"	105° 53' 26"					E-48-8-B-d
Sông Cung	TV	xã Hoàng Ngọc	H. Hoàng Hoá			19° 52' 51"	105° 53' 44"	19° 47' 41"	105° 54' 54"	E-48-8-B-d
Kênh Nam	TV	xã Hoàng Ngọc	H. Hoàng Hoá			19° 55' 57"	105° 45' 50"	19° 50' 33"	105° 55' 44"	E-48-8-B-d
thôn Bắc Hải	DC	xã Hoàng Phong	H. Hoàng Hoá	19° 48' 26"	105° 53' 06"					E-48-8-B-d
Sông Cung	TV	xã Hoàng Phong	H. Hoàng Hoá			19° 52' 51"	105° 53' 44"	19° 47' 41"	105° 54' 54"	E-48-8-B-d
thôn Đình Long	DC	xã Hoàng Phong	H. Hoàng Hoá	19° 47' 32"	105° 52' 36"					E-48-8-B-d
thôn Đình Sen	DC	xã Hoàng Phong	H. Hoàng Hoá	19° 48' 09"	105° 52' 15"					E-48-8-B-c
thôn Đồng Ngọc	DC	xã Hoàng Phong	H. Hoàng Hoá	19° 47' 33"	105° 52' 41"					E-48-8-B-d
thôn Hải Long	DC	xã Hoàng Phong	H. Hoàng Hoá	19° 47' 51"	105° 52' 57"					E-48-8-B-d
thôn Liên Sơn	DC	xã Hoàng Phong	H. Hoàng Hoá	19° 48' 01"	105° 52' 57"					E-48-8-B-d
Sông Mã	TV	xã Hoàng Phong	H. Hoàng Hoá			20° 32' 02"	104° 29' 13"	19° 47' 08"	105° 55' 37"	E-48-8-B-d
thôn Nam Hạc	DC	xã Hoàng Phong	H. Hoàng Hoá	19° 48' 06"	105° 52' 25"					E-48-8-B-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng								Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối				
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ,phút,gây)	(Độ,phút,gây)	(Độ,phút,gây)	(Độ,phút,gây)	(Độ,phút,gây)	(Độ,phút,gây)	(Độ,phút,gây)	(Độ,phút,gây)	
thôn Phong Mỹ	DC	xã Hoàng Phong	H. Hoàng Hoá	19° 48' 01"	105° 52' 38"							E-48-8-B-d
thôn Trung Triều	DC	xã Hoàng Phong	H. Hoàng Hoá	19° 48' 09"	105° 52' 58"							E-48-8-B-d
quốc lộ 1A	KX	xã Hoàng Phú	H. Hoàng Hoá			20° 08' 01"	105° 51' 32"	19° 18' 42"	105° 43' 16"			E-48-8-B-a
kênh N7	TV	xã Hoàng Phú	H. Hoàng Hoá			19° 53' 01"	105° 47' 09"	19° 53' 19"	105° 48' 54"			E-48-8-B-a
kênh Giang Quý	TV	xã Hoàng Phú	H. Hoàng Hoá			19° 53' 05"	105° 46' 11"	19° 53' 30"	105° 49' 10"			E-48-8-B-a
thôn Phú Thượng 1	DC	xã Hoàng Phú	H. Hoàng Hoá	19° 54' 02"	105° 47' 49"							E-48-8-B-a
thôn Phú Thượng 2	DC	xã Hoàng Phú	H. Hoàng Hoá	19° 54' 02"	105° 47' 53"							E-48-8-B-a
thôn Phú Trung	DC	xã Hoàng Phú	H. Hoàng Hoá	19° 53' 52"	105° 48' 03"							E-48-8-B-a
thôn Trính Thôn	DC	xã Hoàng Phú	H. Hoàng Hoá	19° 53' 41"	105° 47' 44"							E-48-8-B-a
thôn Trung Tây	DC	xã Hoàng Phú	H. Hoàng Hoá	19° 53' 57"	105° 47' 58"							E-48-8-B-a
thôn Bắc Sơn	DC	xã Hoàng Phú	H. Hoàng Hoá	19° 48' 43"	105° 54' 38"							E-48-8-B-d
Sông Cung	TV	xã Hoàng Phú	H. Hoàng Hoá			19° 52' 51"	105° 53' 44"	19° 47' 41"	105° 54' 54"			E-48-8-B-d
Cửa Hời	TV	xã Hoàng Phú	H. Hoàng Hoá	19° 47' 08"	105° 55' 37"							E-48-8-B-d
thôn Hồng Kỳ	DC	xã Hoàng Phú	H. Hoàng Hoá	19° 48' 53"	105° 54' 43"							E-48-8-B-d
thôn Hợp Tân	DC	xã Hoàng Phú	H. Hoàng Hoá	19° 48' 31"	105° 54' 53"							E-48-8-B-d
Sông Mã	TV	xã Hoàng Phú	H. Hoàng Hoá			20° 32' 02"	104° 29' 13"	19° 47' 08"	105° 55' 37"			E-48-8-B-d
thôn Sao Vàng	DC	xã Hoàng Phú	H. Hoàng Hoá	19° 49' 05"	105° 54' 52"							E-48-8-B-d
thôn Tân Xuân	DC	xã Hoàng Phú	H. Hoàng Hoá	19° 47' 42"	105° 55' 38"							E-48-8-B-d
thôn Thảng Mười	DC	xã Hoàng Phú	H. Hoàng Hoá	19° 49' 26"	105° 55' 07"							E-48-8-B-d
thôn Xuân Phú	DC	xã Hoàng Phú	H. Hoàng Hoá	19° 48' 13"	105° 55' 40"							E-48-8-B-d
thôn Bút Cương	DC	xã Hoàng Phú	H. Hoàng Hoá	19° 52' 04"	105° 51' 21"							E-48-8-B-c
Sông Đảng	TV	xã Hoàng Phú	H. Hoàng Hoá			19° 51' 50"	105° 52' 05"	19° 51' 15"	105° 53' 31"			E-48-8-B-(c,d)
Sông Gò	TV	xã Hoàng Phú	H. Hoàng Hoá			19° 50' 40"	105° 48' 11"	19° 51' 50"	105° 52' 06"			E-48-8-B-c
thôn Hoàng Lọc	DC	xã Hoàng Phú	H. Hoàng Hoá	19° 51' 49"	105° 51' 23"							E-48-8-B-c
sông Lạch Trường	TV	xã Hoàng Phú	H. Hoàng Hoá			19° 51' 10"	105° 47' 13"	19° 53' 19"	105° 56' 43"			E-48-8-B-(a,c)
thôn Tế Độ	DC	xã Hoàng Phú	H. Hoàng Hoá	19° 52' 22"	105° 51' 52"							E-48-8-B-c
thôn Thọ Văn	DC	xã Hoàng Phú	H. Hoàng Hoá	19° 52' 08"	105° 51' 34"							E-48-8-B-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng								Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối				
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ			
				(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)			
Sông Mã	TV	xã Hoàng Phượng	H. Hoàng Hoá			20° 32' 02"	104° 29' 13"	19° 47' 08"	105° 55' 37"	E-48-8-B-a		
Kênh Nam	TV	xã Hoàng Phượng	H. Hoàng Hoá			19° 55' 57"	105° 45' 50"	19° 50' 33"	105° 55' 44"	E-48-8-B-a		
hồ Vĩnh Gia	TV	xã Hoàng Phượng	H. Hoàng Hoá	19° 54' 30"	105° 46' 05"					E-48-8-B-a		
thôn Phước Mao	DC	xã Hoàng Phượng	H. Hoàng Hoá	19° 54' 07"	105° 46' 56"					E-48-8-B-a		
thôn Vĩnh Gia 1	DC	xã Hoàng Phượng	H. Hoàng Hoá	19° 54' 23"	105° 46' 11"					E-48-8-B-a		
thôn Vĩnh Gia 2	DC	xã Hoàng Phượng	H. Hoàng Hoá	19° 54' 15"	105° 46' 10"					E-48-8-B-a		
thôn Vĩnh Gia 3	DC	xã Hoàng Phượng	H. Hoàng Hoá	19° 54' 07"	105° 46' 19"					E-48-8-B-a		
thôn Vĩnh Gia 4	DC	xã Hoàng Phượng	H. Hoàng Hoá	19° 53' 52"	105° 46' 12"					E-48-8-B-a		
thôn Vĩnh Gia 5	DC	xã Hoàng Phượng	H. Hoàng Hoá	19° 54' 01"	105° 46' 07"					E-48-8-B-a		
thôn Vĩnh Gia 6	DC	xã Hoàng Phượng	H. Hoàng Hoá	19° 53' 59"	105° 46' 16"					E-48-8-B-a		
quốc lộ 1A	KX	xã Hoàng Quý	H. Hoàng Hoá			20° 08' 01"	105° 51' 32"	19° 18' 42"	105° 43' 16"	E-48-8-B-a		
thôn 1	DC	xã Hoàng Quý	H. Hoàng Hoá	19° 54' 01"	105° 48' 08"					E-48-8-B-a		
thôn 2	DC	xã Hoàng Quý	H. Hoàng Hoá	19° 53' 58"	105° 48' 10"					E-48-8-B-a		
thôn 3	DC	xã Hoàng Quý	H. Hoàng Hoá	19° 53' 55"	105° 48' 08"					E-48-8-B-a		
thôn 4	DC	xã Hoàng Quý	H. Hoàng Hoá	19° 54' 04"	105° 48' 13"					E-48-8-B-a		
thôn 5	DC	xã Hoàng Quý	H. Hoàng Hoá	19° 53' 59"	105° 48' 18"					E-48-8-B-a		
thôn 6	DC	xã Hoàng Quý	H. Hoàng Hoá	19° 54' 04"	105° 48' 19"					E-48-8-B-a		
thôn 7	DC	xã Hoàng Quý	H. Hoàng Hoá	19° 53' 59"	105° 48' 24"					E-48-8-B-a		
thôn 8	DC	xã Hoàng Quý	H. Hoàng Hoá	19° 53' 42"	105° 49' 06"					E-48-8-B-a		
thôn 9	DC	xã Hoàng Quý	H. Hoàng Hoá	19° 53' 52"	105° 48' 04"					E-48-8-B-a		
thôn 10	DC	xã Hoàng Quý	H. Hoàng Hoá	19° 54' 06"	105° 48' 07"					E-48-8-B-a		
cầu Phú Khê	KX	xã Hoàng Quý	H. Hoàng Hoá	19° 53' 46"	105° 48' 29"					E-48-8-B-a		
kênh Giang Quý	TV	xã Hoàng Quý	H. Hoàng Hoá			19° 53' 05"	105° 46' 11"	19° 53' 30"	105° 49' 10"	E-48-8-B-a		
kênh Hợp Khê	TV	xã Hoàng Quý	H. Hoàng Hoá			19° 52' 35"	105° 47' 38"	19° 53' 39"	105° 49' 42"	E-48-8-B-a		
quốc lộ 1A	KX	xã Hoàng Quý	H. Hoàng Hoá			20° 08' 01"	105° 51' 32"	19° 18' 42"	105° 43' 16"	E-48-8-B-(a,c)		
cầu Ba Gian	KX	xã Hoàng Quý	H. Hoàng Hoá	19° 52' 43"	105° 48' 14"					E-48-8-B-a		
kênh N7	TV	xã Hoàng Quý	H. Hoàng Hoá			19° 53' 01"	105° 47' 09"	19° 53' 19"	105° 48' 54"	E-48-8-B-a		

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng								Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối				
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ			
				(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)			
kênh N13	TV	xã Hoàng Quỳ	H. Hoàng Hoá			19° 53' 02"	105° 51' 25"	19° 52' 09"	105° 48' 25"	E-48-8-B-(a,c)		
thôn Đông Khê	DC	xã Hoàng Quỳ	H. Hoàng Hoá	19° 53' 09"	105° 48' 34"					E-48-8-B-a		
thôn Đông Nam	DC	xã Hoàng Quỳ	H. Hoàng Hoá	19° 52' 52"	105° 48' 03"					E-48-8-B-a		
kênh Hợp Khê	TV	xã Hoàng Quỳ	H. Hoàng Hoá			19° 52' 35"	105° 47' 38"	19° 53' 39"	105° 49' 42"	E-48-8-B-a		
thôn Ích Hạ	DC	xã Hoàng Quỳ	H. Hoàng Hoá	19° 52' 03"	105° 47' 50"					E-48-8-B-c		
Kênh Nam	TV	xã Hoàng Quỳ	H. Hoàng Hoá			19° 55' 57"	105° 45' 50"	19° 50' 33"	105° 55' 44"	E-48-8-B-(a,c)		
thôn Phúc Tiến	DC	xã Hoàng Quỳ	H. Hoàng Hoá	19° 52' 07"	105° 48' 16"					E-48-8-B-c		
thôn Tây Phúc	DC	xã Hoàng Quỳ	H. Hoàng Hoá	19° 52' 59"	105° 47' 56"					E-48-8-B-a		
thôn Trọng Hậu	DC	xã Hoàng Quỳ	H. Hoàng Hoá	19° 52' 01"	105° 48' 20"					E-48-8-B-c		
thôn Trung Tiến	DC	xã Hoàng Quỳ	H. Hoàng Hoá	19° 52' 52"	105° 47' 54"					E-48-8-B-a		
sông Trà Giang	TV	xã Hoàng Sơn	H. Hoàng Hoá			19° 57' 47"	105° 54' 12"	19° 53' 38"	105° 51' 47"	E-48-8-B-a		
thôn Bản Định	DC	xã Hoàng Sơn	H. Hoàng Hoá	19° 54' 13"	105° 51' 07"					E-48-8-B-a		
thôn Cẩm Lũ	DC	xã Hoàng Sơn	H. Hoàng Hoá	19° 53' 53"	105° 50' 07"					E-48-8-B-a		
thôn Cổ Bản	DC	xã Hoàng Sơn	H. Hoàng Hoá	19° 53' 48"	105° 50' 19"					E-48-8-B-a		
thôn Long Thành	DC	xã Hoàng Sơn	H. Hoàng Hoá	19° 54' 01"	105° 50' 56"					E-48-8-B-a		
thôn Xuân Sơn	DC	xã Hoàng Sơn	H. Hoàng Hoá	19° 54' 27"	105° 50' 20"					E-48-8-B-a		
Sông Mã	TV	xã Hoàng Tân	H. Hoàng Hoá			20° 32' 02"	104° 29' 13"	19° 47' 08"	105° 55' 37"	E-48-8-B-c		
thôn Bọt Trung	DC	xã Hoàng Tân	H. Hoàng Hoá	19° 47' 14"	105° 51' 48"					E-48-8-B-c		
thôn Cẩm Trung 1	DC	xã Hoàng Tân	H. Hoàng Hoá	19° 47' 01"	105° 51' 39"					E-48-8-B-c		
thôn Cẩm Trung 2	DC	xã Hoàng Tân	H. Hoàng Hoá	19° 47' 08"	105° 51' 47"					E-48-8-B-c		
thôn Cẩm Vinh 1	DC	xã Hoàng Tân	H. Hoàng Hoá	19° 47' 04"	105° 51' 24"					E-48-8-B-c		
thôn Cẩm Vinh 2	DC	xã Hoàng Tân	H. Hoàng Hoá	19° 46' 57"	105° 51' 22"					E-48-8-B-c		
thôn Đồng Long 1	DC	xã Hoàng Tân	H. Hoàng Hoá	19° 47' 08"	105° 51' 03"					E-48-8-B-c		
thôn Đồng Long 2	DC	xã Hoàng Tân	H. Hoàng Hoá	19° 46' 53"	105° 51' 01"					E-48-8-B-c		
thôn Trung Hoà	DC	xã Hoàng Tân	H. Hoàng Hoá	19° 46' 37"	105° 51' 58"					E-48-8-B-c		
thôn 1	DC	xã Hoàng Thái	H. Hoàng Hoá	19° 50' 03"	105° 51' 06"					E-48-8-B-c		
thôn 2	DC	xã Hoàng Thái	H. Hoàng Hoá	19° 49' 54"	105° 51' 09"					E-48-8-B-c		
thôn 3	DC	xã Hoàng Thái	H. Hoàng Hoá	19° 49' 59"	105° 50' 58"					E-48-8-B-c		

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	(Độ,phút,giây)	
thôn 4	DC	xã Hoàng Thái	H. Hoàng Hoá	19° 49' 50"	105° 50' 57"					E-48-8-B-c
thôn 5	DC	xã Hoàng Thái	H. Hoàng Hoá	19° 49' 44"	105° 50' 55"					E-48-8-B-c
thôn 6	DC	xã Hoàng Thái	H. Hoàng Hoá	19° 49' 35"	105° 50' 56"					E-48-8-B-c
thôn 7	DC	xã Hoàng Thái	H. Hoàng Hoá	19° 49' 34"	105° 51' 03"					E-48-8-B-c
thôn 8	DC	xã Hoàng Thái	H. Hoàng Hoá	19° 49' 33"	105° 51' 10"					E-48-8-B-c
thôn 9	DC	xã Hoàng Thái	H. Hoàng Hoá	19° 49' 36"	105° 51' 16"					E-48-8-B-c
thôn 10	DC	xã Hoàng Thái	H. Hoàng Hoá	19° 49' 45"	105° 51' 14"					E-48-8-B-c
Sông Cung	TV	xã Hoàng Thái	H. Hoàng Hoá			19° 52' 51"	105° 53' 44"	19° 47' 41"	105° 54' 54"	E-48-8-B-d
thôn Gia Hoà 5	DC	xã Hoàng Thái	H. Hoàng Hoá	19° 49' 59"	105° 52' 07"					E-48-8-B-c
thôn Hải Phúc 6	DC	xã Hoàng Thái	H. Hoàng Hoá	19° 49' 50"	105° 52' 22"					E-48-8-B-c
thôn Hải Phúc 7	DC	xã Hoàng Thái	H. Hoàng Hoá	19° 49' 46"	105° 52' 36"					E-48-8-B-d
thôn Hải Phúc 8	DC	xã Hoàng Thái	H. Hoàng Hoá	19° 49' 39"	105° 52' 25"					E-48-8-B-c
thôn Hoàng Trì 10	DC	xã Hoàng Thái	H. Hoàng Hoá	19° 49' 30"	105° 52' 21"					E-48-8-B-c
thôn Hoàng Trì 11	DC	xã Hoàng Thái	H. Hoàng Hoá	19° 49' 24"	105° 52' 32"					E-48-8-B-d
thôn Hoàng Trì 12	DC	xã Hoàng Thái	H. Hoàng Hoá	19° 49' 17"	105° 52' 29"					E-48-8-B-d
thôn Hoàng Trì 13	DC	xã Hoàng Thái	H. Hoàng Hoá	19° 49' 21"	105° 52' 16"					E-48-8-B-c
thôn Hoàng Trì 9	DC	xã Hoàng Thái	H. Hoàng Hoá	19° 49' 31"	105° 52' 34"					E-48-8-B-d
thôn Hồng Nhựt 1	DC	xã Hoàng Thái	H. Hoàng Hoá	19° 50' 44"	105° 52' 06"					E-48-8-B-c
thôn Hồng Nhựt 2	DC	xã Hoàng Thái	H. Hoàng Hoá	19° 50' 33"	105° 52' 02"					E-48-8-B-c
thôn Hồng Nhựt 3	DC	xã Hoàng Thái	H. Hoàng Hoá	19° 50' 16"	105° 51' 57"					E-48-8-B-c
thôn Hồng Nhựt 4	DC	xã Hoàng Thái	H. Hoàng Hoá	19° 50' 10"	105° 51' 59"					E-48-8-B-c
thôn Đại Long	DC	xã Hoàng Thanh	H. Hoàng Hoá	19° 50' 27"	105° 55' 23"					E-48-8-B-d
thôn Đông Tây Hải	DC	xã Hoàng Thanh	H. Hoàng Hoá	19° 49' 44"	105° 55' 26"					E-48-8-B-d
thôn Đông Xuân Vi	DC	xã Hoàng Thanh	H. Hoàng Hoá	19° 49' 29"	105° 55' 41"					E-48-8-B-d
thôn Liên Hà	DC	xã Hoàng Thanh	H. Hoàng Hoá	19° 50' 07"	105° 55' 20"					E-48-8-B-d
Kênh Nam	TV	xã Hoàng Thanh	H. Hoàng Hoá			19° 55' 57"	105° 45' 50"	19° 50' 33"	105° 55' 44"	E-48-8-B-d
thôn Quang Trung	DC	xã Hoàng Thanh	H. Hoàng Hoá	19° 50' 21"	105° 55' 47"					E-48-8-B-d
thôn Tây Xuân Vi	DC	xã Hoàng Thanh	H. Hoàng Hoá	19° 49' 33"	105° 55' 31"					E-48-8-B-d
thôn Trung Hải	DC	xã Hoàng Thanh	H. Hoàng Hoá	19° 50' 01"	105° 55' 39"					E-48-8-B-d